

*Cội Tùng Ngả Bóng*



NHIỀU TÁC GIẢ

HOA ĐÀM kết tập

CỘI TÙNG  
NGẢ BÓNG

Tưởng Niệm Cố Đại Lão Hòa Thượng

THÍCH HUYỀN QUANG

*Đệ Tứ Tăng Thống*

*Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất*

LOTUS MEDIA

CỘI TÙNG NGÁ BÓNG

*Nhiều Tác Giả*

Hoa Đàm kết tập:

*Tâm Thường Định và Uyên Nguyên*

*và nhiều anh chị em Huynh trưởng trong và ngoài nước.*

*Nguồn: Tài Liệu Lễ Tang Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang*

*Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN do Hải Triều Âm biên tập;*

*Website: Hội Đồng Hoàng Pháp [www.hoangphap.org];*

*Tu viện Quảng Đức [www.quangduc.com]; Phật Giáo Đại Chúng  
[www.phatgiaodaichung.net]; Thư viện Phật Việt [www.thuvienphatviet.com];*

*Vinaya Pitaka, Tinh Hoa Phật Học Viện [/Tư Tướng Vạn Hạnh/];*

*Facebook: Vạn Tường; Dathuc Tri Nguyen; Quảng Thanh và Hiệp Hạt Bụi Nguyễn*

Lotus Media ấn hành, 2021

ISBN: 978-1-0879-7570-2

*Chân thành tri ân chư Thầy gần, xa;*

*và đạo hữu Tâm Quang Vĩnh Hào, Tâm Huy Huỳnh Kim Quang*

*và Thị Nghĩa Trần Trung Đạo đã hết lòng,*

*cung cấp nhiều tư liệu quý giá để kết tập nên Hoa Đàm*

*số chủ đề Tưởng niệm Đức Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang,*

*Đệ Tứ Tăng Thống, GHPGVNTN này.*

---

*Phần hình ảnh trong file này được lược bớt khi đưa lên mạng.*

# Mục Lục

LỜI THUA   <i>Nhóm Hoa Đàm</i> .....	11
TIỂU SỬ và CÔNG HẠNH CỦA ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH HUYỀN QUANG, Đệ Tứ Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất   <i>Môn đồ hiếu quyến phụng soạn</i> ....	13
Câu liên điệu Đại lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang <i>Thích Trí Quang</i> .....	34
Thi Kệ về Tu viện Nguyên Thiều cúng dường giác linh Đại lão HT Tăng Thống Thích Huyền Quang   <i>Thích Nhất Hạnh</i> ....	36
Cung Bạch Giác Linh Cố Tăng Thống   <i>Thích Quảng Độ</i> .....	37
Về Những Bậc Thầy của PGVN Hiện Đại   <i>Thích Phước An</i> .....	32
Đánh Lễ Thầy Lần Cuối   <i>Thích Đức Thắng</i> .....	39
Ai Điều Cố Đại Lão HT Huyền Quang   <i>Thích Thiện Hữu</i> .....	43
Văn Truy Niệm Giác Linh Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Tăng Thống GHPGVNTN của GHPGVNTN Hải Ngoại Tại UDL-TTL   <i>Thích Như Huệ</i> .....	51
Điếu Văn Tưởng Niệm Đức Đệ Tứ Tăng Thống   <i>Thích Bảo Lạc</i> .....	53
Hình Ảnh Bậc Tôn Sư Còn Hiện Hiện   <i>Nguyễn Siêu</i> .....	56
Giáo Dục Là Một Trong Những Vấn Đề Quan Tâm của HT Thích Huyền Quang   <i>Thích Hạnh Bình</i> .....	69
Nhớ Tôn Sư, Ht Thích Huyền Quang   <i>Hạnh Cơ</i> .....	77
Diễn Văn Khai Mạc Lễ Tưởng Niệm Đại Lão Hòa Thượng	

thượng Huyền hạ Quang Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN <i>Thích Thắng Hoan</i> .....	98
Lời Cảm Niệm Thượng Huyền Hạ Quang, Đức Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN   <i>Thích Chơn Thành</i> .....	102
Cao Hơn Thế Hệ   <i>Lâm Như Tạng</i> .....	105
Ai Văn Của Môn Đồ Pháp Quyển   <i>Thích Minh Dung</i> .....	106
Phát Trần Một Phấy   <i>Tâm Quang Vinh Hào</i> .....	110
Điếu Văn Thành Kính Tưởng Niệm Và Bái Biệt Giác Linh Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang   <i>Trần Kiên Đoàn</i> .....	113
Cội Tùng Ngả Bóng   <i>Tâm Huy Huỳnh Kim Quang</i> .....	117
Ngưỡng Vọng Cuộc Đời Và Hành Trạng của Đức Đệ Tứ Tăng Thống thượng Huyền hạ Quang   <i>Thích Nhật Tân</i> .....	131
Tòng Lâm Thạch Trụ   <i>Đồng Thiện</i> .....	137
Điếu Văn Của Ni Giới Bắc Tông Tại Hoa Kỳ <i>Thích Nữ Tịnh Quang</i> .....	139
Phục Bái Thượng Văn-Điếu Văn Của BHDGĐPTVN Kính Dâng Đức Tăng Thống GHPGVNTN.....	143
Mây Mờ Đình Thúu   <i>Thơ Thông Trí, Nhạc Như Vinh</i> và <i>Ký Âm Đặng Thi Ca</i> .....	147
Thơ Điếu   <i>Quảng Từ Vân</i> .....	148
Những Năm Tháng Khó Khăn và Can Đảm <i>Thị Nghĩa Trần Trung Đạo</i> .....	149
Thư Của Bồ Tát Tại Gia <i>Phạm Gia Bình</i> Kính Gởi Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Kiêm Xử Lý Hội Đồng Lương Viện GHPGVNTN .....	160
Người Đi Dấu Vết Chua Nhà   <i>Lê Thị Thanh Uyên</i> .....	163

Nét Buồn Lung Linh | *Diệu Trang* ..... 169

## PHỤ LỤC

Thông điệp Hướng Về Thế Kỷ XXI | *Thích Huyền Quang* ..... 180

The Message On The Advent Of The Twenty-First Century | *Most Ven. Thích Huyen Quang, Translated by Ven. Thích Nguyen Chung.* ..... 291

Huấn Từ Của Đức Tăng Thống Nhân Mùa An Cư, Pl. 2548  
*Thích Huyền Quang* ..... 216

Xây Dựng Giáo Hội | *Thích Huyền Quang Và Thích Nhất Hạnh*.....224

Xây Dựng Quốc Gia | *Thích Huyền Quang Và Thích Nhất Hạnh* .... 237

Giáo Từ đại hội Huynh trưởng GDPT Việt Nam  
kỳ VII năm 1970 | *Thích Huyền Quang* ..... 333

Yêu Sách Chín Điểm | *Thích Huyền Quang* ..... 247

Tuyên Cáo của Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo,  
GHPGVNTN | *Thích Huyền Quang* ..... 322

Tang Lễ Hòa Thượng Thích Đôn Hậu (*Vài Mảnh Kim Cương*)  
*Mai Tường* ..... 264

Thư Viết Từ Trại Giam Xuân Phước | *Thích Tuệ Sỹ* ..... 275

Tường Trình Về Chuyến Đi Chữa Bệnh  
của Đại Lão Hòa Thượng Huyền Quang | *Tuệ Sỹ* ..... 278

Sự Biến Lương Sơn | *Tuệ Sỹ* ..... 287

Người Xuất Gia Đứng Trước Vương Quyền | *Thích Như Điển*..... 334

Lịch Sử Hành Hoạt của GHPGVNTN | *Thích Nguyên Siêu* ..... 353

GHPGVNTN: 40 Năm Hành Hoạt | *Huỳnh Kim Quang* ..... 372

\* *Tuyển tập có nhiều hình ảnh sưu lục từ nhiều nguồn,  
như đã liệt kê ở trang 4, của tập san.*







ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH HUYỀN QUANG  
*Đệ Tứ Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất*



## LỜI THƯA

**G**ói ghém trong tuyển tập sưu lục này, nửa phần là văn, nửa phần là ảnh, đúc nên một pho lịch sử bi tráng. Nhưng những trang sách đã không làm nên lịch sử, mà chính một đời Người, một Nhân Cách, hay Hành Trạng của một bậc Đại Tăng đã làm nên những trang sử Phật Việt mà thời thế đảo điên từng mấy bận lâm nguy, mà chẳng mất!

Ngày Ky Hòa Thượng năm nay, chúng con thành tâm đánh lễ dâng chút lòng tưởng nguyện, Hoa Đàm số 13, đặc biệt kết tập những tư liệu liên quan đến sự nghiệp hoằng hóa cứu độ của Thầy lúc sanh tiền, dù vẫn biết chùng ậy đủ thắm vào đâu đối với sự nghiệp cao cả. Song, hậu học vẫn cần mượn những lời ghi chép nơi đây như một phương tiện để lần theo bước chân Người đi trước, hiển linh trong từng câu Kinh sử thâm trầm nhưng đầy Bi lục, Tri lục và Hùng lục, mong vãng vàng, diu nhau tiếp bước.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát.

Thành kính tưởng niệm Đức Đệ Tứ Tăng Thống, GHPGVNTN, thượng Huyền, hạ Quang.

Tuyển tập khởi đầu bằng Hành trạng của một bậc Chân Tăng, và đóng lại ở một tập thể Đại Tăng. Thúy chung với tâm nguyện như đã từng bộc bạch, Hoa Đàm là tập san sưu lục các tư liệu liên quan cội nguồn Phật-Việt, trong đó có hình ảnh của các bậc Tăng Nhân, Cư sĩ tiền bối hữu công, việc làm này cốt chỉ mong góp thêm một bàn tay trong việc tô bồi kiến thức cho anh chị em Gia Đình Phật Tử bốn phương, mà những Anh Chị trưởng niên ở buổi khởi lập, tiếp sức cứu man, âm thầm hay công khai đa phần đã theo về chốn Tổ, như mới vừa đây, là niên trưởng Nguyễn Mẫn Lê Viết Lâm.

**Nhân đó, chúng em cũng nghiêng mình tưởng niệm Anh, Huỳnh Trường Cấp Dũng GDPT Việt Nam, với lòng tri ân và thương kính xiết bao!**

\*

Cuối cùng, mọi Phật sự nói chung và tập san này nói riêng tất nhiên sẽ không thể hoàn chỉnh, nếu không có sự hướng dẫn, nhắc nhở, bổ khuyết của Chư Tôn Túc Tăng Già và các bậc Thiện Tri Thức xa gần, hằng quan tâm đến tiền đồ Phật Giáo Việt Nam nói chung, và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất nói riêng, đặc biệt với tổ chức giáo dục thanh thiếu niên GDPTVN. Sự lưu tâm đó nhờ vào những nhận thức đúng đắn, đã trải nghiệm theo dòng sử Phật-Việt, nên phải có lý do sâu xa và ý nghĩa tất yếu!

Hoa Đàm rất mong được đón nhận mọi sự chỉ bày bằng lượng tâm bao dung của tất cả nhân duyên và thiện duyên xa gần.

Nam Mô Thường Hoan Hỷ Bồ Tát Ma Ha Tát!

**Nhóm Hoa Đàm**

# TIỂU SỬ VÀ CÔNG HẠNH CỦA ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH HUYỀN QUANG,

ĐỆ TỬ TẶNG THỐNG  
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
THỐNG NHẤT

MÔN ĐỒ HIẾU QUYẾN  
*phụng soạn*

**Đ**ại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang thế danh là Lê Đình Nhân, sinh năm Canh Thân, ngày 19-9-1920 (tức ngày mồng 8 tháng 8 năm Canh Thân), quê thôn Háo Đức, xã Nhơn An, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Thân phụ là cụ ông Lê Vỵ pháp danh Như Hương, thân mẫu là cụ bà Ngô Thị Tư pháp danh Như Tâm cùng ở làng Háo Đức.

Ngài vốn xuất thân từ một gia đình có truyền thống Nho học. Ông nội và thân phụ của Ngài cũng là người Nho gia nổi tiếng trong vùng. Nhờ vậy, từ lúc còn bé Ngài đã theo Ông nội và thân phụ học chữ Nho, tuổi còn nhỏ nhưng học đâu nhớ đó và Ngài được nổi tiếng là thông minh có trí nhớ siêu việt.

Năm 1934: Vì thấy tư chất thông minh của Ngài, cụ thân sinh cho Ngài đến Chùa Vĩnh Khánh học thuốc Đông y với Cố Hòa Thượng thượng Chơn hạ Đạo, hiệu Chí Tâm, là một vị Đông y nổi tiếng. Hòa Thượng thấy Ngài có khả năng chữ Nho giỏi lại viết chữ đẹp, thông tuệ khác thường nên không dạy thuốc lại dạy Kinh Luật, rồi cho Ngài xuất gia quy y Tam Bảo.

Năm 1935: Ngài đầu giáo với Cố Hòa Thượng thượng Chơn hạ Đạo cho pháp danh Như An, pháp tự Giải Hòa, Ngài thọ Sa Di Giới tại đại giới đàn năm 1935 và đậu thủ khoa trong tập chúng, cũng trong năm này Bốn Sư của Ngài là Hòa Thượng thượng Chơn hạ Đạo viên tịch ngày 30-9-1935.

Năm 1937: Ngài đầu giáo với Hòa Thượng thượng Chơn hạ Giám, hiệu Trí Hải trụ trì Chùa Bích Liên làm Bốn Sư và được phú pháp hiệu Huyền Quang, pháp danh Ngọc Tân, pháp tự Tịnh Bạch. Ngài được thọ Giới Cụ Túc tại giới đàn Chùa Hưng Khánh thuộc huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, do Hòa Thượng thượng Chơn hạ Hương, hiệu Chí Bảo làm đường đầu. Lúc này Ngài chưa đủ tuổi để thọ giới nhưng vì với tư chất thông minh đặc biệt nên ban kiến đàn đã cho đặc cách miễn tuổi để Ngài thọ Cụ Túc Giới và Bồ Tát Giới. Kỳ khảo hạch giới từ lần này Ngài cũng đứng đầu trong chúng (đậu thủ khoa). Bắt đầu từ đó Ngài lấy pháp hiệu Thích Huyền Quang làm danh xưng phổ thông.

Năm 1938-1945: Ngài theo học tại Phật học đường Lương Xuyên, tỉnh Trà Vinh. Sau khi học xong Ngài ra Huế học với Hòa Thượng Trí Độ. Lúc bấy giờ là Phật Học Đường Chùa Báo

Quốc, đồng học với Ngài có quý Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, Thích Thiện Hòa, Thích Thiện Siêu, Thích Trí Quang, Thích Thiện Minh, v.v... Vào mùa hè năm 1945 Ngài về quê nghỉ hè, định sau rằm tháng 7 ra học lại, nhưng bị kẹt chiến tranh, lúc đó Nhật đổ bộ đe dọa tại Sa Huỳnh, nên không đi được. Vậy là chuyển ra Huế học của Ngài bị hoãn lại.

Tháng 8-1945: Ngài tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp và thành lập Phật giáo Cứu Quốc Liên khu 5, giữ chức vụ Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký. Lúc bấy giờ Phật Giáo Cứu Quốc Liên Khu 5 tổ chức hàng ngũ quy mô và quản lý chặt chẽ, vì nguyên nhân đó mà chính quyền Việt Minh lâm thời nghi kỵ và theo dõi Ngài. Năm 1951 vì chống đối chính sách can thiệp vào nội bộ Phật Giáo của Việt Minh cho nên, ngài đã bị bắt và an trí ở Phù Mỹ, rồi Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, cho đến trước Hiệp Định Geneve (ngày 20 tháng 7 năm 1954) một tháng ngài mới được thả tự do.

Năm 1955: Ngài hướng dẫn đoàn Tăng sinh Bình Định vào Phật học đường Chùa Long Sơn, Nha Trang, gồm 12 vị đó là quý Hòa Thượng: Thích Đồng Thiện, Thích Đồng Minh, Thích Đồng Quán, Thích Đồng Từ, Thích Tâm Hiện, Thích Liễu Không, Thích Nguyên Trạch, Thích Đồng Tánh, Thích Từ Hạnh, Thích Thiện Nhơn, Thích Thiện Duyên và Thích Tâm Lâm. Cũng từ năm 1955 đến 1957, Ngài được thỉnh cử làm Giám Đốc Phật Học Đường này thay thế vị tiền nhiệm là Ngài Thích Định Tuệ. Do sự phát triển, từ năm 1957, Phật Học Đường Long Sơn Nha Trang và Phật Học Đường Báo Quốc

Huế hợp nhất thành Phật Học Viện Trung Phần Hải Đức Nha Trang, nơi đào tạo Tăng tài cho cả nước.

Năm 1958, cùng với chư Tăng Bình Định, Ngài khai sơn Tu Viện Nguyên Thiều và thành lập Phật học viện Nguyên Thiều. Từ đó, Ngài giữ vai trò Giám Viện cho đến cuối đời.

Năm 1962: Ngài làm phó Hội Trưởng Hội Phật Học Trung Phần kiêm Hội Trưởng Hội Phật giáo Thừa Thiên, Huế.

Năm 1963: Ngài tham gia cuộc vận động cho quyền bình đẳng tôn giáo dưới chế độ của tổng thống Ngô Đình Diệm và đòi hỏi yêu sách xóa bỏ Dự số 10 (Dự số 10 quy Phật giáo là một hiệp hội như thế tục). Lúc bấy giờ Ủy ban Liên Phái Bảo Vệ Phật giáo ra đời, lãnh đạo tối cao của cuộc vận động này là Đức Đệ Nhất Tăng Thống Thích Tịnh Khiết, Hòa Thượng Thích Tâm Châu làm Chủ tịch, Cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh làm phó chủ tịch và Ngài làm Tổng Thư Ký kiêm trưởng khối soạn tài liệu đấu tranh phổ biến ra toàn quốc.

Chính quyền của tổng thống Ngô Đình Diệm vì muốn dập tắt cuộc vận động nên đã tấn công vào các chùa chiền và bắt hầu hết Tăng, Ni trong đêm ngày 20-08-1963. Ngài cũng bị bắt trong biến cố này, mãi đến ngày 01-11-1963 Ngài mới được thả tự do.

Ngày 31-12-1963 đến ngày 04-01-1964 Đại Hội Phật giáo toàn quốc tổ chức tại thành phố Sài Gòn, qua đại hội này GHPGVNTN ra đời. Ngài được cung thỉnh vào chức vụ Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo kiêm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ.



Năm 1964: Ngài đến thủ đô Thái Lan để thăm viếng và tiếp xúc một số Chùa Việt Nam nhân chuyến hành hương các thánh tích, thắng cảnh của Phật giáo Thái Lan.

Năm 1970: Ngài đại diện Viện Hóa Đạo tham dự Đại Hội Các Tôn Giáo Thế Giới vì hòa bình lần thứ nhất tại Nhật Bản.

Năm 1971: Ngài hành hương Ấn Độ, chiêm bái các Phật tích.

Năm 1972: Ngài tham dự Đại hội Hội Đồng Tôn Giáo Thế Giới tại Geneve, Thụy Sĩ.

Năm 1973: Ngài đi Thái Lan gặp đại diện GHPGVNTN hải ngoại để bàn các việc tái thiết Việt Nam sau khi hòa bình.

Đại hội kỳ 6 của GHPGVNTN, tổ chức vào ngày 27-12-1974, Ngài được cung thỉnh vào chức vụ Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo.

Năm 1975-1978: Với tư cách Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Ngài cho tiến hành điều tra và phúc trình các vụ bắt bớ, chiếm dụng chùa chiền và cơ sở Giáo Hội một cách trái phép, phá hủy các tượng Phật, các di tích Phật Giáo của chính quyền Cộng Sản Việt Nam.

Ngày 06-04-1977: Ngài bị bắt cùng lúc với Cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh, Thích Quảng Độ, Thích Thuyền Ấn, v.v... và bị biệt giam tại nhà số 4 Phan Đăng Lưu quận Bình Thạnh, Sài Gòn. Sau 18 tháng tù, Ngài bị đưa ra tòa xét xử, kêu án 2 năm và quản chế tại chỗ.

Dù bị quản thúc, Ngài vẫn cùng với các vị Hòa Thượng lãnh

đạo trong Viện Hóa Đạo cương quyết phản đối việc chính quyền Cộng Sản Việt Nam cho thành lập GHPGVN. Vì vậy Ngài bị chính quyền Cộng Sản bắt ngày 25-02-1982 rồi trục xuất khỏi thành phố Sài Gòn để đưa về an trí tại Chùa Hội Phước, tỉnh Nghĩa Bình, còn Hòa Thượng Thích Quảng Độ thì bị đưa đi an trí tại tỉnh Thái Bình. Tại Nghĩa Bình, Ngài đã bị án lệnh: Cấm hành nghề tôn giáo, cấm phiên dịch kinh và các nghề nghiệp khác.

Năm 1983-1995: Ngài chỉ thành đọc toàn bộ Đại Tạng Kinh, tính trước sau trong vòng 16 năm, vì trước đó, lúc còn ở Sài Gòn, Ngài đã bắt đầu đọc và nghiên cứu Đại Tạng Kinh.

Ngày 23 tháng 4 năm 1992: Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu viên tịch. Ngài xin chính quyền Quảng Ngãi ra Huế dự lễ tang, nhưng chính quyền Quảng Ngãi không cho Ngài đi. Ngài tuyên bố! *“Nếu nhà cầm quyền Quảng Ngãi không cho tôi đi dự tang lễ, tôi sẽ tuyệt thực vô thời hạn và sẵn sàng cúng dường thân này lên Chư Phật và tạ lỗi lên Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, vì tôi đã không làm tròn nhiệm vụ mà Hòa Thượng giao phó”*. Chính quyền nghe Ngài tuyên bố như vậy nên đành để Ngài đi. Tại tang lễ này, Hòa Thượng Thích Nhật Liên là trưởng tử của Cố Hòa Thượng Đệ Tam Tăng Thống đã trao lại cho Ngài ấn tín của Giáo Hội và lời di chúc của Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu. Đứng trước Kim quan Đức Đệ Tam Tăng Thống, Ngài dâng lời tác bạch, thể hiện nội dung đầy đạo tình đối với bậc lãnh đạo tối cao của Giáo Hội và trình bày khẩn thiết tâm nguyện phục hồi GHPGVNTN. Lời tác bạch có đoạn Ngài viết

như sau: “*Dẫu có muôn ngàn khó khăn đi nữa, con vẫn không bao giờ chùn bước, quyết đòi hỏi nhà nước phải để GHPGVNTN phục hồi và được sinh hoạt bình thường như trước năm 1975*”. Qua sự kiện này đã gây được sự phấn khích đối với Chu Tôn Đức Tăng Ni, đồng bào Phật tử trong và ngoài nước, khởi đầu cho cuộc vận động đòi hỏi quyền sinh hoạt tự do tôn giáo, trong đó có sự phục hoạt GHPGVNTN.

Cũng theo di huấn của Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu và Hiến Chương của Giáo Hội, Ngài đã tiếp tục Phật sự trong cương vị là Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo kiêm Xử Lý viện Tăng Thống.

Trở về Quảng Ngãi sau khi nhận di chúc và ấn tín ủy thác Giáo Hội của Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu. Ngày 25 tháng 6 năm 1992, Ngài viết yêu sách 9 điểm gửi các cơ quan cao nhất của chính quyền Cộng Sản Việt Nam nhằm mục đích nói lên thảm trạng của GHPGVNTN đang bị nhà nước Cộng Sản đàn áp, khủng bố các hàng giáo phẩm của Giáo Hội và các Phật tử trong nước. Lên án đảng, nhà nước lập ra GHPGVN làm công cụ chính trị chia rẽ nền Phật giáo dân tộc.

Sau đó liên tục nhiều năm, Ngài viết tuyên cáo gọi cho nhà cầm quyền Việt Nam phô bày những sai lầm nghiêm trọng mà đảng Cộng Sản Việt Nam đã gây ra cho Phật giáo và dân tộc Việt Nam; viết tâm thư kêu gọi Tăng, Ni, Phật tử nỗ lực hy sinh gian khổ để bảo vệ chánh pháp, phục hoạt Giáo Hội; viết Bản tự Thuật để nói lên hành trạng sinh hoạt của Ngài đã bị nhà nước Cộng Sản đối xử bất công tệ hại trong kháng chiến chống

Pháp và sau 1975. Tất cả các văn bản này Ngài đều gửi trung ương chính quyền Cộng Sản Việt Nam. Nhưng không được nhà nước hồi đáp.

Do các văn kiện đó mà nhà nước Cộng Sản Việt Nam càng ngày càng nỗ lực khống chế, khủng bố tinh vi đối với bản thân Ngài và Chư Tôn giáo phẩm Tăng Ni của Giáo Hội.

Ngày 05-11-1994: Ngài bị chính quyền Quảng Ngãi dời chỗ ở từ Chùa Hội Phước thị xã Quảng Ngãi lên Chùa Quang Phước huyện Nghĩa Hành là một miền núi xa xôi để họ dễ quản lý hơn. Lúc này Ngài bị sự quản thúc khắc khe và khó khăn về mọi mặt. Trong thời gian ở Chùa Quang Phước Ngài đã soạn hoàn tất bộ Pháp Sự Khoa Nghi và dịch một số kinh khác nữa.

Tháng 3-2003, vì bị khối u gần mắt Ngài được nhà nước cho phép ra Hà Nội để chữa bệnh. Nhân thời gian này Ngài có dịp tiếp kiến thủ tướng Phan Văn Khải vào ngày 02-04-2003. Trong cuộc gặp trực tiếp giữa Ngài và thủ tướng, Ngài yêu cầu chính phủ giải quyết về sự đình chỉ sinh hoạt của GHPGVNTN gần 30 năm qua, sự quản chế của Ngài và Hòa Thượng Thích Quảng Độ cùng một số Tăng Ni Phật tử khác. Nhưng thủ tướng không đáp ứng được những yêu cầu của Ngài.

Ngày 02-05-2003: Ngài thực hiện chuyến viếng thăm Sài Gòn, trong thời gian này với mục đích thăm định quan điểm quần chúng và Tăng Ni Phật tử đối với GHPGVNTN như thế nào. Qua chuyến thăm viếng này Ngài nhận định rằng: *“Tinh thần Tăng Ni Phật tử vẫn còn niềm tin ở GHPGVNTN mặc dù*

*gần 30 năm Giáo Hội không sinh hoạt*". Rồi Ngài trở về Tu Viện Nguyên Thiều đúng ngày Phật Đản 14-04 Quý Mùi (2003).

Tại Tu Viện Nguyên Thiều thời gian cuối đời, tuy tuổi già sức yếu nhưng lúc nào Ngài cũng thao thức cho tiền đồ Phật giáo, nên Ngài đã vận động Chư Sơn thành lập ban trích lục Đại Tạng Kinh để làm công tác phiên dịch và dự định xây một trường Đại học Phật giáo tại Tu Viện Nguyên Thiều. Nhưng vì hoàn cảnh Giáo Hội chưa phục hoạt và bản thân Ngài chưa được tự do, nên trong thời điểm này bản nguyện của Ngài không thực hiện được.

Ngày 18-10-2003 phái đoàn của Viện Hóa Đạo do Hòa thượng Thích Quảng Độ dẫn đầu ra thăm Ngài tại Tu Viện Nguyên Thiều. Trong khi đó chư vị Hòa Thượng, Thượng Tọa ở Huế và các tỉnh khác cũng đồng đến Tu Viện Nguyên Thiều với mục đích thăm Ngài và thưa thỉnh việc củng cố nhân sự Hội Đồng Lương Viện trong mục đích phục hoạt lại Giáo Hội. Kết quả ngày 01-10-2003 (tháng 9 năm Quý Mùi âm lịch) Ngài và Hòa Thượng Thích Quảng Độ đã tổ chức được Đại Hội với danh xưng là Đại Hội Bất Thường GHPGVNTN tại Tu Viện Nguyên Thiều. Đại Hội này thành công một cách tốt đẹp. Sau Đại Hội Bất Thường này Ngài và Hòa Thượng Thích Quảng Độ bị nhà nước gây khó dễ không ít. Riêng Hòa Thượng Thích Quảng Độ và phái đoàn bị áp lực của chính quyền phải trở về Sài Gòn vào ngày 08-10-2003. Nhân sự kiện này, Hòa Thượng Thích Quảng Độ mời Ngài vào Sài Gòn để chữa bệnh và triển khai các Phật sự của Giáo Hội, nhưng khi xe vừa ra khỏi Tu

Viện thì bị các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định gây cản trở. Ngài cũng bị dẫn độ cùng với 2 thị giả về huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định lúc 13 giờ ngày 09-10-2003, quan chức công an tỉnh Bình Định thay phiên hỏi cung đến khi Ngài kiệt sức mới đưa về Tu Viện Nguyên Thiều vào lúc 23 giờ 30 phút khuya cùng ngày. Từ thời điểm này, Tu Viện Nguyên Thiều gần như bị phong tỏa, bản thân của Ngài cũng như tất cả quý Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni Phật tử tham gia vào GHPGVNTN đều bị theo dõi chặt chẽ. Sau Đại hội Bất Thường tại Tu Viện Nguyên Thiều ngày 01-10-2003, Ngài cùng Hòa Thượng Thích Quảng Độ ủy thác cho các GHPGVNTNHN tổ chức Đại Hội Bất Thường GHPGVNTN tại hải ngoại. Thừa hành ý chỉ này, chư tôn đức Giáo Phẩm Tăng Ni và Phật tử lãnh đạo GHPGVNTN hải ngoại đã tổ chức Đại Hội Bất Thường mở rộng tại Tu Viện Quảng Đức thành phố Melbourne Úc Châu, ngày 10/12-10-2003. Chính Đại hội này công bố đầy đủ nhân sự lãnh đạo Giáo Hội trong nước và hải ngoại. Cũng trong Đại Hội này, toàn thể Tăng, Ni và Phật tử hải ngoại suy tôn Ngài lên ngôi vị Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN.

Ngày 29 tháng 9 năm 2006, Ngài bị suy tim, nên chư Tăng tại Tu Viện Nguyên Thiều đã đưa Ngài vào bệnh viện Chợ Rẫy, Sài Gòn để chữa bệnh. Trong thời gian này, Hòa Thượng Thích Quảng Độ và chư vị giáo phẩm trong Viện Hóa Đạo đã thường xuyên thân cận chăm sóc cho Ngài.

Ngày 16 tháng 10 năm 2006, vì bệnh tình đã thuyên giảm,

nên Ngài được bệnh viện cho phép xuất viện. Chư Tăng trong Viện Hóa Đạo đã đưa Ngài về an tịnh tại Chùa Giác Hoa. Không bao lâu sau đó Ngài đã trở về lại Tu Viện Nguyên Thiều, Bình Định.

Kể từ sau khi trở về lại Tu viện Nguyên Thiều, mỗi ngày hai thời, Ngài lên tháp chuông của Tu Viện để thỉnh chung cầu nguyện quốc thái dân an và chúng sinh tinh ngộ.

Ngày 27 tháng 5 năm 2008, vì bệnh tim tái phát, lại trong phổi có nước, nên Ngài đã được đưa vào Bệnh viện Đa Khoa Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, để điều trị. Dù chư tôn đức Tăng, Ni của Viện Hóa Đạo và Tu viện Nguyên Thiều, cũng như các bác sĩ tại bệnh viện đã hết lòng chăm sóc và chữa trị, nhưng như cỗ xe đã già cỗi, thân tứ đại suy kiệt vì tuổi đời đã cao, bệnh hoạn thường xuyên, cho nên sức khỏe của Ngài không thể bình phục.

Biết trước không tránh khỏi cơn vô thường, Ngài đã tỏ ý muốn về lại Tu Viện Nguyên Thiều để an tịnh. Ngày 4 tháng 7 năm 2008, lúc 3 giờ chiều, Hòa Thượng Thích Quảng Độ cùng chư tôn giáo phẩm Viện Hóa Đạo và môn đồ pháp quyến đã cung đón Ngài về lại Tu Viện Nguyên Thiều.

Đến 1 giờ 15 phút chiều ngày 5 tháng 7 năm 2008, Ngài đã an nhiên thân thần tịch tịnh tại Phương Trượng Tu Viện Nguyên Thiều, tỉnh Bình Định. Ngài trụ thế 89 năm và 69 hạ lạp.

Dù bận rộn Phật sự của Giáo Hội, Ngài vẫn không quên thường xuyên thực hiện hai tâm nguyện mà xem là trọng đại

trong sự nghiệp hoằng truyền chánh pháp để cứu khổ sinh dân. Đó là: mở trường lớp để dạy dỗ Tăng, Ni hầu ươm mầm tương lai cho đạo pháp, và phiên dịch trước tác kinh luật luận và giáo nghĩa Phật học để truyền bá giáo lý thâm thâm vi diệu của đức Thế Tôn.

Chính vì tâm nguyện đó, mà Ngài đã tinh cần tụng đọc toàn bộ Đại Tạng Kinh trong suốt mười mấy năm lao tù và quản chế. Đồng thời Ngài đã phiên dịch và trước tác nhiều tác phẩm như:

- *Thiền Môn Chánh Độ,*
- *Sư tăng và Thế Nhơn,*
- *Nghi cúng chư Tổ và Chư vị Cao Tăng,*
- *Đạo Tràng Công Văn Tân Soạn,*
- *Thiếu Thất Lục Môn,*
- *Phật Pháp Hàm Thu,*
- *Pháp Sự Khoa Nghi,*
- *Nghi Thức Cúng Giao Thừa,*
- *Phật Pháp Áp Dụng Trong Đời Sống Hằng ngày, v,v...*

Suốt cuộc đời thi hiện trên thế gian tròn 89 năm, Cố Đại Lão Hòa Thượng Đệ Tứ Tăng Thống đã thể hiện trọn vẹn công hạnh xuất trần thượng sĩ và cứu khổ quần sinh của một vị Bồ tát. Ngài đã đem thân mạng ra để gánh chịu bao khổ não thay cho dân tộc và Phật Giáo Việt Nam.

Với nếp sống giản dị, thanh bản, với tâm lượng bao dung khoáng đạt, với chí nguyện cao cả thiêng liêng, với trí tuệ mẫn tuệ sâu sắc, Ngài là một nhà lãnh đạo vừa đặc nhân tâm, vừa



bản lãnh và sáng suốt. Với biển học mênh mông và tầm nhìn thấu triệt mọi sự, với giới hạnh trang nghiêm, Ngài là bậc cao Tăng thạc đức hy hữu trong chốn thiền lâm mà hàng trăm năm không dễ có được.

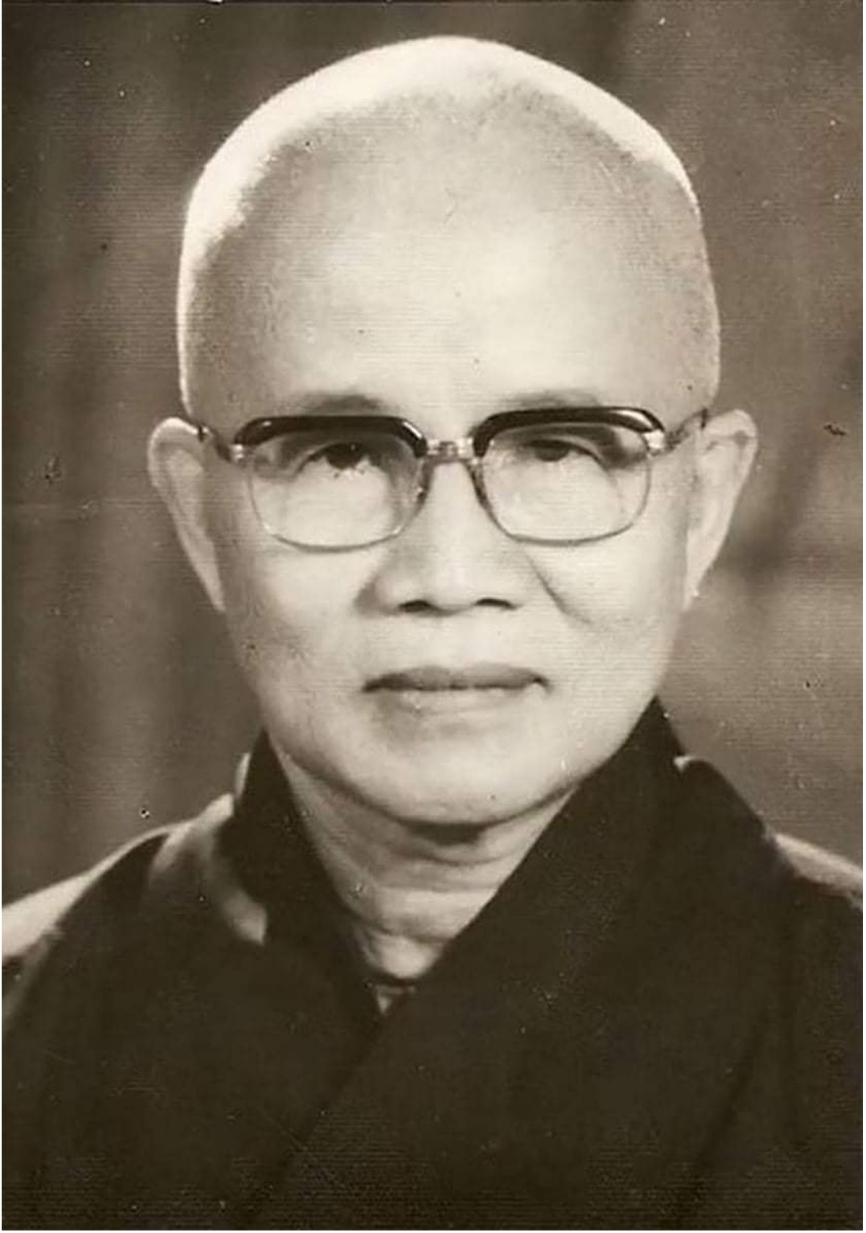
Ngài ra đi, môn đồ pháp quyến mất một vị Thầy tôn kính, Giáo Hội mất một nhà lãnh đạo tối cao tài đức vẹn toàn, Phật Giáo Việt Nam mất một bậc cao Tăng làm chỗ dựa cho bao nhiêu Tăng, Ni và Phật tử.

Dù biết rằng, sinh tử như phù vân, bậc thượng sĩ đến đi như cánh nhạn giữa trời xanh bát ngát, nhưng làm sao chúng ta tránh khỏi sự tiếc thương vô hạn đối với một bậc Thầy tôn kính hiếm khi xuất hiện giữa thế gian.

Chúng con xin hướng về Tu Viện Nguyên Thiều, nơi nhục thân Ngài còn được tôn trí, cúi đầu đánh lễ Giác Linh Cố Đại Lão Hòa Thượng Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN thượng Huyền hạ Quang. Nguyên Ngài từ bi bất xả bốn thế hồi nhập ta bà để tiếp tục giáo hóa chúng sinh.

Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh tông, Nguyên Thiều Đường Thượng, Phật Giáo Thống Nhất Giáo Hội Đệ Tứ Tăng Thống thượng Huyền hạ Quang Đại Lão Hòa Thượng Giác Linh Liên Tòa Chứng Giám.

*Môn đồ hiếu quyến phụng soạn*



*Di ảnh Hòa Thượng Thích Huyền Quang (1920-2008)*

越南佛教僧統玄光尊者示寂  
南要接引  
導師阿彌陀佛

釋智光比丘永念

Đại lão Hòa Thượng Thích Trí Quang, nguyên Cố vấn Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, từ Tu viện Quảng Hương Già Lam gửi câu liên điệu Đại lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang như sau:

Chính đề (chữ lớn ở giữa):

**NAM MÔ TIẾP DẪN ĐẠO SƯ A DI ĐÀ PHẬT**

Kính điệu (phụ đề bên phải):

**VIỆT NAM PHẬT GIÁO TĂNG THỐNG  
HUYỀN QUANG TÔN GIÁ THỊ TỊCH**

Kính bút (phụ đề bên trái):

**THÍCH TRÍ QUANG TỶ KHEO  
VĨNH NIỆM**

Huyền chỉ duy tại ý  
Quang ảnh bất ly tâm  
Nguyên Thiệu tâm di đặc  
Phước Huệ ấn tương đồng

Nguyên Thiệu đường thượng  
Huyền Quang đại lão hòa thượng giác linh thu chấp  
Mai Thôn đạo tràng tứ chúng cập Nhất Hạnh thiền sư  
nhất tâm đồng hộ niệm.



Thiền sư Nhất Hạnh và Tứ chúng Đạo Tràng Mai Thôn  
gửi Thi Kệ về Tu viện Nguyên Thiệu cúng dường giác  
linh Đại lão Hòa thượng Tăng Thống Thích Huyền Quang  
như sau:

Huyền chỉ duy tại ý  
Quang ảnh bất ly tâm  
Nguyên Thiệu tâm di đặc  
Phước Huệ ấn tương đồng  
Nguyên Thiệu đường thượng  
Huyền Quang đại lão Hòa Thượng giác linh thu chấp  
Mai Thôn tứ chúng cập Nhất Hạnh thiền sư  
Cung kính nhất tâm hộ niệm

# CUNG BẠCH GIÁC LINH CỔ TĂNG THỐNG THÍCH HUYỀN QUANG

THÍCH QUẢNG ĐỘ

**N**am Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật  
Kính bạch Giác linh Đức cố Đệ tứ Tăng Thống Giáo Hội  
Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất chứng giám

Hôm nay ngày 11 tháng 7 năm 2008 (tức mùng 9 tháng 6 năm  
Mậu Tý) Phật lịch 2552, chỉ còn ít phút nữa, Đức cố Tăng Thống sẽ  
vĩnh biệt chúng con!

Trước linh đài của Ngài, trong giờ phút thiêng liêng, đau buồn này,  
thay mặt Hội Đồng Lương Viện, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam  
Thống Nhất, Văn phòng II Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo  
Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa kỳ và các Châu lục, Chư  
tôn đức Tăng ni, môn đồ pháp quyến, cùng toàn thể cư sĩ Phật tử  
thuộc Giáo Hội trong và ngoài nước; chúng con kính cẩn dâng lên  
Giác linh Đức cố Tăng Thống đôi lời tác bạch, bày tỏ nỗi niềm xót  
xa thương tiếc trước sự ra đi của Ngài. Đành rằng, theo lời Đức Phật  
dạy: “Tất cả các pháp đều vô thường, đã có sinh ắt có diệt”, đó là quy

luật tự nhiên. Nhưng đối với Giáo Hội, với toàn thể Tăng ni và Phật tử chúng con, sự ra đi của Ngài là một mất mát quá to lớn không gì bù đắp được.

Kính bạch Giác linh Đức cố Tăng thống!

Suốt hơn ba mươi năm qua, kể từ 1975 của thế kỷ trước trong cơn pháp nạn và quốc nạn dai dẳng kéo dài, Ngài đã luôn là bóng cây đại thụ che mát cho chúng con, là người thuyền trưởng vững tay chèo lái con thuyền Giáo Hội vượt qua bao cơn sóng gió, bão táp giữa trùng khơi. Ngài đã hy hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp bảo vệ chánh nghĩa của Dân tộc và Đạo pháp, đòi hỏi quyền sinh hoạt pháp lý của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất qua bao gian lao tù nhục, tù tội, lưu đày như Ngài đã từng nói: “Sống không nhà, chết không mồ, đi không đường, tù không tội”!

Giờ đây, Ngài đã ra đi vĩnh viễn, cuộc vận động phục hoạt Giáo Hội chưa được trọn vẹn. Chúng con, toàn thể Tăng ni, Phật tử trong và ngoài nước, nguyện sẽ tiếp tục đi theo con đường Ngài đã vạch, mặc dù còn rất nhiều chông gai chờ đón phía trước. Chúng con quyết tâm điều hành Phật sự Giáo Hội theo phương hướng của Hội Đồng Lương Viện đã hoạch định cho đến khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được tự do hoạt động thực sự như thời kỳ trước năm 1975, để hoàn thành chí nguyện của Ngài!

Kính xin Giác linh Đức cố Tăng Thống rủ lòng thương tưởng gia hộ cho chúng con có đầy đủ niềm tin vững chắc vào tương lai tự do tươi sáng của Dân tộc và Đạo pháp; có ý chí sáng suốt kiên cường để giữ gìn bảo vệ Giáo Hội truyền thống đã do lịch đại tổ sư, chư Thánh Tử Đạo và toàn thể Phật tử xây dựng nên.

*Kính xin Đức Tăng thống tác đại chứng minh.*

*Cẩn bạch*

**Thích Quảng Độ**

*Nam mô Tiếp dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật*

# VỀ NHỮNG BẠC THẦY CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

THÍCH PHƯỚC AN

Có những cái chết mà dù đã cách xa thời đại chúng ta đến những 6 thế kỷ rồi, vậy mà cứ mỗi lần nhắc đến là trong mỗi người chúng ta dường như vẫn còn đau đớn xót xa, và ta có cảm giác rằng, nỗi đau đớn đó vẫn còn đọng lại cả trên những dòng sông, rặng núi, và cả trên những néo đường heo hút của quê hương đất nước nữa. Tôi muốn nói đến cái chết của bậc đại anh hùng Nguyễn Trãi chẳng hạn, cái chết mà Đào Duy Anh đã viết là:

*“Và cái ngày đau xót không những cho Nguyễn Trãi mà còn cho cả dân tộc nữa, là ngày 16 tháng 08 năm 1442. Nguyễn Trãi đã rụng đầu dưới lưỡi dao oan nghiệt của cái triều đình hèn hạ và ngu muội mà chính ông đã chiến đấu gian khổ để dựng lên”. (Nguyễn Trãi toàn tập, trang 22, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1976)*



Cũng vậy, có những cuộc ra đi mà kẻ ra đi phải gánh lên đôi vai gầy yếu của mình tất cả sự thống khổ và phân ly của đạo pháp và dân tộc. Đó là chuyến ra đi của Hòa Thượng Huyền Quang và Quảng Độ vào năm 1982. Tôi có phóng đại quá không? Mười năm sau chuyến ra đi lịch sử đó (1982-1992), đọc những dòng sau đây của Hòa Thượng Quảng Độ, tôi mới thấy rằng những tưởng tượng của tôi không hề sai sự thật:

*“... Nhìn xuống bãi biển, thấy những đợt sóng trắng xóa cuộn cuộn vỗ vào bờ âm âm, tôi có cảm tưởng như những tiếng gào thét của những oan hồn người vượt biển chết đuối từ lòng đại dương vọng về; Phía trên đèo thì những đám mây dày đặc bao phủ mịt mù, thật là tiêu điều ảm đạm. Tôi bèn ghi lại cảnh tượng ấy bằng mấy câu thơ:*

*‘Đạo pháp tiêu điều lòng thốn thức  
Giang sơn ảm đạm dạ bồn chồn  
Vân Hải chiều nay sầu Tô Tử  
Đường dài mang nặng nỗi hàn ôn’.*

Và đây là cảnh phải chia biệt với người thân ngay trên quê hương đất nước của chính mình:

*“Đêm 26.2.1982, chúng tôi ngủ ngay tại ty Công An Quy Nhơn. Sáng dậy, như ngày hôm trước ở Nha Trang, có khác là khi tôi lên xe đi thì thấy TT. Huyền Quang còn ngồi lại ở văn phòng ty Công An, chỉ có một mình tôi đi thôi. Tôi nghi bụng, chắc họ sẽ để Thượng Tọa lại, vì đây là tỉnh quê nhà của Thượng Tọa. Còn tôi chắc là họ sẽ đưa ra Thái Bình là tỉnh quê nhà của tôi. Một cảm giác cô đơn và xót xa len lén trong lòng tôi, vì từ nay, chúng tôi phải cách xa nhau, kẻ Bắc người Nam, cũng như hàng triệu gia đình Việt Nam đã phải lìa tan sau năm 1954 và 1975. Không biết bao giờ mới lại được gặp*

*nhau. Thật vậy, cho đến nay đã đúng 10 năm (1982 -1992) chúng tôi vẫn chưa được gặp nhau. Ôi! Từ biệt sanh ly!”*

Năm 1991, gần đúng 10 năm sau chuyến ra đi của hai bậc Thầy đó, tôi cũng có viết một bài về Thiền Sư Huyền Quang, vị tổ thứ ba của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đời Trần, người đã phải miễn cưỡng nhận lấy trách nhiệm lãnh đạo Giáo Hội Trúc Lâm Yên Tử đã bắt đầu đến hồi suy yếu, sau gần thế kỷ cực thịnh (Bài này đã được đăng trong Tạp Chí Văn Học của Viện Văn Học (Hà Nội), số 4 năm 1992, với nhan đề là “*Thiền Sư Huyền quang và con đường trầm lặng của mùa thu*”, sau đó được tờ “*Etudes Vietnamiennes*” dịch ra tiếng Anh và Pháp số 2 năm 1993) Dù là viết về một Thiền Sư cách đây đã hơn 7 thế kỷ, nhưng tôi cũng nhân cơ hội này để nói lên một chút tâm sự đau đớn của-tôi đối với Phật Giáo Việt Nam hiện đại. Nhưng quan trọng hơn cả vẫn là, bài viết cũng hàm ý nói lên niềm hãnh diện của tôi đối với hai bậc Thầy đang gánh chịu khổ nạn cho Phật Giáo Việt Nam và tôi muốn nhấn mạnh rằng, thông điệp thực sự mà Phật giáo cần mang đến không phải là tại những nơi giàu sang hay quyền thế, mà phải là những nơi khác-Ví dụ đoạn sau đây:

*“Huyền Quang dù bấy giờ đã là người đứng đầu Giáo Hội Trúc Lâm Yên Tử vẫn không đến ở và làm việc tại chùa Quỳnh Lâm và Báo Ân, như Pháp Loa trước đó đã làm. Trái lại, Huyền Quang về ẩn cư luôn ở núi Thanh Mai và Côn Sơn cho đến khi mất, bởi lẽ đọc lại các sử liệu ta thấy rằng, Quỳnh Lâm và Báo Ân là những chùa quá giàu có, vì được sự hỗ trợ tích cực của Vương triều Trần”. Và tôi đã đặt câu hỏi: “Có phải Huyền Quang muốn điều chỉnh lại một*

giai đoạn lịch sử đã qua? Và đồng thời—muốn vạch một hướng đi khác cho Phật giáo Đại Việt chăng? Vì với những người đang theo đuổi giấc mộng giải thoát, thì núi rừng và những con đường mịt mù đầy các bụi xa xôi kia mới là chỗ tới lui đích thực của đời mình”.

Tôi không ngờ những câu như: “Phải chăng Huyền Quang muốn điều chỉnh lại một giai đoạn lịch sử đã qua, và đồng thời muốn vạch hướng đi khác cho Phật giáo Đại Việt chăng?” Thì năm 1992, năm mà nói theo Phạm Công Thiện thì: “Hậu thân của ngài Huyền Quang đã oanh liệt chong đèn Bát Nhã để mở ra hướng đi định phận của Quê Hương”. Cũng trong bài ấy, bài “Hòa Thượng Huyền Quang và ý thức dẫn đạo dân tộc”, Phạm Công Thiện viết một cách cảm động như thế này:

“Đứng trơ trụi, cô độc, già nua tuổi tác, hơn 73 tuổi, Ngài đã đương đầu trước cái chết, không một máy may sợ hãi, như như bất động, nói lên lời cáo trạng oanh liệt nhất; hành động phi thường chưa từng thấy ấy, phải chăng là tiên tri bất ngờ cho cuộc hồi sinh dân tộc...”

Như vậy, rõ ràng là sức mạnh tâm linh mà tự bao đời Phật giáo có được đều không xuất phát từ những nơi có chùa to phật—lớn, nơi kẻ quyền thế và giàu sang ra vào tấp nập, nói đang say sưa vào con đường lợi dưỡng—mà sức mạnh tâm linh đó phải phát xuất từ những nơi đầy các bụi của trần gian, nghĩa là những nơi mà Phật giáo có thể dễ dàng lắng nghe được tiếng thở dài của vạn sinh linh thống khổ.

Tôi vốn sanh trưởng ở Bình Định, nơi mà vào năm 1665, Thiền sư Nguyên Thiều của Trung Quốc đã đến và lập ra chùa Thập Tháp Di Đà. Và từ đấy, Bình Định đã trở thành trung

tâm Phật giáo quang trọng nhất của Phật giáo đàng trong thời bấy giờ. Quan trọng hơn nữa là vào năm 1753, Nguyễn Huệ đã chào đời tại một ngôi nhà tranh nghèo khổ bên dòng sông Côn (quận Tây Sơn). Nhưng chính ngôi nhà tranh nghèo khổ này đã cống hiến được cho đất nước một thiên tài xuất chúng. Năm 1786, sau khi đánh đuổi chúa Nguyễn ở đàng trong, Nguyễn Huệ ra chiếm Thuận Hóa rồi vượt qua sông Gianh tiến thẳng ra Thăng Long lật đổ chúa Trịnh chấm dứt 200 năm đất nước bị chia đôi. Mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789) Nguyễn Huệ lại còn đánh tan 29 vạn quân Thanh do Lê Chiêu Thống rước về cùng với sự hỗ trợ của Nguyễn Ánh trong Nam, chỉ trong năm ngày. Dù trăm trận trăm thắng trên chiến trường như vậy, nhưng đối với các nhà trí thức của dân tộc Nguyễn Huệ hết sức khiêm cung và nhất là thành thực. Trong một lá thư gửi cho La Sơn Phu Tử, một nhà trí thức nổi tiếng nhất của Bắc Hà thời bấy giờ–Nguyễn Huệ viết: *“Anh em của Đức, nguyên chỉ trợ trụ là một tụi ấp trường, nổi lên ở Tây Sơn. May mà đánh được tụi yếu và dứt được kẻ hèn, gây được nghiệp bá”*. Và trong một đoạn khác, cũng gửi cho La Sơn Phu Tử: *“Và chẳng, quả Đức sanh ở chỗ hẻo lánh, học ở sự nghe trông. Gặp thời thế này, bất đắc dĩ phải khởi binh”*.

Chính vì vậy mà, ngoài việc được ca tụng là bậc anh hùng võ công đệ nhất, Nguyễn Huệ lại còn được các nhà sử học coi như là người biết tôn trọng những bậc tài hoa của đất nước, có thể nói là số một trong lịch sử của dân tộc ta.

Vậy là, Bình Định cũng đã trở thành trung tâm chính trị của

đất nước vào hậu bán thế kỷ 18 nữa.

Hòa Thượng Huyền Quang cũng sanh ở Bình Định. Ngài rất ý thức về mảnh đất mà Ngài đã chào đời, như bốn câu mà Ngài đã tự phác họa chân dung của chính Ngài:

*“Nguyên Thiều Pháp Duệ  
Nguyễn Huệ nhân dân  
Tình đồng chơn cát ái từ thân  
Sức chánh tín bạt trần đầu giáo”.*

Tôi nghĩ, dường như hầu hết những người sinh ra từ những nơi làm ruộng, quanh năm suốt tháng họ chỉ lo cày sâu cuốc bẫm, nên gần như không hề biết khoa trương hay dùng những lời hoa mỹ để nói về chính mình. Nếu có nói về bản thân, thì cũng chỉ nói lên những hèn yếu và nhược điểm về chính mình mà thôi—Hòa Thượng Huyền Quang có hai câu thơ về mình như thế này:

*“Lên rừng hổ thẹn thua chim núi  
Xuống nước than thân hổ cá sông”.*

Có lẽ, không phải tài hoa hay uyên bác, mà chính nhờ đức tình biết hổ thẹn và thành thực với chính mình này, mà Hòa Thượng Huyền Quang đã đưa Phật giáo Việt Nam vượt qua được khúc quanh hiểm nghèo nhất, để Phật giáo Việt Nam có đủ niềm tự hào mà cùng với dân tộc và nhân loại bước vào thế kỷ 21 chẳng?

Vào một ngày cuối năm, tôi đến hầu thăm Ngài trong một ngôi chùa nhỏ tại một thị trấn hẻo lánh thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Tôi có cảm tưởng bao nhiêu biến cố thăng trầm của Phật

giáo Việt Nam từ hơn nửa thế kỷ nay, dường như vẫn còn in hằn trên nét mặt già nua vì tuổi tác cùng mái tóc bạc trắng của Ngài. Dù có già nua tuổi tác, nhưng tấm lòng đối với Phật giáo Việt Nam, đối với quê hương đất nước vẫn nồng nàn như ngày nào:

*“Chim đứng nhìn xem trời đất chuyển  
Chờ ngày vỗ cánh khắp trường không”.*

Trên đường trở về, tôi cứ đọc mãi hai câu thơ ấy của Ngài với tất cả nỗi xúc động và hãnh diện vì có những bậc Thầy đang lặng lẽ hy sinh quên mình vì tương lai của đạo pháp và dân tộc.

*Nha Trang, tháng 12 năm 1997.*

***Thích Phước An***

# ĐÁNH LỄ THẦY LẦN CUỐI

**N**am Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A-di-đà Phật  
Kính lạy Giác linh Thầy!

Đáng lý con đã về Bình Định hầu thăm sức khỏe Thầy, khi hay tin Thầy bệnh nặng đang nằm điều trị bệnh tại bệnh viện đa khoa Quy-nhơn Bình Định, nhưng vì có những vấn đề tế nhị nhạy cảm không tiện đối với con nên con đành thất lễ và, cũng vì vậy mà con đành ôm lòng ân hận khôn nguôi! Những điều con muốn bộc bạch cùng Thầy về những gì mà Thầy đã cùng Thầy Tuệ Sỹ và con bàn về hiện tình Giáo Hội trong chiều hướng đấu tranh và phát triển Văn hóa, Giáo dục, Nhân sự cho tương lai của Giáo hội trước đây.

Kính lạy Giác Linh Thầy!

Trước hết chúng con xin sám hối tất cả những gì Thầy đã dạy mà chúng con chưa hoàn thành được, cho dù chúng con có bất cứ lý do gì đi nữa thì điều đó chúng con cũng thấy có lỗi, mong Thầy tha thứ cho chúng con!

Kính lạy Giác Linh Thầy!

Không phải chúng con lười biếng tư duy hay không có năng lực để tìm ra đường lối phát triển về Văn hóa, Giáo dục, đào

tạo nhân sự cùng phương pháp phát triển cho hạ tầng cơ sở Giáo Hội trong tương lai. Tuy chúng con đã từng bàn bạc và đề ra phương án cho những sự việc mà Thầy quan tâm đặc biệt đó, nhưng vì hoàn cảnh đặc biệt mà chúng con không thể thực hiện được những điều Thầy mong muốn:

- Về Văn hóa, Giáo dục thì chúng con đang tiến hành tiếp tục phát triển mở rộng việc in ấn và phát hành trong cũng như ngoài nước ba tờ báo: Tập san Nghiên cứu Phật học, Tập san Pháp luân và tập san Hoàng pháp và những gì thuộc về văn hóa nếu có điều kiện cùng các cơ sở giáo dục hiện đang hiện hành từ sơ cấp cho đến cao đẳng như Phật giáo Thừa Thiên Huế đã và đang duy trì và mở rộng thêm. Song song với việc giáo dục này theo lời Thầy dạy, chúng con đang tiến hành mời giáo sư và người đứng ra trực tiếp điều hành một Đại học Phật giáo sẽ được mở ra tại Tu Viện Nguyên Thiều, ban đầu theo như lời dạy của Thầy là Đại học gia giáo và, sau đó sẽ chính thức thành lập một Đại học Phật giáo thực thụ tại nơi đây.

- Về vấn đề đào tạo nhân sự cho Giáo hội từ Trung ương cho đến địa phương, chúng con cũng sẽ đào tạo song song với việc đào tạo của giáo dục. Chính người của giáo dục sẽ được đào tạo qua tập huấn để trở thành những vị lãnh đạo Giáo hội có học sau này cho Giáo hội, tùy theo khuynh hướng của từng người theo đó chúng ta đào tạo họ.

- Về phát triển Giáo hội, chúng con cũng bắt đầu thành lập các Giáo hội địa phương theo hướng đi của Giáo hội từ Trung ương xuống Miền, Tỉnh, Quận, Huyện, Xã, Thôn xóm và,



chúng con sẽ lấy các Giáo hội hạ tầng cơ sở làm nền tảng để nắm giữ bốn đạo và người dân qua phương thức cộng tác với Từ thiện xã hội. Chỉ có phương pháp này chúng ta mới tạo được uy tín cho các vị trụ trì, hay các giáo hội địa phương đối với dân chúng và Phật tử địa phương mà thôi. Khi chúng ta tạo uy tín và mọi sự tin tưởng của người dân và bốn đạo địa phương thì việc nắm giữ bốn đạo và kết nạp bốn đạo mới cho Giáo hội rất là dễ dàng. Đó là những gì chúng con đã và đang tiến hành thực hiện như việc thành lập các Giáo hội địa phương, và sắp sửa tiến hành việc mời nhân sự cho việc thành lập Đại học Phật giáo thì đừng một cái chuyện thanh lọc nội bộ ra đời và, như thế là công việc mà trước đó Thầy đã gợi ý cho chúng con làm bị sụp đổ hết và, chúng con hiện đang phải chịu oan đủ thứ nữa.

Kính lạy giác Linh Thầy!

Tiếng oan thì chúng con không sợ! Dù ai có bảo chúng con là thế này hay thế nọ đi chăng nữa! Thì chúng con vẫn là chúng con, không nô lệ cho bất cứ thế lực nào hết. Chỉ tiếc và ân hận là chúng con chưa trình lên Thầy những điều mà chúng con chỉ được phép trình mà không biện bạch; nhưng những điều đó chúng con cũng không làm được. Đó là điều mà chúng con ân hận, nuối tiếc và, chúng con lúc nào cũng cảm thấy chúng con có lỗi với Thầy rất nhiều! Chúng con xin lạy Thầy tha thứ cho chúng con.

Kính lạy giác linh Thầy!

Con rất buồn! khi Giáo hội đang cần Thầy, một vị Thầy lãnh

đạo có tinh thần từ bi hỷ xả bao dung độ lượng đối với những thuộc hạ cấp thấp của mình, Thầy có một cái nhìn thấy xa trông rộng, biết tiến thối đúng lúc, biết làm cách nào để phát triển Giáo hội theo chiều hướng ra sao? Biết cách đào tạo nhân tài cho tương lai, biết kết hợp văn hóa và giáo dục cho những phát triển đi lên của Giáo hội. Nhưng giờ đây Thầy đã bỏ Giáo hội ra đi, chúng con biết làm sao đây!/? Con quỳ lạy trước kim quan của Thầy mà hai dòng lệ tự nhiên cứ tuôn trào! Con khóc cho vô minh đủ thứ: cho chính con, cho mọi người, cho những bất hạnh của Giáo hội! Cho Phật giáo Việt nam! Một lần nữa con xin kính lạy giác linh Thầy từ bi chúng giám cho lòng thành của chúng con và, tha thứ lỗi cho chúng con. Chúng con nguyện cầu Giác linh Thầy trực vãng lạc bang, thừa sự Phật Di Đà hồi nhập ta-bà hướng dẫn đàn hậu lai chúng con xa lìa biển khổ.

*Tu Viện Nguyên Thiều, Bình Định*

*Ngày 02/07/2008 (05/06/2008 A.L)*

*Đệ tử khắp bái,*

***Thích Đức Thắng***

# AI ĐIẾU CỔ ĐẠI LÃO HOÀ THƯỢNG HUYỀN QUANG

THÍCH THIỆN HỮU

**N**am Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật  
Kính bạch chư tôn đức Tăng-Ni Ban Tổ Chức Tang  
Lễ

Kính bạch chư tôn đức Tăng-Ni môn đồ pháp quyến

Từ nơi xa xôi, Tăng-Ni, Đồng hương Phật Tử Chùa Phật Đà  
& Chùa Phật Tổ-Úc Châu

thành tâm có đôi lời Ai Điếu, kính dâng lên Giác Linh Đức  
Đệ Tứ Tăng Thống.

Đôi dòng thơ thiền xuất phát từ vạn đoá tâm hồng.

Kính ngưỡng Giác Linh Đại Lão Hoà Thượng từ bi nhĩ giám!

Kính xin chư tôn đức Tăng-Ni hoan hỷ chứng minh!

*Hỡi ôi!*

*Trời Úc Châu mây sâu, mưa thắm*

*Lòng Tăng-Ni ảm đạm nỗi buồn đau*

*Người ra đi muôn vạn ánh trăng sao*

*Và hoa lá cũng khóc thương đưa tiễn.*

Kính nhớ Giác Linh xưa,

Đất Bình Định sản sinh người xuất chúng

Miền An Nhơn un đúc bậc hiền tài

Ngài ra đời cứu khổ cõi trần ai

Dem chánh pháp để trang đài dương thế.

Nhân lành vun trồng nhiều kiếp

Gặp Thầy hiền đạo đức minh minh

Giác ngộ chân tâm, nổi vạn niềm tin

Như sen trắng giữa bùn như chẳng dính.

Năm 14 sâu vào Thiên định

Vĩnh Khánh tôn sư nương ánh Phật môn

Kinh pháp chuyên tâm, giới luật trường tồn

Như-An pháp tánh, Giải-Hòa học chúng.

16 tuổi Sa Di vâng phụng

Tư chất thông minh, đứng bậc chân sư

Huyền-Quang đạo hiệu, toả nét Bi-từ

Tĩnh-Bạch tâm tư, vô dư pháp giới.

Để rồi,

Năm 18 Tam đàn thọ cụ

Mảnh Tăng y chấn nhiếp chúng ma

Đêm ngày tịnh tu phụng hiến Ta Bà

Tháng năm phục dịch đáp đền Tổ tiên, đàn na tín thí.

Kể từ đó,

Phật Học Đường Lương Xuyên, miền Nam vui niềm hoan hỷ

Báo Quốc Phật Học Đường, Trung phần oai linh

Mưa dầm nắng dãi, cùng đệ huynh soi kính nấu sứ

Gian truân khổ cực, những mong báo đáp quốc tổ ân sâu.

Nhưng vì,

Thời cuộc đảo điên, nghìn sinh vật phải điêu linh

Cuộc thế thăng trầm, muôn tiếng hát đành lặng tiếng.

Đức Tăng Thống hồi, nhớ những lúc:

Nước Việt Nam điêu đứng, nhân dân đồ thán khổ đau;

Liên Khu Năm xả thân bước vào, những mong quốc dân ấm no  
hạnh phúc.

Phật Giáo Cứu Quốc thể theo tiếng gọi đại từ;

Chấn động tâm tư, nguyện cầu thế giới hoà bình an lạc.

Bốn biển đồng thanh câu hát

Năm châu kết nghĩa đệ huynh

Bao nhiêu thù hận nói tiếng thâm tình

Bao nhiêu oan trái trở thành huyền linh mẫu nhiệm.

Thế mới hay:

Chông gai, dùi cui, sóng gió, chẳng sờn lòng người đức độ;

Khốn khó, lửa dữ, bão giông, không khuất phục kẻ tu hành.

Bất chước Huệ Năng Lục Tổ, hoàng truyền đạo pháp tận chốn  
rừng xanh;

Học theo Thượng Sĩ Tuệ Trung, cứu độ nhân dân khắp miền  
Trung thổ.

Quả thật,

Thế gian ngưỡng mộ

Phật pháp tuyên dương

Siết chặt tay nhau trong gian khổ đoạn trường

Dâng trọn tim hồng tình thức để tình thương mãi thế.

Vì dân vì nước, chẳng nệ hy sinh  
Đấu tranh gian khổ, cứu độ dân tình  
Sống trong huyễn mộng điều linh  
Vẫn thấy an bình như cõi nguyên trinh vô úy.

Lại nhớ:

Chưởng duyên thử thách, Quảng Ngãi đạn bom, sớm hôm làm  
bạn;

Nghịch cảnh dập dồn, Phú Mỹ xa xôi, cô thôn an trí.

Rời đến lúc thân thông hiển thị, thẳng bước Phật học Viện Long  
Sơn;

Vì đồ chúng nhiếp hoá tâm tôn, giữ vai Pháp sư Giám Đốc.

Thay Thầy-tổ đêm ngày ươm mầm cho tre xanh thẳng nếp;

Kết thông Hải Đức-Nha Trang, thành lập Phật học Viện Trung  
Phần.

Khéo léo vun nước cho phân;

Chăm bón Bồ Đề nở nhánh.

Một lòng truyền trao Thánh hạnh, những mong Phật pháp hưng  
long;

Một dạ truyền bá Luật-Kinh, kết thành nghìn muôn ngôn giáo.

Nguyên Thiệu mở đạo, đêm ngày đào tạo Tăng tài;

Kế vãng khai lai báo đền ân sâu Tam Bảo.

Thừa Thiên Phật Giáo, Hội Trưởng lèo lái thuyền từ;

Bình Định Phật pháp thừa tu, vì Tứ chúng giữ vai Tăng Trưởng.

Gặp những khi:

Vận hạn đạo pháp giữa nghiêng, trong loạn lạc, đức từ toả rộng;

Huyền Quang đến ngày thống nhất, Tổng Thư Ký phụng hành

giáo hội năm nào.

Đắng cay chua chát, xem như vị ngọt trần lao;

Vì pháp dẫn thân, quyết tâm trân giữ quả tim Bồ Tát.

Đến kỳ nhân duyên hội đủ:

Nào Thái Lan, Nhật Bản, tham gia Tôn Giáo vì Hoà Bình;

Nào Bỉ quốc, Thụy Sĩ, Châu Âu, tham dự Đại Hội Đồng Liên  
Tông Tôn Giáo.

Kiến văn ngày càng thâm ảo

như ánh sáng phá đêm tối tử sanh

Hội đủ duyên lành

Ấn Độ một chuyến hành hương đất Phật.

Nghi lại đời Ngài:

Suốt đời thực hành bi nguyện, **Thiền Môn Chánh Độ**, diu dặt **Sư  
Tăng** tròn đạo nghiệp;

Tháng năm tham cứu Phật thừa, **Pháp Sư Khoa Nghi**, hướng dẫn  
**Thế Nhân** sống đúng Lục hoà.

Hiếu đễ với Tổ Thầy, nhất tâm soạn thảo, **Nghi Thức Cúng Chư  
Tổ Và Các Vị Cao Tăng**;

Quên mình vì Tổ quốc, một lòng cung hiến, **Nghi Thức Cúng Giao  
Thừa**.

Đức tánh khoan hoà độ lượng, mong sao **Phật Pháp Áp Dụng  
Hằng Ngày** trong nhân giới;

Dung nghi ngay thẳng điềm nhiên, chẳng khác **Thiếu Thất Lục  
Môn** chốn Tông lâm.

Thế mới biết:

Trong vạn néo phù trầm  
Vẫn ngàn năm tiếng hát  
Trong dung ngôn hạnh lạc  
Vẫn bát ngát hương từ.

Trọn đời thấu lẽ thật hư, theo gương Quan Âm Đại Sĩ, mặc cho vinh nhục oan khiên, mặc cho nhân-ngã đảo điên, **Đạo Tràng Công Văn Tân Soạn**;

Hiện kiếp phong trần như huyễn, bắt chước Trần-Lý Phật thiên, tùy thời tùy cảnh tùy duyên, tùy tâm sở nguyện chu viên, sáng tác **Hàm Thụ Phật Pháp**.

Đến những năm cuối cuộc đời:

Đại lực kiên tâm thẳng bước, mặc cho ma chướng bùa vây,  
chốn bụi trần, vẫn sống **Cư Trần Lạc Đạo**;  
Đại hùng quyết chí dẫn thân, mặc cho miệng đời gièm si,  
nơi gian mị, ban hành **Giáo Chi** xa gần.

Đức Tăng Thống ơi!

Cõi Ta bà sinh linh khốn khổ, sao đành ngoảnh mặt lia xa;  
Chốn Tây phương Hiền thánh hằng hà, sao nở hoa sen toạ thị.

Nơi đây, tất cả ngưỡng mong Ngài:

Chí nguyện Ta bà lai đáo  
Tài cao tiếp tục phụng hành  
Cõi vô thường còn vắng tiếng vô sanh  
Miền Tịnh cảnh đã rành rành nhân ảnh.

Xin hãy vì:

Vì chúng sinh tâm phược cứu độ, cho đời hết cảnh nhiều nhưong;  
Cùng Giáo Hội vẽ lại con đường, khai thông mọi ách tắc.



Gương A Nan năm trước vào trước;  
 Chí Nguyên Thiệu cứu khổ thanh lương.

Để mai sau:

Quả đác công thành, muôn vạn sinh linh thoát khổ;  
 Liên hoa nở rộ, pháp thân vô quái ngại Bồ Tát toả hương.

Chúng con vẫn biết:

Dầu khô lửa tắt, thuận theo lẽ thật vô thường;  
 Núi cao nghiêng ngửa, sông nước cạn nguồn, vẫn một niềm thương  
 diễm tuyệt.

Chúng đệ tử nào phiền khôn siết, mất đi bậc Thượng sĩ xuất trần;  
 Giáo Hội pháp hữu khắp năm châu, vắng bóng đấng Từ dung siêu  
 thế.

Nơi phương xa, giờ này:

Một nén tâm hương, cung tiễn đại lực Tăng Thống Huyền Quang  
 toả rạng;

Một câu chúc nguyện, ngậm ngùi kính tiếc Như An khai sáng  
 Nguyên Thiệu.

Tâm thành dâng hương đánh lễ

Lời thô một dạ kính dâng

Ngưỡng vọng Ngài vì Phật pháp tương lân

Lai đáo Ta bà cư trần bất nhiễm.

Ngưỡng vọng chúng giám hiển linh

Ngưỡng khấu trọn tình kính tiễn!!

Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh Tông, Tứ Thập Nhất Thế,  
 Nguyên Thiệu Tu Viện Khai Sơn Phương Trượng, Việt Nam  
 Phật Giáo Thống Nhất Giáo Hội, Đệ Tứ Tăng Thống, pháp

huý thượng Như hạ An, tự Giải Hoà, đạo hiệu Huyền Quang,  
Đại Lão Hoà Thượng Giác Linh!

*Úc Châu, ngày 11-07-2008*

Hậu học,

***Tỳ Kheo Thích Thiện Hữu***

**Ghi Chú:** Những chữ in đậm trên là những Tác Phẩm của Đại Lão Hoà Thượng.

VĂN TRUY NIỆM  
GIÁC LINH HÒA THƯỢNG  
THÍCH HUYỀN QUANG,  
TẶNG THỐNG GHPGVNTN  
của GIÁO HỘI PGVNTN HẢI NGOẠI TẠI UDL-TTL

THÍCH NHƯ HUỆ

Đọc trong lễ tưởng niệm thọ tang tại Tu viện Quảng Đức, Melbourne, ngày 8 tháng 7 năm 2008 (mồng 6 tháng 6 năm Mậu Tý)

**V**iệt Nam bốn ngàn năm văn hiến  
Hai ngàn năm Phật giáo gắn liền  
Kết nên tình nghĩa thâm uyên  
Tuy hai mà một mối duyên đậm đà  
Người về lòng đất rộ nở hoa  
Hương thơm giải thoát quyện hòa tỏa bay  
Chí bền dạ vững không lay  
Tu – từ nào quản khi đầy trượng phu  
Quyết vén bạt mây mù  
Lông lộng như trăng thu  
Rải phủ mát ánh từ

Hàng Tăng Ni Phật tử  
Ngài là hàng long tượng  
Chân nghĩa bậc đạo sư  
Đến đi nào bận vương  
Như ông lão lái đò  
Ghi tay lái chới vương  
Con thuyền Giáo Hội trong cơn nguy khó  
Câu nói kiên trinh Ngài chứng tỏ:  
Bốn điều bất hoại như kim cương  
Một là sống không nhà  
Mà trụ khắp bốn phương  
Hai là chết không mồ  
Như một kẻ tầm thường  
Ba là đi không đường  
Bốn: tù không tội vương  
Giờ đây Phật cảnh Ngài an dưỡng  
Niết bàn chân tịnh mười phương  
Quay về dòng đời ngăn chướng  
Đưa tay dẫn lối chỉ đường  
Dâng lời truy niệm cúng dường  
Giáo Hội một lòng nhớ tưởng.  
Ngưỡng nguyện Giác Linh Hòa Thượng Từ bi chứng giám.

Cung kính nối dòng pháp Lâm Tế đời thứ 41, Vĩnh Khánh – Bích Liên môn hạ, huý thượng Như hạ An, tự Giải Hòa, hiệu Huyền Quang Lê công đại lão Pháp sư giác linh liên tọa.

**HT. Thích Như Huệ**

# ĐIỀU VĂN TƯỜNG NIỆM ĐỨC ĐỆ TỨ TĂNG THỐNG

THÍCH BẢO LẠC

**K**ính bạch giác linh Hòa Thượng,  
Trước di ảnh Ngài Tứ chúng Tăng Ni, Phật tử tại Úc  
Đại Lợi thành phố Melbourne hướng về quê hương Bình Định,  
Tu Viện Nguyên Thiều, thành kính dâng lời tưởng niệm.

Có thể nói cuộc đời Ngài là một bài học sống cho Tứ chúng  
học hỏi, noi theo công hạnh vị tha giúp người lợi vật, không  
quán ngại gian lao, không nề hà khó nhọc. Ngài là hiện thân  
của Bồ Tát Tùng Địa Dũng Xuất vào đời khi đất nước chìm  
ngập trong khói lửa can qua, Đạo pháp gặp thời nghiêng ngả.  
Nhưng với chí nguyện kiên cường như vượt qua tất cả không  
làm nao núng bậc xuất trần Thượng sĩ, có đủ hùng tâm dũng  
chí như sư tử giữa sơn lâm.

*Việc đạo việc đời Ngài an nhĩn bền tâm,*

*hạnh nguyện trái bao dung.*

*Đào tạo Tăng Ni tài giỏi,*

*khuyến răn Phật tử tiến tu.*

Với bán thân;  
Mặc áo ca sa phước điền  
Ném mùi pháp hỷ duyệt thiên  
Thừa y bát Tôn phong  
Nối dòng pháp chánh tông.  
Với nhân sự Giáo Hội;  
Ngài hỏi han ân cần  
Tình riêng mà nghĩa chung  
Nghĩa thầy trò thiết thân  
Nhiều người được thọ ân  
Với tổ chức Giáo Hội;  
Ngài nhiệt thành quyết tâm  
Chống đỡ rất thần thông  
Hiểm nguy vẫn chấp nhận  
Can đảm giữa cuồng phong.  
Ôi cao đẹp!

Cuộc đời Ngài như ngọn hùng phong chồm chở, như hải đảo thần tiên.

Đường Ngài đi Phật Đà đưa tiễn lối,  
Néo Ngài về Bồ Tát tiếp đỡ chân.

Không có lời nào bày tỏ được niệm thân thương của người Phật tử tại gia, xuất gia. Trong giờ phút thiêng liêng này, chúng con xin đại diện tứ chúng ngưỡng nguyện Từ Phụ A Di Đà Phật tiếp dẫn giác linh Hòa thượng cao đẳng Phật quốc, và sớm trở lại cõi này truyền đăng Phật pháp, phổ độ quần sanh.

Nam mô Từ Lâm Tế Chánh Tông Tứ Thập Nhứt Thế huy

Như An, tự Giải Hòa, hiệu Huyền Quang giác linh thùy từ  
chứng giám.

*Hòa thượng Thích Bảo Lạc*

# HÌNH ẢNH BẠC TÔN SU CÒN HIỂN HIỆN

NGUYỄN SIÊU

*Cựu học Tăng Tu Viện Nguyên Thiều Niên Khóa 69-70*

Hai chiếc xe đồ lớn Miền Nam đã đậu sẵn trong sân Phật Học Viện Huệ Nghiêm từ sáng sớm để đưa hai chúng Hư Vân và Khuông Việt về miền Trung theo chương trình chuyển của Phật Học Viện, chỉ còn chúng Thế Thân ở lại.

Tâm trạng quý Thầy học Tăng lúc bấy giờ, từ miền Nam dời ra miền Trung, nhất là các tỉnh Phan Rang, Bình Định, ai nấy đều bồn chồn, lo lắng, nhưng vì chương trình thiên chuyển của Phật Học Viện nên phải “y giáo phụng hành” mà không dám có ý kiến. Người ở lại - chúng Thế Thân, thì dường như bàng quan, vô sự - người phải đi, chúng Hư Vân và Khuông Việt thì không tránh khỏi lo âu, lo âu vì không hiểu những chuỗi ngày sắp tới, đời sống nơi ấy ra sao? Nhưng rồi, cái gì phải đến thì sẽ đến. Tất cả quý Thầy học Tăng phổ thông vân tập trước phòng Hòa thượng Giám Viện Thích Bửu Huệ, đánh lễ Ngài để từ giã. Hai chiếc xe đồ chuyển bánh trực chỉ miền Trung, chiếc thứ



nhất đổ học Tăng Khuông Việt xuống chùa Tĩnh Hội Phan Rang. Chiếc thứ hai tiếp tục đoạn đường ra Bình Định, Tu Viện Nguyên Thiều, nơi mà chúng Hư Vân theo học niên khóa 69-70 tại đây.

Trước khi vào cổng Tu Viện, xe phải đi qua cầu “Bà Gi” queo phải, rồi bò lên con dốc đất đỏ mịn mù, trong cái nắng chói chang, chỉ thấy sỏi đá toàn là sỏi đá. Bên phải con dốc đá sỏi ấy là căn cứ của Sư Đoàn 22 Bộ Binh, bên trái đỉnh đồi là 2 tháp Chàm sừng sững với thời gian, trải qua bao lần nắng mưa tầm tã, chứng kiến bao cảnh phế hưng dâu biển, hoài vọng về quê hương, dân tộc Chiêm Thành điêu tàn, đổ nát gần như diệt chủng. Đây là quê hương tổ tiên của Chế Bồng Nga, Chế Lan Viên hay Chế Củ, Chế Mân thời ấy.

Xuống cuối dốc bên trái là chánh điện Tu Viện Nguyên Thiều, bên cạnh phía sau là Kim Thân Phật Tổ. Xe chạy thẳng tới trước là cư xá học Tăng. Nhìn toàn cảnh Tu Viện chỉ thấy một màu đất khô đỏ, chung quanh Tu Viện được bao bọc bởi hàng rào kẽm gai. Khó mà đoán được quý Thầy học Tăng đã suy nghĩ gì khi nhìn thấy khung cảnh Tu Viện lúc ấy.

Người tiếp nhận học Tăng là Hòa thượng Đồng Thiện, Hòa thượng Đồng Quán. Nhìn qua dáng dấp của hai Ngài, hầu như ai cũng cảm thấy một chút lo lo, sờ sợ. Cái gì đó, thật khó nói. Và cái khó nói, sờ sợ, lo lo đã đến. Sau giờ công phu khuya của sáng hôm sau, Hòa thượng Đồng Quán đã áp dụng kỷ luật, kết quả là 5 học Tăng phải xách giỏ trở về miền Nam sau mấy ngày.

Cuộc sống của những chuỗi ngày kế tiếp, bình thản, trong

niềm yêu thương quý kính của tình Thầy trò, Ban Giám Đốc và học Tăng, mọi người cùng hiểu ra: bước đầu Hòa thượng Đồng Quán đã gầm tiếng hống sư tử để thử lòng học Tăng trong buổi giao thời, ai kiên cố và quyết tâm, ai tu học vì lý tưởng của kẻ xuất gia, ai giữ gìn sơ phát tâm vì chí hướng giải thoát. Quý Thầy học Tăng thấy được tâm khoan dung, lòng độ lượng của Hòa thượng đã lo lắng mọi bề cho học Tăng. Hình ảnh của Hòa thượng đến nay vẫn còn đậm nét trong tâm thức của nhiều thế hệ học Tăng chúng con.

Riêng Hòa thượng Đồng Thiện, là người nuôi học Tăng từng bữa sớm hôm, từng bát canh rau muống, tới tô bí đỏ quanh năm với hai lu tương hột đậu nành suốt tháng. Nhưng Hòa thượng vẫn kiên trì nuôi học Tăng ăn học thành tài. Tấm lòng Hòa thượng bền bỉ vững chắc như sự bền bỉ vững chắc của mảnh đất Tu Viện Nguyên Thiều. Dù nắng, dù mưa, dù khô cằn sỏi đá, mảnh đất Tu Viện Nguyên Thiều vẫn nuôi lớn cỏ cây, hoa lá, nuôi lớn những luống rau muống tươi xanh, những hàng hoa huệ trắng, để nuôi học Tăng qua những ngày tháng nắng lửa mưa dầm ấy. Tình yêu thương, bảo bọc học Tăng của Hòa thượng bao la bất biến. Tấm lòng quý kính của học Tăng đối với Hòa thượng như đàn con đối với đấng Cha lành. Một đấng Cha lành bảo bọc đàn con năm sáu chục người, Ngài phải trồng rau muống, ủ phân bò, để làm phương tiện nuôi học Tăng ăn học. Hòa thượng phải thức khuya, dậy sớm vì tương lai của học Tăng, vì giếng mối của Đạo pháp, vì hạnh nguyện Phổ Hiền mà không từ nan khổn khó. Ngày hai buổi vác cuốc ra vườn, phơi lưng dưới cái nắng hè gay gắt của miền Trung mà

vun, mà xới những luống rau dền, rau muống, tía tô, rau quế, rau húng cho từng bữa ăn trưa, chiều hai buổi. Cái ân ấy, cái đức ấy, cái hình ảnh ấy vẫn luôn sâu đậm trong tâm thức của đời người học Tăng. Làm sao có thể đền đáp cái ân, cái đức vô cùng ấy? Làm sao có thể quên được cái hình ảnh nửa đêm nghe tiếng động ngoài vườn rau muống, Hòa thượng cầm đèn pin ra rọi, canh chừng sợ có người cắt trộm rau muống của học Tăng. Những bát canh rau muống đầy ấp tình yêu thương của Hòa thượng đã được tưới bằng những giọt mồ hôi của Ngài để luống đất thêm màu mỡ, để luống rau thêm xanh tốt và để cho tình Thầy trò thêm đạo vị. Sức sống là chỗ đó. Tình nghĩa Thầy trò là chỗ đó.

Cho đến một ngày, được tin Hòa thượng Giám Viện từ Sài Gòn về thăm Tu Viện, Hòa thượng Đồng Thiện dạy học Tăng quét dọn trong ngoài đâu đó sạch sẽ để mừng đón Hòa thượng Giám Viện. Cái cốc nhỏ nhắn của Hòa thượng Giám Viện, ẩn mình dưới bóng cây xoài, cây mít, ở tận ngoài vườn xa, mà một đôi năm mới được Hòa thượng Giám Viện Nguyên Thiều, Hòa thượng Thích Huyền Quang về ở một lần.

Hòa thượng Giám Viện về thăm Tu Viện, làm mọi người náo nức, vui mừng, không khí Tu Viện như rộn ràng hẳn lên. Suốt từ ngày thiên chuyển từ Sài Gòn ra đây, quý Thầy học Tăng chưa một lần được đánh lễ Hòa thượng Giám Viện, vì Hòa thượng bạn Phật sự của Giáo Hội ở Sài Gòn, chỉ có nhị vị Hòa thượng Đồng Thiện và Đồng Quán trực tiếp chăm sóc chúng Tăng, vì thế nghe Hòa thượng Huyền Quang về thăm thì làm

sao không háo hức mừng vui cho được? Nỗi vui mừng này như niềm vui của những đứa con lưu lạc lâu năm, nay được gặp lại người Cha quý kính. Người Cha già ấy đã bảo bọc bao lớp đàn con, bao thế hệ đã qua, bao lớp học Tăng đã ra trường thành người hữu dụng cho đạo, cho đời mà đến nay, hình ảnh của Hòa thượng còn rõ mồn một trong tâm tư. Lời nói, ánh mắt, dáng đi của Hòa thượng hiển đạt một bậc Thạch trụ Thiên gia, Long tượng Thạc đức. Đối với chư vị Sơn Môn Bình Định, Ngài là bậc Trưởng thượng Kỳ túc, một thời đã khai sơn phá thạch để gieo hạt giống Đạo pháp ăn sâu mọc rễ trên dải đất này. Ân đức của Hòa thượng đã thấm nhuần vào từng tâm can của Tăng tín đồ nơi đây. Vì thế, mỗi lần Hòa thượng về thăm Tu Viện là lòng người cảnh vật dường như hơn hờ, tươi nhuận khác thường. Đó là cái uy, cái đức, cái tấm lòng từ bi của Ngài được trang trải đến mọi loài. Giữa cảnh núi đồi khô cằn sỏi đá, với cái nắng nóng như thiêu, như đốt trên vùng đất đỏ (thời đó, 1969-1970, chưa có cây cao bóng mát như bây giờ) mà có được bóng mát của cây đại thọ, là tổ ấm của chim muông. Giữa những Tòng Lâm, Tu Viện núi đồi cách trở, mà đôi ba năm Hòa thượng mới về thăm chúng Tăng một lần thì bảo sao chúng Tăng không mừng vui, háo hức cho được. Nỗi vui như mùa nắng hạ có cơn mưa lớn, như ngày hè oi bức có ngọn gió thanh lương.

Rồi cứ như thế, thời gian đến và đi, quá khứ thành hiện tại, hiện tại thành vị lai và vị lai thành quá khứ in tuồng như ảo, như ảnh, như bóng mờ còn núp trong tâm, để sau hơn một thập niên, người học Tăng thuở nọ, dưới mái Tu Viện Nguyên

Thiếu, giờ lại được như duyên gặp lại Hòa thượng dưới mái Tu Viện Quảng Hương Già Lam Sài Gòn vào những năm 1980-1981. Hòa thượng đã giảng dạy kinh điển cho học Tăng nơi đây, truyền trao những kinh nghiệm làm việc cùng tài bồi đức hạnh của người xuất gia, cách sống làm người sao cho đúng nghĩa, đó là bài công dân đức dục mà Hòa thượng đã dạy trong buổi khai giảng niên khóa đầu năm. Nhưng rồi thời gian giảng dạy của Hòa thượng cho quý Thầy học Tăng Tu Viện Quảng Hương Già Lam chưa được bao lâu, vì vận nước còn điêu linh, chướng duyên nghiệt ngã, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đã bắt Hòa thượng tù đày, lao lý. Kể từ khi đó, một phần tư thế kỷ, Hòa thượng luôn đối diện với cảnh bắt bớ, đọa đày, gian nan, khốn khó. Nay thì ở nhà tù này, mai thì dời qua nhà tù khác, cuối cùng là lưu đày về nguyên quán Nghĩa Bình, nơi một ngôi chùa nhỏ, chơ vơ nơi đồng không mông quạnh. Ngày ngày với bát cơm hẩm, uống nước rong, tối ngủ trên chiếc võng bạc màu, rách nát. Nhưng tâm tư Hòa thượng vẫn sáng, sáng như gương, không chút vẩn đục. Không bị chi phối bởi cái đói, cái no, cái nóng, cái lạnh. Hòa thượng vẫn an nhiên tự tại, để đọc cho hết Tam Tạng Kinh điển, viết sách, Khoa Nghi để lưu lại cho đời sau tham học.

Dẫu biết rằng lẽ đời có thịnh, có suy, có thành, có bại, dù phải trải qua bao cảnh khốn cùng, nghiệt ngã, Hòa thượng vẫn giữ đạo trung dung, chẳng thiên vị ai, chẳng thiên hà, oán thán người đối xử tệ bạc với mình, vẫn nhẫn nhịn chịu đựng, nhưng không sợ sệt, yếu hèn, vẫn đứng vững trên đôi chân trước sức mạnh sùng đạ, nhà tù của kẻ vô minh. Hòa thượng là biểu

tượng của đức Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi. Hòa thượng đã đồng dạc tiếng hống sư tử giữa núi rừng u minh thăm thẳm, giữa đêm trường hiểm ác bủa vây. Hòa thượng là đóa sen tươi nhuần trong lò lửa đỏ của thời đại.

Như lời chư Tổ đã dạy: “Huyễn thân mộng trạch” - Thân huyễn nhà mộng, Hòa thượng đã xả bỏ huyễn thân để thể nhập pháp thân. Giã từ cõi mộng để thể nhập chân thường. Đường đi không vết tích, lối về bất tăm hơi. Đó là tự tánh của Thánh Giả, của bậc Đại Sĩ xuất trần, để cho hàng đại chúng: chẳng cầm được lòng thương tiếc, chẳng dứt được lệ đau buồn cho Phật Giáo Việt Nam đã vắng bóng một bậc cao Tăng kỳ vi, Hòa thượng đã đem đức Đại Hùng để chấn nhiếp ma quân thời đại, đem đức Đại Lực để chấn chỉnh đạo phong, và đem đức Đại Bi để ban vui cứu khổ. Do vậy, mà thời gian gần một thế kỷ làm người, Hòa thượng lúc nào cũng như bậc đứng đầu sóng cả, cầm cân nảy mực, lái con thuyền Đạo pháp vượt sóng gian, thoát cơn bạo để đem lại sự bình an cho đạo, hạnh phúc cho đời.

Hòa thượng quảy dép về Tây đó là công viên quá mãn một thời phát nguyện độ sinh, nhưng Phật Giáo Việt Nam, Tăng tín đồ Phật tử trong cũng như ngoài nước đã thật sự trống vắng, một sự trống vắng mênh mông vô bờ.

Nhớ thuở nào, Hòa thượng kính cẩn ôm trái tim bất diệt của Bồ Tát Quảng Đức vị pháp thiêu thân, đòi hỏi bình đẳng tôn giáo để giải trừ pháp nạn. Nhớ thuở nào, Hòa thượng vượt qua bao sự nguy nan, ách nạn của những bủa vây muôn trùng sắt

thép để quỳ gối trước kim quan đức Đại Lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu mà cất cao lời Cẩn Bạch để nhận ấn tín truyền thừa Đạo pháp, và khởi dựng công cuộc đấu tranh bất bạo động cho công lý, nhân quyền, tự do, dân chủ. Nhớ thuở nào, Hòa thượng cất bước lên đường mà không một sức mạnh nào cản trở, cuộc viếng thăm chư Tôn Đức Tăng, Ni từ Bắc chí Nam, để thấy được hàng triệu tấm lòng chư Tăng, Ni, Phật tử ngưỡng mộ bất diệt nơi Hòa thượng. Và những thuở ấy, trên chặng đường lịch sử Phật Giáo Việt Nam còn ghi đậm nét, như những dấu ấn in sâu trong lòng Đạo pháp, quê hương, dân tộc, giống nòi. Thân tứ đại của Hòa thượng có sinh thì có diệt, nhưng tánh đức nguy nguy, tiết liệt hùng hùng của Hòa thượng thì bất diệt.

Giờ đây, những người học trò xưa của Hòa thượng dưới các mái Tu Viện năm nào, thành kính tưởng niệm Giác Linh Hòa thượng mà giờ lại từng trang Pháp Sự Khoa Nghi để thấy lòng quặn thắt, không ngăn được dòng nước mắt tiếc thương một bậc Tôn Sư suốt đời xả thân vì đại cuộc. Hòa thượng vui lòng nhận nỗi khổ, trước nỗi khổ của chúng sinh, và vui sau niềm vui của nhân thế. Ấy là hạnh nguyện độ đời kham nhẫn, là Bồ Tát hóa thân nơi chốn hồng trần, khi hạnh mãn nguyện tròn thì thân thần thị tịch, đó là tâm vô quái ngại, ý hăng tự tại trong cuộc hóa duyên của Hòa thượng, nhưng người ở lại đâu chẳng ngậm ngùi:

*“Niết Bàn một thuở ra đi,  
Cân bình nửa gánh, Tây quy nhẹ nhàng.  
Rừng Thiên vắng bóng hạc vàng,*

*Biển trần vượt khỏi muôn ngàn phong ba.  
Người đi dấu vết chừa nhòa,  
Bát y truyền lại sương pha lạnh lùng.  
Tam sanh hẹn kiếp tao phùng  
Tôn phong Tổ ấn gởi cùng non sông.”*

Hôm nay, tất cả môn đồ pháp quyến nhớ lại Giác Linh Hòa thượng như dòng Tiểu Sử được tập thành: Xung dương công hạnh, tán thán gia phong, chí cả bạt quân, một thời Hòa thượng đã hiển bày hóa độ:

*“Dòng họ thế gia  
Môn phong Nho giáo  
Tuổi thơ nhập đạo  
Chí lớn xuất trần  
Theo Thầy học đạo chuyên cần,  
Và, từng chúng tu thân tinh tấn.*

*Vuông tròn bốn phận:  
Phục dịch chúng Tăng;  
Đầy đủ khả năng:  
Dắt dìu Phật tử”*

*Và từ đó:  
“Một bát ba y  
Xuân thu du hóa  
Chín tuần mười hạ  
Năm tháng tịnh tu  
Tăng Ni bốn chúng từng du;*



Và Phật tử mười phương quy ngưỡng.

Sơn môn Hòa thượng,

Hải chúng Trung Tôn

Rường cột pháp môn

Nối dòng đạo giáo

Chơn tâm hạo hạo

Pháp tướng uy nguy

... thiệu phái truyền y

... kế đăng tục diệm

Phật pháp chu toàn trách nhiệm,

Sư mô đầy đủ oai nghi

Trau dồi Trí tuệ Từ Bi,

Nuôi dưỡng pháp thân huệ mạng,

Thờ Thầy kính bần

Giữ nước giúp dân

Trọn đời lạc đạo an bản

Suốt kiếp nghiêm thân tấn đạo

Hoàng dương Phật Giáo

Hàng phục ma quân

Xử thế đãi nhân

Tiếp độ Tăng chúng.”

Để rồi công ấy, đức ấy như hạt sương, như cơn mưa tưới tắm làm nhuần thấm đất tâm của bao người sùng phụng kính ngưỡng:

“Lòng mang nặng Tôn phong một gánh

Chân gập ghềnh Tổ ấn hai vai

Là người nhập thất Như Lai  
Là bậc xuất gia Bồ Tát.”

Nhưng rồi cái gì phải đến thì đã đến. Đến trong lúc cảnh đời  
nghiệt ngã, nhân tâm thác loạn, đạo lý suy đồi, giữa chốn phàm  
trần nhiều mộng tưởng:

“Thế rồi việc gì đã xảy ra?  
Thật vô khả nại hà!

Hỡi ôi ! ... đèn thiên gió tắt!  
... đuốc tuệ khói tan.

Cân bình vắng bóng Tăng hàng  
Áo mào mờ trang giáo phẩm!

Để rồi:

“Ngắm phương trời lên cõi vô du  
Và, dò dẫm đất vào thành Bất thoái.

Lá rụng về cội  
Nước chảy ra khơi

Ta bà xả báo một đời  
Phật quốc nở hoa chín phẩm.”

Giờ đây, nhục thân của Hòa thượng đang tĩnh tọa trên đỉnh  
đồi Nguyên Thiều thơ mộng. Bên cạnh phía sau là Kim Thân  
Phật Tổ đã hằn vết rêu phong năm tháng, nhưng không mất vẻ  
uy nghiêm, từ bi muôn thừa nơi đấng Thế Tôn. Và phía dưới  
chân đồi là dòng sông Tân An rợp bóng tre xanh, bên cánh  
đồng lúa chín vàng. Dòng sông hiền hòa, tươi mát nên thơ của  
xóm làng, dân dã. Nơi đây, cứ mỗi chiều về hay giờ công phu

buổi sớm, Hòa thượng nghe từng tiếng chuông u minh, tiếng đại Hồng ngân nga diệu vợi trên đỉnh đồi, gió ngàn mang đi khắp chốn:

“*Nguyện thử chung thính siêu pháp giới  
Thiết vi u ám tất giai văn  
Văn trần thanh tịnh chứng Viên Thông  
Nhất thiết chúng sanh thành chánh giác  
Văn chung thính  
Phiên não khinh  
Trí huệ trưởng  
Bồ đề sanh  
Ly địa ngục  
Xuất hỏa khanh  
Nguyện thành Phật  
Độ chúng sanh.  
Án Đà Ra Đế Da Tóa Ha.*”

Dịch:

*Nguyện tiếng chuông này vang khắp chốn  
Thiết vi u ám thảy đều nghe  
Nghe rồi thanh tịnh chứng Viên Thông  
Tất cả chúng sanh thành chánh giác  
Nghe tiếng chuông, phiên não nhẹ  
Trí huệ lớn, Bồ đề sanh  
Li địa ngục, khỏi hầm lửa  
Nguyện thành Phật, độ chúng sanh  
Án Đà Ra Đế Da Tóa Ha.*

Tiếng chuông này, từ thời Hòa thượng còn sinh tiền đã bao nhiêu lần Hòa thượng thỉnh chuông và cầu nguyện, cho quốc thái dân an, cho Phật pháp trường tồn, cho Tăng Ni tín đồ thoát ly khổ hải. Hòa thượng một mình một bóng, lần chuỗi thỉnh chuông, niệm từng danh hiệu Phật cho đến ngày xả bỏ báo thân. Tâm Hòa thượng nhẹ như mây, bình bằng đó đây trong tam giới an nhiên tự tại, và thênh thang như gió, gió lộng trong hư không, mà chẳng máy may bị cản trở.

Những hàng thông cao vút, những hàng bạch đàn reo lá với gió ngàn, tiếng kinh Mông Sơn Thí Thực chiều nay trên chánh điện sao êm đềm, thanh thoát như tiễn đưa, như cứu độ bao loài oan hồn uống tử được siêu sanh.

Ánh trăng mười sáu soi rọi từng nhánh cây, kẽ lá trên đồi Nguyên Thiều, bóng trăng ẩn hiện, lấp lánh như muôn ngàn vì sao soi rọi bóng dáng ai bên cạnh chân Tháp, trên lối mòn dưới rặng cây, phát phơ tà áo vàng đang chống gậy trúc uy nghiêm hướng về cõi nhân gian miệng mỉm cười.

*San Diego, ngày 18 tháng 7 năm 2008*

*Nguyễn Siêu*

# GIÁO DỤC LÀ MỘT TRONG NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN TÂM CỦA HT THÍCH HUYỀN QUANG

THÍCH HẠNH BÌNH

**K**inh bạch Giác Linh Hòa Thượng, hôm nay là ngày cung tiễn kim quan của Ngài nhập bảo tháp. Con từ ngàn vạn dặm xa xôi, đốt nén tâm hương hướng về Nguyên Thiều, xin đê đầu đánh lễ trước linh đài, xin Ngài thùy từ miễn nạp. Kể từ hôm nay hình bóng từ hòa uy nghi của Hòa Thượng không còn ở nhân thế, đôi núi Nguyên Thiều vốn tịch tịch nay lại tịch tịch hơn, dẫu biết rằng thân ngũ uẩn có sinh thì có diệt, nhưng lòng sao vẫn không khỏi xót xa bùi ngùi. Sự ra đi của Ngài không những chỉ là sự mất mát lớn cho Phật Giáo Việt Nam, ngay cả chúng con hàng Tăng Ni Phật tử cũng mất đi một vị thầy khả kính. Kể từ đây dù cho thân tứ đại trả về cát bụi, nhưng cuộc đời và sự nghiệp của Ngài vẫn lưu mãi trong lòng nhân thế, lịch sử Phật giáo Việt Nam cũng theo đó thêm dòng son sử.

Nếu có ai nhìn cuộc đời và sự nghiệp của HT Thích Huyền Quang với bất kỳ địa vị nào trong cuộc đời và xã hội, với tôi Ngài vẫn đứng ở vị trí một vị Tăng hơn là những vị trí khác, nếu có đi chăng nữa cũng chỉ là phương tiện.

Xin thuật lại một vài câu chuyện mà chính tôi được hầu chuyện cùng Ngài, để chúng ta cùng suy gẫm, từ đó rút ra bài học, làm hành trang cho đời mình, trong sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh.

Nếu tôi nhớ không lầm vào khoảng thời gian năm 1991 hay 1992 gì đó, khi Ngài còn ở chùa Hội Phước, tỉnh Quảng Ngãi, tôi cùng TT Thái Siêu, thầy Tịnh Trí, Pháp Quang (lúc đó chưa xuất gia, hiện nay ở chùa Tịnh Luật, Texas) đến thăm sức khỏe Hòa Thượng. Trưa hôm ấy Ngài mua bún đãi chúng tôi, trong lúc ăn Ngài nói: “... *tuy GHPGVN chưa làm được gì, nhưng tôi nghe có ông thầy nào ở thành phố chạy chọt xin chính quyền lãnh được mấy chục bộ ‘Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh’ từ Đài Loan gửi về, thật là việc làm hữu ích... ít ra cũng có người làm được như vậy...*”. Thượng tọa Thái Siêu vừa ăn vừa chỉ qua tôi thưa: “*Bạch Hòa Thượng cái ông thầy mà lãnh Đại Tạng kinh đó hiện ở đây, chính là ông Hạnh Bình này*”. Hòa Thượng tay cầm rổ bún, quay qua hỏi tôi: “*Thầy ở đâu? Dệt tử của ai?... Vậy tôi thường công đức lãnh kinh của thầy*”. Miệng nói tay Ngài gấp bún bỏ vào tô của tôi. Ăn bún với nước tương cùng rau muống chẻ mà thật ngon, ngon nhất là chính mình được Hòa Thượng khen thưởng. Thú nghĩ xem: Tại sao Ngài không chú ý việc gì mà chú ý đến mấy bộ “Đại Tạng Kinh”?

Có lẽ cũng chính lần gặp ấy mà sau đó một năm, tôi nhận được một thư tay của Hòa Thượng viết do cô ĐN trao lại, với nội dung giao cho tôi trách nhiệm tìm những thầy cô đang theo học ở Học Viện, có đạo hạnh và học hành tốt, trợ giúp ít tiền

để mua sách vở học tập. Đặc biệt, trong thư Ngài dặn không nên có thái độ phân biệt, miễn thầy cô nào hiểu học và có đạo hạnh tốt là đủ rồi. Vào khoảng năm 1998 hay 1999, chính tôi lại được đọc một thư do Hòa Thượng viết (bằng chữ Việt) cho Thượng tọa Quảng Tâm ở Taiwan, với nội dung xin Thượng tọa giúp cho Tu Viện xây dựng Tàng Kinh Các (Thư Viện) để cho tăng ni học tập nghiên cứu hơn là xây dựng chánh điện. Năm 2006, khi tôi về Tu viện Nguyên Thiều đánh lễ hầu thăm sức khỏe Hòa Thượng, trong câu chuyện, Ngài luôn nhắc nhở tôi: *“Học xong nhớ trở về, Phật giáo Việt Nam mình cần người lắm, nhất là người biết chữ Hán, đọc và dịch được Đại Tạng Kinh...”* Ngài đề cập nhiều lần về vấn đề giáo dục. Ngài đã nói: *“Tôi nghe nói thầy Thích mở được trường Đại học tôi cũng mừng. Ở đây tôi cũng định mở lớp Cao đẳng Phật học, nhằm đào tạo tăng ni phiên dịch kinh điển...”* Ngài nói thêm: *“Thời gian qua, tôi đọc Đại Tạng Kinh, trong ấy lời Phật dạy rất hay, tôi thấy đoạn nào hay đã làm dấu, sau này thầy về nhớ dịch ra...”* Hai giờ đồng hồ qua thật mau, câu chuyện giáo dục đào tạo Ngài vẫn nói chưa hết, tôi sợ Ngài mệt, cho nên phải đánh lễ xin từ giả Ngài.

Giữa năm 2007, tôi lại về thăm Hòa Thượng, lúc này Ngài đã khá yếu, Ngài hỏi tôi: *“Chuyện học đã xong chưa? Khi nào về nước? Nhớ về Nguyên Thiều nhen, tôi sẽ cung cấp đầy đủ phương tiện cho thầy làm việc, không sợ thiếu tiền thiếu bạc, chỉ thiếu người làm việc mà thôi...”* Mặc dù Ngài muốn nói chuyện nhiều hơn nữa, nhưng thấy sức khỏe của Ngài hơi yếu, cho nên tôi đành xin từ.

Một tuần trước khi Ngài viên tịch, tôi có về thăm Ngài lần cuối. Ngài đang nằm tại phòng hồi sức tại bệnh viện Quy Nhơn. Khi ấy sức khỏe Ngài rất yếu nhưng tinh thần của Ngài vẫn tinh táo. Tôi lưu lại Tu Viện Nguyên Thiều thêm mấy ngày sau đó và rồi trở về lại Taiwan, để đi hết đoạn đường học hành còn lại.

Qua những lần gặp gỡ và những hầu chuyện Ngài, tôi có thử thống kê và đưa ra một số vấn đề: Trong suốt thời gian có thể nói gần 20 năm, lần nào tôi gặp Ngài, câu chuyện của Ngài cũng vẫn xoay vào một chủ đề. Ngài không đề cập vấn đề gì khác ngoài những chuyện: Phiên dịch Đại Tạng Kinh, mở đại học, xây Phật học viện, học bổng cho tăng ni học tập, mời gọi người cộng tác. Vì sao như vậy? Phải chăng đây là tư tưởng chính của Ngài? Phải chăng đây là tư tưởng mà Ngài muốn xây dựng cho GHPGVNTN, ít nhất dưới thời của Ngài lãnh đạo? Dưới đây tôi xin phân tích về những vấn đề quan tâm của Ngài.

### **1. Phiên dịch Đại Tạng Kinh**

Nếu như trong “Kinh Đại Niết Bàn” đức Phật dạy chúng đệ tử về pháp “Tứ y” rằng: “*Y pháp bất y nhân, y nghĩa bất y ngữ, y trí bất y thức, y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa*” (CBETA, T12, no. 374, p. 401, b28-29), thì ở đây chúng ta thấy vấn đề Ngài quan tâm tâm đến phiên dịch bộ Đại Tạng Kinh ra tiếng Việt là hợp lý, vì nó là điểm tựa là mục đích cho mọi người xuất gia cũng như tại gia hướng đến, cho dù là người nào, nước nào, tông phái nào, ngay cả giáo hội nào, nếu như không dựa vào Pháp mà dựa vào quan điểm cá nhân của người nào thì có thể gặp



phải nguy hiểm. Nếu như Đại Tạng Kinh được dịch sang tiếng Việt, mọi người ai cũng đọc được, y theo đó mà hành, ắt hẳn sự nguy hiểm sẽ ít hơn. Đây chính là lý do tại sao Ngài quan tâm nhắc đi nhắc lại việc phiên dịch bộ Đại Tạng Kinh.

## **2. Thành lập cơ sở giáo dục**

Đề cập đến sự phát triển cho tổ chức hay quốc gia nào trước tiên người ta luôn đề cập đến nền tảng và hệ thống giáo dục. Một người mà không được giáo dục sẽ là người hư trong xã hội, một đoàn thể tổ chức mà không có giáo dục thì tổ chức đó lụn bại, một quốc gia không xem trọng việc giáo dục thì quốc gia ấy có nền kinh tế ỉ ạch, kém phát triển, ngay cả vấn đề chính trị cũng không ổn định và bền vững. Sự thiết yếu về giáo dục đối với xã hội đã là như thế, huống là Phật giáo với chủ trương lấy tuệ giác làm sự nghiệp. Hình thức giáo dục của Phật giáo là Phật học viện, chuyên giảng dạy những vấn đề Phật học. Đại học cũng là một nhu cầu thực tế cho Phật giáo ngày nay, nhất là Phật giáo Việt Nam. Chỉ có Đại học mới đủ tư cách quan hệ quốc tế, giao lưu trong lãnh vực chuyên môn. Có Đại học hay tối thiểu có Phật học viện mới làm chủ được việc đào tạo người chuyên môn, đảm đương trọng trách Giáo hội. Đây chính là lý do tại sao Ngài quan tâm đến vấn đề giáo dục, mở Phật học viện.

## **3. Chiêu hiền đãi sĩ**

Tôi đề cập điểm này, không có ý tự ám chỉ mình, chỉ mượn câu chuyện Hòa Thượng đã nhấn nhủ: khi học xong về nước phục vụ cho Phật giáo. Qua lời dạy này, tôi hiểu nó như là

chính sách “Chiêu hiền đãi sĩ” của Hòa Thượng. Quả thật, trong vấn đề con người—nhất là nhân sự làm việc trong tổ chức, có trsavinh độ chuyên môn—Chiêu hiền đãi sĩ là nhân tố quan trọng, tăng nguồn năng lực để giải quyết vấn đề và tạo yếu tố tích cực cho tổ chức phát triển. Qua kinh nghiệm về sự phát triển toàn diện của nước Mỹ ta thấy chính sách chiêu hiền đãi sĩ, trọng dụng nhân tài đặc biệt được quan tâm. Gần đây, cũng nhờ áp dụng chính sách này mà nước Singapore đã vươn lên trở thành một trong những nước ổn định và phát triển hàng đầu của Châu Á. Đây chính là lý do mà Ngài rất chú tâm đến việc chiêu hiền đãi sĩ.

#### *4. Thái độ dung hòa không cố chấp*

Nếu nhìn quá trình làm việc của Ngài kể từ sau năm 1975, chúng ta thấy về mặt hình thức có những thay đổi bất thường. Sự kiện Hòa Thượng với vị trí và tư cách của mình đích thân đi khắp 3 miền, thăm chư tôn đức lãnh đạo trong GHPGVN, chúng ta lý giải như thế nào về nghĩa cử này ngoài tấm lòng vô ngã vị tha, y nghĩa bất y ngữ, vì sự hòa hợp của Phật giáo? Phải chăng Ngài nhìn thấy nỗi nguy hiểm của sự mất hòa hợp trong Tăng già. Sự mất hòa hợp đó không có lợi gì cho hiện tình Phật giáo mà còn là dấu ấn không lấy gì đẹp đẽ của lịch sử Phật giáo Việt Nam không những ở trong nước mà ngay cả hải ngoại. Những chứng tích đó sẽ là những bằng chứng cụ thể để thế gian phê phán Phật pháp. Chúng ta có quyền đặt những nghi vấn trong vấn đề này, nhưng không thể quên rằng thực trạng của PGVNTN ở hải ngoại là một minh chứng cụ thể lý giải tại

sao Ngài phải làm như thế. Hơn nữa, việc làm mang lại sự hòa hợp cho Tăng già không phải là xấu hổ, điều đáng xấu hổ là chúng ta chưa làm tốt trách nhiệm đem ánh sáng từ bi trí tuệ của Thế Tôn vào xã hội, là sự rạn nứt của Tăng già. Do vậy, hành động đích thân đi thăm các chư tôn đức của Ngài, là nghĩa cử cao đẹp trọng phu, cũng là việc nên làm và khuyến khích làm của tu sĩ Phật giáo.

Với những phân tích trên, tôi rút ra vài nhận định mang tính cá nhân về Hòa Thượng như sau: Hòa Thượng là một vị lãnh đạo xuất sắc của Phật giáo Việt Nam của thời cận đại. Chủ trương của Ngài là lấy sự hưng thịnh của Phật Pháp làm mục đích, lấy sự hòa hợp của Tăng già làm sức mạnh, đồng thời thực thi chính sách cụ thể là: phiên dịch Đại Tạng Kinh, triển khai giáo dục mở Đại học, Phật học viện, đào tạo tăng tài và trọng dụng nhân tài, chiêu hiền đãi sĩ.

Thiết nghĩ đã đến lúc chúng ta phải nhìn lại chính mình, Tông môn, và ngay cả Giáo Hội của mình. Nếu xét thấy đường hướng phù hợp với chính pháp thì chúng ta nên tiếp tục duy trì và phát triển. Ngược lại, nếu không phù hợp Phật pháp, cho dù ở Tông nào, phái nào, Giáo hội nào, chúng ta cũng cần rút kinh nghiệm và điều chỉnh để phù hợp với chánh pháp.

Cơ sở Tu viện Nguyên Thiều, có thể nói là nơi mà Ngài muốn thực thi kế hoạch này, trước và sau năm 1975, nơi đây như là một kỷ niệm về Ngài. Kế hoạch của Ngài không những làm lợi cho đạo mà còn làm lợi cho đời, cho quốc gia dân tộc và Phật giáo Việt Nam. Nếu không gì trở ngại, những ai quan tâm ủng

hộ Ngài, xin hãy cùng nhau đồng lòng chung sức thực thi con đường giáo dục, phiên dịch, nghiên cứu của Ngài. Đó chính là cách đáp đền công ơn của Ngài, và cũng là cách hay nhất cho việc duy trì và phát huy GHPGVNTN.

Trên đây chỉ là những ý kiến cá nhân không đại diện cho bất cứ ai và tổ chức nào.

*Đài Bắc ngày 11 tháng 07 năm 2008*

***Thích Hạnh Bình***

# NHỚ TÔN SƯ, HT THÍCH HUYỀN QUANG

HẠNH CỜ

**K**ính bạch Giác Linh Ôn,  
Từ khi nghe tin Ôn trở bệnh nặng, phải vào nằm bệnh viện Qui-nhon, chúng con, những đứa học trò cũ của Ôn từ giữa thập niên 50 của thế kỉ trước, ở Nha-trang, hiện đang sống lưu lạc ở hải ngoại (*đa số là thành viên của Ban Bảo Trợ Phiên Dịch Pháp Tạng Việt Nam*), đã bàn bạc xôn xao, bồn chồn lo lắng cho một sự mất mát to lớn chẳng biết sẽ xảy ra cho mình vào lúc nào! Chúng con phải chuẩn bị tinh thần để chịu đựng cái biến cố trọng đại này. Tuy vẫn biết rằng, thuận thế vô thường là việc đương nhiên của bậc Đại-sĩ, thế mà, sáng sớm ngày 5 tháng 7 năm nay, 2008, ở đạo tràng An Cư của Chư Tăng Canada và Hoa-kỳ, tại chùa Bát-nhã, Calgary-Alberta-Canada, khi vừa nghe Chư Tăng Trường Hạ cho biết, Ôn mới vừa viên tịch tại Tu Viện Nguyên Thiều, con bàng hoàng sững sốt, nghẹn ngào thầm khóc trước Chư Tăng, tinh thần trở nên yếu đuối, nỗi đau buồn cứ dâng cao, không có sức gì kèm chế được!

Bây giờ là cuối tuần thứ ba từ hôm Ôn viên tịch. Trong những

ngày qua, con vẫn ngồi đây, trong phòng dịch kinh, vừa dịch kinh vừa cố ôn lại những kỉ niệm thân thương mà Ôn và chúng con từng trải qua trong đời. Hồi đó, con chỉ là một đứa học trò rất nhỏ của Ôn, tuổi chừng 14, 15 gì đó, mà bây giờ con cũng đã vói tới tuổi 70 rồi. Thời gian đã thật xa, cuộc đời nhiều lo toan cực nhọc, đến hôm nay thì tâm tư mỏi mòn, trí nhớ còm cõi, chuyện xưa con chắc chẳng còn nhớ được bao nhiêu! Thôi thì cứ nhớ được chuyện gì, con xin nhắc lại chuyện đó, để... nhớ Ôn!

Kính bạch Giác Linh Ôn! Con còn nhớ, lúc đó là năm 1954, sau hiệp định Genève mấy tháng, Ôn đã từ Bình-định vào Phật Học Đường Nha Trang, và được thỉnh cử làm Giám-đốc để điều hành Phật-học-đường này. Ngôi trường Phật học này đặt tại chùa Long-sơn, trụ sở Hội Phật Học Khánh-hòa (Ôn Thiện Minh làm Hội-trưởng), đã được mở từ năm 1952 (do ngài Thích Định Tuệ làm Giám-đốc), nằm trong chương trình chấn hưng Phật giáo và đào tạo tăng tài do Giáo Hội Tăng Già Trung Việt (lúc đó) chủ trương. Với trách nhiệm đào tạo tăng tài cho Giáo Hội, Ôn cùng với Ôn Trí Thủ, Ôn Thiện Minh, đã từng du hành qua các tỉnh Trung-phần Việt-nam, đến các chùa, kể cả những ngôi chùa ở tận các làng xã hẻo lánh, vận động quý thầy Trụ Trì cho các đệ tử “về” ở Phật Học Đường Nha Trang tu học. Tâm chân thành của Quý Ôn đã được phần đông các chùa hưởng ứng, cho nên, điệu chúng từ Đà-lạt, Phan-rang, Phan-thiết, Phan-rí, Nha-trang, Phú-yên, Bình-định..., trước sau lần lượt qui tụ về Phật-học-đường, con số học chúng đến gần trăm vị, chia ra có “lớp lớn” và “lớp nhỏ”.

“Lớp Nhỏ” chúng con hồi đó có Thắng, Vinh, Khánh, Tâm, Dân, Ký, Đích, Bình, Hòa, Sanh, Thiên, Ngô, Lạc, Chút, Ninh, Chánh, Đài, Xây, Lợi, Trí, Đường, Kính, Thành, Dự, v.v... ba, bốn chục điệu. Chúng con được cho học đầy đủ song song hai chương trình nội điển và ngoại điển. Ban ngày thì học ngoại điển ở trường Bồ-đề; tối đến thì học nội điển. Hồi đó Ôn vừa làm giám đốc, vừa làm giáo thọ. Con nhớ Ôn đã dạy chúng con môn Duy Thức, bằng tác phẩm *Duy Thức Tam Thập tụng*. Một hôm, nhân dạy đến câu “*Hằng chuyển như bặc lưu*”, sau khi giảng giải, Ôn đã gọi con lên đứng trước bảng đen, hỏi: “Con có hiểu không?” Con thưa: “Dạ thưa Thầy, con hiểu.” Ôn bảo: “Con hiểu thế nào, nói cho chúng nghe!” Con vâng lời, nói về dòng thác, mới nhìn thì thấy như một tấm vải trắng dài lớn, nhưng sự thật là do vô số giọt nước nối tiếp nhau chảy xiết làm thành. Để thấy rõ bằng sự vật trước mắt, con đã chạy đi thắp một cây nhang, cầm cây nhang ấy quay nhanh thành vòng tròn thì thấy rõ ràng là một vòng lửa, như thế do một sợi dây lửa đỏ làm thành; mà sự thật, cái “vòng dây lửa đỏ” ấy là do từng đốm lửa nối tiếp nhau làm thành. Tâm thức trong đời sống hằng ngày cũng vậy, là do niệm niệm nối tiếp nhau trôi chảy, thay đổi vô thường, chỉ có chân tâm mới là không sinh diệt. Ôn khen: “Giỏi!”

Đối với quý thầy ở “Lớp Lớn”, ngoài chương trình tu học ở học đường, Ôn cùng Ôn Thiện Minh còn huấn luyện cho quý thầy trở thành những vị giảng sư của Giáo Hội. Vào các dịp lễ lớn của Phật giáo, Quý Ôn đã phân phái quý thầy về từng chi hội, khuôn hội, từ tỉnh thành cho đến quận huyện, làng xã nơi

thôn quê hẻo lánh, để diễn giảng và hướng dẫn tu học cho Phật tử. Quý thầy Đồng Quán, Đồng Minh, Trùng San, Đồng Thiện, Như Bửu, Nguyên Trạch, Đồng Từ, Liễu Không, Từ Hạnh, Tâm Lâm, Nguyên Hồng, Như Cầu, Từ Mẫn, Thiện Nhơn, Thiện Duyên, Như Huệ, v.v... cũng đến hai, ba chục thầy, đều là những tăng sĩ xuất sắc của Giáo Hội được đào tạo trong thời gian đó.

Không những Ôn rất quan tâm đến vấn đề học tập và hạnh kiểm của tăng ni sinh, mà đối với sự tu học của hàng cư sĩ Phật tử Ôn cũng hết lòng chú trọng. Con còn nhớ, hồi đó Ôn có soạn từng bài giáo lý ngắn, làm thành từng tập sách nhỏ, gọi là “*Tài Liệu Học Tập Phật Pháp*”; rồi thỉnh thoảng Ôn tổ chức một khóa học Phật pháp cho Phật tử tại các Niệm Phật Đường của các khuôn hội trong thành phố Nha-trang và các vùng phụ cận. Lớp học được mở mỗi buổi tối, hoặc cách một tối, kéo dài đến vài ba tuần, Ôn phân nhiệm quý thầy đi dạy, mỗi Niệm Phật Đường là một thầy. Nhờ sự giáo dục ân cần này mà quần chúng Phật tử đều thấm nhuần Phật pháp, tinh thần phấn chấn, lòng tin Tam Bảo sâu đậm, tâm đạo kiên cố, hàng ngũ ngày càng đông đảo, oai nghi chính tề; khiến cho vào thời đó, Phật giáo Việt-nam tuy đang bị chính quyền kỳ thị, vẫn ngấm nhiên trở thành một tôn giáo có thể lực quần chúng mạnh mẽ nhất!

Kính bạch Giác Linh Ôn! Đến năm 1957 thì có sự thay đổi quan trọng: Theo quyết định của Giáo Hội Tăng Già Trung Việt, hai Phật-học-đường Báo-quốc (Huế) và Nha-trang được



đem sáp nhập lại, lập thành Phật Học Viện Trung Phần, đặt tại chùa Hải-đức, Nha-trang. Phật-học-viện này do Ôn Trí Thủ làm Giám-viện, Ông Thiện Siêu làm Đốc-giáo, còn Ôn thì được thỉnh cử làm Tổng-thư-ký. Sang năm sau thì Ôn về lại Bình-định để kiến lập Tu Viện Nguyên Thiều, từ đó, con không được sống gần Ôn nữa. Cho mãi đến năm 1963...

Mùa Phật Đản năm 1963, trong khi chúng con đang thi hành công tác Phật sự tại các tỉnh miền Trung, thì được nghe phong thanh có lệnh của chính quyền không cho phép Phật giáo được treo giáo kỳ trong ngày lễ Phật Đản. Các chùa hay trụ sở hội Phật học nào đã lỡ treo cờ Phật giáo đều phải hạ xuống hết. Chúng con thật hoang mang. Khi công tác vừa hoàn mãn, chúng con về lại các chùa Tỉnh Hội của các tỉnh địa phương, mới biết được tin tức rõ ràng, xác thật là như vậy, nhìn trụ sở Tỉnh Hội, không có lá giáo kì nào được treo, khác với mùa Phật Đản các năm trước, cờ xí khắp nơi, rợp trời! Tức tức, từ các tỉnh xa xôi (như Pleiku, Kontum, Ban-mê-thuột, Đà-lạt, Lâm-đồng, Phan-thiết), không hện mà chúng con, hoặc bằng xe lừa, hoặc bằng xe đò, đều cùng trở về Sài-gòn. Khoảng sau giờ Ngọ ngày 15.5.1963, chúng con lục tục về tới chùa Già-lam (được xây cất năm 1960 tại Gia-định). Chúng con liền điểm mặt nhau: Đích (Nguyên Phương), Dẫn (Thiện Thông), Hòa (Nguyên Thuận), Lợi (Hạnh Cơ), Ký (Đức Hạnh), Trí (Nguyên Lượng)..., rồi đâu có kịp ăn uống gì, chúng con dùng xe đạp, kéo nhau hết lên chùa Ấn-quang để xem sự tình ra sao. Lên đến nơi, chúng con vào ngay trong giảng đường, thì thấy Ôn và Ôn Quảng Độ đã ngồi ở đó từ lúc nào rồi! Hai Ôn đang làm gì mà thấy rất bận

rộn, giấy tờ cả đống, soạn tới soạn lui... Chúng con vào cúi đầu xá hai Ôn, rồi cùng thưa: “*Thưa Thầy, có việc gì cho chúng con làm ngay bây giờ không?*” Chúng con thấy Ôn vui hẳn ra, bảo: “*Nếu các chú rảnh, thì ngay bây giờ, Thầy nhờ các chú chia nhau đến tất cả các chùa tăng, chùa ni trong đô thành, mời tất cả tăng ni, 3 giờ chiều ngày mai qui tụ về giảng đường chùa Ấn-quang để nghe Qui Thầy nói chuyện về tình hình Phật giáo.*” Chúng con vâng lệnh thi hành tức khắc; và như thế là cuộc tranh đấu của Phật giáo chống lại chính sách kì thị và đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm bắt đầu... Sau đó thì Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo được thành lập để chính thức tiến hành cuộc đấu tranh trên toàn lãnh thổ VNCH, trụ sở hoạt động được đặt tại chùa Xá-lợi, Sài-gòn, Ôn Tâm Châu làm Chủ-tịch, và chính Ôn đảm nhận chức vụ Tổng-thư-ký. Với chức vụ này, ngoài việc điều hành mọi công tác hành chánh, soạn thảo mọi thông bạch, thông cáo, công văn giao dịch với chính quyền v.v..., Ôn còn tự tay soạn các tài liệu (kể cả truyền đơn) dùng vào công cuộc tranh đấu. Công việc thật nhiều, Ôn làm việc ngày đêm, cho nên trong thời gian ấy Ôn đã cư ngụ luôn tại chùa Xá-lợi. Trong lúc đó thì con làm thư ký riêng cho Ôn Thiện Minh, cho nên cũng phải ở luôn tại chùa Xá-lợi; do đó mà con lại được dịp gần gũi và liên lạc công việc thường xuyên với Ôn trong suốt thời gian đó. Cho đến giữa khuya ngày 20 tháng 8 năm ấy...

Kính bạch Giác Linh Ôn! Ôn biết rõ về những vấn đề cốt lõi trong cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt-nam với chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm, vì Ôn là một trong những “chiến lược gia” tham mưu của phong trào tranh đấu. Phật giáo thì thuần

túy bất bạo động, còn chính quyền thì có trong tay thật dồi dào các phương tiện đàn áp. Trong thời gian đó đã có nhiều cuộc bàn thảo giữa hai bên để mong phía chính quyền giải quyết ổn thỏa các yêu sách chính đáng của Phật giáo, nhưng thay vì thành tâm giải quyết sự việc, đem lại an vui cho dân chúng, thì chính quyền cứ hứa hươu hứa gấu, dằng dai kéo dài thời gian để tìm cách triệt hạ Phật giáo cho bằng được. Ngày 11 tháng 6, Bồ Tát Quảng Đức tự thiêu để cầu nguyện cho pháp nạn Phật giáo. Hôm Ôn bùng quả tim kim cương của Bồ Tát Quảng Đức (còn lại sau khi tự thiêu) đứng trong chánh điện chùa Xá-lợi, hình ảnh Ôn lúc đó thật trang nghiêm, mọi người đã sụp lạy; hình ảnh ấy con còn nhớ mãi... Ngọn lửa tự thiêu đã làm chấn động cả thế giới, đã làm cho cả loài người bàng hoàng sửng sốt. Rồi vào giữa tháng 6, do áp lực từ nhiều phía, chính phủ phải chấp nhận ngồi họp với Phật giáo để giải quyết những yêu sách của Phật giáo đưa ra. Cuộc họp quan trọng ấy đã diễn ra tại hội trường Diên-hồng, giữa một bên là Ủy Ban Liên Bộ, đại diện chính phủ Ngô Đình Diệm, và một bên là Phái Đoàn đại diện Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo. Phái đoàn Phật giáo do Ôn Thiện Minh làm trưởng phái đoàn, thành viên có Ôn Tâm Châu và Ôn Thiện Hoa; Ôn là thư kí của phái đoàn, và thầy Đức Nghiệp là phó thư ký. Hôm đó con cũng may mắn được ôm cặp theo hầu Ôn Thiện Minh, được ngồi trong một góc để quan sát cuộc họp. Trong cuộc họp đó, Quý Ôn, tuy ngôn từ khiêm cung từ tốn, nhưng luôn luôn tràn đầy uy lực, lúc nào cũng ở thế thuyết phục đối với bất cứ vấn đề gì. Đối với những chuyện kì thị đối xử và đàn áp Phật giáo của chính quyền, do

Ôn Thiện Minh đưa ra, bên chính phủ đều chối bỏ; nhưng đâu có chối được, vì Ôn ngồi ngay bên cạnh đó, với nhiệm vụ thu ký, Ôn có trước mặt tập hồ sơ dày cộm, cả trăm trang đánh máy, chúng cứ rành rành, đầy đủ đây mà! Sau cùng, cuộc họp kết thúc với bản *Thông Cáo Chung* 5 điểm, đều có lợi cho Phật giáo. Nếu bản *Thông Cáo Chung* này được chính quyền thực tâm thi hành thì xã hội đã thái bình, nhân dân an lạc. Nhưng không, họ vẫn một mực muốn tiêu diệt Phật giáo, việc ký bản *Thông Cáo Chung* chỉ là bước nhượng bộ nhằm xoa dịu tình hình trong nhất thời, để rồi tìm kế sách hữu hiệu mới cho việc đàn áp Phật giáo. Bởi vậy, sau đó, bản *Thông Cáo Chung* đã không được chính phủ thi hành, mà sự đàn áp của chính quyền lại ngày càng gia tăng mạnh mẽ trên toàn quốc, mảnh khước trấn áp cũng ngày càng tinh vi hơn. Và theo đó, cuộc đấu tranh của Phật giáo, tuy vẫn thuần túy bất bạo động, cũng đã ngày càng quyết liệt hơn. Kết quả, việc phải tới đã tới, đêm 20 rạng ngày 21 tháng 8, chính quyền đã sử dụng các lực lượng tinh nhuệ nhất của chế độ, đồng loạt tấn công vào các chùa viện trên toàn quốc, bắt hết chư tăng ni và Phật tử đem bỏ tù!

Riêng tại chùa Xá-lợi, như được người thân tín mật báo trước, buổi chiều hôm ấy, Ôn bảo nhỏ cho tất cả Phật tử hãy về nhà trước khi trời tối, chỉ có tăng ni là vẫn ở lại tiếp tục làm phận sự của mình. Ôn và Ôn Tâm Châu ngầm chỉ thị cho quý thầy Ban Trật Tự tăng cường nhân sự, chuẩn bị phòng thủ nghiêm mật. Từ giờ phút đó, cổng chùa đóng chặt, chỉ có Phật tử trong chùa ra về, còn ở ngoài thì không ai được vào chùa, kể cả tu sĩ; ngoại trừ các tăng ni vốn làm việc trong chùa, ra ngoài đi công tác về

trễ. Tối đó, khóa lễ Tịnh Độ vẫn cử hành như thường; mọi công việc (đánh máy, quay ronéo tài liệu, sắp xếp truyền đơn, vẽ bích chương v.v...) vẫn làm theo giờ giấc. Rất nhiều bao ni-lông và chanh cắt từng miếng sẵn sàng (để “chống” lựu đạn cay!). Sau 10 giờ thì đèn đuốc tắt hết, chỉ để lại vài ngọn đèn lù mù trong các phòng và chánh điện, một không khí chờ đợi nặng nề bao phủ khắp chùa; tất cả chư tăng ni hiện trú, từ bậc lãnh đạo tối cao là Ôn Pháp Chủ Tịnh Khiết, xuống đến các chú sa di làm việc vặt, đều chuẩn bị tinh thần cho một cuộc tấn công của chính quyền vào chùa trong đêm nay, chưa biết chắc là vào giờ nào, và tấn công như thế nào!

Cuối cùng rồi tai nạn cũng đã đến với chư tăng ni. Hơn 11 giờ đêm thì cuộc tấn công bắt đầu. Từng bóng người nháy từ hàng rào vô sân chùa. Cổng chùa bị bẻ khóa, mở toang. Lựu đạn cay, lựu đạn khói được ném tới tấp vào các phòng ở tầng dưới, tầng trên, chánh điện, tháp chuông, khói cay mù mịt khắp nơi. Tuy trong tay không có tắc sắt, nhưng cuộc chống đỡ, kháng cự của quý thầy Ban Trật Tự cũng mạnh mẽ, kiên cường lắm. Nhưng dù có chống đỡ thì cũng chỉ như trúng chọi đá mà thôi, cho nên sau hơn một tiếng đồng hồ dằng co, nhiều thầy và cô bị ói mửa, ngạt thở, nhiều thầy đã bị thương, có thầy còn bị thương rất nặng; tất cả tăng ni trong chùa, lần lượt bị họ lôi hết ra để ngồi trên sân chùa. Lúc đó con đố ý nhìn, nhưng không biết Quý Ôn ở đâu. Sau khi họ lục lọi khắp các nơi xó xỉnh trong chùa để biết chắc là không còn sót ai núp ở đâu, họ “lùa” hết chư tăng ni ra đường. Một đoàn xe “bít bùng” đã đậu chờ sẵn, từng toán tăng ni bị “lùa” lên xe, rồi đoàn xe chuyển bánh,

chạy đi trong đêm khuya. Những chiếc xe “nhà binh” được phủ che kín mít, người ngồi bên trong không có cách gì nhìn thấy phố xá ở hai bên đường. Họ chẳng cần bịt mắt ai cả, nhưng chẳng ai biết được họ chở mình đi đâu, chỉ có cảm giác rằng, lúc này xe chạy thẳng, bây giờ xe quẹo phải, bây giờ xe quẹo trái, lúc này xe chạy thẳng..., thế thôi; dù vậy, con cũng mừng tượng được là xe đang chạy hướng về Chợ-lớn. Xe chạy loanh quanh cũng khá lâu, chắc mất khoảng gần tiếng đồng hồ, rồi dừng lại. Có lệnh bảo xuống xe. Họ rọi đèn sáng choang, mới thấy mình đang đứng trong sân của một đồn cảnh sát, có hàng rào dây kẽm gai thật cao, bao bọc chung quanh, có hàng trăm cảnh sát đã chiến canh giữ. Chu tăng ni xuống xe hết rồi, đoàn xe ra khỏi đồn cảnh sát, cánh cổng sắt to lớn được đóng lại. Có lệnh tất cả vào bên trong đồn, và thủ tục ghi danh “nhập trại” bắt đầu. Thật là bất ngờ, vì đây là chuyện con không hề nghĩ tới: trong khi mọi người sắp hàng vào ghi danh, con nhìn thấy người đứng trước con ba bốn thầy, chính là Ôn! Và người đứng cách trước Ôn hai ba thầy, lại là Ôn Trí Quang! Ôi, con vui mừng biết bao nhiêu, đâu có niềm vui nào to lớn hơn, trong cảnh hoạn nạn mà được có Quý Ôn bên cạnh như thế này! Bạch Ôn, con không hề nghĩ tới chuyện này là tại vì, theo chúng con biết, tất cả hàng lãnh đạo cao cấp của phong trào tranh đấu Phật giáo (như Ôn Pháp Chủ, Ôn Tâm Châu, Ôn Thiện Minh, Ôn Quảng Độ v.v...) đều bị chính quyền giam giữ biệt lập; cho nên chúng con, ai cũng yên chí là không có Ôn nào được đưa vào đồn cảnh sát này cả; chỗ này toàn là đám cấp dưới mà thôi. Còn một điều nữa cũng khá lạ lùng: không ai bảo

ai, mà trong lúc khai tên cho cảnh sát làm danh sách, tất cả đại chúng đều tự động chỉ khai tên tục, không khai pháp danh, cả hai Ôn cũng vậy. Mà họ cũng không bắt phải trình căn cước, không đòi phải khai pháp danh. Có lẽ nhờ đó mà hai Ôn không bị lộ ở trại giam này. Lúc đó họ mở loa phóng thanh để cho mọi người đều nghe tin tức “sốt dẻo” từ đài phát thanh Sài-gòn. Tin tức loan rằng, chính phủ vừa bắt được trọn ổ bọn sư Việt cộng làm loạn để đem lại an ninh trật tự cho dân chúng. Rồi họ kể tiểu sử của từng Ôn: Thích Tịnh Khiết, Thích Tâm Châu, Thích Thiện Minh v.v..., Ôn nào cũng là Việt cộng nằm vùng, hoặc thân cộng cả. Họ còn nói rõ: *“Các tên đầu sỏ đã bị bắt hết, chỉ có hai tên Trí Quang và Huyền Quang còn đang tại đào, nhưng chắc chắn sẽ không thoát khỏi lưới pháp luật.”* Nghe được điều này, chúng con mới thực sự yên tâm, vì biết chắc họ đã không nhận diện được hai Ôn ở đây.

Ghi danh xong, họ chỉ định chỗ ở, toàn thể chư tăng ở một dãy nhà phía Đông, toàn thể chư ni ở một dãy nhà phía Tây. Thủ tục ban đầu như thế là tạm xong, lúc đó thì trời vừa hừng sáng. Chúng con ra sân đồn, thấy tấm bảng đề: *“Bót Cảnh Sát Rạch Cát”*. Vậy ra, đây là quận 8 của đô thành Sài-gòn. Mặt trời đã mọc, ánh sáng đã tỏ rõ, con thấy đồn cảnh sát này có một khuôn viên quá rộng, ba bên có lạch nước bao bọc, lại có hàng rào dây kẽm gai rất cao bao khắp bốn mặt, tù nhân khó mà trốn ra khỏi được. Nhìn khắp một lượt, ước lượng con số chư tăng ni bị nhốt ở đây khoảng gần 800 vị, được chở tới từ các chùa Xá-lợi, Ấn-quang, Giác-minh, Dược-sư, Từ-nghiêm, Huê-lâm v.v... Đã thấy rõ có hai Ôn ở đây, chúng con, chín mươi người

đã từng thân cận bên hai Ôn hằng ngày, lúc đó đã rí tai nhau, dùng tờ vé kính cẩn trước mặt hai Ôn như hồi ở chùa, mà cứ giữ cử chỉ bình thường, như thể không có vị thầy cao cấp nào ở đây cả. Từ lúc đó trở đi, trong suốt thời gian bị nhốt ở bót cảnh sát này, chín, mười đứa chúng con lúc nào cũng chùm nhum bao quanh hai Ôn. Hai Ôn đứng thì cùng đứng, hai Ôn ngồi thì cùng ngồi, lúc ăn lúc ngủ, lúc giải trí, luôn luôn như vậy; mục đích là để che hai Ôn, làm cho “người ta” không thể nhìn thấy mặt hai Ôn. Hai Ôn ngậm cho lệnh, tất cả tăng ni cứ giữ thời khóa tu học hằng ngày, không bàn tán xôn xao, không tỏ cử chỉ náo động nào. Họ thấy nếp sống của chư tăng ni hàng ngày nghiêm trang, thanh tịnh, không có một hành động hay lời nói nào chống đối họ, thì họ cũng yên tâm, không dòm ngó soi mói, không hoanh hợe khát khe, cứ để cho chư tăng ni tự do thực hiện thời khóa của mình.

Vào bót cảnh sát Rạch-cát là rạng sáng ngày 21.8, nhằm ngày Mồng 3 tháng Bảy âm lịch, đến ngày Rằm tháng 7 âm lịch (tức ngày 2.9 dương lịch) thì toàn thể tăng ni ở đây được thả về hết, tổng cộng thời gian ở tù là 13 ngày. Con còn nhớ, sau đêm 20 tháng 8, khi đã bắt giam hết chư tăng ni tranh đấu vào các trại giam, khai tử Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo, chính quyền bèn cho ra đời một tổ chức Phật giáo thân chính quyền, được đặt tên là Ủy Ban Liên Hiệp Phật Giáo Thuần Túy, và thỉnh cầu Ôn Thiện Hòa làm chủ tịch của tổ chức mới này. Theo con nghĩ, có lẽ Ôn Thiện Hòa đã vì muốn cứu chư tăng ni ra khỏi cảnh tù tội mà phải nhận lời chính quyền làm chủ tịch Ủy Ban Liên Hiệp Phật Giáo Thuần Túy; rồi dùng cái “thế” của Ủy



Ban này mà can thiệp với chính quyền để trả tự do cho chu Quí Ôn và chu tăng ni; và bước đầu tiên là thả chu tăng ni cấp dưới ở bót Rạch-cát này đây. Sáng hôm ấy, một đoàn xe “nhà binh” lại sắp hàng đậu dọc theo con lộ ở trước bót cảnh sát. Đám tù nhân tăng ni được lệnh tập trung ở sân đồn cảnh sát, hai Ôn vẫn được chúng con bao quanh khéo léo như những ngày qua. Rồi vài thầy đại diện cho Ủy Ban Liên Hiệp Phật Giáo Thuận Túy xuất hiện trước tù nhân, nhả nhủ vài lời trước khi thông báo cho tù nhân biết, hôm nay ngày Rằm tháng Bảy âm lịch, chính phủ ân xá, thả hết tăng ni trở về chùa lo thuận túy tu học, đừng nghe theo lời xúi giục mà phá rối trị an nữa. Tiếp đó, mọi người về chỗ ngủ lấy tư trang của mình, rồi ra khỏi cổng, leo lên xe. Ôn Trí Quang leo lên một xe chở đầy chu tăng Nam-tông; Ôn lên một xe khác, có con và năm, sáu chú hầu chung quanh. Sau khi chu tăng ni lên xe hết, đoàn xe chuyển bánh, có bốn, năm xe cảnh sát dẫn đầu và chặn đuôi. Lần đi về này mọi người được nhìn ngắm phố phường thoải mái, chứ không giống như lần trước đi vô trại tù. Đoàn xe chạy về tới chùa Ấn-quang thì dừng lại. Chu tăng ni được lệnh xuống xe, nhưng phải vô chùa lãnh giấy “phóng thích” để trở về chùa mình cho được an toàn. Khi Ôn và chúng con vừa xuống xe, thừa lúc chộn rộn không ai để ý, chúng con gọi ngay một chiếc xe xích-lô đạp, Ôn lên ngồi thật lẹ, chúng con bảo xe chở Ôn chạy ngay. Thế là chúng con đành xa Ôn từ phút đó.

Kính bạch Giác Linh Ôn! Cái phút xa Ôn đó, nó vội vàng quá, và cũng nguy hiểm quá! Ôn không kịp báo được một lời là Ôn sẽ về đâu; mà con cũng không thưa được lời nào với Ôn về

chuyện sắp tới sẽ ra sao. Chiếc xe xích-lô chở Ôn đã chạy vội vàng; như thế cũng yên tâm, con chỉ cầu Phật gia hộ, trên đường đi, Ôn không gặp điều gì trục trặc. Ôn Trí Quang cũng biến mất hút rồi, con cũng chỉ biết cầu Phật gia hộ. Con lững thững bước vào sân chùa Ấn-quang, sắp hàng lãnh cái giấy “phóng thích” do Ôn Thiên Tâm trao, với lời nhắn nhủ: *“Chính phủ khoan hồng cho rồi, trở về lo tu học thuần túy nghe, đừng có lộn xộn nữa!”*

Con ra khỏi chùa Ấn-quang, kêu một chiếc xích-lô đi về Già-lam. Bước vào sân chùa thấy vắng hoe, chạy về căn phòng mình thì thấy cửa không còn ổ khóa, mở banh cửa ra thì... ôi thật là ám đạ, bao nhiêu tài liệu sách vở của con bị mất sạch, chiếc bàn trống trơn! Bỗng một chú từ đâu chạy đến bên con, nói thật lẹ: *“Tất cả đồ đạc của chú, mật vụ Gia-định lấy hết rồi. Họ vào đây tìm bắt chú mấy lần, nhưng không có chú. Chú hãy chạy mau đi, không chừng họ sẽ trở lại nữa!”* Thế là con tức tốc rời Già-lam ngay sau đó. Con sang chùa Phổ-đà, định xin thầy Từ Hạnh cho ở nhờ ít hôm, thì, quả thật không ngờ, con lại được gặp Ôn ở đó! Con mừng quá đỗi! Con sá chào Ôn. Ôn cũng mừng được gặp lại con. Con không biết Ôn ở luôn tại đó hay chỉ ở chơi tạm, nhưng hoàn cảnh của con hiện đang trong cơn khẩn cấp, thầy Từ Hạnh không cho ở nhờ, con không ở đó lâu được, đành nói vài lời cảm ơn thầy Từ Hạnh, rồi con chào Ôn đi ra. Con đi thẳng ra ga xe lửa, lấy vé tàu suốt đi ra Nha-trang ngay chiều hôm ấy. Con nghĩ rằng, con thực sự xa Ôn từ hôm ấy!...

Nhưng không, kính bạch Giác Linh Ôn! Duyên lành của con

vẫn còn dài...

Con chỉ ẩn náu ở Nha-trang một thời gian thì biến cố 1.11.1963 xảy ra, quân đội đảo chánh lật đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Qua đài phát thanh, con nghe được tiếng reo hò của quần chúng ở Sài-gòn, của hàng ngàn Phật tử, thanh niên sinh viên học sinh Phật tử và đoàn sinh Gia Đình Phật Tử được giải thoát khỏi ngục tù từng bị chế độ độc tài giam cầm trong thời gian tranh đấu vừa qua. Con nghe được tiếng Quý Ôn, Quý Thầy trả lời những câu hỏi của báo chí sau khi được thoát khỏi nơi giam cầm. Lòng con cũng nô nức vô cùng. Chờ một tuần cho tình hình ổn định, con trở vào lại Sài-gòn. Con lên chùa Ấn-quang chào Ôn. Con vô cùng xúc động được gặp lại Quý Ôn. Con biết Quý Ôn đang bận rộn chuẩn bị cho một đại hội sắp tới vào cuối tháng 12 dương lịch, tại chùa Xá-lợi, để thành lập một “Giáo hội thống nhất” cho Phật giáo Việt-nam. Như một nhân viên hành chánh chuyên nghiệp, Ôn lại bận rộn về công việc “hành chánh” cho đại hội này; và sau khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập vào tháng 1 năm 1964, Ôn lại được tôn cử vào chức vụ Tổng-thư-ký Viện Hóa Đạo của Giáo Hội. Còn con và các chú khác thì lúc ấy được hoàn toàn rảnh rang, bèn trở lại các trường để tiếp tục việc học tập; thỉnh thoảng lại lên chùa Ấn-quang (trụ sở của Viện Hóa Đạo) hầu thăm Quý Ôn.

Những tưởng như thế là con đã được yên ổn học hành, nhưng không, vài tháng sau khi nhân sự Viện Hóa Đạo được công cử hoàn mãn, Ôn Thiện Minh, Tổng-vụ-trưởng Tổng Vụ Thanh

Niên Phật Tử, đã lập một cơ sở riêng cho Tổng Vụ ở đường Hiền-vương, Sài-gòn; và con đã được ngài gọi, giao cho nhiệm vụ Tổng-thư-ký để điều hành văn phòng Tổng Vụ. Ngài đã tin tưởng thì con phải vâng lời; thế là, trong thời gian ấy, con phải vừa làm việc vừa đi học. Và cũng vì công việc, trong thời gian ấy con lại thường được hầu Ôn qua các Phật sự liên hệ.

Mùa hè năm 1965, vì không có giấy tờ “hợp lệ quân dịch”, con phải chấp hành lệnh gọi nhập ngũ, và được Ôn Tâm Giác (Giám-đốc Nha TUPG/QLVNCH) đưa vào phục vụ trong ngành TUPG/QLVNCH. Từ đó, tuy vẫn là Phật sự, nhưng con đã chuyển qua một công tác mới, một thân phận mới, một môi trường mới, một đối tượng làm việc mới; con không còn dịp gặp Ôn thường xuyên nữa, mà thỉnh thoảng sáu tháng, một năm, con mới lên chùa chào Quý Ôn một lần.

Sau biến cố lớn của đất nước –30 tháng 4 năm 1975, con lên chùa Ấn-quang thăm Quý Ôn, thấy Ôn vẫn bình an; tuy vậy, con vẫn hiểu được nỗi lo âu cho vận mệnh Giáo Hội đang đè nặng trong tâm Ôn. Từ sau ngày 30.4 đó, Phật giáo bị đàn áp khắp nơi, bao nhiêu cơ sở của Giáo Hội trên khắp nước, dần dần bị nhà nước mới chiếm đoạt; biết bao nhiêu văn thư của Giáo Hội do Ôn (*lúc này Ôn đã là Đệ Nhất Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo*) và Ôn Quảng Độ (*lúc này đã là Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo, cùng được tôn cử trong kỳ Đại Hội Đồng của Giáo Hội năm 1974*) gửi cho nhà nước mới để khiếu nại, phản đối về những trường hợp như thế. Vì vậy, trong những năm 76, 77, chúng con thấy Ôn lúc nào cũng đeo cái túi xách vải lam bên mình.

Hỏi Ôn đựng thứ gì trong đó, thì Ôn bảo chỉ có bộ quần áo, kem và bàn chải đánh răng, cùng vài thứ lặt vặt tùy thân cần yếu, cứ đeo sẵn đó, nhỡ có bị bắt thành linh thì có cái mà dùng. Ôn đã nhìn thấy con đường trước mặt, và luôn luôn tự đặt mình trong tình trạng sẵn sàng..., sẵn sàng đi ở tù bất cứ lúc nào! Quả nhiên, giữa năm 1977 thì Ôn bị bắt! Cuối năm sau Ôn được thả ra nhưng vẫn bị quản chế. Và từ đó, nếu không bị chính thức ở tù thì cũng bị quản thúc tại chùa, thời gian trải dài cho đến ngày Ôn viên tịch, ngày 5 tháng 7 năm 2008—ròng rã hơn 30 năm!

Nhưng hãy trở về lại năm 1977. Tháng 4 năm đó, Ôn bị bắt cùng với Ôn Quảng Độ, Ôn Thuyền Ấn v.v... Vào khoảng mùa thu năm sau, 1978, thì Ôn Thiện Minh bị bắt và bị tra tấn đánh đập dã man, chỉ một thời gian ngắn thì Ngài đã tử đạo ngay trong đồn công an; nhục thân ngài bị họ đem chôn vùi tận trại cải tạo Hàm-tân. Việc này tức khắc được đưa lên đài BBC, và bị dư luận thế giới lên án. Nhà nước muốn xoa dịu dư luận, bèn cho lập phiên tòa xử Quý Ôn vào cuối năm, dựng cái cớ để thả Quý Ôn về chùa. Về đến chùa, Ôn và Ôn Quảng Độ lại tiếp tục công việc Giáo Hội.

Mùa xuân năm 1979, nhà nước mới đã huy động các đoàn thể dân chúng, các tôn giáo, tập trung đi “công tác lao động xã hội chủ nghĩa”. Về các đoàn thể và tôn giáo khác thế nào thì con không được biết, riêng Phật giáo mình thì lấy chùa Ấn-quang làm địa điểm xuất phát. Buổi sáng hôm đó con lên chùa Ấn-quang để xin theo chư tăng đi lao động. Hơn ba trăm tăng ni

(từ các chùa Ấn-quang, Huệ-nghiêm, Dược-su, Từ-nghiêm, Huệ-lâm) và mấy chục Phật tử đã tề tựu trước chùa. Con thấy Ôn đang điều động đại chúng, chia thành từng toán, lên các chiếc xe đồ chờ sẵn; rồi đoàn xe khởi hành theo sự hướng dẫn của các “cán bộ Mặt Trận Tổ Quốc”. Đến trưa thì đoàn xe dừng lại nơi “công trường” Nhị-xuân rộng lớn ở Hóc-môn, là địa điểm công tác trong mười hai ngày sắp tới. Cả đại chúng được tạm trú trong một ngôi chùa gần đó, có thể hằng ngày đi bộ ra công trường làm việc rồi trở về chùa. Theo cán bộ cho biết, nhiệm vụ của đợt công tác này là *“đắp các ụ đất cao để bộ đội đặt súng phòng không chống máy bay Trung-quốc!”* Trong suốt thời gian lao động ấy, Ôn luôn luôn sát cánh với đại chúng, cùng chia sẻ ngọt bùi cực nhọc, làm cho mọi người lúc nào cũng cảm thấy an tâm, trong khó khăn mà tình thầy trò luôn luôn ấm áp. Trong suốt những ngày đó, dưới sự chỉ đạo của Ôn, đại chúng luôn luôn sống trong niềm vui hòa thuận, đội ngũ chỉnh tề, làm việc siêng năng, nhất là giờ giấc tu niệm khuya tối của tăng ni vẫn được duy trì đúng mức. Con còn nhớ, giữa thời gian lao động ấy gặp vào ngày Rằm âm lịch, Ôn cũng đã cho cử hành các lễ Sám-hối, Bế-tát, Tụng-giới, không khí trang nghiêm như đang ở một đạo tràng tu học. Nhờ sự hành trì ấy mà đại chúng, tuy vẫn làm việc, vẫn vui vẻ, nhưng phong thái luôn luôn nghiêm túc, không có điều gì khiếm khuyết trong oai nghi tế hạnh, khiến cho người ngoài không “dòm ngó” vào đâu được. Chúng con được biết, có nhóm “Phật Giáo Yêu Nước” cũng đang lao động ở một địa điểm lân cận, nhưng nghe nói, họ ăn uống thật là thiếu thốn, hình như

không có ai tiếp tế cả; trong khi đó, bên này thì rau trái gạo tương được Phật tử tiếp tế dư thừa, cho nên Ôn thường cho Phật tử đem thực phẩm sang chia sót cho họ. Chúng con thấy rất rõ, những người “yêu nước” lúc nào cũng dựa thế “cách mạng”, dương dương tự đắc, đầu đội mũ cối, mặt khó đăm đăm; nhưng Ôn thì luôn luôn đáp lại bằng từ bi độ lượng, thậm chí đến dụng cụ làm việc, Ôn cũng giúp đỡ cho họ. Rồi thời gian lao động cũng kết thúc, công tác hoàn mãn, thành quả được “đánh giá tốt”. Thầy trò hoan hỉ ra về... Buổi tối của ngày cuối cùng, Ôn cho nghỉ thời Tịnh Độ thường lệ, thay vào đó là buổi văn nghệ “bế mạc”. Đây là buổi văn nghệ hoàn toàn “tự phát”, mọi người đều có thể góp vui; các cán bộ cũng tham dự. Mặc dù vậy, Ôn vẫn nhắc nhở đại chúng một điều: Hãy tự tỉnh giác, không đi ra ngoài tinh thần đạo pháp! Con còn nhớ, buổi tối hôm ấy, con có trình Ôn nghe trước bài “kệ” của con, được Ôn cho phép đọc bài “kệ” ấy ở màn cuối để kết thúc chương trình văn nghệ. Bài kệ ấy như sau:

*Đại từ đại bi chẳng muốn leo,  
Đại hỷ đại xả té gần chết,  
Mặt mũi lấm lem tự trang nghiêm,  
Ụ đã lên cao quy mạng lễ!*

Chương trình văn nghệ chấm dứt, quý sư cô cho đại chúng ăn một bữa chè đậu đỏ thật ngon. Đêm đó mọi người đều ngủ thật ngon, khuya dậy công phu, rồi ăn sáng, những chiếc xe đồ đã chờ sẵn sàng, đại chúng lên xe trở về Ấn-quang; rồi giải tán, ai về trú xứ nấy... Kính bạch Ôn, ở nơi này con gặp lại được hai vị cũng từng tham gia 12 ngày “lao động XHCN” khi xưa: thầy

Minh Đạt và thầy Hạnh Cần. Thầy Minh Đạt lúc đó ở chung phòng với con, nay thầy đã là một vị Hòa-thượng thuộc hàng trưởng lão. Nhắc lại chuyện cũ lúc đó, lòng chúng con thật bùi ngùi nhớ Ôn!

Kính bạch Giác Linh Ôn! Mùa thu năm 1979, con có lần lên chùa Ấn-quang vào buổi chiều, leo lên tận sân thượng, được gặp Ôn cùng Ôn Trí Quang đang hóng mát trên đó. Con hỏi thăm Quý Ôn, thấy Quý Ôn vẫn phong thái an nhiên tự tại, đàm luận việc dịch Đại Tạng Kinh, lo cho tiền đồ của Phật giáo Việt-nam. Quý Ôn dạy con phải cố gắng giữ mình, không quên tâm đạo. Và đó là lần cuối cùng con gặp Ôn; vì sang năm sau thì con vượt biên, cho đến nay, trên một phần tư thế kỷ, con chưa một lần trở về thăm quê nhà...

Kính bạch Giác Linh Ôn! Đã ngót 30 năm, con chưa một lần gặp Ôn trở lại, nhưng trong suốt thời gian ở hải ngoại này, con vẫn theo dõi tất cả những tin tức về Ôn, lòng con vô cùng kính ngưỡng Ôn, một bậc tôn sư hùng vĩ, một vị Đại-sĩ của Phật giáo Việt-nam hiện đại!

Bao nhiêu năm thảng thân Ôn bị tù đầy quản thúc, nhưng tâm Ôn vẫn tự tại an nhiên. Ôn đã biến nơi tù đầy thành thiên duyệt thất, thành phòng tụng đọc Đại Tạng Kinh, soạn Khoa Nghi.

Ồ trong vòng vây đầy chông gai chướng ngại mà Ôn vẫn mạnh mẽ bước ra để đến tận cố đô Huế đánh lễ kim quan đức Đệ Tam Tăng Thống, và uy dũng nhận lãnh ấn tín kế thừa.



Ồ trong rừng nanh vuốt dạ xoa mà Ôn vẫn dũng dạc hét to tiếng gầm sư tử, nào “yêu sách 9 điểm”, nào “phục hoạt Giáo Hội”, nào “tự do tôn giáo”, nào “đảng phái sám hối với toàn dân”, nào “hủy bỏ điều 4 hiến pháp”, nào “tự do dân chủ cho dân tộc”, v.v...

*Ôn quả thật là bậc Đại-sĩ vô úy!*

*Ôn làm được những việc khó làm!*

*Ôn an nhĩn những điều khó nhĩn!*

*Ôn là tấm gương sáng tròn đầy!*

Vậy mà, kính thưa Ôn! Ôn và Quý Ôn, Quý Thầy nhĩn nhục, tù bi cao cả như thế đó, mà thời ông Diệm thì họ bảo là Quý Ôn Quý Thầy theo cộng sản, họ bắt bỏ tù; sang thời cộng sản thì họ lại bảo Quý Ôn Quý Thầy là phản động, là CIA, họ cũng bắt bỏ tù! Cuộc đời sao mà oái oăm ngang trái quá lắm thế! Vô minh dầy đặc quá lắm thế!

Quý Ôn Quý Thầy là những vị Bồ-tát sinh ra đời này để chịu khổ thay cho chúng sinh, gánh hoạn nạn thay cho chúng sinh.

Con xin ngừng ở đây một phút để tưởng nhớ ân đức Quý Ôn Quý Thầy, dù đã viên tịch hay còn đang tại thế.

Con kính lạy Ôn, bậc Tôn Sư cao quý!

*Hải ngoại, đầu mùa Vu Lan năm 2008*

*Đứa học trò bé nhỏ của Ôn,*

***Cư sĩ Hạnh Cơ***

DIỄN VĂN KHAI MẠC  
LỄ TUỞNG NIỆM ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG  
thượng HUYỀN hạ QUANG  
ĐỆ TỨ TĂNG THỐNG GHPGVNTN

THÍCH THẮNG HOAN

**N**am mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật  
Ngưỡng bạch Giác linh Đại lão Hòa thượng Tăng  
Thống GHPGVNTN,

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni  
Kính thưa quý thiện nam tín nữ tham dự Lễ Tuởng Niệm  
hôm nay,

Cách đây 2552 năm, bốn chúng đệ tử của Phật dù đa phần đã  
chứng ngộ các Thánh quả, liễu ngộ lẽ vô thường, thông đạt lý  
vô sanh, mà vẫn cực kỳ xúc động khi chứng kiến hoặc nghe tin  
Đức Thế Tôn thị hiện niết-bàn. Một số vị đã rơi lệ, khóc than.  
Một số vị đã gắng sức kềm hãm cảm xúc của mình. Nhưng hầu  
hết đều cảm nhận một sự hụt hẫng to lớn như thể vắng thái  
duy dương vật tấp và đất trời sụp đổ.

Hôm nay, đối với sự viên tịch của Đại lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Tăng Thống GHPGVNTN, bản thân chúng tôi, và có lẽ tất cả chư vị hiện diện hôm nay cũng vậy: cảm nhận một sự mất mát, kính tiếc, đau buồn tưởng chừng không lời lẽ nào có thể diễn tả được.

Đau buồn kính tiếc, không phải chỉ vì ngôi vị Tăng Thống mà chúng ta suy tôn ngài từ năm 2003, không phải chỉ ở nơi quá trình 70 năm miệt mài hoằng pháp của một sứ giả Như Lai trong một đất nước với những giai đoạn đầy biến động, cũng không phải chỉ ở nơi những thành tích đấu tranh kiên trì bất khuất của ngài cho nguyện vọng của dân tộc mà người thế gian vinh danh ca tụng, cũng không phải chỉ ở nơi trí tuệ sắc bén, kiến quan xa rộng và phong độ trác tuyệt của ngài trên các văn kiện hành chánh và sử liệu được ghi nhận qua các chức vụ Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo, Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo, Xử lý Hội Đồng Lương Viện kiêm Quyền Viện trưởng Viện Hóa Đạo, v.v... Mà phải nói là bao gồm tất cả những yếu tính nêu trên, nhưng đặc biệt, nổi bật hơn hết, là đạo hạnh khiêm cung, từ ái, nhẫn nhục của một bậc cao tăng suốt đời nguyện trải thân mình cho sự trường tồn của Phật Pháp.

Ngài là biểu tượng cho các phẩm hạnh cao quý của Tăng-già Việt Nam. Với trí tuệ, bên trong ngài lặng lẽ thâm nhập kinh tạng, bên ngoài ngài luôn nhìn xa thấy rộng, đóng vai trò của người khởi xướng, mở đường, khai thông những bế tắc của Giáo hội nói riêng, của Phật giáo nói chung. Với từ bi, ngài luôn biểu lộ đạo tình sâu sắc của mình với pháp lữ và hàng hậu

học, luôn trái lòng thương vô hạn của mình đối với tha nhân và chúng sanh, chưa bao giờ ngài nặng lời hoặc tỏ ý xem thường bất cứ ai, dù là những kẻ đã vì khác quan điểm hay chính kiến mà giam hãm, tù đày, cô lập hoặc bức hại ngài. Với uy dũng, trong thể cách của ngài, tiến đến là tâm vô úy, im lặng là hạnh nhẫn nhục; vô úy đối với bất cứ con người, thế lực, tình huống hay nghịch cảnh nào; nhẫn nhục đối với những tấn công, đe dọa bằng vũ lực, và nhẫn nhục đối với dư luận, thị phi, xuyên tạc và thậm chí là những ý đồ lợi dụng danh nghĩa của ngài để mưu cầu riêng tư. Tất cả ngài đều an nhẫn gánh chịu hết, mà lòng từ vẫn trải rộng vô biên.

Đây là cốt cách của Thánh giả, của một bậc long tượng chốn thiên môn. Cốt cách ấy, tăng sĩ chúng ta đều xem là tấm gương sáng được lưu truyền qua nhiều thế hệ tăng-già kể từ thời Đức Phật, tuy vậy, không phải ai cũng làm được. Còn ngài thì đã đến và đi như thế, bước vào đời ác năm trước mà không nhiễm máy may bụi trần, bước ra ba cõi mộng mị mà lòng vẫn thanh thản nhẹ tênh. Đến và đi như thế chính là biểu hiện của bất sinh bất diệt.

Kính thưa quý liệt vị,

Công hạnh và con đường cao rộng mà Đại lão Hòa thượng đã đi qua, là những gì chúng ta đang tiếp tục gìn giữ, phát huy và tiến tới. Ý nghĩa Lễ Tưởng niệm một bậc lão tăng chân tu đạo hạnh là như thế: nguyện theo dấu chân cao cả của người trên bước đường chứng nghiệm và hoằng truyền Chánh Pháp. Những đau buồn kính tiếc bày tỏ nơi đây không phải để bi lụy

tiêu cực, mà chính là động lực thúc đẩy ý nguyện thừa tiếp, noi gương.

Trong ý nghĩa đó, xin thành kính đánh lễ giác linh Đại lão Hòa Thượng Tăng Thống, thành kính chia buồn cùng môn đồ pháp quyến của ngài, kính tri ân chư tôn đức Tăng Ni và tất cả quý vị thiện nam tín nữ đến tham dự Lễ Tưởng Niệm hôm nay để cùng chúng tôi chia sẻ sự mất mát chung to lớn này.

Nhất tâm đánh lễ tân viên tịch, Nguyên Thiều đường thượng, húy thượng HUYỀN hạ QUANG, Đại lão Hòa Thượng Giác Linh thù từ chúng giám.

*Tỳ Kheo Thích Thắng Hoan*

# LỜI CẢM NIỆM

Thượng HUYỀN Hạ QUANG,  
Đức Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN  
Trong Ngày Đại Lễ Tưởng Niệm  
Của Chư Tôn Đức Tăng Ni Và Môn Đồ Tứ Chúng  
(Lễ Chung Thất, ngày 22.8.2008–nhằm 22.7 Mậu Tý)

## THÍCH CHƠN THÀNH

**N**am Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng Ni,

Kính thưa Quý vị đại diện các đoàn thể, quý cơ quan truyền thông báo chí,

Kính thưa Quý Đồng hương, Đồng bào Phật tử, quý anh chị em huynh trưởng và đoàn sinh Gia Đình Phật tử,

Nói đến công hạnh hoằng hóa của một bậc cao Tăng thạc đức như Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, Đức Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN, là nói đến hạnh nguyện Bồ Tát, mang hành trang hóa độ vào đời ác năm trước để phụng hành hạnh nguyện lợi tha, vì hạnh phúc cho con người, vì sự bình an của muôn loài khắp chốn. Hạnh nguyện ấy, lòng Từ bi ấy chính là chất liệu sống làm đẹp cuộc đời. Ngài là đóa Sen tươi

nhuận trong lò lửa đỏ của thời đại. Ngài là viên ngọc quý lẫn lóc giữa đám sinh lây lau lách tanh hôi. Nhưng đóa Sen ấy, viên ngọc ấy chẳng nhiễm mùi bùn của thế tục. Ngài vẫn thẳng thắn vững vàng trước thế lực vô minh gian ác. Đó là khí phách của Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ bi, mà cũng là Đại Bi tâm rực sáng giữa vòm trời vô minh, tăm tối, để làm sống dậy mọi tấm lòng phụng hiến kính dâng từ chư Tôn Đức Tăng Ni cho đến tín đồ Phật tử.

Qua bao nhiêu triều đại, cơ đồ của thế nhân, có hưng thịnh, có suy vong, có huy hoàng, có tàn lụi, nhưng hình ảnh của Ngài vẫn sừng sững như cội Đại thọ ngàn năm hiên ngang cùng sương gió, rễ vẫn bám sâu vào lòng đất quê hương, thân vẫn rần rỏi, vững chắc cùng dân tộc và cành nhánh lá vẫn sum xuê tươi mát che rợp bóng cho Đạo pháp, cho quê hương giống nòi Việt Nam, trong lúc nhiễu nhương nguy biến. Tánh đức đó, hùng tâm đó, Ngài đã vượt qua bao nhiêu gian khổ, tù đày nghiệt ngã của những lực mạnh động của thế gian. Ngài giữ tâm thanh thản an nhiên của một bậc xuất trần vi Thượng Sĩ.

Hôm nay chúng ta, chư Tôn Đức Tăng Ni, Cộng Đồng Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ và môn đồ pháp quyến thành kính trang nghiêm cử hành chương trình Đại Lễ Tưởng Niệm Đại Lão Hòa Thượng để noi gương công hạnh hóa độ cao dày, mà Hòa thượng đã một đời hy hiến cho sự trường tồn của Đạo pháp của Giáo Hội Thống Nhất, và sự hưng thịnh thái bình cho quê hương dân tộc Việt Nam. Chúng ta tưởng niệm công hạnh của Hòa thượng như tưởng niệm hình bóng của một bậc

thạch trụ thiên gia, long tượng thạch đúc, một thời đã dày công xây dựng, kiến tạo ngôi nhà Phật Giáo Việt Nam huy hoàng. Hòa thượng đã viết nên dòng lịch sử kiêu hùng bất khuất trước những thế lực cuồng vọng của thời đại. Hòa thượng là dấu ấn Đại Hùng, là điểm son Đại Bi của dòng sử mệnh Phật Giáo Việt Nam hôm nay.

Những cảm niệm thâm hậu của hàng hậu học, ngưỡng nguyện giác linh Hòa thượng thù từ chứng giám, gia hộ cho tất cả Tăng tín đồ Phật Giáo Việt Nam hải ngoại chúng con, vững bước theo chân của Hòa thượng để cố gắng hoàn thành những Phật sự thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh.

Tánh đức, công hạnh của Hòa thượng là tấm gương sáng muôn đời cho mọi người soi chung.

Thành kính cung tiễn Hòa thượng cao đẳng Phật quốc, liên hoa đài thượng, thượng phẩm thượng sanh, hồi nhập bất nhị môn, phân thân hóa độ, đem niềm bình an tịnh lạc đến cho pháp giới chúng sinh, tất cả đều trọn thành Phật đạo.

Chân thành kính cảm ơn chư Tôn Đức Tăng Ni và toàn thể chư vị Thiện nam Tín nữ Phật tử.

*Sa Môn Thích Chơn Thành*



# CAO HƠN THẾ HỆ

Thơ điệu của Tiến sĩ LÂM NHƯ TẠNG

**K**ính viếng giác linh Đức Đệ Tứ Tăng Thống Đại Lão Hòa  
Thượng Thích Huyền Quang (1920 – 2008)

*Cây thông giữa núi ba ngàn*

*Cao hơn thế hệ, lá tàng càng xanh*

*Ba đời có mấy mùa Đông?*

*Ba triều có mấy cuồng phong bố Người?*

*Đại Hùng Đại Nguyên giữa đời!*

*Sá chi mây nổi dưới trời thiên thanh*

*Lên thuyền rạng rỡ tinh anh*

*Được nhân pháp nhũ ân sinh cõi này...*

Sydney 06/07/2008

**Lâm Như Tạng**

# AI VẤN CỦA MÔN ĐỒ PHÁP QUYẾN

THÍCH MINH DUNG

**T**rong Lễ Tưởng Niệm và Thọ Tang Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích  
Huyền Quang - Đệ Tứ Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam  
Thống Nhất - tại thành phố Santa Ana vào lúc 3 giờ chiều Chủ Nhật, ngày  
6 tháng 7 năm 2008

*Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật*

Kính bạch Giác Linh Thầy,

Từ nơi xa xăm xứ người, chúng con vọng về quê hương đôi  
núi Nguyên Thiều Tu Viện, thành kính đánh lễ Giác Linh  
Thầy, trong giờ phút tử biệt ngàn năm. Chúng con phủ phục  
vào đất, để nghe đất mẹ đang thổn thức thương đau. Cả đất  
trời dường như tịch lặng, khi ngưng đập rồi một con tim vĩ đại,  
băng rồi một vì sao rạng ngời, khép lại rồi, một đời người bất  
diệt thiên thu.

Nghi đến Thầy, chúng con liên tưởng đến nhiều bài học lớn  
mà Thầy đã dạy chúng con qua cuộc sống của một Đạo sư.

*Một là:* Xin đừng Thù hận khi phải sống giữa những người thù hận quanh ta. Bao nhiêu năm tù trong một chế độ. Hàng chục năm dài lưu đày trong ngôi chùa nhỏ xa xăm. Thầy không khởi tâm thù hận, sân si dù cửa trước, ngõ sau đều có người chực chờ hãm hờ, mắt nhìn Thầy, một tội đồ dân tộc còn đây. Ai giam Thầy giữa ruộng đồng Hội Phước. Ai nhốt Thầy những ngày tháng Phan Đăng Lưu. Ai gông Thầy trong cuộc tìm độc lập cho non sông. Ai ném Thầy vào nhà giam vì đòi hỏi bình đẳng giữa các Tôn Giáo. Kệ, muôn vạn lần Thầy vẫn kệ, dù người đó là ai, súng dí vào Thầy, hay trăm lời nguyên rủa, Thầy vẫn trái lòng “Từ” đến kẻ cuồng si. Thầy đã cảm hóa nhiều người nhìn Thầy, một kẻ thù của chế độ, và nơi Thầy, thầy chỉ thấy có vô minh mà không có người cuồng nô.

*Hai là:* Ai trói buộc ai. Bằng trí tuệ viễn chiếu, Thầy chẳng thấy mình bị trói buộc bởi ai. Nếu được đi lại thì Thầy sống đời du hóa, độ sanh. Nếu bị giam thì Thầy biến nhà giam thành nơi Thiên Thất, ngày đêm đọc Đại Tạng và quán chiếu nỗi khổ của dân sinh. Hơn trăm ngàn trang kinh trong Đại Tạng, Thầy đã đọc qua, trong những năm dài bị nhốt. Sách Thầy được viết, Số Thầy được soạn giữa lúc đày ải này đây. Thầy đã thông dong trong bốn bức tường cô lập. Trí Ngài rực sáng giữa ruộng đồng hiu quạnh, tịch liêu. Chẳng có nhà tù cho một tù nhân bị nhốt. Chẳng trói được người dù người bị trói ngày đêm. Thầy đã sống và thông dong trong sự sống của một tù nhân nhiều thập kỷ.

*Ba là:* Xin đừng có gì cho riêng Ta. Nhiều lần Thầy khuyên

dạy chúng con. Thầy không muốn có gì riêng cho Thầy, dù đó là chùa hay tử đệ. Thầy cho rằng, hãy dốc lòng lo cho Giáo hội và Phật pháp mà thôi. Từ tuổi đôi mươi cho đến ngày tàn hơi thở, tiếng thác đổ trong tâm thức của Thầy là sự tử sinh của Giáo hội. Là sự an bình của Tăng ni. Là sự vực dậy của hai ngàn năm Phật Giáo Việt. “*Đây là Kinh xin hãy học; Đây là Đạo xin hãy sống; Đây là dân tộc xin hãy cứu mang*”, Thầy đã nhiều lần lập đi lập lại thông bạch này trong nỗi đấng niềm cay. Cho đến giờ phút này, nhiều lần huynh đệ chúng con thừa Thầy xây tháp để lúc thầy viên tịch có chỗ di quan. Nhưng Thầy đều từ chối. Thầy dạy chúng con, xin để đời Thầy về với hai bàn tay trắng cùng vài bộ đồ cũ kỹ đơn sơ. Tháp rồi cũng mòn hư theo năm tháng, Thầy dạy, dùng tiền ấy lo Tăng chúng tu học thì hơn. Chỉ có một khoảnh đất nhỏ hoang sơ ven triền núi Tu Viện sẽ làm nơi an nghỉ của Thầy thiên thu. Thầy yếu, nhưng sấm Thầy chẳng ướng, Thầy sợ tổn kém của đàn na. Trời nóng, Thầy không cho mở máy lạnh vì Thầy nói còn lắm kẻ lắm than. Đời Thầy là vậy. Sự sống của Thầy là vậy, cho dù đương vị của Thầy như hôm nay.

*Bốn là:* Vì ai và cho ai? Kính lạy giác linh Thầy. Vì Đại Bi Tâm mà Thầy gánh gồng Giáo hội. Thầy đã làm bia cho kẻ bắn, người đâm. Thầy là bức tường để che chở cho Đạo Phật Việt Nam. Thầy không thấy có hố ngăn giữa những màu cà sa được khoát. Vì ai? Thầy đi đánh lễ những người đồng môn từ Bắc vào Nam. Vì ai? Thầy đứng giữa trời quê hương, dang tay mời gọi: “*Hãy xít lại gần nhau, hồi những người huynh đệ chúng ta*”. “*Hãy vì Phật Giáo Việt Nam và cho Phật Giáo Việt Nam, đừng để*

một thế lực nào chi phối chúng ta”. Ai có nghe chẳng tiếng rống một của con Su tử già cuối đời vọng lên giữa ba đào nghiệt ngã.

Rồi hôm nay Thầy ra đi, Thầy còn để lại gì cho chúng con, và đây một bài thơ, Thầy viết cách ba mươi năm trước:

*Tuổi sáu mươi dư cũng đã già  
Thân danh sự nghiệp chuyện ngày qua  
Mai về cõi Phật lòng thanh thót  
Để lại trần gian chút bóng ta.*

Cái bóng mà Thầy để lại cho chúng con là Tuệ Giác nhìn xa, là vững tay chèo giữa sóng vỗ cuồn si, là mở rộng lòng cho muôn sông cùng đổ về biển, là đơn sơ như mảnh vụn của chiếc cà sa.

Thầy ơi, Thầy còn đó hay Thầy không còn đó, nhưng lòng con, con nghe rõ tiếng “Gọi Về”. Về đâu rồi đi đâu?

Thành kính đánh lễ Giác Linh Thầy.

**NHẤT TÂM ĐÁNH LỄ: GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ĐỆ TÚ TẶNG THỐNG KIÊM GIÁM VIỆN TU VIỆN NGUYÊN THIỂU THƯỢNG HUYỀN HẠ QUANG ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG T N VIÊN TỊCH CHI GIÁC LINH.**

Ontario ngày 6 tháng 7 năm 2008

**Tỳ Kheo Thích Minh Dung**

# PHẤT TRẦN MỘT PHẦY

TÂM QUANG VĨNH HẢO

**B** óng từng tỏa rùng thiên quê hương  
Niềm thương lan cuộc thế vô thường

Từ thanh xuân đã nguyện dẫn thân

Đâu bạc phơ vẫn gây trúc lên đường.

Lên đường, phải đâu tới lui dăm néo quẩn quanh chật hẹp

Đi, đứng, nằm, ngồi, động tác nào chẳng phải sự tựa mình uy  
nghiêm của lan-nhã tượng vương

Nói, im, dịch, thuật, đều là tiếng gấm dững mãnh của từng lâm sư  
tử

Ai người có thể giam nhốt, trói buộc hay lạm dụng một cõi lòng tịch  
tĩnh hư không!

Lão tăng bản hàn, một bát ba y, ở đâu cũng là tịnh-độ niết-bàn

Nơi đây, từ đất lành này đã uơm những hạt mầm cho vô lượng bồ-  
tát đồng xuất hiện thân

Ngày hai bữa cháo, hai thời thỉnh chuông, hai lần ra-vào, nhưng  
chính môn thì chỉ có một

Chín mươi năm có là bao trong lũy kiếp hóa hiện

Hà tất phải bận lòng một hạt bụi rơi vào cõi vô sinh

Vì đại nguyện độ sinh mà về đây giữa đời loạn động  
 Đáng sá gì những hư vị hay phần thưởng tầm thường của trần gian!  
 Đừng nói danh kia sẽ còn mãi  
 Phật danh không chấp, nói gì giả danh.

Thế sự đảo điên, thương người thống khổ thấp miệng  
 Lão tăng một mình cất tiếng cho muôn dân an thái  
 Nhân tâm trí trá, gió chướng đem gieo cửa thiền  
 Giả danh, huyễn vị, trở thành đầu mối của suy vong  
 Con thuyền ấy giương buồm vào trong bão tố  
 Mà bánh lái đã gãy ngay từ lúc nhổ neo!  
 Nhẫn nhục, nhẫn nhục, đại nhẫn nhục  
 Là áo giáp đi qua rừng gươm giáo  
 Khởi ngôn hay tịnh mặc đều vì lòng từ bi  
 Đừng nói lão tăng không hay không biết  
 Chỉ vì 'tùy thuận' mà đành vô ngôn.

Cuối đời lui về nơi tịch liêu lan nhã  
 Lấy tiểu sự làm đại sự nhân duyên  
 Thỉnh chuông triệu-mộ gửi hồng trần.  
 Một tiếng chuông ngân, vỡ tan muôn triệu phiền não  
 Mỗi ngày hai buổi nghe đủ hai trăm mười sáu tiếng  
 Sinh tử ở ngay nơi tấm tay, giữa những hạt chuỗi bồ-đề  
 Muốn đi thì đi, muốn về thì về, nào ai cản ngăn, cột trói  
 Cỗ xe nhất thừa lướt vào cõi rộng thênh thang  
 Nhập bất nhị môn tức đắc Huyền thâm Pháp tạng  
 Ly nhất thiết tướng đương thị Quang đại Phật tông.

Đừng nói mặt trời kia rụng thì trần gian tăm tối

Trí sẵn ngồi trong từng hạt giống bồ-đề đã gieo  
Sông cạn, lòng từ không cạn  
Núi mòn, nguyện rộng chẳng suy  
Một phen chân dẫm bất động địa  
Vào ra sinh tử là trò chơi.

Rừng thiên vẫn vậy, bóng tùng tỏa  
Cuộc thế vô thường khởi bi tâm  
Đạt-ma quảy dép về Tây Trúc  
Lão tăng quay đầu, vô khứ lai.

Gậy trúc gõ vào cửa-không-cửa  
Thế giới ba ngàn sáng lung linh.  
Phát trần một phẩy rơi rụng hết  
Hằng sa lậu hoặc chốn tử sinh.

Nam mô Huyền Quang Đại Nhân Đại Từ Đại Trí Bồ Tát Ma  
Ha Tát

Kính diếu ân sư thượng Huyền hạ Quang

**Đệ tử Vinh Hào**



# ĐIỀU VĂN

Nhà văn TRẦN KIÊM ĐOÀN

*Thành kính tưởng niệm và bái biệt giác linh*

*Đại Lão Hòa Thượng tân viên tịch Thích Huyền Quang*

**T**am Bảo trang nghiêm  
Một lòng thanh tịnh

Tứ chúng tâm thành đồng niệm:

Nam mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Hướng về giác linh Thầy: Cầu nguyện!

Trầm hương

Dấy tự

Lòng thành

Hải ngoại, Hoa Kỳ, phương xa ngưỡng vọng

Tâm vẫn tưởng niệm dâng Thầy

Khi đã có, xa muôn trùng vẫn có

Khi đã không, bên gối vẫn hoàn không

Trời đất mệnh mông

Nước non ngàn dặm

Ngưỡng mong chứng giám.

Kính ngưỡng bạch giác linh Thầy:  
Tiếng Người đang gọi  
Bên trời quê hương  
Thuyền từ vừa tới  
Giữa cõi vô thường  
Huyền diệu  
Quang minh  
Huyền Quang là nguồn sáng diệu kỳ  
Chuyển lửa trí tuệ, từ bi hướng Phật  
Ôi! Ngọn lửa của mấy nghìn năm chưa bao giờ tắt  
Thương hết muôn loài sáng khắp từ BI  
Phá vô minh TRÍ tuệ diệu kỳ  
Đại nghĩa thắng hung tàn uy nghi DŨNG mãnh  
Trước sóng gió tinh thần Bi – Trí – Dũng  
Đạo giữa đời nguyên khối chẳng ly tan.

Nhớ Thầy xưa:  
Tám mươi chín năm trước ra đời trên quê hương Bình Định  
Tuổi hoa niên duyên hợp cửa thiền  
Hòa thượng Bích Liên phú pháp hiệu Huyền Quang  
Mười bảy tuổi thọ Tam đàn Cụ Túc  
Bao năm trụ thế  
Tuổi đạo viên toàn  
Thế cuộc vẫn xoay Đạo Pháp thẳng trâm  
Đất nước, người dân, pháp thân, công hạnh  
Néo đạo, đường đời, Thầy chung gánh nghiêng vai  
Từ thuở Lý Trần non sông và đạo pháp  
Sông núi, cửa thiền đâu phải riêng ai

Chúng sanh tùy nghi mà hóa độ  
 Phương tiện tùy pháp mà phụng hành  
 Sáu mươi chín năm Thầy hóa đạo quần sanh  
 Không phân biệt Bắc Nam tông phái  
 Giáo pháp Phật Đà như đại hải  
 Tâm bồ đề kiên cố tùy duyên  
 Ngày Thầy về:  
 Giữa thế gian này  
 Phật Giáo Việt Nam  
 Đất nước can qua, trên đà thử thách  
 Tự viện chùa chiền phân cách triền miên  
 Chuyện đời thường giữa thế đạo, thế quyền  
 Tương tác, tương hành như thuyền với nước  
 Thầy sống đạo giữa dòng đời xuôi ngược  
 Nước đục, nước trong thuyền vượt giữa dòng  
 Buông tay: Thuyền vỡ  
 Quá độ: Thuyền chìm!  
 Đường trung đạo riêng tìm quán chiếu  
 Sức mạnh của Thiền là hải triều tịch lặng  
 Lấy nhà tù làm nơi thiền thất  
 Dem lòng từ hóa giải cuồng si  
 Về nước Phật Thầy vừa ra đi  
 Lá xua về cõi nước quy non ngàn  
 Trăm năm sen nở sen tàn  
 Vinh hắng một đóa sen vàng tâm hoa  
 Kính bái biệt Thầy:  
 Cung nghinh mùa sen đã nở

Bái biệt mùa sen vừa tàn  
Nở hay tàn là huyễn tướng chốn trần gian  
Tánh thật muôn loài không tan, không tụ  
Sống, già, bệnh, chết là chuyển hóa xoay vần  
Nay Thầy tạm xả báo thân  
Nhẹ thênh về nước Phật  
Khi thương nhớ đã biến thành tâm cảm  
Thì đóa sen xưa Ca Diếp vẫn còn  
Cười mỉm không lời mà nặng tựa Thái Sơn  
Vì sen ấy không còn hình tướng nữa.  
Mà sen là hơi thở  
Là ngọn Lửa Từ Bi  
Là ánh sáng diệu kỳ  
Đi vào lòng đại ngã  
Ôi! Những nguồn tâm linh cao cả  
Đến và đi ngoài sáu ngã luân hồi.  
Là anh linh hỷ xả báo ân đời  
Bờ giải thoát đến là đi nguyên vẹn  
Đánh lễ Thầy thuyền Từ tới bến  
Bái biệt Thầy cung đón tự chân tâm.  
Nguyện giác linh Hòa Thượng từ bi chứng giám.  
**Nguyên Thọ Trần Kiêm Đoàn**

# CỘI TÙNG NGẢ BÓNG

TÂM HUY HUỲNH KIM QUANG

C hốn Tông Lâm Phật Giáo Việt Nam vừa chứng kiến cảnh trạng bi thiết vì một cội tùng cứu thập tuế đã ngã bóng về Tây: Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN, nhập niết bàn!

Một vị cao tăng nhập niết bàn, tất không phải là điều bi lụy, bởi rằng Ngài là bậc đến có nơi, về có chốn, đến thế gian vì nguyện lực từ bi cứu tế, không vì nghiệp lực chuyển sinh. Nhưng, bi thiết là cảm trạng của nhân sinh trong cõi vô thường, nhìn có không qua hình tướng sinh diệt. Ấu đó cũng là lẽ thường, lẽ thường trong cõi mộng!

Suốt trên sáu mươi năm qua, trong vận hành hưng suy của Phật Giáo Việt Nam, hình bóng Ngài luôn luôn ánh hiện. Từ phong trào chấn hưng của Phật Giáo Việt Nam trước và sau thập niên 1940, rồi cuộc chiến chống thực dân Pháp trước hiệp định Genève 1954 đến cuộc vận động cho quyền bình đẳng tôn giáo dưới chế độ đệ nhất Cộng Hòa của ông Ngô Đình Diệm; từ ngày thành lập GHPGVNTN đầu năm 1964 đến cuộc vận động cho nền hòa bình đích thực của dân tộc trong cảnh

nồi da xáo thịt của cuộc chiến Quốc Cộng trước năm 1975, và cuộc vận động kiên trì để bảo vệ tuyến thống hai ngàn năm Phật Giáo Việt Nam không bị các thế lực chính trị và chủ nghĩa khủng bố, trong đó có sự phục hoạt quyền sinh hoạt bình thường của GHPGVNTN trên ba thập niên qua, lúc nào Ngài cũng có mặt.

Trong tâm thức của người viết vẫn còn đó hình ảnh không bao giờ phai nhạt, vì đó là lần đầu tiên người viết được phước duyên nhìn thấy Ngài bằng xương bằng thịt, trong Đại Giới Đàn Phước Huệ Hải Đức Nha Trang năm 1973 tại Chùa Long Sơn, Tỉnh Hội Phật Giáo Khánh Hòa. Lần đó, vào một buổi tối, khi người viết đang đứng trước Chánh Điện Chùa Long Sơn, chợt nghe có tiếng nói với nhau giữa những người đang đứng gần rằng, Thượng Tọa Thích Huyền Quang và Thượng Tọa Thích Thiện Minh đang từ ngoài cổng Tam Quan đi vào Chùa Long Sơn. Đã nghe oai đức hai Ngài từ lâu, cho nên khi nghe nói như vậy, người viết vội vã đi ra trước sân Chùa để nhìn tận mặt cho biết. Đứng một bên sân Chùa, nhìn thật kỹ hình ảnh hai vị Thượng Tọa đang khoan thai vừa đi vừa trò chuyện hướng vào Chánh Điện. Cả hai vị đều mặc áo hậu vàng. Một vị cao lớn đeo kính màu và chống gậy, một vị thấp hơn bước từng bước thông thả đi vào. Vị cao lớn đeo kính màu và chống gậy là Cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh còn vị kia chính là Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang vừa thị tịch. Hai Ngài trông có vẻ rất tương đắc nhau.

Điều này đã được chứng thực gần mười năm sau đó. Tại Tu

Viện Quảng Hương Già Lam, Sài Gòn, những năm 1980, 1981, Hòa Thượng Thích Huyền Quang đã được mời đến giảng dạy cho lớp học của chư Tăng, Ni tại đây. Thỉnh thoảng trong những thời giảng dạy, Hòa Thượng đã kể cho Tăng, Ni nghe về những thao thức đối với dân tộc, Giáo Hội và Phật Giáo Việt Nam mà Ngài cùng Cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh đồng chia sẻ, quan tâm và nỗ lực thực hiện. Mỗi lần như thế, Ngài đều bày tỏ một cảm tình đặc biệt và mối quan hệ thân thiết giữa Ngài với Cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh. Trong số nhiều câu chuyện mà Ngài đã kể, người viết còn nhớ đến chuyện Ngài và Cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh thường hay lên sân thượng Chùa Ấn Quang nằm hứng mát, ngắm trăng và tâm sự. Kể đến đó, Ngài dừng lại, nghẹn ngào không nói được, im lặng giây lâu rồi mới tiếp tục câu chuyện.

Nói đến Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, người viết nghĩ ngay đến mấy đức tính ưu việt đã làm cho Ngài trở thành một vị cao tăng thạc đức trong chốn thiền môn, một nhà lãnh đạo tài đức vẹn toàn của Giáo Hội, một vị tăng sĩ dung dị nhưng khí tiết cao vời xả thân phục vụ cho đạo pháp, một người dân Việt tận hiến đời mình cho dân tộc.

Phật Giáo Việt Nam nói chung và GHPGVNTN nói riêng sau ngày thành lập vào đầu năm 1964, đã thật sự bước vào một khúc quanh mới trong lịch sử không những của Phật Giáo mà còn của cả dân tộc. Khúc quanh ấy đánh dấu sự dần thân sâu xa và tích cực hơn bao giờ hết, ít nhất là khoảng năm ba thế kỷ trở lại đây, của Phật Giáo trong công cuộc hoàng dương chánh

pháp cứu khổ sinh dân và góp phần xây dựng đất nước. Động lực cho sự dẫn thân đó chính là các nhà lãnh đạo Phật Giáo, mà trong đó Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang là một trong những người đóng vai trò chính yếu, đã nhìn thấy từ bài học của quá khứ xa và gần cũng như tiên liệu được một viễn tượng mà Phật Giáo sẽ đi tới trong tương lai. Đối với quá khứ xa và gần, sự thụ động đã làm cho Phật Giáo đánh mất cơ hội để thực hiện sứ mệnh hoằng pháp, cứu khổ và trùng hưng Phật Giáo, đồng thời một cách nào đó để cho đất nước lâm vào thảm trạng bị ngoại bang thao túng, bị các thế lực chính trị và chủ nghĩa gây bao nhiêu đổ nát. Đối với viễn cảnh tương lai, nếu Phật Giáo còn tiếp tục thụ động trong công cuộc chuyển vận bánh xe chánh pháp và góp phần xây dựng đất nước thì sẽ đưa Phật Giáo Việt Nam vào tình trạng suy vong, sẽ không thể bảo vệ được truyền thống văn hóa và đạo đức tâm linh cao đẹp, không làm cho đất nước thăng tiến và phú cường.

Chiêm nghiệm bài học của quá khứ và nhìn về tương lai của Phật Giáo và dân tộc như vậy, Cố Đại Lão Hòa Thượng trong vai trò Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo, suốt từ 1964 đến 1974, đã không ngừng đóng góp tích cực và hữu hiệu trong công cuộc xây dựng và phát triển Phật Giáo cũng như đất nước. Trong bối cảnh nhiễu nhương của thời cuộc bấy giờ, Ngài đã cùng với Hội Đồng Lương Viện lèo lái con thuyền Giáo Hội vượt lên trên mọi chi phối và tác động một chiều từ các thế lực chính trị bên ngoài cũng như sự giao động bên trong. Giáo Hội, dù mặt hình thức là một cơ cấu tổ chức mang sắc thái xã hội thế sự, nhưng bên trong nội thể đích thị là một tập thể những người



con Phật lấy chí nguyện ‘thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh’ làm tiêu đích. Điều đó có nghĩa là Giáo Hội dù làm bất cứ công tác Phật sự nào cũng không thể đi ra ngoài bản nguyện tự giác và giác tha, lấy việc hoằng dương chánh pháp, cứu độ nhân sinh làm phương tiện để đưa mình và người đến đích giác ngộ và giải thoát. Hạnh nguyện đã như vậy thì Giáo Hội không thể để cho mình bị rơi vào vòng hệ lụy của tâm phân biệt, thế lưỡng phân đối kháng của nhị nguyên phàm tình. Giáo Hội phải đứng trên tất cả, tất cả mọi thế lực thế gian. Đó chính là con đường trung đạo mà đức Phật đã thể hiện trong cuộc đời giáo hóa của Ngài.

Ở đây cần nói thêm một chút để làm rõ nghĩa con đường trung đạo của Phật Giáo. Xin đừng đem quan điểm và tầm nhìn thế gian để nhận định về con đường trung đạo của Phật Giáo. Tâm thức phân biệt của thế gian sẽ nhìn thấy con đường trung đạo là trung lập, là đứng ở giữa hai bên, đôi khi được cho là ‘ba phải’, hoặc bị bên này cho là thuộc bên kia, và ngược lại. Nhưng, con đường trung đạo của Phật Giáo không dựa trên tâm thức hữu ngã, vốn là con đẻ của vô minh là ngọn gốc của sanh tử khổ đau, cản trở sự giác ngộ và giải thoát, mà bắt nguồn từ chân tâm vô ngã. Vô ngã vì giác ngộ bản chất các pháp chỉ là giả danh, là không thực thể, là do duyên mà sinh. Vô ngã cho nên không trụ tướng. Không trụ tướng cho nên không bị dính mắc bên này hay bên kia. Không dính mắc cho nên được giải thoát ngay trong đời sống hằng ngày, trong mọi hành tác, trong mọi Phật sự, trong mọi cơ cấu tổ chức. Tuy nhiên, trên thực tế xã hội, Giáo Hội không thể tách ra khỏi mọi tương quan với xã

hội, với thế giới. Chính vì vậy, Giáo Hội vẫn phải thực hành sứ mệnh của mình đối với cộng đồng dân tộc và nhân loại. Nhưng, sứ mệnh đó, tất nhiên, đứng trên mảnh đất tâm không trụ trước, trong đó hàm tàng chất liệu trí tuệ và từ bi bao dung để cảm hóa và chuyển hóa. Sứ mệnh đó được trang trải rộng lớn ra cho cộng đồng dân tộc mà không bị trói buộc trong bất cứ thể lực chính trị hay chủ nghĩa nào. Ngài đã viết trong cuốn ‘Đạo Phật Áp Dụng Vào Đời Sống Hằng Ngày’, trong Chương thứ 6, như sau:

“Phật tử nên theo đảng phái và đường lối chính trị nào? Phật tử không có óc phe phái, không làm chính trị phe phái, và biết vượt lên trên phe phái để phụng sự đất nước. Phe phái được nhận định như những phương tiện thực hiện một đường lối chính trị, nhưng lắm khi các phe phái chống đối nhau thanh toán nhau chỉ vì quyền bính. Phật tử đứng ngoài phe phái, khuyến khích sự thi đua của các phe phái trong mục đích phụng sự dân tộc.”<sup>1</sup>

Nguyên tắc ấy là phương thức hành xử mà chư tiên bối, lịch đại tổ sư, chư vị thiên sư, các vị lãnh đạo Phật Giáo trải qua hơn hai ngàn năm lịch sử Phật Giáo Việt Nam đã ứng dụng. Cố Đại Lão Hòa Thượng cũng theo phương thức truyền thống ấy mà ứng xử trong vai trò lãnh đạo GHPGVNTN. Từ đó mới thấy rằng suốt trên bốn thập niên qua, Ngài đã cùng với chư vị

---

<sup>1</sup> Thích Huyền Quang và Thích Nhất Hạnh, Đạo Phật Áp Dụng Trong Đời Sống Hằng Ngày, Viện Hóa Đạo xuất bản lần thứ nhất năm 1973. Nguồn Thư Viện Hoa Sen – [www.thuvienhoasen.org](http://www.thuvienhoasen.org)

tôn túc trong Hội Đồng Lương Viện giữ vững con thuyền Giáo Hội lướt trên đầu ngọn sóng mà đi dù trải qua bao nhiêu phong ba bão táp. Phật Giáo tự thân không là thế lực đối đầu hay chống đối bất cứ thế lực chính trị nào. Phật Giáo tự thân chỉ là một tập thể những người con Phật đem nguyện lực bi trí ra để phụng sự Phật pháp và góp phần giải khổ cho nhân sinh. Nhưng các thế lực chính trị cầm quyền đã luôn luôn xem Phật Giáo là thế lực chính trị khác uy hiếp quyền lực lãnh đạo đất nước của họ, nên đã không ngừng đánh phá thậm chí tiêu diệt Phật Giáo. Đó chính là sai lầm lớn nhất của các thế lực chính trị cầm quyền tại Việt Nam trong suốt trên năm mươi năm nay. Vì vậy cho nên, muốn hiểu được đường hướng và lập trường đích thực của Phật Giáo, người ta phải thấu rõ bản hoài của đức Phật, hạnh nguyện của chư Tăng, Ni và những nhà lãnh đạo Phật Giáo. Muốn được như vậy, người ta phải có kiến thức đúng đắn đối với Phật Giáo. Được như thế thì mới không gây ra bao nhiêu khủng hoảng, bao nhiêu mất mát không cần thiết, mới tạo thuận duyên cho đại khối dân tộc góp phần vào việc xây dựng và phát triển đất nước. Tiếc thay, Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua đã không có cái may mắn đó!

Hiểu như vậy, mới thấy được một chút trong biển sâu trí giác, bi nguyện và hành trạng của Cổ Đại Lão Hòa Thượng suốt trên sáu mươi năm qua thâm thiết, chân thành, dũng lực và cao cả đến chừng nào! Ngài đã viết trong tác phẩm ‘Đạo Phật Áp Dụng Vào Đời Sống Hằng Ngày’<sup>2</sup>, ở Chương thứ nhất, như

---

<sup>2</sup> Sdd.

sau: “Mục đích của sự thực hành đạo Phật, do đó là để đạt tới nhận thức sáng tỏ về thực tại (trí), tình thương rộng lớn với mọi người và mọi loài (bi) và ý chí bền vững để thành tựu đại nguyện giúp đời (dũng). Đạo Phật không phải là một tôn giáo chuyên thờ cúng cầu xin các vị thần minh. Đạo Phật đòi hỏi người Phật tử thực hiện trí tuệ, tình thương và ý chí nơi bản thân và ngoài xã hội. Đạo Phật đại thừa trình bày những nhân vật gương mẫu của sự thực hiện đạo Phật như bồ tát Quan Thế Âm, bồ tát Văn Thù Sư Lợi, bồ tát Phổ Hiền, và bồ tát Địa Tạng. Đó là những người Phật tử lỗi lạc nhất, những người đang thực hiện tuệ giác đại trí, tình thương đại bi và công tác đại hạnh. Bồ tát (Bodhisattva) có nghĩa là người đang thực hiện sự nghiệp giác ngộ và độ sinh. Bồ Tát Quan Thế Âm là hình ảnh của tình thương đại bi và công tác đại hạnh, lắng tai nghe tiếng kêu thương của kẻ khổ đau mười phương mà có mặt để cứu độ (kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn). Bồ tát Văn Thù Sư Lợi là hình ảnh của tuệ giác đại trí và biện tài vô ngại (kinh Duy Ma). Bồ tát Phổ Hiền và Bồ tát Địa Tạng là hình ảnh của hành động và đại nguyện để thành tựu sự nghiệp giác ngộ và cứu đời (kinh Hoa Nghiêm phẩm Phổ Hiền và kinh Địa Tạng).”

Bằng trí tuệ sáng suốt và từ bi bao dung để làm Phật sự, Ngài quả thật đã vượt trên những cục bộ nhỏ bé của tiểu ngã phàm tình. Khởi đi từ đó, Ngài đã dũng mãnh quán xét một cách khách quan và mở rộng lòng để lắng nghe mọi ý kiến xây dựng từ tăng, ni và phật tử muốn góp phần phát triển tổ chức Giáo Hội mà Ngài đang đóng vai trò lãnh đạo. Qua đó cho thấy phẩm đức lãnh đạo cao và sâu của Ngài đến mức nào. Ngài viết trong “Đạo Phật Áp Dụng Vào Đời Sống Hằng Ngày”, ở Chương

thứ 5, như sau: “Ta nên tìm hiểu cơ cấu tổ chức của Giáo Hội và đường lối của Giáo Hội để ủng hộ và để góp ý. Nếu ta nhận thấy Giáo Hội không đi con đường mà ta mong ước, ta nên tự do nói lên ý nghĩ của ta và tìm cách ảnh hưởng tới đường hướng của Giáo Hội. Một trong những điểm của đạo Phật là tinh thần tự do: Mọi người Phật tử đều có trách nhiệm, bổn phận và quyền phát biểu và hành động. Bằng cách tham dự vào giáo hội địa phương, và đứng trên cương vị Giáo Hội địa phương, mọi người Phật tử đều có thể ảnh hưởng tới đường lối của Giáo Hội Trung Ương và do đó có thể thay đổi đường lối Giáo Hội Trung Ương. Sở dĩ ta có thể làm được như vậy chính là vì đạo Phật có tinh thần dân chủ và Giáo Hội đã được tổ chức như một cơ cấu dân chủ.”<sup>3</sup>

Suốt ba thập niên đối diện thường trực với biết bao áp bức và bách hại cho bản thân cũng như cho tổ chức Giáo Hội mà Ngài là vị lãnh đạo tối cao, nhưng cả thế giới đều chứng kiến một cõi lòng từ bi bao dung vô lượng, trong đó không một chút hận thù, không một niệm sân si, ngay dù đối với chế độ đối xử với Ngài như một tù nhân, khi Thủ tướng Phan Văn Khải tiếp kiến Ngài tại Hà Nội vào ngày 2 tháng 4 năm 2003, Ngài vẫn an nhiên tự tại, đem tâm hỷ xả mà ứng xử. Rồi sau đó, Ngài thực hiện chuyến thăm viếng tăng, ni và Phật tử khắp nơi từ Bắc vào Nam với một tấm lòng chân thật, trong sáng, cởi mở và thiết tha xây dựng vì tiền đồ của Phật Giáo Việt Nam. Rất tiếc, người ta đã không nhìn thấy được chí nguyện quảng đại của bậc bồ tát!

---

<sup>3</sup> Sdd.

Với cõi lòng an tịnh, dù đang ở trong nhà tù, Ngài vẫn tinh cần đọc tụng Tam Tạng Kinh Điển trong suốt mười mấy năm trời để thâm nhập và chiêm nghiệm tất cả tinh ba của giáo pháp Phật Đà. Cũng chính trong thời gian bị cấm cố tại Quảng Ngãi, Ngài đã soạn bộ ‘Pháp Sự Khoa Nghi’ dành cho các thời khóa nghi lễ trong thiền môn. Qua bộ ‘Pháp Sự Khoa Nghi’ này chúng ta mới thấy được sự thâm sâu, uyên bác của kiến văn và nét tài hoa điêu luyện về văn học ở nơi Ngài. Đặc biệt, trong phần Nhơn Duyên Thành Tựu xưng tán công hạnh chư tổ và chư vị cao tăng Phật Giáo Việt Nam xưa và nay, Ngài đã để lại những áng văn thắm đượm thiền vị thanh cao. Xin đơn cử một trường hợp cụ thể về các bài vịnh khai diên và xưng tụng mà Ngài đã sáng tác để truy tán Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Phúc Hộ, Chủ Tịch Hội Đồng Giám Luật Viện Tăng Thống GHPGVNTN, phương trưởng tổ đình Từ Quang, Đá Trắng, Phú Yên. Trong đó có đoạn như sau:

*“Trông về Đá Trắng thấy mây bay,  
Nhớ Tổ Diệu Nghiêm mở chốn này  
Đuốc tuệ bập bùng bao thế kỷ,  
Đèn thiền le lói suốt xưa nay.  
Bảy đời tâm ấn nhơn gian biết  
Một mảnh y truyền thiên hạ hay  
Cội vừng, cành xanh, hoa kết trái  
Từ Quang muôn thuở rạng danh Thầy.  
Nhớ lại năm nào cũng độ này  
Tôn sư quáy dép trở về Tây.  
Rồi từ đó:*

Ba đường tắm tối trôi qua lại,  
 Sáu cõi trầm luân hết đó đây.  
 Đá Trắng cúi đầu ghi đức Tố,  
 Cây xanh rủ bóng nhớ ơn Thầy  
 Từ Quang phương trượng xin minh chứng  
 Đốt nén hương lòng gửi gió mây.

Cung duy:

Phú Yên, sắc tứ Từ Quang tự, Phúc Hộ Đại lão Hòa thượng giác  
 linh tác đại chứng minh!"<sup>4</sup>

Trong bài xưng tụng khác bằng Hán văn, Ngài viết:

“Phú Yên sơn xuyên,  
 Chung linh dục túy  
 Đại sư Thị Chí  
 Thủ xứ xuất sanh.  
 Kỳ nhơn thủy thanh  
 Kỳ tâm thu nguyệt,  
 Xiển minh tiền liệt,  
 Tiếp dẫn hậu côn,  
 Lương đồng sơn môn,  
 Kỳ cương hải chúng,  
 Nhơn gian ứng cúng  
 Thiên hạ hóa duyên,  
 Thánh chủng, phước điền,  
 Truyền đăng tục diệm  
 Từ Châu quang phiếm,

<sup>4</sup> Thích Huyền Quang, Pháp Sự Khoa Nghi, nguồn [www.phatviet.com](http://www.phatviet.com)

Pháp giá viễn du,  
Giới pháp thân tu,  
Giáo quyền chương ốc.  
Kế thừa Thích tộc,  
Truyền bá thiên tông,  
Phước Sơn lão tông,  
Từ Quang cổ thụ,  
Y truyền pháp phú,  
Nghệp tạ công thành,  
Phật quốc nhất sanh  
Ta bà vĩnh biệt.  
Đạo tình tha thiết,  
Thành kính cúng dường  
Bi văn nhất chương,  
Tôn vinh số cú  
Đài tiền kẻ thủ,  
Đường thượng cảm thông.

*Đinh Mão trọng đông, nhị ngũ tam nhứt, nhứt cửu bát nhất. Đồng tôn Sa môn Huyền Quang bái tụng.”<sup>5</sup>*

Lãnh đạo Giáo Hội là phương tiện quyền xảo, thuận theo thế tục để để cảm hóa nhân sinh. Nhưng cốt cách của bậc Tăng Bảo là đạo lực sâu dày qua thân chứng. Từ đạo lực thân chứng ấy mà tùy duyên ứng hiện để hóa độ tha nhân. Bởi vậy, bậc đại sĩ đến thế gian làm Phật sự như đóa sen sanh trong chốn ao tù

---

<sup>5</sup> Sdd.



bùn lầy xú ố mà vẫn tỏa ngát hương thơm giới định tuệ. Phật đạo khác thế gian đạo là ở chỗ này, mà cao siêu vi diệu cũng ở nơi đây. Dù là thời Phật hay thời cách Phật mấy ngàn năm, cốt cách đó vẫn không hề biến dạng, nếu biến dạng là Phật Pháp tức thì suy vi. Đừng nói mỗi thời mỗi khác, cứ theo thời mà tùy thích đổi thay. Đúng, mỗi thời đại tâm thức và xã hội con người đều đổi khác. Nhưng, đừng quên rằng cốt lõi giác ngộ và giải thoát vốn không hai, từ Phật Oai Âm Vương cho đến muôn vạn tỉ kiếp đương lai. Vì thế cho nên, lúc đức Phật Thích Ca tuyên xưng Pháp Nhất Thừa nơi hội Pháp Hoa, đức Đa Bảo Như Lai đã thị hiện để tác chứng.

Tăng, Ni, Phật tử mười phương kính ngưỡng Ngài, không phải vì quyền cao chức trọng mà vì đạo lực siêu quần, cốt cách xuất trần thượng sĩ. Trên thế gian, nếu bảo ngôi cao là chí thượng thì còn ai sánh bằng Thánh đế Chuyển Luân Vương. Nhưng, nếu phải chọn thì Thái Tử Sĩ Đạt Đa đã chọn làm một sa môn giòng họ Thích. Có gì cao sang quyền quý trong hình tướng một vị sa môn ba y, một bình bát khất thực từng nhà, đêm ngủ gốc cây, ngày du hóa khắp nơi, không phân biệt giàu hèn sang trọng! Kê trọng danh lợi quyền tước và những nhà chính trị thế gian chắc không lấy gì hứng thú với nếp sống của bậc sa môn như vậy. Nhưng có cái mà người thế gian dù địa vị cao tột đến đâu cũng không thể làm được hơn vị sa môn. Đó là thay đổi tận gốc rễ của từng cá nhân và cộng đồng xã hội bằng cuộc cách mệnh tâm linh vô tiền khoáng hậu. Cuộc cách mệnh tâm linh ấy khởi đi và kết thúc ở một điểm nhỏ không gì nhỏ bằng: TÂM. Phải, khi nhỏ đến mức không còn chỗ để trú, thì

cũng có nghĩa là không gì chẳng là tâm.

Ngót chín mươi năm thị hiện giữa đời, mà gần hết khoảng thời gian đó, Ngài đã an trú trong chốn thiền môn. Chỉ cần nghĩ đến hình ảnh của vị lão tăng, sống độc cư trong một ngôi nhà bé nhỏ ở giữa đồng ruộng mênh mông cô quạnh, đêm đêm chong ngọn đèn leo lét ngồi an nhiên đọc Đại Tạng Kinh, làm kệ tán, soạn khoa nghi, cũng đủ để hình dung sức mạnh nguồn tâm phi thường của Ngài. Vóc dáng ấy nếu không là cội tùng sừng sững giữa rừng thiền thì là gì! Ngài ra đi, cội tùng già không ngã, chỉ là bóng ngả về Tây.

Cúi đầu đánh lễ Giác Linh Bạc Ân Sư.

*Tâm Huy Huỳnh Kim Quang*

khấp bái.

NGƯỠNG VỌNG CUỘC ĐỜI  
VÀ HÀNH TRẠNG  
CỦA ĐỨC ĐỆ TỬ TẶNG THỐNG  
THƯỢNG HUYỀN HẠ QUANG

THÍCH NHẬT TÂN

**C**uộc đời Ngài là ngọn núi cả, ngược nhìn, đã mỗi cổ  
Cuộc đời Ngài là khu rừng thiêng, đứng ngó, đã rừng mình  
Cuộc đời Ngài là biển đại thế, như triều dâng sóng vỗ  
Cuộc đời Ngài là sông đại nguyên, như nước biếc lung linh  
Dùng chữ nghĩa để tôn vinh  
Xứng danh, nhưng quá thường tình  
Dùng tâm lượng phạm phu ca ngợi  
Không đủ ngôn từ diễn tả  
Dùng giải này giải kia đánh giá  
Như những món quà dâng tặng, thế thôi  
Dùng cương vị này cương vị kia, tôn ngời  
Tư thế đó, đâu cần ai đặt để

Mà chỉ có nhất nhất, tâm tâm, niệm niệm, chân thành đánh lễ  
Mà chỉ có rưng rưng, cảm cảm, bi bi, sụp lạy, cúi đầu  
Trong vũ trụ bao la kia, hằng hà sa số tinh cầu  
Đứng lại trong giờ phút này đây, lặng yên bất động  
Trong vạn hữu phù sinh kia, hằng hà chúng sinh trầm lắng  
Im bật trong giờ phút này đây, thâm nguyện kinh cầu  
Ngài về trong cõi nhiệm mầu  
Ngài đi từ cõi nhiệm mầu mà đi  
Ngài về trong cõi vô nghi  
Ngài đi Ánh Đạo Từ Bi óng vàng  
Ngài về thăm cõi Lạc Bang  
Ngài quay trở lại trần gian cứu đời  
Như Ngài đã nói :  
“Cuộc đời tôi  
Ở không nhà  
Sống không đất  
Tù không tội  
Chết không mồ”<sup>1</sup>  
Do đó :  
Ngài sinh ra, bởi vận mệnh, cơ đồ  
Ngài sống đó, bởi dân tộc, tổ quốc  
Ngài ngồi đó, bởi thế thời thành thất  
Ngài ra đi, bởi Đạo Pháp Quê Hương  
Dù ai nói, núi là sông  
Dù ai nói, đá là vàng

---

<sup>1</sup> Trích những câu nói khẳng khái lịch sử của chính Đức Tăng Thống.

Dù ai nói, trắng là đen  
 Vẫn không có gì thay đổi được  
 Không lợi dụng, không giả danh, không quyền chước  
 Không vọng cầu, không vong bản, không phi nhân  
 Không cướp công, không tranh đoạt, không thủ phần  
 Là Long Tượng, lương đồng, trượng phu, đầu cần thứ đó  
 Cuộc đời Ngài, cả một trăm năm, xem như trôm trôm thế kỷ  
 Thì Đạo Pháp và quê hương, xem như trái qua ba thời  
 Dị khẩu đồng âm, đồng dạc tuyên bố một lời  
 Cả ba thời, đều mệnh danh, thủ thuật  
 Cả ba thời, đều đội dù, che khuất  
 Cả ba thời, không thực thì cũng ngoại lai  
 Cả ba thời, thế nước lòng dân, ách tai  
 Ai không bon chen danh lợi leo đài  
 Ai không trùm mền, nhắm mắt, buông tay  
 Ai nói lên tiếng nói : vận nước điều linh, thế nước bị xéo dày  
 Thì ngưỡng cửa ngục tù, chốt khóa hãm kìm, chứ làm sao kết tội  
 Đã biết rồi, nếu muốn nói, thì phải nói  
 Đất nước Việt Nam, lịch sử đã năm ngàn năm  
 “Phật Giáo Việt Nam, lịch sử đã hai ngàn năm  
 Cơ sở Phật Giáo, là núi rừng, hải đảo, thôn quê, thị thành  
 Địa vị Phật Giáo, là tám mươi phần trăm dân số Việt Nam  
 Đạo lý Phật Giáo, là đường dài mở nước, dựng nước, cứu nước”<sup>2</sup>  
 Như vầng nguyệt thanh trong, không vẩn màu ố trước  
 Như vầng nhật ánh dương, không vẩn áng mây mù

---

<sup>2</sup> Trích những câu nói khẳng khái lịch sử của chính Đức Tăng Thống.

Dù đời Ngài sống với lao tù, nhưng lao lý để lại thiên thu  
Ai dám hỏi lao lý, lao tù, lao tình, lao tội  
Cuộc đời Ngài, một trăm năm, nay qua khỏi  
Ngài gian truân, vì cả đất nước gian truân  
Ngài khổ thân, vì cả dân tộc cực hình  
Nay Ngài chết, nhưng oai linh Ngài bất diệt  
Ai đã biết và ai chưa hay biết  
Mảnh trời Nam nước Việt giống Lạc Hồng  
Một ngàn năm trăm thống nhớ không  
Một trăm năm tai ách chất chồng  
Hăm mốt năm toi bởi khói lửa  
Mấy chục năm trường ray rứt hồn thiêng  
Khổ đau phủ cả ba Miền  
Tang thương phủ cả mọi miền quê hương  
Đan tâm cay xé tư lương  
Đan tay vá vùi nhiều nhưng cơ đồ  
Biển Đông trào sóng nhấp nhô  
Trường Sơn nhà khói vật vờ hồn đau  
Nước kia đã lấm nung dâu  
Non kia đã lấm sắc màu nát tan  
Tâm tư trần trở tâm can  
Tự tình trần trở, tương tàn thế ni  
Hùng tâm, hùng lực, ai vì  
Đại bi, đại nguyện, ai vì cho ai  
Hai ngàn năm qua  
Bao nhiêu bậc khai tổ, danh sư, quốc sư  
Vẫn phương đài, truyền đăng tục diệm

Năm ngàn năm qua  
 Bao nhiêu bậc minh quân, danh tướng, anh hùng  
 Vãn phương đài, kim cổ soi chung  
 Hàng ngàn năm sau  
 Muốn thắm tô Dân tộc, Đạo pháp, Quê hương  
 Vãn noi gương đời đời liệt Tông, liệt Tổ  
 Hôm nay:  
 Ngài đã Tây quy  
 Lá rụng về cội  
 Nước quay về nguồn  
 Pháp cổ trăm hùng ngân ngân mãi  
 Huyền Quang tâm lực sắt sắt son  
 Đạo pháp muôn đời bi bi nguyện  
 Giang sơn muôn thuở châu châu viên  
 Từ đông tây nam bắc  
 Từ quốc nội hải ngoại  
 Khắp bốn biển năm châu  
 Khác màu da chủng tộc  
 Cửa thế kỷ hai mươi  
 Đầu thế kỷ hăm mốt hôm nay  
 Tăng tín đồ cúi lạy dâng Ngài  
 Cả dân tộc kính vọng tên Ngài  
 Cả nhân loại hướng vọng tên Ngài  
 Một con người Việt Nam  
 Của dân tộc Việt Nam  
 Của Phật Giáo Việt Nam  
 Đại lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang

*Đức Đệ Tứ Tăng Thống Huyền Quang bất tử !!!*

*Thích Nhật Tân ngưỡng bái*



# TÔNG LÂM THẠCH TRỤ

## ĐỒNG THIÊN

(Khế thủ đánh lễ giác linh Hòa Thượng, tăng thống THÍCH QUẢNG ĐỘ,  
đồng tưởng nhớ Hòa Thượng, tăng thống THÍCH HUYỀN QUANG)

Có những cội tùng chẳng ngại tuyết sương  
Đầu non mờ mịt giữa đêm trường

Thân lau sậy bọc lấy kim cương

Bão giông rèn giữa

Danh lợi trò đùa

Nhọc nhàn nhân gian gánh vác hai vai

Sóng dữ phong ba vững tay chèo lái

Có những tâm hồn lỏng lẻo hư không

Phất phơ vạt áo nâu sồng

Vẫn cười cợt tù dày, giam lỏng

Vận nước nhiều nhưong

Pháp nhược ma cường

Ngài đứng thẳng lấy thân làm thạch trụ

Dang hai tay bảo bọc tông lâm

Nào ai thấu bản tâm Bồ Tát

Mấy mươi năm ôm bình bát độ sanh

Kẻ vô minh lắm thủ đoạn gian manh  
Triệt đường sống và giờ trò mạ ly  
Nào có hề chi  
Ngọc sáng lưu ly  
Càng tai ương lại càng thêm vô úy  
Trí huệ khai viết sách, dịch kinh  
Sách tấn đồng môn, khuyến độ hậu sinh  
Chín mươi ba năm chưa một ngày ngừng nghỉ  
Ngọn đèn cháy sáng đến tận giọt dầu cuối  
Hơi thở trả lại hư không, nhắm mắt xuôi tay  
Thân tứ đại lại về cát bụi  
Mà tinh thần bất diệt thiên thu  
Quảng rộng khắp muôn loài cùng bá tánh  
Độ sơn hà và nhất thiết chúng sanh  
Vạn lời khen, tán tụng cũng không cùng  
Tâm Bồ Tát bút mực nào tả đúng  
Huyền diệu sao ý chỉ Phật môn  
Quang minh soi ba ngàn thế giới  
Bạc danh tăng dựng tích trượng mở đường  
Thuyền đạo pháp giữ la bàn đúng hướng

**Đông Thiện**

Ất Lăng thành, 23/2/2020)

# ĐIỀU VĂN CỦA NI GIỚI BẮC TÔNG TẠI HOA KỲ

THÍCH NỮ TỊNH QUANG

**N**gưỡng bạch giác linh Hòa Thượng,  
Toàn thể Ni Giới chúng con  
Hàng hậu học trú xứ Hoa Kỳ  
Hay tin Ngài "Chích Lý Quy Tây"  
Thống thiết, bàng hoàng biết nói sao đây!  
Khi ngữ ngôn chấp chứng  
Ý tứ vụng về  
Trước bậc Thầy giới đức trang nghiêm như pha lê khả kính  
Một bậc Thầy rạng ngời Bi-Tri-Dũng  
Lợi danh không xao động  
Xiềng xích chẳng nao lòng  
Thách đố với ma binh  
Vũ lực nào khiếp nhược!  
Người, Không chỉ là bậc Đạo sư của Tăng Ni và hàng triệu trái  
tim hồng Việt Nam Phật Tử  
Và còn là bậc đạo sư của tinh cầu hoàn vũ

Hành tung tuyệt siêu, vượt bách phi, tứ cú  
Thị hiện xảo quyền giữa trần thế đảo điên  
Ngài đến thế gian và ra đi trong tự tình quê hương dân tộc  
Soi sáng đời bằng hạnh nguyện vị tha  
Đốt nén tâm hương, vô cùng kính ngưỡng.  
Nhớ hôm nao, ra khám vào tù với thân phận mong manh  
Lòng bỏ tất luôn thiết tha cùng chúng sanh và đạo pháp  
Qua bao cuộc điều linh pháp nạn  
Ý chí hào hùng tranh đấu-tự do  
Rồi hôm ấy, Đông-Tây thân cò dây đó  
Tìm phương chốn hưng Phật Pháp nước nhà  
Khai mở già lam  
Tiếp dẫn tông môn  
Đào tạo tăng tài hoàng dương đạo pháp  
Đến hôm nay,  
Con thuyền đạo pháp gặp ghềnh vì giông biển  
Với yêu sách chín điểm  
Mong chèo chống con thuyền về bến  
Ngài đi rồi,  
Biết bao giờ thực hiện...  
Than ôi!  
Pháp âm đâu đây còn vọng tiếng  
Giữa rừng già cần cỗi  
Lòng đất khổ đau, đá sỏi, ngậm ngùi  
Không gian im bật  
Tiếng quê hương  
Vẫn réo gọi trái tim buồn

Giữa những tham vọng hão huyền  
 Bóng núi khuất sâu  
 Lời khái thị nhân quyền như giọt lệ hằng châu  
 Trên trang sử hào hùng dân tộc  
 Đại lão Huyền Quang  
 Tiên phong cho nền dân chủ dài lâu  
 Đấu tranh không lòng thù hận  
 Lợi ích chẳng nghĩ riêng mình  
 Trọn đời trở trần vì sự tồn vong đạo pháp  
 Dẫn thế sự quay quần  
 Bánh xe pháp xoay vẫn không ngừng ngại  
 Mặc sóng vỗ lao xao  
 Đỉnh núi cao vẫn hiên ngang hùng vĩ  
 Lòng rộng oai nghiêm bi-trí tròn đầy  
 Người đi rồi, heo hút ngàn mây...  
 Ánh từ quang còn phảng phất đâu đây  
 Dòng sinh diệt bóng hình người bất diệt  
 Con đò khuya lơ lững...  
 Vầng trăng  
 vằng vặc treo  
 Giữa muôn vàn tinh tú  
 Giữa rừng khuya bao la  
 Thánh thót chuông Nguyên Thiều reo gọi  
 Sự trở về diện mục núi sông  
 Vũ trụ mệnh mông  
 Đâu không bước chân ngài lai vãng.

*Nam mô Từ Lâm Tế Chánh Tông Tân Viên Tịch Đại Lão Hòa  
Thượng thượng Huyền hạ Quang Giác Linh Tam Bái.*

*Đại diện toàn thể Ni Giới Bắc Tông Tại Hoa Kỳ*

*Thích nữ Tịnh Quang Kính Bái*

# PHỤC BÁI THƯỢNG VĂN

Điều văn của BAN HƯỚNG DẪN TRUNG ƯƠNG  
GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM  
kính dâng Đức Tăng Thống GHPGVNTN

Sông Côn sóng cuộn,  
Đỉnh Thái mây vẫn;  
Bốn nghìn năm non nước lặng chuông ngân,  
Suốt nghìn dặm hoa vàng in ấn lệ,  
Rừng thông bóng ngả, chợt lênh đênh dếp cỏ rêu mờ,  
Canh mộng đèn lu, nghe lạnh buốt nhà Lam mưa rú.  
Đường đời vinh nhục, không nhạt màu son,  
Vận nước thăng trầm, dễ mòn néo Đạo.  
Giữa lúc thuyền Chánh Pháp vượt ngàn thác lũ,  
Ánh Hùng Tinh lịm tắt bờ Tây;  
Đàn chim đại bơ vợ, cội Bồ Đề lá rụng.  
Chúng con toàn thể Lam viên khắp mọi miền thế giới,  
Từ tận cùng hải đảo xa xôi,  
Hoặc hiện tiền, hoặc xa cách,  
Hết thủy đồng quy tâm về trú xứ Nguyên Thiều,  
Đồng phủ phục dưới bóng Linh đài,  
Chỉ thành kính niệm Giác Linh xưa,

Gia phong truyền nếp, tín nguyện túc căn.  
Giang sơn Bình Định kết thái anh hoa;  
Nhân kiệt địa linh ươm mầm Thánh chủng.  
Tuổi đồng chơn cát ái từ thân, nhẹ gót siêu phương.  
Đường Bắc Nam xuyên suốt dặm trường,  
Mười bốn năm theo Thầy học đạo.  
Giữa lúc nhân tâm thế đạo giữa nghiêng,  
Đất nước ngập tràn máu lệ,  
Quê hương nô dịch ngoại bang;  
Gió Tây điên đảo, tà thuyết hoành hành;  
Chín năm ròng lặn lội hiểm nguy, vào tù ra khám,  
Mong manh chiếc áo nâu sòng mà dương cự cuồng phong, dương  
cao Chánh Lý.  
Khi đất nước qua phân, củi đậu nấu đậu,  
Mà nước sông Côn chưa cạn tình người;  
Sừng sững Trường Sơn,  
Bóng rập phương trời khói hận.  
Sân chùa nắng đỏ, đỉnh tháp sương in;  
Ánh đèn khuya soi lối cửa tùng,  
Hồn dân tộc rạng ngời Bắc đẩu.  
Ba mươi năm vật đổi sao dời,  
Bền nguyện cả đẩu lênh đênh chìm nổi.  
Cửa Thiên bồng rợn ràng khóa lợi,  
Đèn Tổ chong leo lét Tăng luân.  
Đường Bắc Nam một dải sơn hà,  
Tinh nhân thế chập chờn phản phúc.



Thị phi không đầu mối,  
 Nhân nghĩa khớp dầm danh.  
 Bóng xuất trần nặng trĩu gánh nhân sinh,  
 Gương đạo lý phai pha màu thế lụy.  
 Người về đâu, muôn dặm thân cô,  
 Cắm gậy trúc vững nền Đạo thống.  
 Đi về đâu, nghìn nhà một bát,  
 Quái nạp y ấp ủ hương Nguyễn.  
 Bánh xe Hóa đạo xoay vẫn theo quỹ đạo Nhật thân,  
 Binh pháp truyền đăng  
 Giữ gìn lưu truyền Thánh sứ.  
 Nghìn năm Huyền sử, đêm âm u bởi lạc hướng văn minh.  
 Một lớp thiêu thân, gió dập dờn theo lửa đèn hư huyền.  
 Dầu đường xó chợ lác nhác trẻ thơ,  
 Quán rượu phòng trà quay cuồng niên thiếu.  
 Để đưa đàn nai qua rừng an ổn,  
 Tránh xa cạm bẫy yêu ma;  
 Chúng con nương nhờ đức Cá, tựa bóng sông chùa,  
 Dọn vườn Lam tiếp đãi hậu sinh,  
 Lắng nước Tuệ ươm mầm chánh tín.  
 Những cánh chim non đã tung bay khắp bốn phương trời,  
 Bằng BI TRÍ DỪNG mà vượt ngàn giông bão.  
 Kỳ diệu thay! Chúng sanh nghiệp cảm bất khả tư nghì;  
 Gốc cổ thụ nghìn năm sừng sững.  
 Rồi một sớm, cổng nhà Thiên chốt khóa néo vườn Lam,  
 Đàn Oanh vũ xua bay tứ tán.  
 Từ ly loạn nghe ẩn tình thâm thiết,

Lướt phong ba nên chí nguyện kiên cường.  
Trên trời cao ngự áng mây Tù,  
Cho có đại vươn cao, dù nắng mưa bão táp.

Ô hô ai tai!  
Dòng sanh diệt sát na không đình trú,  
Cõi vô thường một thoáng sương mai.  
Bến Kim Hà rụng cánh hoa Đàm,  
Miền đất khổ nghẹn lời Di huấn.  
Kể từ đây, đường về cõi Tịnh, bóng ẩn hoa vàng;  
Lối cỏ Nguyên Thiều, rêu mờ gậy trúc.  
Biển Đông vang dậy muôn lớp sóng triều,  
Cánh hạc ngút ngàn phương trời thăm thẳm.  
Bóng Thầy lỏng lộng,  
Đi về tự tại đường mây;  
Lênh đênh một chiếc thuyền Lam,  
Mùi mật ba nghìn thế giới.  
Còn đây vắng lời Thầy dạy,  
Mệnh môn bế khổ, bất khả nại hà.  
Chốn Ta Bà ô trược,  
Chúng con nguyện không quán chông gai;  
Đời nhân ngã thị phi,  
Còn đức nhẫn nên sáng màu đạo nghĩa.  
Ô hô, phục vọng Giác Linh tiền.

**Ban Hướng Dẫn Trung Ương GDPTVN**

# MÂY MỜ ĐỈNH THƯỚU

(Lời ai điệu của GDDPTVN và Thế Giới  
trong ngày viễn tịch Hòa Thượng Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN)

Thơ: THÍCH THÔNG TRÍ  
Nhạc: Như Vinh  
Ký âm: Đặng Thi Ca

Chiều Tu viện ngàn cây rũ lá.  
Mây lưng trời ngập ngừng chẳng trôi, Con  
thuyền lướt sóng xa xôi, ngàn ngơ đưa tiễn lưng  
đồi nắng vương. Dòng nước biếc soi gương tháp  
cỏ, Đất Nguyên Thiều nghiệp Tổ anh linh.  
GIẢI HÒA tô đẹp sử xanh,  
NGỌC TÂN chiếu diệu xây thành tự do,  
HUYỀN QUANG sứ giả nhập triển độ sanh.

# THƠ ĐIỀU

QUẢNG TỪ VÂN

**C**húng con một lòng đốt nén tâm hương thành kính  
ngưỡng vọng ân đức cao dày của Ngài đã hy sinh vì đạo  
pháp và dân tộc.

*Cây xanh tươi bắt nguồn cội rễ  
Đất phì nhiêu nhờ mạch nước ngầm  
Bốn ngàn năm kết tụ tinh anh  
Trang sử Việt có Thiên sư Việt*

*Hóa thân giữa cánh sương mù  
Tì bi hóa giải oán thù trần gian  
Thầy Huyền Quang – Tổ Huyền Quang  
Ngàn năm trên cánh sen vàng gặp nhau.  
(Trích Thơ Vãng Sáng Kim Cương, 2003)*

Sài Gòn, Chủ nhật 6-7-2008  
Chúng con thành kính dâng lễ Giác Linh Ngài  
**Gia đình Phật tử Quảng Từ Vân**  
Thơ điệu của Quán Tâm

# NHỮNG NĂM THÁNG KHÓ KHĂN VÀ CAN ĐẢM

THỊ NGHĨA TRẦN TRUNG ĐẠO

Năm 1992, chúng tôi, một nhóm các chuyên viên kỹ thuật trẻ sinh hoạt trong mạng lưới internet trong giai đoạn rất phôi thai, họp nhau qua mạng. Chúng tôi bàn với nhau, chúng tôi may mắn có đặc quyền kỹ thuật vì làm việc trong lãnh vực hệ thống thông tin (IT Network) nhưng nếu chỉ hoạt động trong internet thôi, nỗ lực sẽ không đem lại hiệu quả vì đa số các tôn giáo, tổ chức và cộng đồng người Việt hải ngoại chưa bước vào internet. Chúng tôi quyết định chia nhau đi các nơi để trợ giúp các tổ chức, tôn giáo và cộng đồng.

Một người bạn của tôi vừa tốt nghiệp tiến sĩ và nhận việc ở Washington DC. Chúng tôi đề nghị anh đến giúp cho Cao Trào Nhân Bản vừa do Bác Sĩ Nguyễn Đan Quế thành lập trong nước năm 1990 mà đại diện là bào huynh của ông, Bác sĩ Nguyễn Quốc Quân ở Washington DC. Anh bạn đồng ý. Một ngày nọ anh chàng tiến sĩ tìm ra địa chỉ nhà bác sĩ Nguyễn Quốc Quân và đến gõ cửa để tự nguyện giúp Cao Trào Nhân Bản. Dĩ nhiên lúc đầu bác sĩ Nguyễn Quốc Quân chắc là ngạc

nhiên khi một anh tiến sĩ trẻ đến xin giúp cho phong trào không kèm theo bất cứ điều kiện gì. Tuy nhiên, lòng yêu nước như ngọn đèn soi sáng tấm lòng và họ tin tưởng nhau từ đó đến nay đã tròn 27 năm.

Các bạn khác cũng vậy, mỗi người chia nhau đi một ngã tùy theo khả năng, tôn giáo và lãnh vực mình yêu thích, để qua đó đóng góp.

Tôi may mắn hơn các bạn tôi vì không phải đi “tìm việc”. Lúc đó tôi đã có những gắn bó với Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ (GHPGVNTNHNHK) nên tiếp tục yểm trợ cho giáo hội.

Dù sao để có công việc làm cụ thể, tôi liên lạc với các Thượng tọa Thích Viên Lý, Tổng thư ký và Thượng tọa Thích Minh Dung, Phó Tổng thư ký của giáo hội để yêu cầu các thầy giao việc. Hai thầy giao tôi việc phụ phiên dịch các bản tin, thông tư của giáo hội, các thỉnh nguyện thư gửi Liên Hiệp Quốc và các tổ chức nhân quyền. Phần lớn thông tin qua lại ngày đó vẫn là fax. Tôi không có máy fax ở nhà và múi giờ California cách Boston ba tiếng nên tôi thường ở lại hãng đến khuya để làm việc.

Từ đầu năm 1992, các văn bản được công bố dồn dập từ trong cũng như ngoài nước. Là dân kỹ thuật, ngôn ngữ Phật học tôi không quen dùng nên phải nhờ thêm các bạn và khi cần còn nhờ cả anh Stephen Denney ở UC Berkely giúp.

Tôi thích lặng lẽ làm việc. Dĩ nhiên tôi biết các sinh hoạt và

thay đổi nhân sự đang diễn ra trong giáo hội nhưng không mấy quan tâm.

Tôi không đảm nhận một chức vụ gì của giáo hội và cũng không có ý định sau đó sẽ giữ một chức vụ gì. Giống như các bạn, tôi chỉ là những chuyên viên IT, hơn một chút tôi còn biết làm thơ và viết văn nên ngoài việc góp phần vào việc phiên dịch tôi còn viết các sinh hoạt giáo hội thành các bản tin gửi cho các báo.

Về đời sống tôi còn phải viết những “software” rất phức tạp cho hãng Sun Microsystems ở Milpitas, California, vừa giúp các phong trào trẻ vừa ra đời ở khắp nước Mỹ, làm việc cho cộng đồng và giáo hội nên suốt tuần rất ít khi có mặt ở nhà. Sở làm là nhà vì ở đó có máy Fax, điện thoại gọi xa không tốn tiền (long distance calls), giàn computer rất mạnh để viết bài và gửi đi khắp nơi. Tôi luôn để các số fax của các hãng tin lớn như UPI, Reuters và các báo lớn của Mỹ trên bàn làm việc và khi dịch xong một bản tin, tôi thường fax đến họ dù họ cần hay không.

Tôi làm việc rất hăng say và tôi rất kỳ vọng ở tương lai giáo hội. Chư tôn đức sinh hoạt rất đúng với môi trường mới ở Mỹ nhưng không phải thay đổi gì nhiều so với các lễ nghi trước 1975 tại Việt Nam. Các bậc trưởng lão hòa thượng như Hòa thượng Thích Hộ Giác, Hòa thượng Thích Mãn Giác, Hòa thượng Thích Thắng Hoan, Hòa thượng Thích Thiện Trì, Hòa thượng Thích Đức Niệm v.v... là những bậc cao tăng, thạc đức đóng vai trò chứng minh trong lúc chư tăng sĩ trẻ như quý

Thượng tọa Viên Lý, Thượng tọa Minh Dung, Thượng tọa Hạnh Tuấn v. v... phụ trách điều hành công việc hàng ngày của giáo hội.

Ngay trong thời điểm đó, khoảng giữa năm 1992, tôi nhận được thư của sư phụ chúng tôi là Hòa thượng Thích Long Trí báo tin ngài đang hợp tác với Hòa thượng Viện trưởng Viện Hóa Đạo Thích Huyền Quang trong cố gắng phục hồi sinh hoạt của Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Hai ngài quen biết nhau từ lâu trước 1975 nên sư phụ được Hòa thượng Huyền Quang giao trọng trách Phụ tá Viện trưởng kiêm Chánh Thư ký Viện Hóa Đạo. Sư phụ đi khắp nơi với hy vọng thành lập một Hội đồng Viện với đầy đủ các tổng vụ và các vụ trực thuộc. Công việc không dễ dàng như ý muốn.

Trong một lá thư sư phụ mô tả những khó khăn trong giai đoạn phục hồi: *“Giáo hội tuy vừa hình thành lại, tuy gọi là Viện nhưng thật sự chỉ có ngài Huyền Quang và tôi, còn ngài Quảng Độ thì bị cô lập tại Sài Gòn. Mỗi người mỗi ngã do đó mọi quan hệ rất là khó khăn... Kể từ 5 tháng nay, Hòa thượng Huyền Quang phát động gọi nhà nước ‘Đơn Cứu Xét Nhiều Việc’ và sau đó nhiều văn kiện mang nội dung phơi bày sự thật đã được các chi bộ Phật Giáo hải ngoại tích cực vận động đã ảnh hưởng quốc tế và cũng nhờ vậy mà trong nước cũng tùy theo đó mà nới tay. Bên ngoài ảnh hưởng to lớn như vậy nhưng bên trong các vị giáo phẩm của Ấn Quang trước đây vì bị thế lực tham gia vào giáo hội nhà nước do đó đành xoay lưng sắp mặt, vì vậy phong trào không khởi xướng được. Đa số quý thầy vì sợ mất địa vị, khó khăn nên đành ngậm bồ hòn làm ngọt, từ đó quần*



*chúng cũng không làm sao góp phần hữu hiệu”.*

Thời gian theo sau là những bức thư dài về tình hình giáo hội. Một trong những lá thư là thư riêng của Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang với chữ ký và ấn tín của ngài khuyên chúng tôi nên góp sức với giáo hội trong giai đoạn khó khăn trước mắt. Hòa thượng Thích Quảng Độ vừa rời Thái Bình để vào Sài Gòn. Các văn thư gửi ra vẫn dùng địa chỉ 243 Sư Vạn Hạnh nhưng cũng có văn thư kèm theo địa chỉ tạm “Văn phòng lưu vong chùa Hội Phước, Quảng Ngãi”. Là đứa bé mồ côi lớn lên từ trong chùa nên tôi vô cùng hãnh diện được phục vụ giáo hội và chư tôn đức trong giai đoạn vô cùng khó khăn và can đảm đó.

Trách nhiệm trước mắt tôi được văn phòng “Viện Hóa Đạo Lưu Vong” giao cho là mua một máy quay roneo mới thay cho cái quá cũ xủ dụng từ trước 1975 ở chùa Viên Giác. Tôi không thể gửi chiếc máy quay Roneo nặng nề và nguy hiểm về Việt Nam bằng con đường chính thức. Tôi mời Liên Đoàn Cư Sĩ Phật Tử vùng New England họp để góp ý và chúng tôi quyết định gửi tiền về các thầy mua chợ đen giùm một máy quay roneo mới. Mùa hè năm ngoái, 2018, một thầy, ngày đó còn là Sa Di, qua Mỹ ghé thăm và nhắc lại các thông tư của đức Đệ Tứ Tăng Thống được quay từ chiếc máy ở chùa Viên Giác.

Chùa Viên Giác là một trong những nơi dừng chân ý nghĩa nhất trong hành trình của tôi trong thế gian này.

Tôi vào chùa năm mười ba tuổi. Căn phòng nhỏ ở khu nhà đông của chùa Viên Giác là nơi tôi ở. Chiếc giường gần cửa sổ

là giường của “Chú Điển” (Hòa thượng Thích Như Điển). “Chú Điển” rời Viên Giác khoảng giữa năm 1969. Thời gian tôi sống với “Chú” không dài nhưng là những tháng năm đầy kỷ niệm. Trong tác phẩm Hương Lúa Chùa Quê Hòa thượng Thích Như Điển có nhắc đến một cậu bé “mảnh khảnh, đáng điệu thư sinh. Hầu như ít nói, chăm lo trà nước cho thầy tiếp khách” và cậu bé đó chính là tôi. Những đêm hè nóng nực chúng tôi vác chiếu ra hiên chùa nằm ngủ. Những đêm rằm, nửa khuya tôi thức dậy nhìn trăng sáng rực cả sân chùa. Tiếng lá từ hai cây đa già bên sân rộng ru tuổi thơ khốn khó của tôi.

Trong thời gian ở chùa Viên Giác tôi có một đời sống nội tâm rất mạnh nhưng bên ngoài rất ít nói. Khi rảnh rỗi tôi xin phép sư phụ lên lầu đọc sách. Một hai năm sau tôi đọc hết sách lên lầu. Tôi thích nhất là bộ Lịch Sử Đệ Nhị Thế Chiến của Winston Churchill dày hơn cuốn tự điển chữ nhỏ li ti do Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện VNCH Trần Minh Tiết dịch. Mười ba tuổi nên nhiều phần tôi không hiểu hết. Sư phụ bảo không sao cả, cứ đọc đi, mai mốt rồi sẽ hiểu. Đúng vậy kiến thức sẽ được gạn lọc nhiều lần để trở thành nhận thức. Tôi không quan tâm nhiều đến công việc hàng ngày ở chùa với nhiều chuyện buồn xảy ra trong thời gian đó. “Chú Điển” phân công tôi những công việc rất nhẹ như quét lá, lau bàn ghế trong phòng khách và hầu trà khi khách của sư phụ đến thăm. Các Đại đức Tuyên Ủy Quân Đội Đại Hàn thường đến thăm sư phụ và tôi đứng hầu xem các vị bút đàm bằng chữ Hán với nhau. Sư phụ biết tôi rất quan tâm đến chính trị thế giới cũng như Việt Nam nên sau này lớn lên hai thầy trò gần gũi nhau

hơn những ngày tôi còn nhỏ.

Cuối năm 1972 tôi vào đại học nhưng mỗi khi về lại Viên Giác thầy trò chúng tôi chia sẻ nhau nhiều suy nghĩ về đạo pháp và dân tộc. Nhận thức chính trị của tôi sau 1973 thay đổi một cách căn bản so với thời mười lăm tuổi làm chủ bút Đặc san Tuổi Mây ở Hội An. Thầy cho phép tôi tranh luận những vấn đề quan trọng mà sau này trở thành những vấn nạn của dân tộc và đạo pháp. Có lần tôi làm sư phụ nóng giận khi nhắc đến những biến cố Phật giáo mà tôi không đồng ý. Nhưng rồi khi biết tôi sắp trở về Sài Gòn sư phụ lại dịu giọng.

Nhờ thế mà sau khi liên lạc lại được với Hòa thượng Viện Trưởng VHD, sư phụ viết thư báo tin cho tôi biết sớm và tôi cũng có dịp cập nhật sư phụ những biến chuyển về chính trị và bang giao quốc tế trong những năm đầu thập niên 1990. Căn nhà nhỏ tôi ở Boston trở thành một trong hai địa chỉ nhận thông tin của giáo hội. Có khi nhận xong tôi phải chuyển đến các địa chỉ khác do chư tôn đức trong nước dặn.

Tôi hết lòng phục vụ giáo hội trong cũng như ngoài nước nhưng quan điểm của tôi về giáo hội cũng như tương lai của Phật Giáo Việt Nam khác khá nhiều so với quan điểm của các cư sĩ thuộc thế hệ trước chúng tôi. Tôi không sống bằng quá khứ. Việt Nam dân chủ trong tương lai sẽ là căn nhà chung của mọi tôn giáo. Các tôn giáo là những dòng suối của tình thương, những dòng sông của bác ái, hòa vào mạch sống chung của dân tộc, đem lại dòng sinh khí cho quê hương vốn đã bao năm chìm đắm trong hận thù tang tóc. Các vị lãnh đạo tinh thần tôn giáo

trong Việt Nam tương lai sẽ là những cột kèo, mái vách gìn giữ cho căn nhà đạo đức Việt Nam mỗi ngày một thêm bền vững. Các ngài sẽ là những bậc thầy đáng kính dạy dỗ cho các thế hệ Việt Nam mai sau được lớn lên trong tình đồng bào ruột thịt, biết yêu thương nhau, bao dung và che chở cho nhau.

Trong giai đoạn hai năm 1992 và 1993 còn có rất nhiều sự kiện quan trọng diễn ra ở Huế và Sài Gòn. Tôi biết hết nhưng không có ý định viết giáo sử mà chỉ ghi lại những việc tôi có liên quan nên không viết ra đây.

Tôi ở sống ở Boston nên cũng gắn liền với các sinh hoạt Phật Giáo ở thành phố này. Một sự kiện gây xúc động mạnh không chỉ trong nội bộ Phật Giáo mà cả giới truyền thông Mỹ là sự kiện Huỳnh trưởng Viên Lạc Phạm Gia Bình tự thiêu. Anh thực hiện lời nguyện thiêu thân cúng dường Tam Bảo và đóng góp vào công cuộc đấu tranh cho nhân quyền và tự do tín ngưỡng tại Việt Nam vào lúc bảy giờ sáng ngày 6 tháng 4, 1993 tại Connecticut. Chư tôn đức Hòa thượng Thích Mãn Giác, Hòa thượng Thích Nguyên Hạnh, Hòa thượng Thích Viên Lý, Pháp Sư Niên Trưởng Thích Giác Đức vân tập về để chủ trì lễ di quan hỏa táng. Đứng trước quan tài anh, tôi thầm cầu nguyện giác linh anh gia hộ cho đất nước, cho giáo hội và riêng cho Gia Đình Áo Lam chúng tôi sớm vượt qua giai đoạn khó khăn.

Giáo hội trong nước từ Hòa thượng Viện Trưởng đến các cấp giáo hội đều xúc động trước tin Huỳnh Trưởng Viên Lạc tự thiêu.

Sư phụ tổ chức công khai lễ tưởng niệm dưới hình thức một

buổi lễ đánh dấu “Ba Mươi Năm Pháp Nạn”. Thoạt đầu, giới cầm quyền CS tưởng sư phụ tổ chức để đánh dấu Pháp Nạn 1963 nhưng sau đó họ có ý nghi ngờ. Họ yêu cầu sư phụ nếu muốn được tổ chức thì phải thêm số 1963 vào biểu ngữ chính treo ngang trước cổng chùa. Sư phụ từ chối và vẫn tiếp tục tổ chức lễ tưởng niệm Pháp Nạn. Giới cầm quyền CS tại địa phương ra chỉ thị đồng bào Phật tử không được tham dự nhưng kết quả vẫn rất thành công và trong lễ khai mạc chỉ chào đạo kỳ Phật Giáo Việt Nam mà thôi.

Tôi gởi về sư phụ bài thơ Hoa Đạo để góp phần với chương trình. Một đoạn trong bài thơ:

### **Cám ơn anh**

Đã để lại một niềm tin  
 Một con đường dẫn vào lịch sử  
 Mỗi tiếng nói của anh  
 Đã trở thành bất tử  
 Mỗi lời dặn dò là nguyện của đoàn sinh.  
 Đường các em đi sẽ chẳng cô đơn  
 Dầu đất nước còn chìm trong bóng tối  
 Căn nhà mẹ mười tám năm mưa lũ  
 Áo mẹ bạc màu nghìn mảnh vá tang thương  
 Ai đã đem hận thù gieo rắc giữa quê hương  
 Các em sẽ biến chúng thành phân bón  
 Cho cây tình thương trở lá đơm cành  
 Ai đã đem lửa bạo tàn đốt cháy tuổi xuân xanh  
 Các em sẽ biến chúng thành ánh sáng

Cho bình minh hừng hực cả tinh cầu  
Anh em về nhìn lại mặt nhau  
Quên đi những đêm dài tăm tối.  
Bây nay lạc giữa rừng già trăm lối  
Đêm vẫn tìm nhau qua tiếng hú thân quen  
Phái chẳng tù trong mỗi con tim  
Đã cứu mang chung một niềm đau  
Và nỗi nhớ thương không thể nào dấu được.  
Đường các em đi dù gặp ghềng xuôi ngược  
Nhưng mỗi lần nhắc đến tên anh  
Vẫn thấy nụ cười trong đôi mắt em xanh  
Thấy bóng mát chạy dài theo chân mẹ  
Thấy nước chảy qua cánh đồng nứt nẻ  
Thấy mặt trời thức dậy giữa đêm đông.  
Cám ơn anh đã để lại một dòng sông  
Dòng nước Từ Bi chẳng bao giờ tắt  
Cành Hoa Đạo muôn đời không héo hắt  
Hương ngạt ngào vạn kiếp chẳng phai pha.

Ba trăm năm Nho giáo và gần một trăm Pháp thuộc, đạo Phật đã bị các thế lực trong và ngoài cố tình xóa bỏ và những lời giảng của Đức Bốn Sư bị biến thành một loại bùa mê. Nhưng rồi một ngày tiếng gậy trúc của chư tổ vang xa đánh thức cả một dân tộc đang chìm trong bóng đêm nô lệ. Các tổ Khánh Anh, Phước Huệ, Giác Tiên v.v... và các cư sĩ ưu tú cùng bước trên con đường phục hưng Phật Giáo trong những thập niên đầu của thế kỷ 20.

Đạo Phật không mai một và cũng chẳng ngủ quên. Dòng Suối Từ vẫn chảy dù rất nhiều năm chảy rất âm thầm. Thời đại ngày nay cũng thế. Phật Giáo Việt Nam đang chịu đựng rất nhiều khó khăn, nhưng một tôn giáo đã gắn liền với dòng sinh mệnh dân tộc trong suốt hai ngàn năm sẽ không vì những khó khăn trong vài chục năm mà đổi thay hay đồng hóa vào cơn lũ. Cội nguồn vẫn còn nguyên nên dòng Suối Từ sẽ chảy mãi.

*Thị Nghĩa Trần Trung Đạo*

# THƯ CỦA BỒ TÁT TẠI GIA PHẠM GIA BÌNH

KÍNH GỜI HÒA THƯỢNG THÍCH HUYỀN QUANG,  
QUYỀN VIÊN TRƯỞNG VIỆN HÓA ĐẠO  
KIÊM XỬ LÝ HỘI ĐỒNG LƯƠNG VIỆN GIÁO HỘI  
PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

Phật Lịch 2536

Boston, Massachusetts, Hoa Kỳ ngày 20/10/1992 Nam  
Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Hòa Thượng,

Con là Phạm Gia Bình, pháp danh Viên Lạc, đã từ lâu con thao thức với các diễn biến tình hình Phật Giáo tại quê nhà cũng như những việc bắt bớ, giam cầm, tù đày trái phép. Kể từ khi cố Đại lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Chánh Thư Ký, Xử lý Viện Tăng Thống viên tịch, thì cũng từ đó Phật Giáo tại quê nhà cũng như tại Hải ngoại đã cùng nhau sát cánh hơn trước trong những Phật sự lớn lao mà đã có những thành quả cụ thể như Hòa Thượng được biết.

Kính bạch Hòa Thượng,



Con đã theo dõi thật sát các tin tức có liên quan đến cuộc đấu tranh của Phaät Giáo tại quê nhà cũng như những hoạt

động của Phật Giáo và các cơ quan, đoàn thể tại Hải ngoại đã hỗ trợ cho Phật Giáo tại quốc nội.

Con xúc động biết bao khi được đọc lời phát biểu của Ngài nhân dịp lễ nhập Kim quan cố Đại lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu vào báo tháp chùa Linh Mục sáng ngày 3/5/1992 trước sự trông chờ và chứng kiến của hàng chục ngàn Phật tử. Thực là tiếng nói dũng cảm, biểu hiện tinh thần vô úy của Ngài được cất lên từ quê mẹ. Trong lời phát biểu này, Ngài đã khẳng định:

*“Tăng Ni, Phật tử đã dựng xây Giáo Hội, sống với Giáo Hội, vẫn bất khuất tiến lên dưới sự lãnh đạo của Giáo Hội”.*

Và Ngài cũng đã thốt lên:

*“Tôi chịu trách nhiệm lời tôi nói, dù việc gì có xảy đến chăng nữa. Tôi thể trước linh đài giác linh Hòa Thượng, sẽ chấp nhận hết, kể cả mạng sống của tôi ngày vào giờ này.”*

Trong phần cuối của lời phát biểu, một lần nữa Ngài lại nói lên sự quyết tâm:

*“Tôi đem đầu tôi ra mà cam đoan cho sự thực là tôi và Giáo Hội chúng tôi bị áp bức quá lâu. Tôi đem đầu tôi ra mà chấp nhận mọi khó khăn, áp bức vì lời nói của mình.”*

Kính bạch Hòa Thượng,

Quả thực là một tiếng nói bất khuất quyết không sợ bạo lực và cường quyền, con xúc động biết bao khi thấy Ngài đã đem tấm thân để nói lên những lời tâm huyết như thế cho Đạo Pháp

và Dân Tộc được trường tồn, an lạc. Ngài đã chính thức phát động cuộc đấu tranh bất bạo động để thực hiện cho kỳ được mục tiêu cao cả trên.

Nay, con là Viên Lạc, đứng trước tình hình quê mẹ mà Phật giáo đang bị đại nạn, dân tộc đang bị lầm than khổ nhục, con xin được thiêu thân để bảo vệ Đạo Pháp và Dân Tộc, sau nữa để cúng dường chư Phật mười phương. Ngài đã đem thân mạng của Ngài sẵn sàng để hy sinh thì con không nỡ lại ngồi yên. Việc thiêu thân của con cũng chỉ là một viên gạch vô cùng nhỏ bé để xây dựng cho tòa nhà Đạo Pháp mà trước đó đã có bao nhiêu sự hy sinh đóng góp rồi.

Kính bạch Hòa Thượng,

Con muốn nói thật nhiều để nói lên tâm sự của con về quê Mẹ mà nơi đó Đạo Pháp và nhân quyền đang bị chà đạp, đầy xéo, nhưng trang giấy có hạn làm sao con viết hết được.

Cuối thư, con chỉ biết chân thành nguyện cầu Hồng Ân Tam Bảo từ bi gia hộ cho Hòa Thượng được thành công viên mãn trong đại nạn mà Phật Giáo tại quê nhà đang phải gánh chịu.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát tác đại chúng minh.

Nay kính thư, Con,

**Viên Lạc**

(ký tên)

# NGƯỜI ĐI DẤU VẾT CHƯA NHÒA

LÊ THỊ THANH UYÊN

*(Trường thuật buổi lễ Cảm niệm và Thọ tang  
đức Đệ tử Tăng Thống tại chùa Quang Thiện)*

C hùa Quang Thiện những ngày qua chìm đắm trong tiếng kinh cầu nguyện hòa với tiếng chuông ngân vang cùng nhịp mõ cốc cốc... từ tờ mờ sáng đến tận tối khuya. Cả thầy lẫn trò khẩn thiết miệt mài chuyên tu biến những dòng lệ thương đau thành công phu tu tập an lành kính dâng lên đức Tăng Thống để tiễn biệt Ngài vĩnh viễn đi xa.

Sanh già bệnh chết là quy luật muôn thuở của kiếp người. Có ai sanh ra mà sống hoài không chết? có ai mà không buồn trước cảnh sanh tử biệt ly? Ngày xưa khi Đức Thế Tôn thị tịch giữa Ta-la song thọ, các vị Thánh đệ tử còn than khóc bi thương. Theo truyền thống văn hóa Phật giáo Việt Nam, thầy chúng tôi đã quyết định tổ chức lễ cảm niệm và thọ tang của môn đồ pháp quyến để cho các vị bày tỏ trọn lòng hiếu đạo của mình.

Buổi lễ bắt đầu vào lúc 3:30 pm, Chủ nhật, 13 tháng 7 dưới sự

điều hợp của MC Quang Tuệ Huỳnh Phước, một Phật tử thuần thành của chùa. Chánh điện nhỏ bé như quá tải với dung lượng người nhưng đầy trang nghiêm. Linh đài của Đức Tăng thống được tôn trí thật khéo léo giản dị với hoa, đèn, trầm hương. Trên cao, tôn tượng đức Bổn sư Thích Ca vi tiểu an tọa liên tòa. Hai giò hoa lan thật trang nhã hai bên làm sống lại những trang kinh trong đại tạng Nikaya kể lại thuở Phật còn tại thế, mỗi ngày người và trời thường đem hoa thơm đẹp nhất tới dâng cúng ngài, đã có nhiều người tái sanh lên cõi trời với nhiều phước báo đặc biệt nhờ vào tâm lành dâng hoa cúng Phật mà các vị thiên tử khác.

Quá thật là một đại phước duyên khi ngôi chùa Quang Thiện nhỏ nhoi, ở nơi xa xôi hẻo lánh, tựa mình nơi góc đường E và Campus được chư vị Hòa Thượng Trưởng Lão quang lâm: HT. Huyền Dung, HT. Minh Thông, HT. Hạnh Đạo, HT Thiện Hương, HT. Phước Thuận, HT. Nguyên Trí, HT Từ Diệu, HT. Minh Tuyên, HT Minh Hôi, HT Giác Sĩ và Hòa Thượng Trí Lãng. Có phải chăng, đó chính là lòng kính ngưỡng của các Ngài đối với Cố Hòa Thượng Tăng Thống, cũng như sự quý mến thương yêu Thượng Tọa trụ trì Minh Dung và hàng môn đồ hiếu quyến đang buồn thảm cảnh biệt ly? Bên cạnh các bậc tôn túc trưởng lão, còn có các vị Thượng tọa ở xa như TT Tuệ Uy chùa Hộ Pháp, TT Thông Niệm chùa Viên Thông, TT Từ Hạnh, TT Phổ Hoà, TT Minh Chí... chư vị đại đức Tăng chùa Bát Nhã, Phật học viện Quốc tế, chùa Việt Nam LA, Ni chúng chùa: Quan m, Bát Nhã, Vinh Nghiêm, Tổng hội cư sĩ... các giáo sư học giả đã từng sống và làm việc cùng với HT Tăng

Thống, hay từng thọ giáo với Ngài, như: giáo sư Bùi Ngọc Đường, GS. Trần Quang Thuận, nhà văn Vinh Hào, Như Hùng... đại diện Hội Thân Hữu Già Lam, các đoàn Phật tử ở các chùa cũng tháp tùng đông đảo. Ước tính, có khoảng 60 Tăng Ni và trên 200 Phật tử đến tham dự.

Lễ rước linh ảnh đức Tăng Thống đi nhiều một vòng quanh vườn chùa thật ấm cúng và đượm tình đạo. TT. Minh Dung đánh lễ di ảnh Sư Phụ mà nước mắt trào dâng, sau đó Thầy nâng di ảnh ngang ngực, hai chiếc lọng vàng do hai vị đại đức trong môn đồ hiếu quyến che hai bên linh ảnh Ngài. trong tiếng chuông trống Bát nhã vang rền và âm điệu Nam... Mô... A... Di... Đà... Phật bi hùng của hơn năm mươi bóng y vàng thanh thoát và hơn hai trăm năm mươi bóng áo nâu, áo lam theo sau di ảnh nhịp nhàng với tiếng khánh thỉnh đưa cùng trầm hương dâng cúng.

Sau khi di ảnh Hòa Thượng trở về chánh điện đánh lễ Tam Bảo và được tôn trí trên cao, quý chư tôn đức và Phật tử đều an vị nơi ghế ngồi đã sắp sẵn, HT. Nguyên Trí tuyên đọc tiểu sử của đức Tăng Thống. Bao nhiêu dư ảnh cuộc đời của đức Tăng Thống lại hiện về trong lòng của tứ chúng. Cuộc đời Ngài như là hành trạng của bậc hóa thân đại sĩ. *“Thân tại ngục trung, ý tại ngục ngoại”*. Khi ngài bị quản chế, tù đầy, Ngài không trách móc, mà trái lại Ngài nghiên tâm tam tạng, trước tác Pháp Sư Khoa Nghi, và nhiều tác phẩm khác. Khi không bị quản chế, Ngài đi các nơi gây dựng học đường, đào tạo tăng tài, và nối kết các tín đồ Phật giáo lại với nhau trong tinh thần lục hòa.

Cuộc đời của đức Tăng Thống lại được tái hiện một cách cụ thể và rõ nét hơn trong sự chia sẻ của HT. Huyền Dung - pháp huynh của Ngài, HT. Hạnh Đạo, GS. Bùi Ngọc Đường, Đại đức Đồng Tiến và nhà văn Vinh Hào.

Lời GS. Bùi Ngọc Đường, người phụ tá của Hòa Thượng trước 1975 tha thiết: “... như bóng cây cổ thụ phủ dài suốt nửa thế kỷ qua, đã nuôi dưỡng biết bao thế hệ tăng ni. Ngài đã nằm xuống, những đệ tử muốn trả ơn không gì giá trị hơn, hãy làm những việc gì để tăng ni Việt Nam đoàn kết, không chia rẽ - đóng góp cho Phật giáo Việt Nam. Quần chúng nương vào đó để đi tiếp con đường giải thoát...”

Đại đức Thích Đồng Tiến, đại diện môn đồ pháp quyến dâng lời cảm niệm, trong đó có câu: “Thầy từng dạy chúng con: ‘Suốt mấy mươi năm quản chế tù đày, Thầy đã đọc xong bộ đại tạng kinh, trích lục, chú thích, mong mọi Phật giáo Việt Nam có bộ đại tạng như các quốc gia trên thế giới. Thầy mong các con học xong rồi về lại Nguyên Thiều, theo chỗ trích lục của Thầy mà dịch ra, đừng lo chuyện ăn ở, chi tiêu, Thầy sẽ lo cho.’” Lời cảm niệm mộc mạc của Thầy đã làm cho đạo tràng không khỏi ngấn lệ tiếc thương bậc đạo sư, bậc thầy giản dị nhưng chứa đựng cả đại nguyện vì sự hưng vong của PGVN.

Nhà văn Vinh Hào trong tâm trạng của một người học trò nghẹn ngào khi nhớ đến thầy mình qua bài thơ Phát Trần Một Phẩy:

“Ai có thể giam nốt, trói buộc hay lạm dụng một cõi lòng tịch tịnh hư không,

*Lão tăng bản hàn, một bát ba y, ở đâu cũng là tịnh độ niết bàn.”*

Trong buổi lễ truy niệm, còn tái hiện được nghi lễ của miền trung do TT. Chí Năng làm chủ sám. m điệu miền trung “xú nẫu” qua chất giọng vang rền đầy uy lực từ mẫn của Thượng Toạ đã đưa hồn người về lại nơi đất tổ Nguyên Thiều Bình Định nơi mà nhục thân của HT còn lưu dấu khiến cho môn đồ không kìm được xúc cảm trào dâng.

Cuối buổi lễ là lời cảm tạ của TT. Minh Dung chứa đựng cả niềm vui và sự trân quý. Vui vì được quý Ngài, chư tôn đức tăng ni và Phật tử quang lâm và chia sẻ nỗi buồn khi mất đi một bậc Thầy khả kính; trân quý vì các Ngài vẫn luôn là những tàng cây che chở, bảo bọc cho chùa và tăng chúng trong những lúc gian khổ khó khăn.

Và mục cuối trong buổi lễ đó là bữa cơm chiều thân mật với môn đồ pháp quyến. Bữa cơm đạm bạc nhưng cũng đầy đủ các món ngọt, mặn, bùi, cay, chua, nóng, lạnh do tất cả đầu bếp tài hoa - Phật tử của chùa Quang Thiện đảm trách. Đây là bữa cơm thân tình cảm động nhất từ trước đến nay.

Buổi lễ đã hoàn mãn trong ý đạo tình đời. Dẫu biết rằng, hóa thân Ngài như cánh nhận chiều hôm: *“Nhận quá trường không, ánh trảm hàn thủy, nhận vô lưu tích chi ý, thủy vô lưu ảnh chi tâm”* nhưng những gì Ngài để lại cho môn đồ hiếu quyến nói riêng và cho Phật giáo Việt Nam nói chung sẽ mãi mãi lưu hương.

*Người đi dấu vết chưa nhòa*

*Bát y truyền lại sương pha lạnh lòng.*

*Tam sanh hện kiếp tao phùng,  
Tôn phong Tổ ấn gởi cùng non sông.  
(Pháp sự khoa nghi\_Huyền Quang)*

***QB Lê Thị Thanh Uyên***



# NÉT BUỒN LUNG LINH

DIỆU TRANG

Một buổi chiều mùa hạ, sân chùa ẩm ướt sau cơn mưa rá  
rích từ lúc sáng tinh mơ. Chút ánh sáng yếu ớt còn lại  
của buổi chiều tà như bất lực khi cố xuyên qua những đám mây  
xám xịt. Trên đầu là một vòm trời u ám, buồn tênh. Mà hình  
như bầu trời đã buồn như thế từ cái ngày mà Đại Lão Hoà  
Thượng Thích Huyền Quang, đệ tứ Tăng thống GHPGVNTN  
vừa viên tịch.

Bước vào bên trong lễ Phật và chào quý Thầy, con xuống hội  
trường, nơi tổ chức buổi lễ thấp nển tưởng niệm và thọ tang  
Ôn, do chùa Pháp Vân thừa lệnh của HĐĐH GHPGVNTNHN/  
Canada tổ chức. Phật tử đã tề tựu đông đủ đâu khoảng 200 và  
tất cả đã yên vị. Rộn ràng mà lặng lẽ. Đông đủ mà trang  
nghiêm. Trên khán đài là chiếc bàn thờ của Ôn. Những hoa,  
đèn và trầm hương như làm tôn vinh thêm nét hiền từ, thanh  
thoát nhưng cũng đầy vẻ uy nghiêm của di ảnh Người.

Con xin được phép gọi Hoà Thượng là Ôn, vừa tôn quý lại  
vừa bình dị, thân thương và gần gũi. Để con không có cái nhìn  
phân biệt e dè khi biết Ôn là một vị Tăng Thống danh nghiêm.

Để con không có cảm giác cách xa giữa hai thế hệ cách nhau hơn nửa thế kỷ. Để một ấu-phật-tử là con có đủ tự tin để viết về những cảm xúc của con dành cho Ôn, người mà con chưa một lần gặp mặt.

*Người đi dấu vết chưa nhòa  
Bát y truyền lại sương pha lạnh lùng  
Tam sanh hẹn kiếp tao phùng  
Tôn phong Tổ ấn gửi cùng non sông*  
(Pháp sự khoa nghi-Thích Huyền Quang)

Đúng 7 giờ tối, TT Nguyên Lạc mở đầu buổi lễ bằng những câu thơ ấy trong Pháp sự khoa Nghi mà Ôn đã viết trong khi bị quản thúc tại quê nhà. Để sau những áng văn hay và cảm động “*Một vị cao tăng nhập niết bàn, tất không phải là điều bi lụy, bởi rằng Ngài là bậc đến có nơi, về có chốn, đến thế gian vì nguyện lực từ bi cứu tế, không vì nghiệp lực chuyển sinh. Nhưng, bi thiết là cảm trạng của nhân sinh trong cõi vô thường, nhìn có không qua hình tướng sinh diệt. u đó cũng là lẽ thường, lẽ thường trong cõi mộng!*”. TT cung thỉnh chư tôn đức Tăng Ni quang lâm lễ đài. Chư Tôn Đức Tăng Ni đến từ nhiều chùa trong Giáo Hội thuộc miền Đông Canada: TT Bốn Đạt, TT Trí Thành, TT Viên Diệu, TT Tâm Hoà, TT Nguyên Lạc, TT Nhật Quán, ĐĐ Tâm Đăng, ĐĐ Đạo Hạnh, ĐĐ. Nguyên Mãn, ĐĐ. Tâm Minh, Ni Sư Diệu Minh, Sư Cô Từ Diệu, Sư Cô Chân Huệ, Sư Cô Tịnh Quang, Ni Cô Diệu Thuần.

Tiếng trống bi hùng cùng tiếng nhạc Đăng Đàn Cung vang lên như nâng bước chân khoan thai từ tổn của quý tăng ni

trong cánh áo vàng giải thoát đang dần tiến đến lễ đài, nơi có di ảnh thay cho kim quan của một bậc cao tăng. Hàng trăm búp sen tay trong tà áo lam, áo trắng nghiêng mình cung đón các trưởng tử Như Lai.

Nghi lễ chào cờ luôn là phần mở đầu cho cho một chương trình lễ nghi không chỉ của riêng Phật Giáo. Bài quốc ca Canada, bài VNCH, rồi bài Phật giáo kỳ lân lượt được mở lên. Lúc này cũng là lúc mọi người lắng tâm nghe tiếng thời gian trôi, để tam nghiệp là thân khẩu ý thanh tịnh. Phút mặc niệm tưởng nhớ công đức hóa độ của Ôn. Hội trường trang nghiêm chìm trong tĩnh lặng lắng nghe TT Tâm Hoà tuyên bố lý do của buổi lễ đêm nay: *“Ôn đi đã hai tuần, vào ngày 5-7-2008 tại tu viện nguyên Thiều –Binh Định-VN. Lẽ ra, Chùa phải tổ chức buổi lễ tưởng niệm và thọ tang Ngài ngay trong thời gian ấy để biểu tỏ niềm tri ân đối với một bậc Hùng Sư- Đại Sĩ, một danh Tăng của Phật Giáo Việt Nam, một kẻ sĩ hiên ngang bất khuất trước cường quyền và bạo lực luôn tranh đấu và đòi hỏi những khát vọng chân chính của Dân Tộc. Nhưng vì Phật sự đa đoan và nhằm ngay vào khoảng thời gian an cư của chư tôn đức tăng ni trong Giáo Hội được tổ chức tại chùa Bát Nhã Calgary, theo truyền thống của đức Thế Tôn để lại, nên buổi lễ Thấp Nến, Tưởng Niệm và Thọ Tang Ngài phải dời lại cho đến hôm nay 20-07-2008. Tuy nhiên, trong mùa An Cư Kiết Hạ tại chùa Bát Nhã Calgary, khi nghe tin Ôn Viên Tịch, Giáo Hội cũng đã ra Thông Tu Khẩn cho các đơn vị Giáo Hội thuộc miền Tây Canada kịp thời tổ chức lễ Thọ tang cho chư Tôn Đức trong trường hạ và cho đồng bào Phật tử các giới.”*

TT Viên Diệu thay mặt chư tôn đức tăng ni đọc tiểu sử và hành trạng cuộc đời của Ôn. Giọng đọc to rõ của TT làm sống lại cuộc đời Ôn. Trong số những Phật tử đến tham dự chắc cũng có không ít người giống như con, chưa từng gặp Ôn, nhưng vì tiếng tăm đạo hạnh của Ôn như hương sen tỏa ngát khắp mười phương, khiến người người tôn kính mà về đây thọ tang Ôn đó. Cảm xúc thật nhiều nhưng con không đủ tư duy để viết về Ôn, không đủ kiến văn và tâm thấu hiểu về một đời 89 năm đạo hạnh vẹn toàn. Con chỉ là một Phật tử sơ cơ, đến với Phật pháp để mong tìm cho mình chút gì thanh thản nơi tâm. Lời kinh chưa thuộc được dăm câu. Giáo lý thậm thâm vi diệu của đức Phật con chỉ biết sơ sài qua từng con chữ trên những trang kinh, mà lời Phật dạy là phải có nhiều nỗ lực, tinh tấn thực hành và chứng nghiệm nơi tự thân. Con chưa làm được điều đó. Vậy mà con lại ngồi đây viết về Ôn, viết về một đại lão Hoà Thượng đạo cao đức trọng, đức trí nhị nghiêm.

89 năm trụ thế, dài hay ngắn cho một đời người? Gần một thế kỷ, Ôn đã sống trọn vẹn với đạo, với đời, với dân tộc và với chính mình.

71 tuổi đạo, Ôn đã trao trọn thân tâm mình cho đạo pháp. Còn gì phải đắn đo khi xả bỏ báo thân giả tạm. Có đắn đo chẳng cũng vì đại nguyện chưa thành khi chúng sanh còn lầm than đau khổ. Một lần đến rồi đi nhưng có mấy ai để lại nỗi tiếc thương cho lần vĩnh biệt. Ôn ra đi, căn nhà trần gian thống khô này mất đi một người khách trọ. Nhưng đối với môn đồ pháp quyến là một nỗi mất mát lớn lao vì đã mất đi một người

Thầy khả kính. Đối với giáo hội thì mất đi một nhà lãnh đạo tối cao, sáng suốt, luôn là tấm gương tranh đấu cho tự do tôn giáo và dân chủ nhân quyền. Còn đối với Phật Giáo VN, tăng ni như mất đi một bóng mát khi trời nắng hạn, mất đi một nơi nương tựa khi giông bão tràn về.

Những vị Thầy của con, có vị đầy đủ phước duyên được trực tiếp thọ giáo với Ôn, tiếp xúc với Ôn bằng ánh nhìn, bằng hơi thở. Có thầy gián tiếp noi theo tinh thần Bi-Trí-Dũng của Ôn mà hành đạo giữa đời. Và còn biết bao tăng ni khác cũng lần theo dấu chân Ôn đã để lại trên con đường chánh nghĩa, mà âm thầm lặng lẽ chịu biết bao những thị phi oan trái giữa biển đời nhiều nương. Gương bất khuất mà nhẫn nhục của Ôn soi rọi tận nơi sâu thẳm của biết bao con tim mộ đạo.

Và để tri ân công đức hoá độ của Ôn, Sau 3 lần TT Nguyên Lạc xướng lên “*Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh tông tứ thập nhất thế, Nguyên Thiệu Đường Thượng, Việt Nam Phật Giáo Thống Nhất Giáo Hội Đệ Tứ Tăng Thống thượng Huyền hạ Quang Đại Lão Hòa Thượng Giác Linh*” là 3 lần chư tăng ni quỳ xuống cúi đầu bái lễ với tất cả lòng thành tôn kính và biết ân, trong khi 200 phật tử chấp tay cúi đầu như muốn dâng lên Ôn những búp sen quy ngưỡng. Đạo tình chính ở nơi đây, nơi mỗi cái cúi đầu kính ngưỡng ân đức mà phật tử chúng con đã tiếp nhận, dù trực tiếp hay gián tiếp.

Ánh đèn điện bỗng vụt tắt khi những ngọn nến nhỏ được chuyển tay nhau. Năm nam, năm nữ trong tà áo trắng tinh sồng bước trên lối đi từ phía hậu trường, tay trang nghiêm ngọn nến

nhỏ nhoi, từng bước tiến về phía lễ đài. Một cảm giác ấm cúng dần lan tỏa khắp hội trường lung linh. Cùng lúc là những dải băng tang được trao nhau cài lên ngực áo. Lần đầu tiên con cài lên ngực một dải băng màu vàng. Mảnh băng tang đây ư? Mỏng manh, đơn giản và nhẹ nhàng, nhưng hàm chứa trong ấy là cả một cuộc đời đáng trân trọng của Ôn, là tất cả bản thể của mỗi người chỉ quy tụ ở nơi Tâm. Âm hưởng của bản nhạc thọ tang vang rền theo tiếng trống tiếng kèn, nhưng không ồn ào mà gây cho mọi người con phật nơi đây những phút tiếc thương cảm động. Tâm thức ai nấy như chìm sâu vào những lời nguyện thật chân thành của TT Tâm Hoà. Quỳ trước di ảnh Ôn, TT đọc lời nguyện trong nỗi xúc động khôn cùng:

*Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật*

*Ngưỡng lạy chư lịch đại Tổ sư,*

*Ngưỡng bạch giác linh Đại lão Hòa thượng Đệ tứ Tăng Thống  
GHPGVNTN,*

*Sự ra đi của Hòa thượng là mất mát to lớn đối với toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam trong nước và hải ngoại. Đau lòng về nỗi mất mát này, chúng con vân tập về đây để chia sẻ với nhau, cùng gánh một đại tang cho Phật giáo Việt Nam nói chung, và GHPGVNTN nói riêng. Cài băng tang lên ngực, chúng con muốn đánh dấu sự ra đi của bậc long tượng cao vời của rừng thiền Việt Nam, đồng thời cảm nhận nỗi đau này phải được hóa giải bằng ý niệm tri ân và báo đền ân đức của Hòa thượng đối với tiền đồ Phật giáo cũng như đối với hàng hậu học chúng con. Để thể hiện niềm tri ân và ý hướng báo đền đó, chúng con xin phủ phục trước linh đài của Hòa thượng, thành*

kính tiếp nhận ánh sáng từ di sản to lớn mà Hòa thượng để lại.

Ngưỡng bạch giác linh Hòa thượng,

Suốt 70 năm xuất gia hành đạo, Hòa thượng đã biểu hiện trọn vẹn bản nguyện cao đẹp của một sư giả Như Lai, thấp sáng ngọn đèn Chánh Pháp, trên thì hướng vọng mục tiêu giải thoát tối hậu, dưới thì soi sáng những nẻo đường, những khúc quanh ngặt nghèo và những thân phận đen tối trên quê hương. Cuộc đời của Hòa thượng tỏa sáng sức mạnh kỳ vĩ của một bậc đại sĩ xuất trần, từ bi vô lượng, trí tuệ vô biên. Công hạnh và thân giáo của Hòa thượng chính là ánh sáng, là phẩm cách thanh khiết trang nghiêm của Tăng-già Việt Nam trong biến đời nhiều nhưong, biến động. Ánh sáng ấy sẽ bất diệt trong lòng chúng con, cũng như trong lịch sử của Phật giáo nước nhà.

Và để ánh sáng ấy mãi lưu truyền, từ nơi đạo tràng trang nghiêm này, chúng con xin được thành tâm thừa tiếp. Từ mỗi ngọn nến thấp lên, nguyện sẽ khơi dậy cả hùng tâm, trí giác và lòng bi mẫn vô hạn của Hòa thượng đối với trần gian thống khổ; lại nguyện cho những ngọn nến nhỏ này liên tục được thấp sáng để tiếp nối bản nguyện và hành trạng của Hòa thượng đối với Đạo pháp và Dân tộc:

- Đối với Tăng-đoàn, nguyện ý thức trách nhiệm củng cố nội lực tập thể, lấy thanh tịnh hòa hợp làm nền tảng cho sự thống nhất ý lực và hướng đi cao cả của Tăng già và Phật giáo Việt Nam;

- Đối với tự thân người xuất gia, nguyện chuyên cần tấn tu đạo nghiệp để làm nơi nương tựa vững chắc cho hàng phật tử tại gia;

- Đối với tự thân người phật tử tại gia, xin nguyện giữ vững tín tâm đối với Tam Bảo, phát bồ-đề nguyện, dứt bỏ điều ác, chăm làm việc

thiện để góp phần làm đẹp cuộc đời, giảm thiểu khổ đau của nhân thế;

- Noi gương Hòa thượng, chúng con nguyện trái lòng từ bi đến với muôn người, muôn loài; không khởi niệm ác, không làm điều ác, không nói lời ác, dù là đối với những kẻ không đồng quan điểm, những kẻ hủ nhục và bức hại cá nhân mình hay tổ chức của mình; chỉ lấy tình thương làm chất liệu để cảm hóa con người và xã hội;

- Noi gương Hòa thượng, chúng con nguyện phát huy trí tuệ giác ngộ, phá chấp, giốc lòng tham cứu kinh tạng để thông suốt và khai mở những phương tiện thiện xảo ngõ hầu thiệp thế độ sanh mà không rời xa tự tánh thanh tịnh;

- Noi gương Hòa thượng, chúng con nguyện thi thiết hạnh vô úy đại hùng và đại nhẫn lực đối với con người và cuộc đời; giữ tâm vững mạnh và bất động như núi tảng, như đại địa để chuyển hóa tất cả nghiệp chướng, ma chướng nặng nề của thế gian thành đề-hô và hoa thơm của đạo vàng giải thoát.

Nến này thấp lên rồi. Đây là tinh hoa, là bản nguyện của Hòa thượng và chư lịch đại Tổ sư, chúng con nguyện chí tâm phụng mạng, không để đoạn mất. Ánh lửa này, không chỉ tỏa nơi tim óc chúng con, mà chiếu rọi nơi tận cùng bán thế; qua đó, chúng con biết sự đến và đi của Hòa thượng nơi cuộc đời giả tạm này chỉ là sự thị hiện, và trên lý vô sanh, pháp thân Hòa thượng luôn thường trú để soi sáng con đường tu tập và hành đạo của chúng con nơi trần gian khổ lụy này.

Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh tông, Nguyên Thiều Đường Thượng,



*Việt Nam Phật Giáo Thống Nhất Giáo Hội Đệ Tứ Tăng Thống thượng Huyền hạ Quang Đại Lão Hòa Thượng Giác Linh từ bi chứng giám.*

TT Bốn Đạt tiếp nối khoảng thời gian trầm lắng lúc này bằng bài điệu văn truy niệm kính dâng giác linh Ôn. Nhạc không còn, không gian như lắng đọng, để từng lời cảm động của TT như lung lay cùng ngọn nến trên tay.

Đứng ở dãy ghế gần cuối hội trường, con chỉ thấy được từ phía sau những tấm áo vàng đang kính cẩn quỳ trước di ảnh của bậc tôn sư, mà con cứ tưởng họ đang quỳ trước kim quan Ôn mà bụi ngùi hay nức nở. Cảnh tượng ấy, bóng dáng ấy sao mà cảm động quá! Người thầy, người cha đã đi về cõi Niết Bàn, trút hơi thở cuối cùng nơi quê nhà, mà đàn con muôn phương đang từ xa vọng bái. Đau lòng biết bao! Nhưng những người con ấy đã từng thừa hưởng tinh thần vô úy của Ôn nên biết chuyển hóa nỗi đau mất mát ấy thành những lời nguyện bi hùng của bậc đại sĩ, để tiếp nối đại nguyện mà một đời Ôn đã xây kiên cố trên báo thân hư huyễn của Ôn.

Trong bóng đêm huyền diệu, hàng trăm ngọn nến nhẹ lay theo nhịp thở dâng trào theo cảm xúc, con thoáng thấy trên những gương mặt cứ tưởng như lúc nào cũng an nhiên điềm tĩnh trước những buồn vui nơi trần thế, là những đôi mắt phảng phất một nét buồn, nét buồn lung linh.

Chuyển nỗi đau thành nguyện lực, trong mất mát là niềm tin. Với ý niệm đó, một rừng búp tay sen lại cung kính vươn lên trên ngực, tất cả đồng loạt cất lên tứ hoàng thệ nguyện trong

niềm hi vọng kính tin vào đạo pháp:

*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*

*Phiền não vô biên thế nguyện đoạn*

*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*

*Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*

Buổi lễ hoàn mãn bằng lời cảm tạ của TT Nguyên Lạc gửi đến quý tăng ni và đồng bào phật tử, đã nhin thời gian quý báu cũng như Phật sự tại địa phương mà hoan hỷ về đây cùng thọ nhận một đại tang chung. Cung tiễn chư tôn đức tăng ni hồi vị mà đạo tình ấm cúng vẫn còn đọng lại, vương vất trong suốt buổi tiệc trà bánh thân mật sau buổi lễ.

Bước ra về, bầu trời đã quang đãng hơn. Tuy mây trắng chưa kịp quay về sau chuyến cung thỉnh hộ giá Ôn về nơi đất Phật, nhưng con đã thấy những ánh hồng đang từ từ nhô ra khỏi đám mây u ám từ phía chân trời xa xa...

Về đến nhà, gỡ miếng băng tang vàng trên ngực xuống, dán trên tờ lịch của Phật A Di Đà, con mới nhận ra! Ô! Thì ra Ôn chỉ đi an cư tận nơi Phật Quốc!

*Canada, mùa an cư 2008.*

***Diệu Trang***

## PHỤ LỤC

# THÔNGIỆP HƯỚNG VỀ THẾ KỶ XXI

THÍCH HUYỀN QUANG

Thế giới đang chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ XXI, khép lại hai thiên niên sử đầy ấn tượng và biến động do chính con người gây nên trong chuỗi dài tiến hóa của loài người.

Đó là hai thiên niên kỷ mà mốc thời gian phần lớn được đánh dấu bằng những cuộc chinh phục, và chinh phạt. Quốc gia chinh phục và thống trị các quốc gia. Dân tộc chinh phạt và nô dịch các dân tộc. Văn minh hủy diệt các văn minh. Tôn giáo bức hại tôn giáo.

Đó là hai thiên niên kỷ mà những tham vọng vô minh, vị kỷ của con người đã nhân danh chân lý mặc khải, đặt ra những giá trị thần quyền làm chuẩn mực cho sự sống, đồng thời thiết lập chế độ nô lệ và những tòa án dị giáo, tạo nên sự phân chia giai cấp trầm trọng trong xã hội và hợp lý hóa những áp bức bất công bạo ngược của con người đối với con người. Máu xương và những khổ đau trầm thống khốc liệt của những kẻ bị tước đoạt phẩm giá và quyền làm người đã bồi đắp cho một nền văn

minh vật chất hào nhoáng với những công trình vĩ đại, những kiến trúc hoành tráng, những cái được gọi là di tích lịch sử, được chiêm ngưỡng và thán phục như là những biểu hiện cụ thể tài năng sáng tạo của con người.

Trong hai thiên niên kỷ đó, con người càng lúc càng trưởng thành, càng khám phá thêm những sự thật, và rồi sự thật sau thay thế sự thật trước; mà những khám phá mới mẻ nhất của con người càng lúc càng gần gũi hơn với các nguyên lý của Phật giáo đã từng có mặt năm trăm năm trước hai thiên niên kỷ đen tối này.

Về mặt vũ trụ quan, cái nhìn của con người cũng đã thay đổi. Thiên nhiên, từ hình ảnh là hợp thể của những hạt nguyên tử đặc cứng, cuối cùng xuất hiện như là giả tượng của những gói năng lượng không định hình, tồn tại như dòng thác của những hạt giống liên tục chảy xiết nhưng không hề trôi chảy vì chúng xuất hiện và biến mất trong từng khoảnh khắc sát na tâm. Trái đất không còn là một khối vật thể duy nhất trong vũ trụ được sáng tạo từ hư vô để tôn vinh quyền năng siêu việt của Đấng Tạo Hóa, mà chỉ là khối ngưng kết nhất thời trong chu kỳ vô tận Thành-Trụ-Hoại-Không, theo quy luật tương quan duyên khởi. Chân lý mặc khải, đã từng được bảo vệ bằng quyền lực và bạo lực, nay chỉ còn là những giá trị ước lệ.

Về mặt nhân sinh quan, cùng lúc với sự bành trướng của các thế lực đế quốc và thực dân, tầm nhìn về thế giới và con người của một bộ phận trí thức mà một thời đã đem hết tài năng trí tuệ của mình biện giải cho đặc quyền thiên khải, nay được mở

rộng, do sự giao tiếp với nhiều nền văn minh khác nhau. Giá trị nhân bản với những tính chất đặc thù và phổ quát của nó ngày càng được xác lập. Không phải là thiên mệnh, hay thiên ý, mà chính con người, từng cá nhân một, với những hành động, nói năng và suy nghĩ của mình, trong mối quan hệ hỗ tương giữa ta và những người quanh ta, giữa ta và các sinh vật khác, giữa ta và thiên nhiên, chính những quan hệ hỗ tương ấy đã biến đổi hình thái thiên nhiên và xã hội, đã sáng tạo ra những giá trị từ khát vọng hoặc tạm thời hoặc vĩnh cửu của con người.

Rồi những cuộc cách mạng làm rung chuyển mấy góc trời Tây. Tầng lớp khốn cùng của xã hội đã đứng dậy đòi quyền sống, quyền làm người. Cả thế giới cũng rung chuyển bởi những cuộc nổi dậy của các dân tộc bị áp bức. Thế kỷ XIX, cuối thiên niên kỷ thứ hai, chứng kiến hàng loạt biến động và những thay đổi triệt để các định chế xã hội và trạng thái ý thức ở cả phương Đông và phương Tây, báo hiệu sự cáo chung của hai nghìn năm vong thân và nô lệ của con người. Lúc này con người tự ý thức rằng chính con người đã sáng tạo ra một thế giới cho mình. Chính con người là kẻ thừa tự những gì mình đã làm trong quá khứ, do đó con người phải chịu trách nhiệm những gì mình làm. Một kỷ nguyên mới sẽ bắt đầu, kỷ nguyên của tự giác.

Thế nhưng, những ngọn đuốc hy vọng chợt tắt ngúm. Tham lam, thù hận, cuồng tín, quyền lực tự ngã, vãn y nguyên là dưỡng chất cho con người tồn tại với ý thức là ta đang tồn tại và sẽ tồn tại, là năng lượng cho con người hoạt động để cạnh

tranh, để tiếp tục chiếm hữu và thống trị. Những thiên đường hạnh phúc ngay trên mặt đất được dự phóng, với ý định thay thế thiên đường tôn giáo, đã cổ vũ không ít dân tộc vùng dậy. Sau hơn hai phần ba thế kỷ thực hiện công trình xây dựng bằng biển máu và nước mắt, bóng dáng thiên đường ấy phút chốc tan biến như sương mai dưới ánh nắng mặt trời, để lộ nguyên hình là một quái thai lịch sử. Ý thức tự giác của nhân loại lại thêm một lần nữa, chỉ là bóng mờ, chỉ là biến dạng của những tồn tại quá khứ.

Cho đến ngày nay, những năm tháng cuối cùng của thế kỷ, hàng ngày, nhiều nơi trên mặt đất, loài người vẫn giết nhau, bức hại nhau một cách không thương tiếc; hoặc vì quyền lợi vật chất hoặc vì khác biệt tín ngưỡng, hoặc do bất đồng chính kiến, hay kỳ thị chủng tộc. Tuy nhiên, kiến thức về con người và về vũ trụ được tích lũy, cung cấp phương tiện sinh hoạt và thụ hưởng cho con người. Tình yêu nhân loại được nói đến nhiều hơn. Những tương trợ vật chất giữa các cộng đồng nhân loại cũng thường xuyên hơn trước. Những hỗ trợ mang tâm cỡ toàn cầu cho những cá nhân và những dân tộc bị áp bức và bóc lột đứng lên đòi quyền sống, quyền con người, càng lúc càng trở thành mối quan tâm của phần lớn nhân loại.

Đứng từ quá khứ mà nhìn, những hình thái sinh hoạt ấy rõ ràng đang vẽ lên hình ảnh một thiên đường trên trái đất. Nhưng con người, từng cá nhân, đang sống trên mặt đất này, vẫn còn đau khổ, vẫn cảm thấy bất an. Biên giới vũ trụ đang được thu hẹp dần, nhưng quan hệ gắn bó giữa người và người

còn lỏng lẻo. Tranh chấp, ly dị, tự tử, những con số thống kê ấy là những mô tả chính xác về thế giới hiện tại. Người càng xa cách với người hơn. Mỗi cá nhân trở thành những ốc đảo. Khoảng cách giàu nghèo giữa các thành viên xã hội, giữa các cộng đồng chủng tộc, giữa các quốc gia, tạo thành những bất công và những áp bức, bóc lột kiểu mới. Cướp bóc, khủng bố, hằng ngày gieo rắc sợ hãi cho những người dân tại các đô thị phát triển bậc nhất của thế giới.

Thế giới đang phân hóa thành hai cực đối kháng rõ rệt, tạo nên mâu thuẫn mà toàn nhân loại phải có nhiệm vụ giải quyết trên phạm vi toàn cầu, nếu con người muốn tồn tại và truyền lại cho con cháu mình một xã hội tươi sáng. Thế giới hai cực đó là thế giới của những cộng đồng nước giàu và nước nghèo. Mức độ và tốc độ phân cực của hai thế giới ấy càng ngày càng khốc liệt do thế lực lãnh đạo chính trị của các cộng đồng này chưa ý thức trọn vẹn mối tương quan duyên khởi của sự sống nói chung và sự tồn tại của loài người nói riêng. Hậu quả là sự tàn phá không tiếc thương môi trường sống của chính con người bao gồm không khí, đất, nước, cây cỏ và sinh vật, để thỏa mãn nhu cầu tích lũy của cải do lòng tham chi phối. Nguy cơ phân cực này chỉ có thể được giải quyết một cách dứt khoát khi các thế lực lãnh đạo chính trị của các quốc gia biết ý thức quan hệ giữa sự tồn vong và hưng thịnh của quốc gia mình với sự tồn vong và hưng thịnh của quốc gia khác. Các quốc gia giàu có không được quyền làm ngơ trước sự nghèo đói của các quốc gia khác; và ngược lại, các quốc gia nghèo phải tự phấn đấu để trở thành giàu có trong xu thế phát triển toàn cầu.



Nhân loại đã đạt nhiều thành quả trong hai thiên niên kỷ vừa qua. Nhưng mục đích mà từng cá nhân hướng đến, là sống hạnh phúc chân thật thì chưa hề đạt được trên quy mô xã hội. Theo Phật giáo, trái đất này được mệnh danh là ngũ thú tạp cư địa, là trú xứ của con người, của các loài động vật; có thiên đường, cũng có địa ngục. Nhiều khi còn là thế giới của loài quý đỏi. Đây chính là môi trường hành đạo của các Bồ tát, và đây cũng là chỗ các đức Phật nhập Niết bàn. Do đó, lịch sử hai nghìn năm chỉ là một giai đoạn ngắn trong một chu kỳ sinh thành và hủy diệt của thế giới và của vũ trụ. Nơi này, một thế giới hủy diệt thì nơi kia một thế giới mới được hình thành. Không thể biết được bắt đầu từ đâu và chấm dứt từ đâu. Chỉ có giới hạn tận cùng của trí năng, không có giới hạn tận cùng của sự sống.

Và trong lịch sử thế giới, văn minh nhân loại không chỉ mới hai nghìn tuổi. Không thể phủ nhận rằng nền văn minh hiện tại là kế thừa và phát triển liên tục của hàng vạn năm lịch sử. Nhưng hình thái ý thức trong suốt hai nghìn năm này có những biến đổi so với thời thái cổ. Có những hình thái biến đổi nhanh chóng và có những hình thái biến đổi từ từ.

Kết thúc hai nghìn năm lịch sử, là đánh dấu một giai đoạn trong dòng tương tục vô tận của sự sống, để biết trong giai đoạn đó con người đã làm được những gì với minh triết của mình, và đã gây nên những tai họa gì cho người khác với những tham lam, ích kỷ, hận thù, cuồng tín và vô minh.

Trong suốt hai nghìn năm ấy, lịch sử Phật giáo Việt Nam luôn

luôn gắn bó với dân tộc. Đạo Phật được truyền vào đất nước này không theo sau những gót giày xâm lược, cũng không cốt vinh danh Đức Thích Ca Mâu Ni như đấng Chúa Tể bắt mọi thần dân phải cúi đầu tuân phục. Giáo lý của đức Phật được truyền vào đây chỉ với mục tiêu dựng dậy những gì cần được dựng dậy nếu đã bị quăng ngã, nâng đỡ những gì đã được dựng dậy nhưng chưa được đứng vững, phát triển những gì đã đứng vững nhưng chưa phát triển.

Lịch sử phát triển của Phật giáo Việt Nam đồng nhịp với sự phát triển của ý thức dân tộc Việt Nam. Hai dòng lịch sử từ hai khởi nguyên khác biệt, trong những điều kiện môi sinh và hoàn cảnh lịch sử khác biệt, đã cùng tồn tại, cùng bổ sung và cùng phát triển thành một chính thể. Ý thức cá biệt tương liên và hòa điệu phát triển lên hình thái phổ quát. Quan hệ cá nhân và tập thể, hay quan hệ đặc thù và phổ quát, là mối quan hệ biện chứng, tức quan hệ duyên khởi, nghĩa là, một là tất cả, tất cả là một. Trong quan hệ đó, cái đặc thù không hy sinh nó cho sự tồn tại của cái phổ quát; cái phổ quát không bị phân mảnh thành những ốc đảo riêng biệt. Trên phổ quát tính, mọi cá nhân đều có giá trị ngang nhau, và mọi dân tộc đều bình đẳng. Trên cơ sở bản thể học đó, ý thức dân tộc được hình thành trong mối quan hệ giữa các dân tộc. Nó không phải đơn giản chỉ là quan hệ ngoại giao giữa các tập đoàn thống trị để phụ thuộc lẫn nhau hay bảo vệ quyền lợi giai cấp cho nhau. Mà thực chất còn là ý nghĩa sinh tồn của từng cá thể tồn tại như một đặc thù trong một cộng đồng nhân loại.

Cho đến thế kỷ VI Phật lịch, tức thế kỷ đầu Tây lịch, Phật giáo đã là tố chất cho một hình thái phổ quát như thế trên toàn châu Á. Giáo lý của Phật đặt trên nền tảng quan hệ duyên khởi, xác nhận giá trị bình đẳng giữa các chúng sinh. Sự khác biệt về tầng bậc xã hội không phải do định mệnh thiên khai mà do quá trình phân công xã hội. Vua không phải là người được đặt lên ghế thống trị do ý muốn của Thượng đế. Kinh Phật gọi hình thái chính quyền đầu tiên là chính quyền Đại tuyền (Mahâsammato), được chọn lựa từ đại chúng, và vua là người làm hài lòng những người khác bằng luật pháp chân chính chứ không phải là ông chủ cai trị theo tư ý chuyên chính. Đức Phật đã thuyết giảng như thế nhưng trong suốt hai mươi lăm thế kỷ phát triển, ý nghĩa đó chưa được suy tư và quảng diễn đúng mức. Chưa hề có một quân vương Phật tử nào có ý định thiết lập một chế độ xã hội trên một cơ cấu chính quyền Đại tuyền. Đó là hạn chế lịch sử. Phải đến một giai đoạn phát triển nhất định của các hình thái sinh hoạt xã hội thì ý nghĩa Đại tuyền mới có thể được nhận thức đầy đủ và thực hiện quy mô.

Theo ý nghĩa đó, trong lịch sử đấu tranh để tồn tại và phát triển của dân tộc Việt, đạo Phật đã hỗ trợ cho sự hình thành ý thức dân tộc và độc lập trong hai khúc quanh lịch sử trọng yếu. Giai đoạn thứ nhất, chống lại sự thống trị và đồng hóa dân tộc của các triều đại phong kiến phương Bắc. Giai đoạn thứ hai, thời hiện đại, chống lại sự rập khuôn các định chế dân chủ phương Tây không phù hợp với xã hội và truyền thống Đông phương qua hai mô thức dân chủ tư sản và dân chủ vô sản.

Trong cả hai giai đoạn, ý thức đấu tranh cho giải phóng và độc lập dân tộc không thuần túy là do động lực kinh tế, mà do ý thức vươn lên của một dân tộc muốn khẳng định giá trị văn hóa của dân tộc mình. Qua mười thế kỷ phát triển cơ sở vật chất của xã hội đã chứng minh điều đó. Nhiều triều đại thay nhau cai trị đất nước, nhưng không có triều đại nào để lại những cung điện huy hoàng tráng lệ biểu trưng mức độ xa hoa trụy lạc của các vua chúa. Các triều đại ấy không phải là không có lấy một hôn quân bạo chúa. Nhưng sự thiếu vắng các công trình kiến trúc đáng lý phải có, chứng tỏ mối quan hệ đặc biệt giữa tầng lớp vua quan và tầng lớp dân dã, giữa cái bị gọi là giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột. Các vua chúa của các triều đại Việt Nam đã không hưởng thụ trên mức mà thần dân có thể cống nạp trong khi hiếm có công trình vĩ đại xa xưa nào trên thế giới tồn tại đến ngày nay mà không được xây dựng bằng mồ hôi và nước mắt, thậm chí bằng cả xương máu, của tầng lớp lao động khổ cùng.

Qua một nghìn năm đấu tranh gian khổ, một dân tộc nhỏ bé, với một nền văn minh vật chất tương đối phát triển, với hình thái ý thức xã hội thuần phác, đã dần dần khẳng định những giá trị đặc thù của một dân tộc trong tổng thể phổ quát ngang tầm nhân loại. Đó là những giá trị nhân bản với những biểu hiện nhân ái và khoan dung.

Chiến tranh là những biến cố thường xuyên tại nước ta, và cũng có thể nói là trường kỳ. Nhưng ít có những cuộc tàn sát man rợ. Nói là ít có vì đã có những vụ giết chóc trong cái gọi là

đấu tranh giai cấp, cái gọi là giải phóng dân tộc, vốn đã thấm sát không run tay bất cứ ai bị lên án là kẻ thù của giai cấp. Đây là những vết đen trong lịch sử cận đại. Trong khi đó, những vết son của lịch sử nước ta thì lại được sáng rõ qua lòng độ lượng khoan dung của các vua nhà Trần đối với những người bị buộc tội chạy theo giặc.

Trong suốt hai nghìn năm truyền bá, đạo Phật Việt chưa hề là nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp gây nên những xung đột tôn giáo dù trên quy mô nhỏ. Ngay từ những ngày đầu tiên mới du nhập, những người Phật tử Việt Nam đã chứng tỏ tinh thần khoan dung tôn giáo và tư tưởng. Cho đến những thời kỳ được coi là hưng thịnh nhất, đạo Phật chưa hề, mặc dù với ưu thế sẵn có, tìm cách chiếm lĩnh địa vị độc tôn.

Vào lúc mà phần lớn phương Tây đang đắm chìm trong bóng tối Trung cổ, với những pháp đình tôn giáo phi nhân, với quyền lực của các lãnh chúa đối với các thần dân được thi hành như là quyền lực vô nhân, đất nước Việt Nam đã bước vào thời kỳ độc lập tự chủ, không chỉ với ý nghĩa một triều đình cát cứ riêng biệt, mà là một dân tộc đã xác định được tinh thần và hình thái dân tộc của mình, đã vươn đến những giá trị phổ quát của con người. Lịch sử cho thấy những xã hội được gọi là văn minh tiêu biểu cho nhiều dân tộc noi theo chưa hẳn là những xã hội toàn hảo. Bởi vì một xã hội mà các thành viên của nó chưa hề có ý thức về những giá trị bình đẳng giữa các dân tộc, và chủng tộc, chưa có thái độ sống hòa đồng và bao dung tôn giáo và tư tưởng, thì xã hội đó chưa thể được coi là đã

vươn lên trình độ xã hội loài người. Đó vẫn chỉ là trình độ của cộng đồng mà quan hệ giữa các thành viên không được ràng buộc bởi sợi dây thông cảm và tôn trọng phẩm giá của nhau. Có chăng chỉ là sự ràng buộc quyền lợi vật chất với nhau để hình thành những tầng bậc, đẳng cấp phi nhân.

Tuy vậy, trong quá khứ, không phải Việt Nam đã là đất nước của hạnh phúc. Mặc dù dân chúng đã có thể hạnh phúc trong mức độ nào đó với điều kiện vật chất phát triển vào từng thời đại. Không phải không có hay ít có những hôn quân bạo chúa, những cường hào ác bá, những địa chủ và phú nông làm giàu bằng thủ đoạn gian xảo và áp bức bóc lột. Cũng có lúc và có khi chúng đạt đến mức độ ác liệt, dẫn đến những mâu thuẫn gay gắt, những cuộc khởi nghĩa của nhân dân chống lại triều đình. Nhưng mức độ không ác liệt như những sử gia duy vật biện chứng rập khuôn theo hình thái xã hội phong kiến phương Tây để mô tả cái gọi là đấu tranh giai cấp, qua sự cấu kết của bọn quý tộc vua chúa và tầng lũ. Trên đất nước này chưa hề có một xã hội phong kiến kiểu phương Tây, với uy quyền tuyệt đối của các lãnh chúa đối với nông nô. Ở Việt Nam, hình ảnh một ông vua khi nhìn thấy cảnh vàng son nhưng lụa của con gái yêu của mình liền chạnh lòng nghĩ đến những tù nhân bị đọa đày, cơ cực trong lao ngục, và tự nhận một trách nhiệm của chế độ đối với hành vi phạm pháp của dân đen; hình ảnh những đại thần cực phẩm triều đình sống hòa đồng với nông dân cùng khổ trong các thôn xóm là hình ảnh mà phương Tây thời Trung cổ không thể hình dung nổi.

Thế nhưng, lịch sử nhân loại không tiến hóa theo quy luật tuyến tính một cách giản dị và máy móc. Đức Phật đã dạy, tội ác nguyên thủy trong xã hội loài người chỉ bắt đầu từ khi con người có ý niệm tích lũy do lòng tham. Quá trình tham lam đưa đến xung đột. Trật tự sinh hoạt xã hội cộng đồng nguyên thủy bị phá vỡ, loài người tiến dần vào xã hội phân công rồi phân hóa thành xã hội có đẳng cấp. Xung đột càng ngày càng khốc liệt để thỏa mãn lòng tham. Tham tài sản, tham quyền lực, tham kiến thức. Tham để sống hạnh phúc. Nhưng có người do tư duy chiêm nghiệm đã phát hiện những hậu quả tai hại của lòng tham và xung đột, nên đi tìm con đường an ổn khác dẫn đến hạnh phúc. Đó là con đường hòa bình, bao dung, nhân ái, biết thương yêu và tôn trọng phẩm giá của tha nhân.

Suối nguồn trong mát khi chảy xuyên núi rừng, băng qua các đồng bằng để đổ vào đại dương bao la xanh biếc, không phải tự thủy chí chung vẫn là dòng suối trong mát. Nó mang theo mình càng lúc càng nhiều những rác rưởi. Lịch sử tiến hóa xã hội loài người cũng thế. Lịch sử tiến hóa xã hội Việt Nam cũng thế.

Ở Việt Nam, ngay từ buổi đầu, trong cuộc đấu tranh để giải phóng và khẳng định độc lập dân tộc, người Phật tử Việt Nam đã khẳng định mọi dân tộc đều bình đẳng như nhau, trong đó có dân tộc Việt Nam và dân tộc Trung quốc. Từ trong khói lửa đấu tranh ở thế kỷ thứ II, Mâu Tử, một nhà tư tưởng của Phật giáo, đã dũng dạc công khai tuyên bố: Mọi loài có máu đỏ đều có thuộc tính Phật; và đất Hán vị tất là trung tâm của trời đất.

Đến khi đất nước thu hồi độc lập tự chủ, tăng sĩ Phật giáo tiếp tục là lực lượng xã hội chủ yếu củng cố ý thức dân tộc bình đẳng. Các thiền sư là những cố vấn chính trị xã hội cho các ông vua thoát thai từ nhiều giai tầng xã hội mà lên. Nhưng khi định chế chính trị xã hội trên cơ sở ý thức bình đẳng dân tộc đã được ổn cố, các ngài dứt áo ra đi, không quan hệ gì đến địa vị xã hội hay bổng lộc triều đình. Các ngài sống giữa dân và trong lòng dân, ẩn mình trong các sơn môn mà vẫn không quên sự nghiệp hoằng hóa của mình, tạo nên mạch suối ngầm nuôi dưỡng ý thức độc lập, tự chủ, nhân ái và bao dung của dân tộc.

Nếu đạo Phật không tồn tại như mạch suối ngầm trong dòng lịch sử dân tộc thì ngày nay cái tên “Người Việt” chỉ tồn tại trong sử sách người Trung quốc, và thời kỳ được nói là độc lập dân tộc chỉ được chép trong lịch sử Trung quốc như là những giai đoạn hùng cứ của bọn phản nghịch mà do đức hiếu sinh, Thiên triều đã không tàn sát và chỉ cải tạo dần bằng cuộc nô dịch văn hóa.

Ngay từ lúc chế độ thực dân Pháp thiết lập tại Việt Nam, đã bùng lên những phong trào đấu tranh quyết liệt, liên tục và bền bỉ suốt hơn một trăm năm. Một phần, đấu tranh giành độc lập vì quyền lợi vật chất bị tước đoạt; phần khác, chiến đấu để bảo vệ di sản văn hóa và mạch sống ngầm của dân tộc.

Trong những ngày đầu, khi triều đình đầu hàng, nhân dân tự phát khởi nghĩa. Các thiền sư ẩn cư, tách biệt với triều đình, sống giữa lòng dân, đã tích cực tham gia các tổ chức kháng chiến.



Khi quyền lực không còn xuất phát từ triều đình, Phật giáo trở thành chỗ dựa cho các lực lượng kháng chiến. Đồng lúc, các thiền sư ẩn cư trong các sơn môn lần lượt phát động các phong trào Chấn hưng Phật giáo. Phật giáo phải được tổ chức lại để có thể trở thành lực lượng tiên phong trên mặt trận bảo vệ văn hóa dân tộc. Không ai có thể phủ nhận được sự thật lịch sử này. Dù có những thế lực chính trị mù quáng trước sức mạnh phương Tây, đã lên án các công cuộc Chấn hưng Phật giáo là liều thuốc phiện ru ngủ tinh thần chiến đấu của nhân dân. Chính thái độ cuồng tín ấy mà một phần lớn di sản quý giá của văn hóa Việt Nam đã bị triệt phá không nương tay. Thêm vào đó, nỗ lực phá hoại về mặt tín ngưỡng và xâm phạm các cơ sở vật chất về mặt văn hóa, đã gieo rắc quá nhiều mất mát và đau thương cho dân tộc Việt.

Hiện trạng mà người bên này tố cáo Phật giáo làm lợi cho bên kia, người bên kia tố cáo Phật giáo làm lợi cho bên này, đã nói lên một sự thật: Phật giáo thoát ly khỏi mọi sự lạm dụng và lợi dụng của các thế lực chính trị hoạt đầu.

Trong hai cuộc chiến vừa qua, chiến tranh giải phóng thuộc địa và chiến tranh ý thức hệ, Phật giáo càng lúc càng ý thức vai trò của mình. Trong chiến tranh chống thực dân và nô dịch văn hóa, Phật giáo là pháo đài bảo vệ di sản văn hóa dân tộc. Trong chiến tranh ý thức hệ, Phật giáo tự nhận vai trò hóa giải hận thù, thể hiện hòa bình dân tộc, để chấm dứt cuộc chiến huynh đệ tương tàn. Một cuộc chiến mà hậu quả không đem lại chiến thắng cho nhân dân Việt, trái lại chỉ dẫn đến nghèo đói

và lạc hậu.

Sau khi chiến tranh chấm dứt, đất nước tưởng chừng sẽ có được một vận hội mới cho công cuộc xây dựng tái thiết, nhưng thực tế cho thấy, nhà tù dựng lên khắp nơi, máu người Việt tiếp tục đổ vì chính những người anh em không cùng ý thức hệ; và dù rằng với sự giúp đỡ nhiệt tình của các quốc gia phương Tây một thời là kẻ thù giai cấp và ý thức hệ, thế nhưng, thành tựu đạt được không cân xứng với sự hy sinh hàng mấy triệu người qua nhiều thế hệ đấu tranh cho chủ quyền đất nước. Một đất nước mà sau hơn hai mươi năm chấm dứt chiến tranh, vết thương vẫn chưa lành, hận thù giai cấp vẫn chia rẽ dân tộc. Thêm vào đó là một hệ thống chính trị nuôi dưỡng tham nhũng, hối lộ, bóc lột nhân dân, hà hiếp quần chúng, những tội ác mà hàng triệu người đổ máu để dẹp bỏ càng lúc càng trở thành căn bệnh xã hội trầm kha. Một đất nước như vậy thì không mong gì ngẩng cao đầu nhìn những bè bạn chung quanh: những nước mà một thời đã cùng chung số phận nhục tiếu chịu các ách thống trị của thực dân đế quốc. Những nước đó không có những cuộc chiến làm thế giới chú ý, nhưng có những nhà lãnh đạo biết làm cho dân mình vượt qua ngưỡng cửa nghèo khó.

Nay, khi toàn cầu đang chuẩn bị khép lại quá khứ hai nghìn năm mà trong thời gian đó loài người sống hạnh phúc và vinh quang thì ít, nhưng đau khổ và tội ác thì nhiều, để rồi hy vọng thiên niên kỷ tới là kỷ nguyên của hòa bình, khoan dung, với các giá trị nhân bản trên cả hai phương diện đặc thù và phổ

quát được xác lập.

Một lần nữa, Phật giáo Việt Nam ý thức rõ lực lượng và sứ mệnh lịch sử của mình đối với dân tộc và nhân loại trong thiên niên kỷ sắp tới. Lực lượng này không xây dựng trên vũ khí, bè đảng, nhằm mục tiêu tranh quyền cố vị. Lực lượng này xây dựng trên tinh thần Bi, Trí, Dũng; nói rõ là: tôn trọng sự sống, sáng suốt hành động và dũng cảm tự tồn. Sứ mệnh lịch sử của Phật giáo là hóa giải mọi xung đột giữa các cộng đồng xã hội, các xu hướng chính trị, tôn giáo dị biệt, giữa các dân tộc mà do hoàn cảnh lịch sử đã trở thành kẻ thù truyền kiếp của nhau. Sứ mệnh ấy khởi phát từ lòng bi mẫn khoan dung, tôn trọng và đề cao phẩm giá con người, vì con người là nhân cách trung tâm trong việc chuyển hóa gia đình, xã hội, đem lại hạnh phúc, tự do và giải thoát cho quần chúng.

Một xã hội mà các quyền tự do thiêng liêng và căn bản được tôn trọng sẽ là một xã hội mà các thành viên sống hạnh phúc. Ý thức tự giác là nền tảng cho ý niệm tự do. Hiểu biết ý nghĩa và bản chất tồn tại của thiên nhiên, của xã hội, của các cá nhân, trong mối quan hệ duyên khởi; đó là hiểu biết những giá trị nhân bản, hiểu biết phẩm giá của mình, hiểu biết và tôn trọng phẩm giá của người khác.

Một nền văn minh dân chủ là sản phẩm của trí tuệ, chứ không phải chỉ là định chế xã hội dựa trên nguyên tắc phân chia quyền lực. Trí tuệ đó không chỉ là những kiến thức thuần túy khoa học, xã hội, mà là sự hiểu biết lẫn nhau và sự tương kính hội thông giữa người và người trong việc xây dựng một

thế giới an lạc, ấm no.

Trong tinh thần tự giác và quy ngưỡng đại chúng như thế, không có một quốc gia nào tự xác định những giá trị truyền thống cá biệt hay đặc thù để chối bỏ những giá trị phổ quát của nhân loại. Trong những năm cuối thế kỷ này, thế giới đang chứng kiến nhiều dấu hiệu khích lệ. Chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, đói kém, không còn là những vấn đề nội bộ của riêng lẻ mỗi quốc gia hay dân tộc. Nơi nào mà một cá nhân bị ức hiếp, một tập thể bị đàn áp, thì các nơi khác trên năm châu đều nỗ lực can thiệp và áp lực đổi thay. Nhân phẩm con người và các quyền cơ bản về dân sự và chính trị đã được toàn cầu hóa. Không thể có một chính quyền nào trên trái đất này còn được thao túng cai trị nhân dân mình một cách tùy tiện theo một hệ tư tưởng nào đó do tự mình và phe nhóm của mình bày đặt ra, trái chống với lòng dân.

Thế giới văn minh là tổng viện lực cho các dân tộc bị áp bức. Quân chúng tự giác là đại chủ lực cho mọi cuộc đổi thay xã hội. Người Phật tử tin rằng mọi loài chúng sinh có một định hướng duy nhất, đó là định hướng thành Phật. Tất cả chúng sinh đều là Phật tương lai.

Phật là người đã giác ngộ mà cũng là người đi giải phóng nhân sinh qua hành động Bồ tát cứu khổ trừ nguy.

Đón mừng Phật Đản, Phật tử Việt Nam cũng hoan hỷ đón chào thế kỷ XXI với tinh thần khoan dung, bi mẫn mà Đức Thích Tôn đã truyền dạy và thể hiện. Cầu mong tất cả các tôn giáo trên hoàn vũ, các hệ tư tưởng dị biệt, đều được phát triển

như ý, chung hòa trong tâm nguyện và phát huy trọn vẹn tiềm năng giáo hóa của mình, để cho loài người bước lên cõi Chí Thiện.

*Phật Đản 2543*

*Thừa Ủy nhiệm*

*Hội Đồng Trưởng Lão Viện Tăng Thống*

*Hòa Thượng Thích Huyền Quang*

# THE MESSAGE ON THE ADVENT OF THE TWENTY-FIRST CENTURY

Most Ven. THICH HUYEN QUANG  
Translated by Ven. THICH NGUYEN CHUNG

The world is undergoing a journey into the 21st century, closing two millennia replete with impressions and upheavals caused by human itself in the long history of its evolution.

It is the two millennia in which the landmark of time was mostly marked with conquests and invasions. Nations invaded and dominated nations. Races conquered and enslaved races. Civilizations vandalized civilizations. Religions persecuted religions.

It is the two millennia in which human's ambition, spurred on by ignorance and egoism, in the name of the revealed truth, created the theocratic values of the criteria of life, instituted at the same time slavery and inquisition, pushing far worse the class division among societies, and rationalized the tyrannical

oppression and injustice of man against men. Blood, blended with bitter suffering, of those whose human dignity and rights had been deprived of, embellished a glorious civilization shone with gigantic monuments, colossal constructions, with what has been called historical achievements, and has been admired and extolled as the realistic expressions of human creation.

Throughout these two millennia, beyond all being oppressed and oppressing, mankind was by and by immanently developing, discovering father the truths, and the latest one took the place of the former. Those fresh new discoveries approached more and more the principles of Buddhism that had been declared five hundred years earlier.

In the field of cosmology, man's view has changed greatly. Nature, previously seen as the composition of monadic atoms, came out to be the nomination of indefinite bags of quantum, subsisting as the swift current of seeds which is continuously rushing forward yet it never flows, for it appears and disappears *hic ad nun* at every instant of the mind. The Earth ceases to be the sole body in the universe created *ex nihilo* as to glorify the supernatural power of its Creator, but it is merely a mass instantly infused and diffused in the endless cycles of the forming-standing-destroying-vacancy progress in conformity with the law of interdependent origination. The revealed truth that had been protected by violent force and tyrannical power, now showed to be the mere convention.

In the philosophy of life, along with the expansion of colonial

powers and imperialist domination, the sight into the world and humanity of a great part of intelligentsia who had once upon a time exhausted their capacity of knowledge to justify the theocratical privileged stratum now was opened wider due to having obtained contact with the variety of civilizations. Humanist values, altogether with their particularity and universality have been by and by ascertained. It is not the providence or God's will, but it is human itself, one per one personally, in conformity with its deeds, saying, and thinking, in the mutual relations between itself and the persons surrounding, between oneself and others, between oneself and Nature, it is these mutual relations that change the formation of nature and society, bring about values out of the human's temporary or eternal expectation.

Then, the revolutions shook a part of the West. The miserable class stood up to claim the right to live, the right to be human. The whole world was quaked with the upheavals of the oppressed nations. The nineteenth century, next to the last of the second millennium, witnessed chains of agitations, and radical changes of social institutions, and the state of consciousness both in the East and the West, forecast the end of nearly two thousand years of alienation and slavery of humanity. Now man came to recognize that it is the human who created a world for the sake of its own. It is man who is the heir of what he has done in the past, therefore he has to be responsible for his deeds. A new era is ushered in; the era of self-consciousness.



The torch of hope, for all of that, was suddenly extinguished. Greed, hatred, fanaticism, puissance of the self, remains to be, as it used to be, the nutriment for human beings subsisting in the awareness that I am existing and will be existing; it is the energy for human activity in competition, in progress of appropriation and domination. The happy Heaven just on the Earth that had been projected in the intention of taking the place of the religious one urged not in the least lots of nations to rise. After having been constructed in a sea of blood and tears for two thirds of a century, the silhouette of such a Heaven all of a sudden evaporated like morning dew under the sun, and turned out to be a freak of history. The self-consciousness of humanity, once more, is a mere shadow, mere metamorphosis of the lasting past.

In the meantime, by the last years of the century, every day, in many parts of the world, men keep killing men, ruthlessly persecuting one another, for the sake of material benefit, or due to the difference of faith, or for political dissidence, or on account of racial discrimination. The knowledge of human beings and the Universe has nevertheless been accumulated, providing men with means of living and enjoyment. Human love is being mentioned much more. Mutual assistance of material among human communities is being much more regular than before. Aids on the global level for individuals and communities, those who are under oppression and exploitation rise to claim their right to live; the human rights more and more become the concern of the greater part of mankind.

Viewed from the past, these conditions of living are clearly drawing the image of a Heaven on Earth. But man, per capita, who is living on Earth, remains unhappy, feeling unsafe. The boundaries of the universe are reduced and narrower, but the bound relations between men and men are kept too loose. Conflict, divorce, suicide; statistical figures of which are the exact descriptions of the current world. Men become far separated from each other. Each individual makes himself an oasis. The gap of the rich and the poor among members of society, between ethnic communities, between nations, shape the new forms of injustice and oppression. Plunder and terrorism are spreading fear daily among citizens living in the most developed cities in the world.

The world is on the way towards a polarization into two sharp opposites, bringing forth the contradictions that mankind as a whole is bound to settle on a global level, if humanity is destined to be everlasting and hand down its scion a brighter society. The bipolar world consists of communities of the rich nations and the poor ones. The degree and speed of this polarization is intensified ever more by the leading political forces of these communities who are very obstinate about accepting the principle of interdependent origination of life in general and the existence of mankind in particular. The outcome is the merciless devastation by men over the environment in which they live, consisting of air, soil, water, plants, and animals, in order to fulfill the need to accumulate wealth driven by greed. The risk of polarization can be handled

with resolution only when the leading political forces of nations are aware of the interdependence upon one another with regard to the rise and fall of each. The poor nations, on the other hand, should exert themselves to cope with the conditions of the rich in the global tendency toward development.

Human kind has achieved many exploits during the last two millennia. But the goal individuals intend to reach, which is living in happiness, has not been reached by men on the social level yet. To the Buddhist view, our Earth could be referred to as the melting pot of the five destinies. It is the abode of men, of animals. Paradise is here; yet hell is here as well. So often it is also the world of hungry ghosts. Here too all the same is the domain for Bodhisattvas to carry out their vow of enlightenment, as well as the place where Buddhas penetrate into Nirvana. Two thousand years of history, therefore, is but a short span in an appearing-disappearing cycle of the world, and of the Universe. Here a world is disappearing, and there another world is shaping. It is beyond our grasp, the beginning and the end. There is only the extreme limit of intelligence but not of life.

So, in the long history of the world, human civilization is not only two thousand years old. It's impossible to deny the present civilization as the legacy and uninterrupted development of many tens of thousands of years of history. But the states of consciousness during these two millennia have

changed much compared to the ancient ones. Some changed in a fit; others by and by.

Closing two thousand years of history is marking a period in the endless stream of life, in order to know during this time what man completed with his wisdom, and what calamity he waged to others out of greed, selfishness, hatred, fanaticism and ignorance.

During those two thousand years, the history of Buddhism in Vietnam has been blended into that of the nation. Its introduction into the country was by no means following at the heels of invaders, nor on purpose to glorify Sakya Muni to be the Supreme Lord pressing to submit his subjects in obedience. The teaching of Buddha has been transmitted here with the intent to set up what was to be set up if it has been let down, to support what has been set up but remained unstable, to develop what has been set stable yet undeveloped.

The development of Vietnamese Buddhism resounded with the growth of the national consciousness. The two tendencies of history, springing from two different origins, under different conditions of living sphere and in different circumstances of history, have been co-existing, completing each other and together developing into a whole. The consciousness of the particularity, in interrelation and harmony, developed to the universal formation. The relation of individual and collective, or the relation of the particular and the universal, is a dialectic relation, or the relativism of interdependent origination; that

means to say, one is in all and all is in one. In this pattern of relation, the particular is not sacrificed for the existence of the universal, yet in it nothing is fragmented into insulated oases. In universality, every individual is of the same value, and all nations are equal. On this ontological ground, the consciousness of a nation is shaped in relation to other nations. It is not simply the international relation of the ruling clique in need of mutual assistance to protect the class interest. It means as well the significance of each individual which exists as a particular in a community of mankind.

Down to the fourth century BE, i.g., by the first century AC, Buddhism had been part of such a pattern of universality throughout Asia. Buddha's teaching, based on the relativity of the interdependent origination, ascertains the equality among sentient beings. The difference of social classes is not owing to the providential destiny but to the process of social division of labor. A king is not a person set on the throne by God's will. Buddhist Scripture attributes the term Mahasammato to the first pattern of government. Mahasammato, that elected by the great many, and the king is the one who pleases others by means of the true law, not who rules at will despotically. Such Buddha had taught, but throughout the twenty-five centuries of its development, the significance had never been properly reflected and elaborated to the extent expected. None of the Buddhist monarchs had it in his mind to establish a social system on the structure of the Mahasammato Government. That is the limit of history. Necessarily the significance of

Mahasammato could not be recognized thoroughly and carried out largely until social life had been developed to some relevant standard.

In this respect, throughout the history of the struggle for survival and the development of Vietnamese people, Buddhism has assisted the formation of the consciousness of the nation and independence by the two decisive turns of history. The first is the resistance against the occupation and assimilation from the North. The second, the modern time, is resisting being cast in the mould of Western institutions, i.e., of bourgeois democracy and proletarian dictatorship.

In both stages, the consciousness of the struggle for national liberation and independence was not a mere economic motive, but urged by the will of progress of the people who wanted to determine the cultural values of its nation that had been proved through ten centuries of laying the material foundations for development. Many dynasties were succeeding one after another to reign over the country, but none of them left behind its fall magnificent palaces as evidence of the extravagance and debauchery of feudal lords. Not that under these dynasties there begot no fatuous kings nor cruel despots. But that the absence of the constructions that might have been revelations of a typical relation of the noble class to the common people, between the so-called oppressing class and the oppressed. Monarchs of the dynasties of Vietnam did not enjoy over the scale that their subjects were capable of

contributing, while only a few of the gigantic earlier monuments all over the world lasting up today have not been built of tears and sweat, even of blood, of the miserable class of labor.

For thousands of years of arduous struggle, a nation, endowed with a material civilization relatively developed, in a plain form of social consciousness, had eventually determined the characteristic values of a nation in the universal generality to the compass of humanity. They are the humanist values with the expressions of loving-kindness and tolerance.

Wars were regular, and it's even possible to say protracted events in Vietnam. But savage slaughters were very exceptional. To say it was exceptional means that not in the least did anything of the kind happen. As yet the history of Vietnam was adorned with loving-kindness and tolerance as the kings of the Tran Dynasty showed to the subjects who had run after the invaders.

During two thousand years of expansion, Vietnamese Buddhism has never been the cause, direct or indirect, for any religious conflicts whatsoever. Ever since the first days of its introduction, Vietnamese Buddhism has shown its tolerance to religion and thought. Even in the times when it was of the most influence, Buddhism never made use of its superiority to occupy a privileged position.

When the most part of the West was submerging in the darkness of the Middle Age, haunted by the inhuman

Inquisitions, overwhelmed with feudal lords' power over their subjects, at that time, Vietnam had already got into the stage of independence, not in the meaning of a separatist regime detached from the North Empire, but that of a people which had succeeded in determining the characteristics of its nation, reaching the universal values of humanity. It is made known by history that societies referred to as civilization modeling for many nations to imitate are by no means well-made ones. A society whose members have neither the state of consciousness of equal values among nations and races, nor the attitude of living together in harmony and tolerance toward religion and thought, cannot be termed as having reached a higher level of human development. It is merely a level of community in which the relationship among members is not tied up with mutual understanding and respect for others' dignity. There is only the material interest tied up together to form inhuman ranks of cast.

Not that, however, in the past, Vietnam was the land of happiness. Although the people could have enjoyed happiness to some extent under the conditions of material production. For it is not that there were no fatuous tyrants, ferocious lords, greedy landlords, and rich peasants who grew wealthy by means of deception and exploitation. At times these even reached fierce levels, leading to severe conflicts, peasant insurrections against the royal court. But it is not as fierce as described by dialectical materialist historians taking after the model of Western feudal society in conformity with the theory



of class struggle, i.e., the collusion of the aristocrats and clergy. In this country there was not a certain feudal society of the Western style, overwhelmed with the absolute authority of the lord over the serf. In Vietnam, the picture of a king as seeing his princess daughter comfortable in the lap of luxury he could not help thinking of prisoners writhed under the drudgery of prison and blamed his own reign for the common people's transgression, that of the highest minister of the court living indiscriminately together with the peasants toiling away in hamlets, was likely unimaginable to the West of the Middle Age.

The history of mankind, however, did not simply and mechanically advance in accordance with the linear law. The Buddha has taught that the original sin was committed in human society only because men started conceiving the idea of accumulation. The course of accumulation generated by greed led to social conflict, the order of social life of the original community was broken, men graduated into the society of the division of labor which eventually split up into classes. Conflicts were increasingly intensified as to fulfill the greed. Greed for wealth, greed for power, and greed for knowledge. To be greedy in order to be happy. As yet by way of reflection and meditation men came to discover the pernicious outcome of greed and conflict, some of them consequently went out to look for another safer way of leading to happiness. That's the way of peace, tolerance, loving-kindness, knowing how to love and respect others' dignity.

Just as a clear and refreshing stream while flowing through woods and forests, passing through plains and fields, then pouring into the sea, is by no means the same from beginning to end. It is carrying along with more and more refuse. The same is the history of mankind.

In Vietnam, just in its early days, in the struggle for liberation and determining its national independence, Vietnamese Buddhists were able to declare all nations as equal, including the Vietnamese and Chinese. In the struggle by the 2nd century, Mau Tu, a Buddhist thinker, did not hesitate to affirm that all beings of red blood are endowed with the quality of Buddha, and the land of the Han is by no means the center of Heaven and Earth. When the country regained its independence, Buddhist monks remained to be the leading force of society, consolidating the conception of equality among nations. Zen Masters were at times counsellors on political and social affairs to the kings who came onto the throne from a variety of social ranks. When the socio-political institutions on the foundation of the conception of equality among nations had been firmly established, they tore themselves away, having nothing to do with social positions or stipends from the court. They lived among the people and in the heart of the people, secluded in mountain hermitage yet without forgetting their cause of promoting morality, forming the underground fountains to feed the consciousness of independence, self-sovereignty, loving-kindness, and tolerance.

Had Buddhism not existed as an underground fountain in the course of the national history, the name “Vietnamese” nowadays would have existed nowhere except in the chronology of the Chinese, and the period named as that of national independence would have been noted in Chinese history as the times of rebels’ segregation that on account of the love toward life had not been slaughtered by the Heavenly Court but remoulded by and by with the enslavement through culture.

From the very first days when the French colonial sovereignty was set up in Vietnam, erupted the movements of fierce struggle, lasting and persevering throughout over a century. On one hand, it was the struggle for independence because of the deprivation of material interests. On the other hand, it was a fight to protect the cultural legacy and the underground fountain of life of the nation.

In those days, when the court surrendered, the people spontaneously rose in revolt. The secluded monks, having been so far segregated from the court, now actively took part in the organizations of resistance.

When the national power ceased to be issued from the court, Buddhism turned to be the support of the resistance forces. At the same time, the monks who so far had been living in seclusion in the mountain hermitage eventually started the movement of reforming and promoting Buddhism. Buddhism had to be reorganized in such a way it might be the vanguard

on the front of covering the national culture. Nobody could deny this historical fact. Although some political forces stunned by the might of the West had accused the Buddhist reformation as a dose of drug lulling the people's fighting spirit. It was because of this fanaticism that a great part of the legacy of Vietnamese culture had been carelessly vandalized. In addition to this, the attempt of sabotage against religion and the encroachment of material bases on the culture wreaked lots of damage for the Vietnamese people.

In the two last wars, that of decolonization, and ideology, Buddhism had been more and more conscious of its role. In the war against colonialism and cultural enslavement, Buddhism was a stronghold protecting the legacy of national culture. In the ideological war, Buddhism took charge of relieving the animosity and bringing about national peace to put an end to the fratricidal war. A war that in its conclusion has brought but a sheer illusion of victory to the Vietnamese people which could have not assisted them in overwhelming the poverty and backwardness.

As the war came to an end, the country seemed to have entered a new era of reconstruction. The fact, however, is that more jails went on to be brought up everywhere; Vietnamese people's blood kept on shedding out of brothers of unshared ideologies. Even with the fervent assistance from Western countries which had once been the enemies of class and ideology, the outcome, however, was incompatible with the

sacrifice of some millions of people through many generations fighting for the sovereignty of the nation. A country that after more than twenty years since the war has been over, the wound remains uncured, class vengeance keeps segregating the nation. In addition to this is a political system that fosters corruption and bribery, exploiting the people, oppressing the masses – the evil that millions of persons had to shed blood to get rid of becomes day and day a social chronological disease. Such a country nurses less hope of raising its head higher to look around for its friends, the countries that shared at a time the common destiny of the weak under the yoke of colonialism and imperialism. Those countries have no victory stunning the world, they have all the same leaders who know how to make their people pass over the threshold of poverty.

Now, as the whole world is on the way of closing a past of two thousand years in which men have lived less in happiness and glory than in pain and crime, it is expected that the millennium to come will be the era of peace and tolerance, along with humanist values to be defined on both aspects, particularity as well as universality.

Vietnamese Buddhism recognizes once more its historical mission toward the nation and humankind in the millennium to come. Its historical mission is to relieve the conflicts among social communities, political attitudes, and different religions among the nations that on account of the environment of history have harbored feudal hatred toward each other. That

mission might have been sent off with the compassion and tolerance, respect for and extol the dignity of humans, for man is the pivot in the transformation of family, society, bringing about happiness, freedom, and liberation for the people.

A society in which the basic and sacred rights of freedom are respected is the one whose members live in happiness. Self-consciousness is the foundation of the concept of freedom. Knowing the significance and the essence of nature, society, and individuals, in the relationship of interdependent origination, is knowing the humanist values, knowing his or her own dignity, knowing and respecting others' dignity.

A democratic civilization is the production of wisdom and not just the mere social institution founded on the principle of the division of power. That wisdom does not consist of the mere knowledge of science, sociology, and others, but of the mutual understanding, mutual respect, and communication between man and man in building a world of peace and prosperity.

In such a spirit of self-determination and devotion to popularity, no country whatsoever could fix by itself the particularity of its own traditional values in opposition to the universal values of humanity. By the last years of this century, the world is witnessing lots of encouraging indications. Wars, plagues, natural calamities, are not the interior problems of any individual states or nations. Should in any part of the Earth an individual be maltreated, or a community be oppressed, the rest of the world would interfere and force things to change. Human

dignity and the fundamental rights have been defined on a global standard. No single government on Earth is entitled to rule at will over its people in conformity with agreement to a certain system of thought concocted by itself or by its clique in contradiction with the people's will.

The civilized world is a general reinforcement to the oppressed people. The self-conscious masses are the main force to every social change. The Buddhist is convinced that all sentient beings are charged with taking a sole destiny; that of reaching Buddhahood. Each is a Buddha to be.

In jubilation at the Buddha's birthday, Vietnamese Buddhists are too joyfully welcoming the twenty-first century in the spirit of tolerance and compassion Lord Buddha taught and carried out. Let's pray for all the religions on Earth, all the different systems of thought, to flourish as expected and get the full development of their potentiality of education so that mankind can ascend into the world of goodness.

*Translated by Ven. Thich Nguyen Chung.*

*Feb 2000, Quang Huong Monastery.*

# HUẤN TỪ CỦA ĐỨC TẶNG THỐNG NHÂN MÙA AN CỬ, PL. 2548

THÍCH HUYỀN QUANG

Phật lịch 2548 | Số 03/VTT/TT

NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

*Kính Thưa chư Đại Đức Tăng, cùng Bốn Chúng đệ tử.*

2548 năm trôi qua kể từ khi hình ảnh của đấng Chí tôn khuấy đảo vô thường giữa rừng Câu-thi-na u tịch. Từ đó cỗ xe chuyển dịch tuần hoàn vẫn tiếp tục lăn bánh, để lại sau nó những vết tích của phú cường và huỷ diệt, bạo lực và nhân ái; rải rác đó đây, trên những sa mạc khô cằn, trong những đô thị trù phú, loài người đã góp nhặt từng giọt máu đào, từng giọt nước mắt để tích lũy thành kiến thức, tạo dựng thành văn minh; từ những giá trị cá biệt là căn nguyên xung đột giữa các cộng đồng tôn giáo, dân tộc, dần tiến tới những giá trị phổ quát phản ánh khát vọng và tâm nguyện muôn thuở của con người. Những giá trị phổ quát, những quyền cơ bản làm nên giá trị hiện hữu của con người càng lúc càng được thừa nhận trong các cộng đồng dị biệt của nhân loại, coi đó như là điều kiện



thiết yếu tạo dựng một xã hội hoà bình, an lạc, hoá giải hận thù, xóa bỏ bất công, áp bức gây nên bởi tham vọng quyền lực, cuồng tín giáo điều. Thông điệp bao dung, hỷ xả mà đức Thích Tôn trao truyền cho các chúng Thanh văn và Bồ tát, tỏa sáng bằng các phẩm tính từ bi và trí tuệ của tuệ giác vô thượng, ngày nay dần dần được nhân loại đón nhận như là dấu hiệu chỉ đường cho một thế giới nội tâm an lạc trong một thế giới đầy sợ hãi vì bạo lực điên cuồng.

Thông điệp ấy được truyền vào đất nước Việt nam cũng đã 2000 năm. Đức tính bao dung và những giá trị phổ quát của phẩm giá con người được hàm chứa trong đó đã từng là nguồn lực sinh tồn tác động, hình thành ý thức dân tộc. Mỗi dân tộc, trong điều kiện địa lý và lịch sử cá biệt, bằng vô vàn đau thương và khổ lụy của nhiều thế hệ tiếp nối, đã tạo dựng nên những giá trị truyền thống, có đủ sức mạnh ý chí để tự khẳng định sự tồn tại của mình bình đẳng với mọi dân tộc khác, dù lớn hay nhỏ. Đó là bài học lịch sử được viết bằng tâm nguyện hy sinh vô úy của lịch đại Tổ Sư, của nhiều thế hệ Phật tử anh hùng, mà ngày nay hết thảy chúng đệ tử Phật, xuất gia cũng như tại gia, cần phải tư duy chiêm nghiệm, tự trang bị cho mình nhận thức chân chính, để nhờ đó mà tăng trưởng tâm nguyện bồ đề, sức mạnh dũng cảm vô úy. Nếu không được như thế, cộng đồng Phật tử Việt nam sẽ chỉ hiện diện như những hội đoàn ô hợp đấu tranh theo quyền lợi thế tục, mà công phu hành trì, công việc Phật sự lại chỉ tập trung vào những hình thức bên ngoài và nghi lễ cúng bái.

2548 năm, giáo pháp của đức Thích Tôn được truyền bá lan dần từ Đông sang Tây, từ cận vùng Nam cực cho tới vành đai Bắc cực, bằng phương tiện duy nhất là thuyết giáo mà không bạo lực hận thù, chỉ thấm nhuần hương vị duy nhất là giác ngộ và giải thoát. 2000 năm lịch sử truyền thừa trên đất Việt, cũng thuần một hương vị duy nhất được hòa quyện bất khả phân bởi tinh hoa dân tộc và đạo pháp. Đó là ý nghĩa tồn tại, mà cũng là sứ mạng, của các cộng đồng Phật tử Việt nam trong đại khối cộng đồng dân tộc.

Năm nay, cũng như hằng nghìn năm trước, Tăng già và Phật tử Việt nam cúng dường ngày đản sinh của đức Từ phụ, đấng Đạo sư của chư thiên và nhân loại, bằng tín tâm thanh tịnh, bằng công hạnh tu trì được tích lũy, đốt nén tâm hương giới định huệ, cầu nguyện an lạc cho mình và cho nhiều người, ích lợi trong đời này và đời sau.

Kính thưa Chư liệt vị,

Ngay sau ngày Phật đản, là ngày Tăng già Việt nam, gồm cả hai bộ Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, kiết giới an cư theo truyền thống Bắc phương. Mặc dù do sự sai biệt phong thổ, lịch pháp và tập quán xã hội nên ngày tháng an cư của hai hệ truyền thừa Nam Bắc không đồng, nhưng tất cả đều dựa trên một nền tảng Tỳ-ni tạng, với những học xứ tương đồng của giới bốn Biệt giải thoát. Nhân dịp này, tôi kính gởi đến toàn thể Tăng già Việt nam, chư Đại đức tỳ kheo và tỳ kheo ni; gởi đến toàn thể bốn chúng đệ tử Phật, lời thăm hỏi và chào mừng ngày mới của Mùa an cư 2548 như là lời chúc tụng đầu năm trong đời sống đạo hạnh.

Mùa an cư, các chúng Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, trong từng trú xứ riêng biệt, cùng hòa hiệp và thanh tịnh trong đồng nhất trú xứ, và đồng nhất thuyết giới; là nền tảng phước điền cho các chúng đệ tử xuất gia cũng như tại gia, lấy đó làm y chỉ để tăng trưởng đạo lực, vun bồi gốc rễ phước lạc nhân thiên và đạo quả Niết bàn.

Cũng nhân đây, tôi xin nhắc lại bảy pháp bất thối mà đức Phật đã chỉ dạy mà chúng Tỳ kheo và tỳ kheo ni cần phải học tập, chấp hành; y chỉ trên đó mà tu trì để tăng trưởng đạo lực cho mình và đồng thời củng cố bản thể thanh tịnh và hòa hiệp của Tăng già, không bị lôi cuốn vào các sự nghiệp thế gian, không bị chi phối và sử dụng bởi các cộng đồng thế tục. Nguyên lai pháp bất thối được Phật công bố do bởi Đại thần Vũ Xá theo lệnh vua A-xà-thế thỉnh ý đức Phật về ý đồ xâm lược và trấn áp bộ tộc Bạt-kỳ, ý thị sức mạnh của Vương quốc Ma-kiệt-đà hùng cường. Nhân đó, Phật khiến A-nan tập hợp tất cả chúng tỳ kheo trong phạm vi thành Vương xá để nghe đức Phật công bố bảy pháp bất thối. Cũng như một dân tộc không bị đánh bại và khuất phục, nếu dân tộc ấy có đầy đủ bảy pháp bất thối; cũng vậy, chúng Tỳ kheo sẽ không thể bị khống chế bởi bất cứ sức mạnh dẫu hung tàn như thế nào của thế lực cường quyền, nếu chúng Tỳ kheo sống hòa hiệp bằng bảy pháp bất thối. Bằng vào ý thức tự giác, chứ không bằng vào sự cưỡng chế pháp luật, đức Phật công bố bảy pháp bất thối, mà Tăng trong một trú xứ nếu không y giáo phụng hành, chúng tỳ kheo ở đó chỉ là một tập thể ô hợp, nghĩa là như bầy quạ khi có lợi thì cùng tụ nhau lại kêu la inh ỏi, khi hết lợi thì tan tác bay đi.

Bảy pháp bất thối như sau:

Các tỳ kheo thường xuyên tập họp đúng theo các quy định bởi Luật tạng, để giảng luận Chánh pháp, chứ không phải tập họp để tuyên dương tán tụng sức mạnh quyền lực thế gian, khiến cho các tỳ kheo trong trú xứ cùng sinh hoạt hòa thuận.

Các tỳ kheo phải tụ họp trong tinh thần hòa hiệp không tranh chấp, giải tán trong tinh thần hòa hiệp không tị hiềm, nghi kỵ, và chấp hành các Tăng sự trong tinh cảm nhiệt thành.

Chúng tỳ kheo không tùy tiện quy định và ban hành những luật lệ không đáng được ban hành, không thích hợp; cũng không được tùy tiện sửa đổi, bãi bỏ những luật lệ đã được ban hành từ trước; sống đúng theo giáo huấn của Phật, và tùy thuận những gì mà Tăng già đã quy định, được truyền thừa qua lịch đại Tổ Sư.

Các tỳ kheo phải luôn tôn trọng, kính lễ các tỳ kheo trưởng thượng, mà phẩm hạnh và trí tuệ do công phu tu tập và học hỏi, xứng đáng là hàng Trưởng lão trong Tăng; luôn luôn nhiệt thành nghe những lời khuyến giáo của các tỳ kheo trưởng thượng như thế.

Các tỳ kheo sống không bị lôi cuốn vào những tham ái, những bận rộn thế tục.

Trú xứ của chúng tỳ kheo là những nơi nhàn tịnh, không phải là trú xứ tập họp để phục vụ các quyền lợi thế tục.

Các tỳ kheo sống an trú chánh niệm, tinh thức, tạo thành một cộng đồng thanh tịnh hòa hiệp, để cho các đồng phạm hạnh từ

những nơi khác chưa đến thì muốn đến, đã đến thì muốn an trú lâu dài để tu tập, cùng sống hòa thuận và an lạc.

Tư duy chiêm nghiệm bày pháp bất thối mà đức Thích Tôn đã trao truyền cho chúng đệ tử, những người Phật tử Việt nam không khỏi ngậm ngùi vì những mâu thuẫn bất hoà, tranh chấp, chia rẽ trong hàng đệ tử Phật. Sinh vào thời Pháp nhược Ma cường, hàng Thánh Tăng vắng bóng, Phật tử Việt nam cùng chung kết quả cộng nghiệp của dân tộc Việt nam, mà những dòng thác hung bạo của tranh chấp quyền lực quốc tế, của hận thù giai cấp, của đấu tranh ý thức hệ, đã ghi lại vô vàn vết tích đau thương trên đại khối dân tộc. Đức Phật đã dạy, chúng sinh là kẻ thừa tự của những nghiệp mà nó đã làm. Vậy, mỗi người trong chúng ta, Tăng cũng như tục, cần có thời gian lắng đọng tâm tư để thấy rõ trách nhiệm của từng cá nhân mình, vì đã không có đủ năng lực trí tuệ, không có đủ ý chí dũng mãnh, để cho ngọn đèn Chánh pháp được lịch đại Tổ Sư truyền trao qua 2000 nghìn năm lịch sử bỗng chốc bị lu mờ, khiến cho hầu hết những người con Phật không thấy rõ đường nào phải đi, không thể phân biệt đâu chánh đâu tà, đâu là sứ mạng của người tu học Phật và đâu là sứ dịch nô lệ của thế gian.

Kính thưa Chu liệt vị,

Ngày Phật đản, Phật tử chúng ta dâng nén tâm hương cúng dường mười phương chư Phật. Hương thơm giới định huệ dâng lên, nhưng khói bụi trần lao ô trược cũng đồng thời rơi vãi xuống. Vì vậy, chúng ta không nên chỉ nhìn lên làn khói cuộn

như mây lành năm sắc trong hư không mà quên không nhìn thấy bụi bấn rơi vãi trên bàn thờ. Mỗi khi dâng hương cúng Phật, hãy nhớ đừng quên quét dọn bàn thờ Phật cho thanh tịnh trang nghiêm; cũng đừng tự trói tay mình lại, hay để cho người khác trói tay mình lại, mà nhìn bụi bám đài sen càng lúc càng dày.

Vật có tụ thì phải có tán. Tâm người có khi hiệp thì cũng có khi lìa. Tăng chúng nay hiệp mai lìa, một phần cũng là quy luật của tồn tại. Nhưng bản thể thanh tịnh và hòa hiệp tạo thành tồn tại của Tăng mà đức Phật thiết lập thì không hề dao động, không hề biến đổi. Khi duyên hội, các pháp tự thành. Nhưng duyên hội không hoàn toàn ngẫu nhiên mà không có cộng đồng giao hưởng bởi tâm tư hay ước vọng của chúng sinh. Cho nên, trong mùa an cư năm nay, tôi thành tâm cầu nguyện uy lực Tam bảo gia trì hộ niệm cho bốn chúng đệ tử hội đủ thiện duyên, bỏ bớt dần những vọng tưởng trần lao, xa dần những bôn ba thế tục, chuyên tu giới định huệ, hướng tâm nguyện đến sự tồn tại chói sáng của Tăng già từ bản thể thanh tịnh và hòa hiệp. Có như thế, Phật pháp mới là nguồn suối an lạc, Tăng-già là tiêu chí cho một xã hội đạo đức và trật tự. Bốn chúng đệ tử Phật như thế cùng góp công đức kiến tạo thế giới hòa bình, cho dân tộc an lạc và tăng tiến.

Cầu nguyện cho tất cả chúng đệ tử Phật cùng học cùng tu, cùng tôn thờ một đấng Đạo Sư, cùng sống hòa hiệp như nước với sữa, như thế mới tìm thấy sự an lạc trong Chánh pháp.

Nam Mô Trung Thiên Giáo Chủ Điều Ngự Bốn Sư Thích Ca

Mâu Ni Phật.

*Tu Viện Nguyên Thiều. Phật Đản Năm Giáp Thân*

*Đệ Tứ Tăng Thống GHPGVNTN*

*Tỳ Kheo Thích Huyền Quang*

# XÂY DỰNG GIÁO HỘI

THÍCH HUYỀN QUANG và THÍCH NHẤT HẠNH

*(trích Chương 5, Đạo Phật Áp Dụng Trong Đời Sống Hàng Ngày do HT Thích Huyền Quang và Thiền Sư Thích Nhất Hạnh đồng tác giả. Sách xuất bản trước năm 1975)*

## **1. Đạo Phật Phù Hợp Với Đời Sống Mới**

Đạo Phật không thành lập trên những tín điều không thể kiểm chứng bằng thực nghiệm. Mỗi khi người ta hỏi Phật về những vấn đề siêu hình viển vông, ngài thường không trả lời họ mà chỉ khuyên họ trở về để tâm vào những vấn đề thực tiễn và thực nghiệm: Những khổ đau, những nguyên nhân tạo nên khổ đau và phương pháp diệt khổ tạo nên an lạc. Nhận thức Duyên Khởi, Tứ Diệu Đế và Bát Chính Đạo của Phật Giáo rất phù hợp với nhận thức của khoa học thực nghiệm. Không những thế, các giáo lý trên lại phù hợp hoàn toàn với nguyên tắc D N CHỦ, BÌNH ĐẲNG và TỰ DO. Theo nguyên tắc duyên sinh, vạn loại nương vào nhau mà sinh thành, tồn tại và phát triển, không ai có thể làm chủ vận mệnh của ai; ai cũng có những quyền làm người làm dân: Tinh thần này là bản chất của



đời sống dân chủ, tự do và bình đẳng. Ngày xưa Đức Phật thấu nhận vào giáo đoàn ngài tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc và giai cấp. Một ông vua theo ngài thì cũng ngồi ngang hàng với một người cùng đinh theo ngài. Phương pháp phá chấp và nguyên tắc tôn trọng sự sống của đạo Phật chứng tỏ đạo Phật rất tự do. Vì giáo lý đạo Phật phù hợp tinh thần khoa học thực nghiệm và vì giáo lý ấy biểu lộ tinh thần dân chủ, bình đẳng và tự do nên đạo Phật KHÔNG L M VÀO TÌNH TRẠNG KHÚNG HOẢNG ĐỨC TIN như một vài tôn giáo khác. Đạo Phật tuy rất cũ nhưng lại rất mới, phù hợp hoàn toàn với đời sống mới. Vì nhận thức như thế, nên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thấy mình có nhiệm vụ tiếp tục duy trì sự nghiệp của đạo Phật là xây dựng con người và xã hội Việt Nam. Ngôi chùa và giáo hội địa phương đối với xóm làng và khu phố cũng có trách vụ tương đương với giáo hội toàn quốc đối với đời sống quốc gia. Đạo Phật không muốn trở thành độc tôn, đạo Phật tôn trọng sự có mặt của các tôn giáo và quyết duy trì tinh thần hữu với mọi tôn giáo.

## **2. Mục Đích Đi Chùa**

Tới chùa, người Phật tử không những tới để lễ Phật, hộ niệm, cầu an và cầu siêu mà còn để học hỏi giáo lý và trao đổi kinh nghiệm áp dụng giáo lý vào đời sống. Cố nhiên sự học Phật phải nhắm đến hướng thực dụng: Người Phật tử không học Phật để nói ba hoa và khoe khoang về sự hiểu biết của mình. Nếu chùa, mà không cho cơ hội để học Phật, thì đó là một thiếu sót lớn. Ta phải làm thế nào để tại chùa có những lớp dạy

về đạo Phật hàng tuần, cho người lớn, cho thanh niên và cho trẻ em. Ta phải làm sao để xin thầy trụ trì (viện chủ hay giám tự) mời được một vị giảng sư. Giảng giáo lý cho trẻ em thì chúng ta có thể nhờ những đạo hữu, những thanh niên hay những huynh trưởng Gia đình Phật tử nào đã hiểu khá về giáo lý phụ trách. Muốn đi đúng tinh thần thực dụng của đạo Phật, chúng ta nên có những buổi đàm luận tại chùa về vấn đề áp dụng đạo Phật trong đời sống hàng ngày. Trong những buổi gặp gỡ như thế ta có thể trao đổi với nhau những kinh nghiệm về sự áp dụng giáo lý. Ta nên nhớ rằng giáo lý áp dụng được vào sự sống mới đích thực là giáo lý Phật giáo, còn giáo lý chỉ để đàm luận suông và không dính líu gì đến đời sống thì không phải thực sự là giáo lý đạo Phật. Một người học trường canh nông ra thì biết phép canh tác ruộng, một người học Phật chân chính thì biết áp dụng đạo Phật vào đời sống hàng ngày. Chùa phải tạo cho ta cơ hội để học Phật như thế.

### ***3. Học Theo Đại Bi, Đại Trí, Đại Nguyên***

Trong không khí thanh tịnh của chùa, người Phật tử tìm về tự tâm, soi sáng tự tâm để đạt đến sức mạnh tinh thần, đức bình tĩnh và lòng thương yêu. Là học trò của Phật, ta tới chùa không phải chỉ để lạy lục và cầu xin mà chính là để học theo hạnh nguyện của Phật. Hãy nhìn đức bồ tát Văn Thù Sư Lợi: Ngài là một con người có trí tuệ lớn nhờ học hỏi và chiêm nghiệm không ngừng. Hãy nhìn đức bồ tát Quán Thế m: Ngài là một người có tình thương rộng lớn, luôn luôn lắng nghe tiếng kêu bi thương của người khổ đau để tìm tới cứu độ. Hãy nhìn đức

bồ tát Địa Tạng Vương: Ngài là một con người có đạo nguyện sâu thẳm, quyết tâm lưu lại trong chốn khổ đau để cứu độ chúng sinh. Lạy Phật là để bày tỏ sự cung kính của đệ tử với một bậc thầy; nhưng lạy Phật không đủ. Phải học theo trí tuệ, từ bi và đại nguyện của Phật.

#### **4. Bảo Vệ Ngôi Chùa**

Đừng bao giờ đem sự tranh chấp lên chùa. Nếu có mâu thuẫn nào của một sự tranh chấp tại chùa thì phải tìm cách loại bỏ ngay. Hãy bảo vệ chùa: Hãy duy trì không khí trang nghiêm và thanh tịnh của chùa. Như thế, chùa có thể trở nên một môi trường cởi mở và bao dung, nơi đó ta có thể tạo nên sự đoàn kết và hòa giải giữa mọi người. Hai người hàng xóm giận nhau có thể làm lành lại với nhau khi gặp nhau tại chùa, nhất là khi có một người thứ ba có ý muốn hòa giải giữa hai người. Cô ba Tý là một Phật tử hòa giải rất khéo. Bà hai Hạt và thím Tám Ngọ mà vui vẻ với nhau là nhờ cô Ba Tý. Cô rất ngọt ngào với cả hai người. Bữa đó lên chùa cúng rằm tháng bảy, cô gặp cả hai người và mời cả hai người vào bếp để phụ cô nấu cỗ chay. Thế rồi không biết họ chuyện trò và làm việc chung như thế nào mà sau đó đến giờ lễ Phật ba người cùng đứng một hàng và khi ăn cơm chay thì cả ba bà rủ nhau ngồi chung một bàn. Đó, không khí của chùa là phải cởi mở dễ thương để tạo ra sự hiểu biết và hòa thuận.

#### **5. Xây Dựng Ngôi Chùa**

Ngôi chùa cần tượng trưng cho nền văn hóa tâm linh của đạo Phật. Chùa phải được kiến trúc trang nhã, không lòe loẹt và có

vẻ thợ mã, diễn tả được tinh thần bi trí dũng và tinh thần dân tộc. Cố nhiên không phải ai trong chúng ta cũng là kiến trúc sư dựng chùa, nhưng chúng ta có thể nói ý kiến của chúng ta cho thầy trụ trì và kiến trúc sư nghe. Ngôi chùa của chúng ta phải có tính chất Việt Nam, ta không thể bắt chước và vá víu một chút kiến trúc Tàu, một chút kiến trúc Thái Lan, một chút kiến trúc La Mã. Những nét kiến trúc phải biểu lộ được đức điềm tĩnh, hiền hòa mà thanh thoát. Khi nào có một ngôi chùa sắp xây, ta nên tìm dịp nói lên ước nguyện của ta. Muốn cho chắc thì nên thỉnh ý Giáo Hội Trung Ương về bản đồ kiến trúc chùa bởi vì Giáo Hội Trung Ương có liên lạc với những kiến trúc sư biết rộng về kiến trúc Phật giáo. Chùa phải được giữ gìn sạch sẽ, trang nghiêm và thanh tịnh. Ngoài những ngày có đại lễ, hội họp, chùa phải là nơi thanh tịnh để làm nơi sinh hoạt tâm linh. Làm thế nào để mỗi khi tâm hồn xáo trộn bất an, ta lên chùa thì sẽ nhờ không khí trang nghiêm thanh tịnh ấy mà tìm lại được an vui và trầm tĩnh.

Giữ gìn cho chùa cái không khí trang nghiêm thanh tịnh ấy không phải chỉ là bổn phận của thầy trụ trì mà còn là bổn phận của mỗi chúng ta nữa. Chú Bảy thường nói với các bà hay tới làm công quả cho chùa: *“Quý cô bác đóng góp công của vào công việc Phật sự thì công đức không thể kể xiết. Nhưng nếu quý cô bác còn giữ được cho chùa không khí trang nghiêm thanh tịnh nữa thì công đức lại còn lớn lao hơn”*. Ý của chú Bảy là quý cô bác thỉnh thoảng cứ đem chuyện tranh chấp dưới xóm ra nói và bình phẩm. Đáng lý đến chùa, ta chỉ nên nói chuyện xây dựng mà thôi.

## 6. *Ứng Hộ Phật Sự Của Chùa*

Có nhiều Phật tử sốt sắng đóng góp công của cho chùa chỉ vì niềm vui được thấy chùa mình khang trang đẹp đẽ. Một ngôi chùa đẹp và có đủ tiện nghi cho sự tu học đã đành là một chuyện quý, nhưng nếu ta đóng góp công của vào những dự án học hỏi, tu tập và phụng sự do chùa tổ chức, thì đó mới là thực sự xây dựng cho chùa. Chúng ta ai cũng thấy chùa đất Phật vàng là quý hơn chùa vàng Phật đất: Một ngôi chùa tráng lệ mà bên trong không có những sinh hoạt học tập giáo lý, những ngày tinh tu, những buổi lễ sám, những cuộc hội thảo đàm luận về phương pháp áp dụng đạo Phật trong đời sống thường nhật... một ngôi chùa như thế thì chỉ là cái vỏ trống không. Ta phải bàn tính với nhau. Trong trường hợp tại chùa không có thầy lãnh đạo, ta phải biết hợp nhau mà liên lạc với giáo hội tinh hay giáo hội trung ương.

## 7. *Phải Học Mới Thực Sự Biết Hành*

Ông Tư ở xóm Thượng luôn luôn nói rằng theo đạo Phật, ông chỉ cần tu tâm, làm lành lánh dữ là đủ. Ông nói như vậy thì không ai cãi ông được bởi vì chính đức Phật đã dạy: “Đừng làm các điều dữ, vâng làm các điều lành, gạt lọc tâm lý mình, là lời chư Phật dạy”. Nhưng ta cũng biết rằng ông Tư tuy nói đúng, nhưng điều ông Tư nói chính ông Tư cũng không hiểu. Làm lành lánh dữ, phải rồi, nhưng LÀM LÀNH là làm như thế nào, LÁNH DỮ như thế nào, nếu ta hỏi thì ông Tư không trả lời được. Lại còn TU T M nữa, ông Tư áp dụng phương pháp nào để tu tâm? Thật ra ông Tư chỉ nói để mà có nói chứ không thực

sự biết con đường tu tâm, làm lành lánh dữ. Cũng vì lý do đó mà ông Tư cũng cần đi chùa học Phật như các bà con khác.

Ở chùa Long Thành, các Phật tử hội họp để đàm luận về việc tổ chức quỹ tương trợ để giúp đỡ những người rủi ro bị bệnh tật và mất mùa. Đó là một cách LÀM LÀNH. Các Phật tử chùa Long Thành cũng bàn luận về việc bài trừ rượu chè cờ bạc trong xóm bằng cách tạo ra những môn giải trí lành mạnh. Đó là một hình thức LÁNH DỮ. Bớt ích kỷ, biết lo lắng cho lợi ích chung, biết nghĩ tới người khổ cực, tập hỷ xả không giận hờn, không cố chấp... đó là TU T M. Tất cả những điều đó cần phải học hành và thực tập có phương pháp mới có thể thành công. Đâu phải chỉ nói suông mà được. Chùa chính là trung tâm của sự học hành và thực tập giáo lý đạo Phật. Phật tử góp sức vào việc tổ chức những lớp giáo lý tại chùa cho mọi giới già cũng như trẻ. Phật tử lại tham dự vào những dự án nhằm áp dụng những điều đã học trong việc tu tinh tu tâm, cải tiến đời sống y tế, kinh tế, giáo dục và tổ chức của xóm làng hay khu phố.

### ***8. Phụng Sự Chúng Sinh Là Cúng Đường Chư Phật***

Có bao nhiêu là vấn đề trong thôn làng hay khu phố cần phải giải quyết. Nếu những vấn đề ấy đáng được xóm làng và khu phố giải quyết thì Phật tử nên tham dự góp công góp của vào những nỗ lực này. Nếu có những vấn đề giáo dục, vệ sinh, y tế và kinh tế cấp bách mà chưa ai nghĩ tới, chưa có cố gắng nào để giải quyết, thì Phật tử nên họp nhau tại chùa trong không khí thương yêu và trầm tĩnh để tìm ra những phương pháp và dự án giải quyết tốt đẹp trên tinh thần tự nguyện. Một khi chùa

khởi xướng, một công tác cải tiến và phát triển dù trong lãnh vực kinh tế giáo dục hay y tế, tất cả mọi Phật tử trong vùng phải tham gia tích cực và đẩy mạnh công tác cho đến thành công. Ta hãy nhớ lời Phật dạy: “Phụng sự chúng sanh tức là cúng dường chư Phật”. Trong trường hợp của chúng ta, chúng sanh không phải là ai xa lạ mà là bà con, cô bác trong xóm, kể cả chính chúng ta và con cháu chúng ta nữa.

Chùa Linh Phong tổ chức nhà giữ trẻ trong xóm. Không những nhà giữ trẻ thu nhận trẻ em con nhà Phật tử mà là thu nhận trẻ em các gia đình theo tôn giáo khác nữa. Phật tử chùa Linh Phong như thế đã thực hành được lời dạy lục hòa và bình đẳng của Phật. Chùa còn dự tính tổ chức hợp tác xã rau cải, và quỹ tín dụng. Đó, như thế ngôi chùa mới thực xứng đáng là nơi học tập và thực hành đạo Phật. Tuy nhiên các vị tăng si và Phật tử không muốn đặt văn phòng làm việc tại chùa, sợ chùa trở thành nơi náo nhiệt. Họ đặt trường học, văn phòng, vừa chứa hàng hóa ở những trụ sở khác, dành cho chùa không khí thanh tịnh trang nghiêm rất cần thiết cho chùa. Tuy vậy, ai cũng biết chùa là trái tim của mọi công tác áp dụng đạo Phật.

### ***9. Ủng Hộ Người Thực Hành Chánh Pháp***

Trong ý nguyện thực hành những lời Phật dạy. Phật tử nên biết kính trọng và hỗ trợ cho những vị tăng si có can đảm làm theo chính pháp và đáp ứng được những nhu cầu chân thực của con người trong xã hội mới. Vị tăng si nào cũng trải qua một thời gian ở tu viện hay Phật Học Viện, ở đó các vị tăng si học Phật, và thực tập phương pháp tu dưỡng tâm linh. Khi một

vị tăng sĩ rời tu viện đi hành đạo tại một địa phương, thì vị tăng sĩ đó chia thì giờ của mình làm hai phần: Một phần để tiếp tục công việc tu tâm thiền quán, một phần hướng dẫn Phật tử địa phương học Phật và áp dụng đạo Phật trong cuộc đời. Biết vậy ta nên kính trọng thì giờ tinh tu của vị tăng sĩ, bởi nhờ có thì giờ tinh tu đó mà vị tăng sĩ có khả năng lãnh đạo tinh thần cho địa phương. Nhưng công tác giảng dạy Phật pháp và hướng dẫn Phật tử địa phương học Phật và thực hành Phật giáo cũng quan trọng không kém. Có những vị tăng sĩ chỉ hướng dẫn Phật tử học Phật, tụng kinh, sám hối, cầu an và cầu siêu. Nhưng có những vị tăng sĩ lại tha thiết đến sự áp dụng đạo Phật trong đời sống hàng ngày ở gia đình, ở thôn làng và ngoài xã hội. Thỉnh thoảng ta gặp những vị tăng ni trẻ chuyên làm việc xã hội, biết tổ chức trường học, nhà giữ trẻ, lập hợp tác xã nông nghiệp vân vân... Giáo Hội Phật Giáo hiện đang chú trọng đem đạo Phật áp dụng vào cuộc đời để phát triển xã hội, nâng cao nhân phẩm và mức sống của người dân. Nếu ta thấy có những vị tăng ni biết thao thức thực hành đạo Phật vào xã hội, đó chính là vì họ đã học theo chủ trương tiến bộ của Giáo Hội. Chúng ta nên gần gũi và hỗ trợ họ. Trái lại có thể có một số tăng sĩ chỉ biết chiều đãi người cư sĩ mà không thể hiểu được tinh thần đạo Phật, xem đạo Phật như là một phương tiện sinh sống, ta không nên ủng hộ những vị này.

### ***10. Trách Nhiệm Về Hội Đồng Giáo Hội Trung Ương***

Ta phải tìm hiểu đường lối và công việc của Hội Đồng Lãnh Đạo Giáo Hội Trung Ương. Theo hiến chương của Giáo Hội



Phật Giáo, các cấp lãnh đạo Phật Giáo đều do Phật tử công cử Viện Tăng Thống do đức Tăng Thống lãnh đạo gồm có Hội Đồng Trưởng Lão, gồm nhiều vị đạo đức cao trọng trong toàn quốc, đại diện cho đức độ và sự lãnh đạo tinh thần của Giáo Hội Viện Hóa Đạo gồm có bảy tổng vụ, phụ trách các ngành tông sự, cư sĩ giáo dục xã hội, thanh niên, văn hóa và tài chính kiến thiết. Ta nên tìm hiểu cơ cấu tổ chức của Giáo Hội và đường lối của Giáo Hội để ủng hộ và để góp ý. Nếu ta nhận thấy Giáo Hội không đi con đường mà ta mong ước, ta nên tự do nói lên ý nghĩ của ta và tìm cách ảnh hưởng tới đường hướng của Giáo Hội.

Một trong những điểm của đạo Phật là tinh thần tự do: Mọi người Phật tử đều có trách nhiệm, bốn phận và quyền phát biểu và hành động. Bằng cách tham dự vào giáo hội địa phương, và đứng trên cương vị Giáo Hội địa phương, mọi người Phật tử đều có thể ảnh hưởng tới đường lối của Giáo Hội Trung Ương và do đó có thể thay đổi đường lối Giáo Hội Trung Ương. Sở dĩ ta có thể làm được như vậy chính là vì đạo Phật có tinh thần dân chủ và Giáo Hội đã được tổ chức như một cơ cấu dân chủ.

Ta nên tìm hiểu lập trường của Giáo Hội về hòa bình, về thống nhất, về xây dựng dân chủ và xã hội. Nếu đường hướng ấy chưa được rõ ràng với ta, ta sẽ yêu cầu các cấp Giáo Hội làm cho sáng tỏ hơn. Như vậy trong lúc tìm hiểu học tập, ta cũng xây dựng được cho Giáo Hội. Ta cũng cần đòi hỏi Giáo Hội những chương trình thực tiễn xây dựng về giáo dục cũng như

về xã hội, về thanh niên cũng như về tăng sự, để chúng ta có thể ủng hộ và cộng tác.

### **11. Dung Hợp Hòa Đồng**

Đạo Phật có nhiều pháp môn: Phật tử phải biết chấp nhận những quan điểm hành đạo khác với quan điểm hành đạo của mình. Phật giáo không những gồm có bắc tông nam tông mà còn được chia ra nhiều tông phái. Sự dị biệt đó là do những điều kiện tâm lý xã hội và kinh tế khác nhau. Tuy đạo Phật có nhiều phân phái, nhưng giữa các phái Phật giáo từ mấy ngàn năm nay từng có xung đột bao giờ. Đó là do ở tinh thần tự do và bao dung của đạo Phật. Áo vàng, áo nâu, nguyên thí, đại thừa, thiên tịnh độ, nhất sĩ, trú trì, ẩn sĩ, tác viên... có nhiều hình thái tăng sĩ Phật giáo khác nhau, có nhiều đoàn thể Phật giáo khác nhau. Phật tử nên tìm hiểu để thấy được cái hay của mỗi truyền thống, mỗi tổ chức để thấy được cái hay của mỗi truyền thống, mỗi tổ chức. Nhờ vậy chúng ta học được cái hay của nhau.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất gồm có cả Phật Giáo Đại Thừa và Phật Giáo Nguyên Thi. Hai truyền thống này đã từng chứng tỏ có thể cộng tác với nhau mật thiết trong khi mỗi truyền thống vẫn giữ được cách hành đạo của mình. Cố nhiên trong đạo Phật có nhiều khuynh hướng hành đạo khác nhau: Khuynh hướng chuyên về nghi lễ, khuynh hướng chuyên về thuyết giảng, khuynh hướng chuyên về ẩn cư, khuynh hướng chuyên về xã hội, vân vân... Ta nên làm thế nào cho các khuynh hướng ấy bổ túc cho nhau và tránh mọi tranh

chấp phê phán chỉ đem lại sự chia rẽ trong nội bộ Phật giáo.

## 12. Thái Độ Cởi Mở

Đối với những người không cùng tôn giáo. Phật tử cũng giữ thái độ cởi mở để tìm hiểu, đối thoại, thiết lập thông cảm và cộng tác với họ trong những chương trình phát triển ích nước lợi dân. Đạo Phật không phải là đạo hẹp hòi, cố chấp. Có nhiều người tự cho là Phật tử mà thật ra rất cố chấp, hẹp hòi còn hơn những người không theo đạo Phật. Điều đó cũng do thiếu sự học hỏi và thực hành giáo lý. Trong những dự án bài trừ mê tín, cờ bạc, rượu chè, trong những dự án trường học, nhà trẻ, hợp tác xã... ta nên trân trọng mời các bạn không cùng tôn giáo cộng tác. Nếu họ là người tốt và có khả năng ta có thể ủy cho họ những trách nhiệm lãnh đạo mà không cần ngần ngại gì.

Hôm ba mươi Tết các em thiếu niên Phật tử làng Cầu Kinh đi dán giấy hồng điều hình trái trám tại các nhà trong xóm. Những mảnh giấy hồng điều này có viết phước, lộc, thọ, đức, hòa, bi, trí... bằng chữ nhỏ, ý là để làm tươi cửa nhà và chúc tết luôn. Nhà nào cũng được dán hai mảnh hồng điều hai bên cửa ra vào, và nhà nào cũng hoan hỷ. Nhưng khi tới nhà bác Lê, một gia đình Công Giáo, các em ngần ngại. Không phải là các em muốn kỳ thị tôn giáo: Các em chỉ ngại mình là Phật tử mà dán giấy hồng điều chúc Tết nhà Công Giáo theo kiểu Phật giáo thì có làm phật lòng những người bạn Công Giáo hay không. Nhưng các em cũng không dám bỏ đi, bởi vì như thế thì tỏ ra kỳ thị tôn giáo. Các em đứng ở trước cổng một hồi lâu. Bỗng có một em nảy ra ý kiến: “Chúng ta phải vào và lễ phép

hỏi xem gia đình bác Lê có muốn dán giấy hồng điều chúc tụng không. Nếu muốn thì ta dán. Nếu không thì ta đi, như thế khỏi mang tiếng kỳ thị”. Kết quả là các em vào xin phép bác Lê và nói cho biết sự do dự của các em. Bác Lê rất thông cảm. Bác nói: “Các cháu khỏi phải dán, bác cảm ơn các cháu. Và tuy các cháu không dán, bác cũng thấy như các cháu đã dán rồi”. Thái độ của các em thiếu niên Phật tử ấy đã phản chiếu được tinh thần đạo Phật. Phật tử ấy đã phản chiếu được tinh thần đạo Phật.

Trong tình trạng xã hội ta, sự thông cảm và cộng tác giữa các tôn giáo rất cần thiết. Chúng ta hãy cố gắng phá vỡ thành kiến và sự sợ hãi giữa những người không cùng tôn giáo, và làm như thế ta phụng sự cho xã hội. Không những đối với những người không cùng tôn giáo mà đối với những người có nhận thức khác ta về cuộc đời cũng phải đối xử như vậy.

*Thích Huyền Quang và Thích Nhất Hạnh*

# XÂY DỰNG QUỐC GIA

THÍCH HUYỀN QUANG và THÍCH NHẤT HẠNH

(trích Chương 6, Đạo Phật Áp Dụng Trong Đời Sống Hàng Ngày do HT Thích Huyền Quang và Thiền Sư Thích Nhất Hạnh đồng tác giả. Viện Hóa Đạo GHPGVNTN xuất bản lần đầu năm 1973)

## 1. Việt Nam Trong Cộng Đồng Nhân Loại

Quốc gia Việt Nam là đại gia đình Việt Nam, có giới hạn lãnh thổ, nhân chủng, ngôn ngữ và văn hóa riêng. Quốc gia Việt Nam phải tự chủ tự cường và độc lập thì con người Việt Nam mới phát triển được tự do. Nhưng quốc gia Việt Nam không thể tồn tại trong thế cô lập và khép kín. Việt Nam phải thiết lập quan hệ bình đẳng với các quốc gia khác, hợp tác với các quốc gia khác để tự xây dựng mình và góp phần xây dựng cộng đồng thế giới. Đây cũng là một sự thực phù hợp với lý duyên sinh.

## 2. Năm Lấy Vận Mệnh Tổ Quốc Minh

Mọi sinh hoạt kinh tế và văn hóa đều có liên hệ đến chính trị. Phật tử cần biết về chính trị và tham gia vào đời sống chính trị của quốc gia, biết sử dụng quyền công dân và lá phiếu của mình để nắm lấy vận mệnh quốc gia. Tham dự vào đời sống

chính trị không có nghĩa là “ra làm chính trị”, tranh ghế bộ trưởng, ứng cử dân biểu, lập đảng này đảng nọ. Tham dự vào đời sống chính trị có nghĩa là đừng bỏ phỏ mặc tất cả cho các nhà chính trị. Phải tìm hiểu họ, tìm hiểu đường lối và hành động của họ để ủng hộ, chỉ trích và kiểm soát họ. Có như vậy ta mới xây dựng được dân chủ, nếu không thì ta sẽ mãi mãi nuôi dưỡng những chế độ độc tài. Trong tình trạng người dân không biết chính trị, không ý thức được quyền công dân, lá phiếu có thể không có ý nghĩa gì hết. Nhưng nếu người dân đã biết thế nào là dân chủ, đã biết được mình muốn gì, thì lá phiếu trở thành quan trọng. Các nhà chính trị sẽ tìm hết cách ngọt bùi để nói xuôi tai chúng ta và để ta bỏ phiếu cho họ. Ta phải đòi hỏi gì, ta có thể tin ở ai, đâu là những lời đường mật, đâu là những lời thực sự ích quốc lợi dân, ta phải biết. Ta phải nắm lấy vận mệnh của chính ta, của chính quốc gia ta.

### ***3. Dân Chủ Là Do Minh Xây Dựng***

Dân chủ không phải là một món quà từ trên trời rơi xuống, dân chủ phải được xây dựng từ từ. Khi đất nước bị ngoại bang thống trị, cố nhiên ta không có quyền dân chủ; nhưng không phải là khi đất nước độc lập, thì tự nhiên dân chủ hiện ra như một phép lạ. Ta phải xây dựng nó thì ta mới sử dụng nó; như là muốn có một công viên ta phải xây dựng công viên. Làm thế nào để xây dựng dân chủ? Ta xây dựng dân chủ bằng sự học hỏi, sử dụng và tôn trọng các quyền dân chủ. Dân chủ là một thứ kỷ luật do chính ta đặt ra để phục vụ cho ta. Lấy một ví dụ nhỏ mà xét: ba chục người đứng chờ ô tô buýt cùng chen nhau

lên xe một lần, người này đạp rách áo người kia, người kia chèn dẹp nón người nọ; làm bít cửa lên xuống, không ai lên mà cũng không ai xuống được, mất hết thì giờ mọi người. Dân chủ là nối một hàng chờ đợi, người đến trước đứng trước, người đến sau đứng sau. Khi xe buýt tới, đợi cho người trên xe xuống hết, người đứng đầu hàng mới bước lên. Quần chúng đi xe tự động làm như thế mà không cần có ai nhắc nhở tức là quần chúng biết hoạt động dân chủ. Dân chủ trong khi đi xe buýt, dân chủ khi vào tiệm chụp phô, dân chủ trong một buổi họp, dân chủ khi đi ngoài đường... bất cứ lúc nào ta cũng tôn trọng những thói quen tốt đẹp duy trì trật tự trong tinh thần bình đẳng và tự do. Vặn máy thu thanh nhỏ lại sau mười giờ đêm để đừng phiền rầy sự nghỉ ngơi của kẻ khác là dân chủ.

Học tập và thực hành được dân chủ trong sinh hoạt thường nhật, thì ta cũng sử dụng thật sự được những quyền căn bản: Tự do phát biểu, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tổ chức nghiệp đoàn, tự do đi lại. Ta có thể sử dụng tất cả những quyền dân chủ căn bản ấy nếu ta biết tôn trọng những quyền ấy của kẻ khác. Trong thời Pháp thuộc, và cả ngay bây giờ nữa, có nhiều người dựa thế thực dân và quan liêu để ép uổng, đàn áp và thanh toán kẻ khác, hay là để làm lợi cho mình. Chúng ta nên chống lại điều đó, và nếu chính ta có quen biết người có thể lực, chúng ta cũng không nương vào đó để chạy chọt cho quyền lợi của chúng ta. Bởi vì nếu làm như thế ta vi phạm quyền dân chủ.

#### *4. Không Nương Vào Ngoại Nhân*

Phật tử không dựa vào những thế lực ngoại bang để giành giật và củng cố địa vị mình trong xã hội Việt Nam. Cái nạn công rần cắn gà nhà, rước voi dày má tổ ấy, chúng ta chịu đã nhiều rồi. Người trong nước có chuyện gì cứ tự xử với nhau, đừng dựa vào các thế lực bên ngoài vào, dù trực tiếp hay gián tiếp, để nhằm củng cố địa vị mình. Có người Tây đến thì theo Tây, Nhật đến thì theo Nhật, Mỹ đến thì theo Mỹ, miễn là có địa vị sang giàu trong xã hội. Chúng ta hãy giáo dục con cháu chống đối và ghê tởm lối sống nhục nhã đó. Ngoại nhân còn đó thì những người kia còn phây phây, ngày mai ngoại nhân đi hết, liệu họ còn mặt mũi nào sống với đồng bào hay không?

### ***5. Kinh Tế Độc Lập***

Ngoại nhân có thể kiểm soát đất nước hoặc bằng quân sự hoặc bằng kinh tế. Chúng ta đừng vì lợi riêng mà đưa ngoại quốc vào kiểm soát đời sống kinh tế trong nước. Họ có vốn lớn, họ có kỹ luật hay. Nếu ta không khôn khéo, nếu ta nhắm cái lợi nhỏ trước mắt mà để họ dùng vốn lớn và kỹ thuật hay để nắm hết cơ sở kinh tế của quốc gia thì chúng ta chắc chắn sẽ bị họ kiểm soát.

### ***6. Chính Trị Vượt Trên Đảng Phái***

Phật tử nên theo đảng phái và đường lối chính trị nào? Phật tử không có óc phe phái, không làm chính trị phe phái, và biết vượt lên trên phe phái để phụng sự đất nước. Phe phái được nhận định như những phương tiện thực hiện một đường lối chính trị, nhưng lắm khi các phe phái chống đối nhau thanh toán nhau chỉ vì quyền bính. Phật tử đứng ngoài phe phái,



khuyến khích sự thi đua của các phe phái trong mục đích phụng sự dân tộc. Cái gì đúng và hay, chúng ta đều phải tán thành, dù là của phe này hay phe nọ, đó không có sự bóc lột, kỳ thị, bất công và quân phiệt. Ai làm được gì trong chiều hướng đó, ta đều khuyến khích. Ai đi ngược chiều hướng đó, ta đều chống đối.

### ***7. Không Chờ Đợi Không Phó Mặc***

Nhiều người trong chúng ta cứ hay có thái độ phó mặc tất cả cho chính quyền, và khi chính quyền bất lực thì ta tỏ vẻ thất vọng... Chúng ta đừng nghĩ chính quyền là vạn năng muốn làm gì cũng được, bởi vì nghĩ như thế một mặt ta trở thành bất động. Nguyên tắc Phật giáo, như ta đã biết, là tự thấp đức lên mà đi. Chúng ta trong địa vị người dân, có thể làm được gì? Chúng ta trong hợp quần lại, nỗ lực xây dựng thôn xóm và khu phố ngay từ bây giờ, bắt đầu bằng những kiến thức và những phương tiện eo hẹp ta hiện có. Thấy được những phong trào bất bạo động nhằm thực hiện việc phá bỏ giai cấp, cải cách ruộng đất, tái phân lợi tức, phát triển kinh tế, bảo vệ tự do tín ngưỡng, bảo vệ tự do ngôn luận, ta phải tham dự và ủng hộ. Chỉ có cách mạng xã hội bất bạo động dựa trên tình thương và sự tự nguyện mới phù hợp với đạo Phật. Phật tử chống lại những hành động tàn sát, khủng bố thanh toán lẫn nhau, dù những hành động này mang danh cách mạng.

### ***8. Lãnh Thổ Vẹn Toàn***

Việt Nam là một nước lãnh thổ không thể chia cắt. Sự phân chia đất nước là niềm đau của mọi người công dân. Phật tử nên

nỗ lực xây dựng kinh tế và dân chủ để một mai này tiến tới sự thống nhất lãnh thổ. Phật tử giáo dục con cái không phân biệt bắc trung nam, yêu tổ quốc Việt Nam và nhớ mãi mọi người dân nam trung bắc là người cùng một nước, phải đùm bọc che chở cho nhau. Mọi người dân đều hướng đến xây dựng một quốc gia độc lập, trung lập, không liên kết quân sự với bất cứ khối nào. Như vậy ta sẽ không còn bị kéo vào thế lực tranh chấp đổ máu.

### ***9. Không Chấp Nhận Chiến Tranh Giữa Người Việt***

Là Phật tử, là công dân Việt Nam, ta không thể chấp nhận chiến tranh giữa người Việt với người Việt, dù bất cứ với lý do nào. Bài học “gà một mẹ bơi mặt đá nhau” ta phải học thuộc, phải cho con cháu thuộc nằm lòng để đừng bao giờ lại tái diễn những vụ cốt nhục tương tàn nữa.

### ***10. Đạo Hòa Bình***

Đạo Phật là đạo hòa bình. Phật tử phải tranh đấu cho hòa bình, để bảo vệ hòa bình. Phật tử ủng hộ đường lối hòa giải những thế lực và quân sự Việt Nam, nỗ lực dung hợp các ý thức hệ và biết đặt sự sống và quyền sống đồng bào lên trên mọi tranh chấp ý thức hệ. Giáo lý đạo Phật với chủ trương từ bi và phá chấp không cho phép Phật tử nuôi dưỡng căm thù với người cùng một nước, không cho phép người cùng một nước giết nhau vì những ý thức hệ khác nhau, trái lại phải tìm hiểu và cảm thông với nhau trên nguyên tắc “kiến hòa đồng giải” và “ý hòa đồng duyệt” để đi đến sự dung hòa nhận thức và sống chung hòa bình.

### **11. Đồng Bào Thiểu Số Là Anh Em Ruột Thịt**

Đối với đồng bào của các sắc tộc thiểu số, Phật tử không nên vì sự hiền lành hay chất phác của họ mà lợi dụng. Không được kỳ thị chủng tộc, phải đối xử với họ một cách hoàn toàn bình đẳng.

GIÁO TỪ  
ĐẠI HỘI HUYNH TRƯỞNG GDPT  
VIỆT NAM KỲ VII, 1970

THÍCH HUYỀN QUANG

- Kính thưa ông Phó Tỉnh Trưởng, đại diện ông Tỉnh Trưởng.
- Kính thưa quý vị quan khách,
- Cùng toàn thể anh chị em H.Tr trong GDPT toàn Quốc.

Kính thưa quý vị,

Thay mặt Thượng Tọa Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, lời đầu tiên là chúng tôi cầu chúc Đại Hội thành công tốt đẹp và chào mừng Huynh Trưởng các cấp về tham dự.

Thưa quý vị,

Những gì đáng nói và cần nói, quý vị đã được nghe ở bài diễn văn phát biểu trước. Đứng trước khung cảnh huy hoàng này và trước mặt các Huynh Trưởng Đại Diện GDPT Toàn Quốc tôi có vài cảm nghĩ lưu ý nhân danh giáo quyền Trung Ương.

Thưa quý vị,

GHPGVNTN ra đời đã được 6 năm bầy tháng tròn. Giáo Hội

ra đời, đã hãnh diện nhận lãnh một gia tài vô giá mà các giáo hội tiền nhiệm đã để lại. Gia tài đó không phải là tiền bạc, nguồn lợi, hoặc quyền thế mà tôi muốn nói đến một tổ chức lan rộng từ thành thị đến thôn quê, từ miền xuôi lên miền ngược, già trẻ lớn bé sang hèn đều có mặt. Trong tập thể đó có một cơ cấu ra đời gần 30 năm nay và có màu sắc đẹp đẽ, một thế hệ trẻ trung sống lành mạnh trong một sứ mạng cao quý. Chúng tôi muốn nói đến thế hệ của các anh các chị. Thế hệ GDPT hậu thân của tổ chức Gia Đình Phật Hóa Phổ được sáng lập bởi đạo hữu Tâm Minh tức Bác Sĩ Lê Đình Thám. Đến đây tôi xin dành một phút để tưởng nhớ và ghi ơn các vị đã sáng lập cũng như xây dựng cơ sở căn bản buổi đầu tiên mà nay đã chết hay đang lâm vòng lao lý.

Thưa quý vị,

Nhân đại hội hôm nay tôi muốn lưu ý Ban Tổ Chức, anh Vụ Trưởng và Ban Hướng Dẫn phải làm thế nào để sự phát triển của tổ chức được điều hòa. Sự giáo dục phải được đầy đủ và sinh hoạt phải đều đặn với bất cứ hoàn cảnh địa phương như thế nào. Nếu tổ chức to lớn cùng khắp mà kỷ luật không có, sinh hoạt không đều, lãnh đạo không vững thì tất cả những gì vạch ra chỉ ở phạm vi giấy tờ mà thôi. Giáo Hội đã và đang tin tưởng sự trưởng thành vượt bậc của tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Hôm nay nhân lễ khai mạc Đại Hội Huỳnh Trưởng Toàn Quốc, tôi thay mặt Thượng Tọa Viện Trưởng có lời chào mừng Anh Chị Em đã không quản khó nhọc xa xôi từ bốn phương

về đây họp mặt đầy đủ. Tôi ước mong rằng, sự đông đủ này chưa đủ và sự đông đủ sẽ đi xa hơn. Đó là vạch một chương trình một hướng đi cụ thể thích hợp với tầm tay của chúng ta. Trong hoàn cảnh của Giáo Hội của đất nước đó mới là quan trọng.

Kính chúc Đại Hội thành công.

Kính chào quý vị.

# YÊU SÁCH CHÍN ĐIỂM NHÀ CẦM QUYỀN HÀ NỘI

của Hòa Thượng Thích Huyền Quang

1. Trả lại cho Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất quyền sinh hoạt bình thường trong pháp luật nhà nước, như trước năm 1975.

2. Nhà nước phải chịu trách nhiệm và trả lời:

a. Về cái chết của Hòa thượng Thích Thiện Minh, Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo tại Nhà công an thành phố Hồ Chí Minh năm 1978;

b. Về vụ 12 Tầng Ni Phật giáo tự thiêu ngày 2.11.1975 tại Thiền Viện Dược Sư ở Cần Thơ;

c. Về các chùa chiền và tượng Phật bị đập bỏ để xây cơ sở khác lên.

3. Trả tự do cho tất cả Tăng Ni, Phật tử, các nhà văn, nhà báo, các nhà chính trị, v.v... đã bị giam giữ lâu ngày không xét xử, hoặc xét xử bất công. Tôn trọng tự do tôn giáo và quyền làm người của những ai đã bị tước đoạt, trong đó có tôi và chư vị Thích Quảng Độ, Thích Đức Nhuận, Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí

Siêu (Lê Mạnh Thát) v.v... và các Tu sĩ các tôn giáo khác.

4. Trả lại tất cả tự viện, các cơ sở văn hóa, từ thiện v.v... của Giáo hội chúng tôi, từ trung ương đến địa phương, đã bị Nhà nước và Giáo hội do Nhà nước dựng lên chiếm dụng phi pháp hơn 11 năm qua. Kể cả các tự viện ở Miền Bắc bị Nhà nước chiếm dụng sau 1945.

5. Phục hồi quyền sinh hoạt của Giáo hội chúng tôi với các chi bộ Phật giáo Hải ngoại như trước năm 1975.

6. Yêu cầu Nhà nước đưa nội vụ tôi từ năm 1945 đến 1992 ra xét xử trước pháp luật. Không thể nhốt tôi mãi mà không xét xử.

7. Minh bạch hóa việc giam giữ các tu sĩ Phật giáo, trong đó có tôi, để trả lại hơn 20.000 lá thư của các tổ chức Nhân quyền, Dân chủ từ u, Mỹ, Úc, Á, gửi đến Hà Nội trong thời gian qua.

8. Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất sẵn sàng góp sức mình trong việc xây dựng đất nước theo truyền thống dân tộc. Nhưng không thể thực hiện việc này dưới sự điều khiển của một chế độ còn xem tôn giáo là kẻ thù, và thường xuyên nhúng tay can thiệp, kiểm soát nội bộ tôn giáo.

9. Tôi nguyện sẽ hiến thân này cho Đạo pháp và Dân tộc, khi thấy rằng sự khổ nhục đã đến lúc không cho phép tôi chịu đựng hơn nữa.

*Quảng Ngãi, ngày 25.6.1992*

***Hòa thượng Thích Huyền Quang***

Quyền Viện trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN



# GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VIỆN HÓA ĐẠO

Số II-56/VPLV-VHĐPL. 2537-Quảng Ngãi, ngày 20.11.1993

## TUYÊN CÁO

của QUYỀN VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN HÓA ĐẠO-GHPGVNTN

- Xét rằng, chủ nghĩa Cộng sản do chủ tịch Hồ Chí Minh mang về từ Liên Xô năm 1930. Về sau, khi đã thiết lập chính quyền Vô sản, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đi theo đường lối giáo điều, cố tín, hướng cuộc đấu tranh tiêu diệt hai kẻ thù chính yếu của ý thức hệ Mác Lê: Tôn giáo và Đế quốc Tư bản. Sau 70 năm thi hành chủ trương này, sự sụp đổ của Liên Xô, mẫu quốc của các nước XHCN, là bằng chứng thất bại hiển nhiên trong việc đem lại no cơm ấm áo, tự do và đạo đức cho nhân dân. Tiếc rằng Đảng Cộng sản Việt Nam không tiếp thu được bài học thất bại ấy để thay đổi chính sách tại Việt Nam, khiến cho hiện trạng đen tối, đói nghèo, áp bức của các nước XHCN tiếp diễn tại Việt Nam;

- Xét rằng, Đảng và Nhà nước CHXHCNVN tuy gọi kêu mở cửa kinh tế, phát triển thị trường tự do. Nhưng lại để cho tham vọng độc quyền và đặc lợi của một cơ chế nhà nước bóp chết sự phát triển của thị trường tự do. Ngày nay, nạn tham nhũng được nuôi dưỡng bởi giới tham quan ô lại nhà nước. Có cho phép báo chí phê phán nạn tham nhũng đấy, nhưng lại cấm

phê phán cơ chế chính trị đẻ ra nạn tham nhũng, đặc trưng của nhà nước XHCN. Chế độ XHCN tại Việt Nam là tổng thể những gì tệ hại nhất của xã hội cộng sản ở Liên Xô, Đông u cũ và xã hội tư bản thô lỗ. Đến như cơ quan có tính đại diện quần chúng là Quốc hội cũng chỉ là nơi diễn tập một chiều những chỉ thị và nghị quyết do Đảng đề xuất. Dân bị bịt họng vì không có dân biểu độc lập;

- Xét rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam xu phụ nước ngoài chịu xóa bỏ hận thù, làm thân với ngoại thù trước kia là đế quốc tư bản. Nhưng đối với Tôn giáo trên lãnh thổ Việt Nam, đảng vẫn tiếp tục đàn áp. Không ý thức rằng hậu quả của các cuộc đàn áp này làm tiêu hủy mọi mầm mống đạo đức, quan niệm chân thiện mỹ, và tình nghĩa Việt Nam. Những nền tảng tâm linh thăng hoa và hướng thiện cho con người trầm luân nơi xã hội suy đồi ngày nay;

- Xét rằng, mục tiêu đàn áp tôn giáo nói chung, giải thể Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) nói riêng, khởi phát từ sau ngày 30.4.1975 không thành. Nên năm 1981, Đảng và Nhà nước thay đổi chiến lược bằng cách tạo dựng một Giáo hội công cụ và tay sai để dùng người của Phật giáo đánh phá Phật giáo theo chính sách chia để trị;

- Xét rằng, không một thế quyền nào tự nhận là dân tộc lại có thể làm chuyện phi dân tộc là khai tử GHPGVNTN. Trong khi ấy, bản Chúc Thư thiêng liêng của Cố Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu để lại, dặn dò ba nhiệm vụ Phật giáo đồ phái hoàn tất: a) Hòa thượng trao quyền lãnh đạo Hội đồng Lương

viện cho hàng giáo phẩm cao cấp của Giáo hội, b) chỉ thị việc tổ chức Đại hội kỳ 8 của GHPGVNTN bị gián đoạn từ năm 1977 vì chính sách đàn áp Phật giáo của nhà nước, và c) điều hành Phật sự trong giai đoạn mới đối với quần chúng Phật tử, đặc biệt đối với bộ phận hải ngoại của Giáo hội ở khắp năm châu;

- Xét rằng, toàn thể Phật giáo đồ trong và ngoài nước nói chung, GHPGVNTN nói riêng, đã nhất tề thực hiện sự thống hợp giáo đoàn và giáo thể theo bức Thông điệp ngày 31.10.1991 của Cố Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu kêu gọi Tăng Ni, Phật tử thực hiện tinh thần Thống nhất, Đoàn kết và Hòa hiệp trong giai đoạn mới của Phật giáo. Thực hiện Chúc Thư do Ngài để lại, Văn phòng Lưu vong Viện Hóa Đạo GHPGVNTN đã viết “*Đơn xin cứu xét nhiều việc*”, tức “*Yêu sách Chín điểm*”, ngày 25.6.1992 gửi đến sáu cơ quan nhà nước CHXHCNVN. Đại cương bản yêu sách này đòi phục hồi quyền sinh hoạt của GHPGVNTN; hoàn trả các cơ sở chùa viện, văn hóa, giáo dục, xã hội... bị nhà nước xung công và cưỡng chiếm sau năm 1975; trả tự do cho tất cả các Tăng Ni, Phật tử bị bắt giam trong các nhà tù, trại cải tạo hay quản thúc, vì “*tội*” đòi hỏi quyền tự do tôn giáo và nhân quyền; và minh bạch hóa việc Công an TP Hồ Chí Minh tra khảo đến chết Hòa thượng Thích Thiện Minh năm 1978. Thế nhưng, ngoài việc Đảng và Nhà nước nhiều lần cử những cán bộ cao cấp vào Quảng Ngãi tiếp xúc với Văn phòng Lưu vong Viện Hóa Đạo để trao đổi những nguyên nhân tranh chấp, cho đến nay nhà nước CHXHCNVN chưa đáp ứng bất cứ điểm nào do Giáo hội đề ra qua văn thư nói trên;

- Xét rằng, chẳng những không giải quyết những yêu sách của GHPGVNTN, nhà nước CHXHCNVN còn đi sâu vào việc khủng bố, bắt bớ Tăng, Ni, Phật tử, ngăn cấm tổ chức lễ Tiểu tường Cố Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu trung tuần tháng Tư 1993, và tung chiến dịch bôi nhọ Chúc Thư của Cố Đại lão Hòa thượng trên khắp mặt báo chí, truyền thanh, truyền hình của nhà nước. Trầm trọng hơn, hai tài liệu “Mật” số 125/TUĐV của Ban Dân vận Đảng Cộng sản Việt Nam do ông Trưởng ban Phan Minh Tánh ký ngày 17.8.92 và “Tuyệt Mật” của Bộ Nội vụ-Công an Quảng Trị do Đại tá Trương Hữu Quốc ký ngày 18.8.92 chỉ thị thẳng tay đàn áp GHPGVNTN, tức Giáo hội Ấn Quang. Hai tài liệu này đã được Liên đoàn Quốc tế Nhân quyền và Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam đệ trình Ủy ban Nhân quyền Liên Hiệp Quốc ở Genève tháng 2 năm nay như một bằng chứng của chính sách đàn áp và tiêu diệt GHPGVNTN của nhà nước CHXHCNVN. Cho đến nay, Phái đoàn của nhà nước Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc chưa bao giờ lên tiếng phủ nhận hai tài liệu ấy;

- Xét rằng GHPGVNTN trong thực tế Việt Nam, kế thừa nền Phật giáo dân tộc từ 20 thế kỷ qua, đại diện cho 80% quần chúng Việt Nam. Trên pháp lý, GHPGVNTN đã thống hợp sáu tập đoàn Tăng Ni và Cư sĩ đại diện khắp ba miền Bắc, Trung, Nam tại đại hội toàn quốc ở chùa Từ Đàm Huế ngày 6.5.1951, thành lập “Tổng hội Phật giáo Việt Nam”, tiền thân của GHPGVNTN. Gọi là Tổng hội vì dưới thời Pháp thuộc, Dự số 10 cấm nền Phật giáo dân tộc không được dùng danh

xung Giáo hội, trên pháp lý chỉ được hiện hữu như một hiệp hội. Tuy nhiên cuộc tranh đấu bảo vệ Chánh pháp và yêu sách tự do tôn giáo của Phật giáo đồ khởi phát từ tháng 5 năm 1963 đã thành công hủy bỏ Dự số 10, phục hồi danh xưng và hoạt động cổ truyền của Giáo hội, tức GHPGVNTN, tại đại hội Phật giáo đầu năm 1964. Bởi vậy, từ Dự số 10 cho đến các Nghị định về tôn giáo lập ra sau ngày 6.5.1951 đều vô giá trị đối với thực tại cũng như pháp lý của GHPGVNTN;

- Xét rằng, cuộc đấu tranh bất bạo động, hợp lý, hợp pháp và có chính nghĩa của GHPGVNTN từ hơn một năm qua đã được sự hậu thuẫn của quần chúng Phật tử trong và ngoài nước cũng như dư luận và chính giới quốc tế. Điển hình là cuộc biểu dương bất bạo động của 40.000 Phật tử và nhân dân thành phố Huế ngày 24.5.93 và sự lên tiếng hậu thuẫn của các Chính phủ, Quốc hội u, Á, Mỹ, Phi, Úc, Quốc hội u châu, của Liên Hiệp Quốc, Liên Đoàn Quốc tế Nhân Quyền, Tổng Liên đoàn Lao động Hoa Kỳ AFL-CIO, các Tổ chức Nhân quyền, n xá Quốc tế, các Tôn giáo bạn, cũng như các Đoàn thể tôn giáo và chính trị trong Cộng đồng Người Việt Hải ngoại... Sự kiện không thể chối cãi, vì chính Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã chứng kiến khi đi công du Úc châu và u châu. Tất cả các chính quyền gặp gỡ Thủ tướng đều yêu sách trả tự do cho các Tăng sĩ Phật giáo và phục hồi quyền sinh hoạt của GHPGVNTN;

Xét rằng, thay vì chấm dứt chính sách đàn áp Phật giáo để thực hiện lời kêu gọi “*Xóa bỏ mặc cảm, xóa bỏ thù hận, nhìn về tương lai*” và “*Mọi người Việt Nam, bất kể giai cấp và tầng lớp, dân*

tộc và tôn giáo, bất kể quá khứ trước kia ra sao, dù từng giữ chức vụ gì trong chế độ cũ, hãy đứng vào khối đại đoàn kết toàn dân” mà Thủ tướng Võ Văn Kiệt và ông Tổng Bí thư Đỗ Mười tuyên bố nhân dịp Tết nguyên đán năm nay, thì trái lại, nhà nước CHXHCNVN ngày càng đi sâu vào con đường chia rẽ dân tộc, can thiệp vào nội bộ Phật giáo, khủng bố, bắt bớ các Tăng Ni, Phật tử các cấp thuộc GHPGVNTN;

- Xét rằng, dù Phật giáo là mũi dùi đàn áp kịch liệt và tang thương nhất, nhưng các tôn giáo bạn ở Việt Nam như Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Tin Lành, Cơ Đốc, v.v. cũng chung chịu cảnh đàn áp, kỳ thị. Điển hình gần nhất là vụ Nhà nước ngăn cản việc phong chức Giám quản Tông tòa TP. Hồ Chí Minh của vị Giám mục Huỳnh Văn Nghi; Xét rằng, công cuộc tái thiết quốc gia Việt Nam, tái hồi đạo đức dân tộc trong một xã hội vong thân đạo lý và khủng hoảng văn hóa, đưa dân thoát khỏi tình trạng nghèo đói, nô lệ, đòi hỏi sự góp công tham gia của mọi tầng lớp dân chúng, mọi gia đình tôn giáo và chính trị. Nhưng chủ trương độc tài chính trị và độc tôn đảng trị là lực cản con đường tiến thủ của dân tộc một cách hiểm độc. Con đường mà tiền nhân đã đổ biết bao xương máu khai phá và gầy dựng;

Từ những nhận thức trên đây về hiện trạng Phật giáo bị khủng bố, đàn áp nói riêng, và toàn thể nhân dân bị đánh bật ra khỏi vai trò tái thiết xứ sở nói chung, nay Tuyên cáo trước quốc dân đồng bào và dư luận thế giới:

1. Phật giáo Việt Nam là một thực thể dân tộc. Từ bình minh

của lịch sử Việt đã có đóng góp lớn trong việc dựng Nước, khai dòng Văn hiến, có kế thừa sau trước, từ lịch đại Tổ sư đến các Bồ tát tứ đạo, mà GHPGVNTN là sự truyền thừa chính thống và đại diện duy nhất của toàn thể quần chúng Phật tử Việt Nam. Trên bình diện quốc tế, GHPGVNTN là thành viên sáng lập phong trào Phật giáo Quốc tế tại Colombo thủ đô Tích Lan năm 1950, mang tên “Liên hữu Phật giáo Thế giới”. Không một tổ chức Phật giáo nào khác, do tư nhân hay thế quyền thiết lập cho những mục tiêu sai khác với Hiến chương của GHPGVNTN, có thể thay thế hoặc điều khiển GHPGVNTN trong việc hướng dẫn Phật sự cho Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước và đại diện Phật giáo Việt Nam trên trường quốc tế;

2. Hành động gần đây của Đảng Cộng sản và Nhà nước CHXHCNVN, qua tay Ban Tôn giáo Chính phủ và Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, đối với Văn phòng Lưu vong Viện Hóa Đạo GHPGVNTN và Quyền Viện trưởng Viện Hóa Đạo, vừa phản Hiến pháp, phi pháp luật, vừa vi phạm Công ước về Quyền Công dân và Quyền Chính trị của Liên Hiệp Quốc mà nhà nước CHXHCNVN là thành viên và đã ký kết tôn trọng;

3. Đảng và Nhà nước CHXHCN phải khởi sự ngay tiến trình dân chủ hóa chế độ bằng cách để cho xã hội công dân hình thành, thông qua các quyền cơ bản như quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, tự do lập hội... Một trong những nét đặc điểm của nền văn minh Việt Nam là đức hạnh. Hai mươi thế kỷ qua, nhân dân Việt Nam là một tổ hợp của quần chúng có tín ngưỡng. Các lực lượng tôn

giáo, trong có Phật giáo, hiện tập trung đông đảo nhất các tầng lớp nhân dân, với khả năng vô song để thực hiện việc hóa giải thù hận và tái thiết đất nước sau 50 năm chiến tranh thừa sai cho cuộc tranh chấp lưỡng cực quốc tế. Do đó, đàn áp tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng, là tiếp diễn cuộc chiến tranh lạnh lỗi thời, đồng lúc phá hoại tiềm lực dựng xây tổ quốc. Phải chấm dứt ngay chính sách đàn áp GHPGVNTN;

4. Chủ trương “*Xóa bỏ mặc cảm, xóa bỏ thù hận, hướng về tương lai*” của Đảng và Nhà nước không thể ngù li trên diễn văn mang tính chiến thuật hầu đánh lừa dư luận quốc tế về cái gọi là “*đổi mới kinh tế*” và “*ổn định chính trị*”. Một quốc gia tôn trọng nhân quyền và dân chủ lành mạnh là một quốc gia có đối lập. Đối lập để xây dựng, để ngăn ngừa các khuynh hướng cực đoan độc tài, tạo sự tham gia bình đẳng và đồng đẳng của toàn dân. Áp dụng chính sách đàn áp và khủng bố tôn giáo cũng như các đoàn thể chính trị đối lập, Đảng và Nhà nước CHXHCNVN chỉ ổn định được bộ máy cai trị theo chế độ toàn quyền, nhưng không khởi động được sinh lực phát triển của dân tộc. Phải thoát ly diễn văn, thực hiện “*Xóa bỏ mặc cảm, xóa bỏ thù hận*” trong hành động cụ thể và qua chính sách tôn trọng nhân quyền được pháp luật bảo vệ. Đối với quần chúng Phật tử, hãy tức khắc trả tự do cho các hàng giáo phẩm, Tăng Ni, Phật tử thuộc GHPGVNTN bị tù đày, cải tạo, quản thúc từ 1975 trở đi. Nếu họ có tội, thì phải đưa ra xét xử công minh và công khai trước quần chúng và báo chí quốc tế, với sự biện hộ của Luật sư Việt Nam hay quốc tế do họ chọn lựa.



5. GHPGVNTN yêu cầu Nhà nước công khai xử lại vụ án Huế theo quy định của luật pháp và đúng với tiêu chuẩn quốc tế, ghi trong bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và các Công ước của Liên Hiệp Quốc. Cuộc xử các Đại đức Trí Tụ, Hải Tạng, Hải Thịnh, Hải Chánh và những Phật tử thuộc GHPGVNTN ở Huế ngày 15.11.93 vừa qua, pháp luật không ngồi vai chánh án, công an thay vai biện hộ của Luật sư mà Giáo hội đề cử. Bốn ngày trước vụ xử, nhiều Bộ Ngoại giao Tây phương muốn cử quan sát viên về Huế theo dõi, nhưng nhân viên Bộ ngoại giao ở Hà Nội đã nói lừa rằng vụ xử được dời lại chưa biết đến lúc nào. Ngày xử báo chí không được tham dự, hãng thông tấn AFP bị cấm tới, ba Luật sư Pháp, do Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền chỉ định theo lời Giáo hội yêu cầu, không được cấp chiếu khán lên đường về Huế biện hộ cho các Đại đức. Sự phản đối rầm rộ trên dư luận quốc tế đối với vụ xử mờ ám này là những lời tố cáo hùng hồn và khách quan về một Nhà nước phi pháp quyền. Điển hình là các lời tố cáo đến từ Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền tại Pháp, các Thượng Nghị sĩ Hoa kỳ Bill Bradley và Robert Kerrey, Thượng Nghị sĩ Avebury đại diện cho 130 Thượng Nghị sĩ và Dân biểu thuộc Lưỡng viện Quốc hội Vương quốc Anh, Tổng Liên đoàn Lao động Hoa Kỳ AFL-CIO, Ban Đặc lãnh Nhân quyền Quốc hội Hoa Kỳ gồm 200 Dân biểu, Tổ chức Nhân quyền Hoa kỳ Asia Watch, Chủ tịch Ban Nhân quyền Quốc hội u châu, v.v...;

6. Một Nhà nước Pháp quyền phải tôn trọng tam quyền phân lập, không để cho một đảng nào chỉ huy nhà nước. Nguyên nhân của các cuộc đàn áp liên miên những phong trào quần

chúng mà chẳng có cơ quan pháp lý nào kiểm soát, xử lý, là tình trạng độc tài chính trị và độc tôn đảng phái. Do đó, yêu cầu nhà nước CHXHCNVN thực hiện nền dân chủ pháp trị bằng ba hành động cụ thể: Bỏ điều 4 trên bản Hiến pháp hiện hành như hành động cụ thể thứ nhất, để toàn dân được phép tham gia kiến quốc; Bầu lại Quốc hội với sự tự do tham gia ứng cử và bầu cử của toàn dân, trong có mọi khuynh hướng chính trị và tôn giáo, như hành động cụ thể thứ hai, để quốc hội là quốc hội của dân chứ không là quốc hội của đảng; Viết lại bản Hiến Pháp phù hợp với nguyện vọng về nhân quyền và dân chủ của toàn dân qua các đại biểu độc lập của họ, và cũng để thích nghi với xu thế tiến bộ của thế giới ngày nay, mà phương châm đang thực hiện khắp năm châu là cộng tác để cộng sinh. Cần quét sạch những tàn dư lệ thuộc quá khứ phong kiến, thực dân, quốc tế phân tranh, mở ra trang sử mới cho dân và nước. Cần nói rõ là bỏ điều 4 trên Hiến Pháp hiện hành không có nghĩa là loại trừ hay tiêu diệt đảng Cộng sản. Chỉ xóa bỏ tính chất độc tôn độc quyền làm những điều sai lầm gây nguy hại cho đất nước. Một cơ chế dân chủ thực sự trong tương lai phải là nơi tập hợp của mọi thành phần dân chúng, mọi khuynh hướng chính trị hay tôn giáo. Đua tranh phục vụ nhưng không tương tranh tiêu diệt. Hòa hiệp phát triển nhưng không sát phạt thủ tiêu. Trước khi thành đảng viên cộng sản hay bất cứ đảng nào khác, người ấy là một người Việt Nam. Lấy quan điểm Việt Nam có chiều dài văn hiến năm nghìn năm làm cơ sở cho mọi cuộc gặp gỡ, đối thoại, cộng tác mà mục tiêu chính yếu là làm cho nước Việt Nam tồn vững, văn minh và

cường thịnh trong cộng đồng nhân loại;

7. Sự sụp đổ của chủ nghĩa và chế độ XHCN tại các nước Liên Xô cũ và Đông u đến từ nguyên nhân nội tại của luật đào thải, chứ không do ai bên ngoài gây ra trước. Chủ nghĩa và chế độ này cũng đang trên đà hoại diệt tại Việt Nam vì những lý do nội tại trong nội bộ đảng, chứ không do ai hay thế lực nào khác. Chạy trời không khỏi nắng, như nhà Phật quan niệm có sinh thì có diệt. Tuy nhiên, nếu sáng suốt và hành động kịp thời, Đảng và Nhà nước CHXHCNVN có thể tránh khỏi một cuộc trả thù ghê gớm của nhân dân. Bởi vì Đảng và Nhà nước đã gây quá nhiều khổ đau tang tóc cho đồng bào quần chúng từ bốn mươi năm hơn. Muốn thế, Đảng và Nhà nước CHXHCN phải gây nhân lành từ bây giờ. Nhân lành ấy là để cho Phật giáo và các tôn giáo lớn tự do sinh hoạt tôn giáo, hầu chặn đứng sự phát triển thù hận và suy thoái đạo đức đang hoành hành tâm địa mọi tầng lớp xã hội Việt Nam ngày nay. Không có lực lượng hóa giải hận thù nào khác tại Việt Nam ngoài các tôn giáo. Hiện nay, “Diễn biến Hòa bình” là điều Đảng và Nhà nước vô cùng sợ hãi. Dù kinh hãi và tìm cách ngăn chặn đến đâu, thì Hòa bình, tức an lạc tinh thần và ấm no thể xác cho quần chúng, cũng từ từ diễn biến tới mảnh đất quê hương này. Thử nghĩ xem, có phải “diễn biến hòa bình” vẫn hơn là “diễn biến chiến tranh” không? Thế thì tại sao lại sợ, mà không vui vẻ chào đón và chấp nhận như một Sứ giả của sự cộng tác và hòa hiệp dân tộc để cộng sinh trên giải đất quá thương đau hơn ba trăm năm rồi, từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh đến hai thời mất nước và nội chiến?

8. Đối với quân nhân Hoa kỳ mất tích trong chiến tranh, trước kia họ là kẻ tử thù của Đảng và Nhà nước CHXHCN. Nhưng nay họ được công nhận như bạn, nên Đảng và Nhà nước gia công ngày đêm tìm kiếm, báo cáo thành khẩn với chính phủ Hoa Kỳ. Đây là hành động đáng khen, đáng ca ngợi, vì thể hiện “xóa bỏ thù hận”, là đức tính từ bi của nền văn hiến Việt. Tuy nhiên, với người dựng nước lã thì thế, còn với con dân đất nước thì sao? Hàng triệu binh sĩ hai miền Nam Bắc vùi thân trong chiến trận, nơi rừng thiêng, sông lạch, biển cả, biên giới, như thập loại chúng sinh, có được tìm kiếm không? Gia đình họ có được báo tin, an ủi, bồi thường xứng đáng không? Ngoài kẻ tử sĩ, còn hàng triệu thương binh hai miền, số phận họ và con em họ có được nhà nước chiếu cố không? Đây không còn là vấn đề trả nghĩa theo truyền thống dân tộc có từ thời Vua Hùng, mà còn là sự tôn trọng linh quyền của người chết, mà tục thờ cúng Ông Bà và nhớ ơn các đấng anh hùng vị quốc vong thân đã được nhân dân ghi xương khắc cốt. Đối với thành phố Huế, các vị tướng lãnh và chính trị viên cầm quân Cách Mạng tấn công năm Mậu Thân đã viết bài, viết sách thú nhận những lỗi lầm tàn sát dân lành. Nay đến lượt Đảng và Nhà nước phải công khai sám hối với nhân dân thành phố Huế về những hầm chôn tập thể mà quân đội và lực lượng địa phương Cách Mạng là tác giả. Sám hối trước những gia đình nông dân bị bức tử trong thời Cải cách Ruộng Đất và phục hồi nhân phẩm cho gia đình, con cháu họ. Hãy tổ chức một Ngày Sám Hối Toàn quốc để tạ lỗi và hướng vọng tới những vong linh vô tội bị chết oan, bị bức tử. Vừa sám hối với người chết, vừa

nguyện hứa lo cho người sống được sống người;

9. Trung ngôn nghịch nhĩ. Nếu lời Tuyên cáo hôm nay làm cho Đảng và Nhà nước phẫn nộ, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, trong có tôi, can cứu Thích Huyền Quang bị quản thúc không lý do tại Quảng Ngãi từ năm 1982 và chưa bao giờ được xét xử, xin lãnh hết mọi trách nhiệm. Chúng tôi chỉ sử dụng quyền tự do ngôn luận mà Hiến pháp của nhà nước CHXHCNVN công nhận. Tuy nhiên, nếu Đảng và Nhà nước CHXHCNVN muốn trừng phạt, thì xin hãy đưa chúng tôi ra một phiên tòa công khai có quần chúng và báo chí quốc tế tham dự, với sự biện hộ của Luật sư quốc tế, mà ngay giây phút này tôi xin nhờ Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền tại Paris chỉ định và lo liệu biện hộ cho chúng tôi, nếu một mai tôi bị truy tố ra tòa;

Cũng kể từ giây phút bản Tuyên Cáo này được công bố, nếu có gì bất trắc xảy ra cho thân thể tôi, hay xảy tới ngôi chùa Hội Phước ở Quảng Ngãi nơi tôi bị quản thúc từ năm 1982 và nơi GHPGVNTN đặt Văn phòng Lưu vong Viện Hóa Đạo, thì trách nhiệm này hoàn toàn thuộc Đảng Cộng sản và Nhà nước CHXHCNVN. Vì hiện nay Công an nhà nước canh gác, kiểm soát nghiêm mật quanh chùa, nội bắt xuất ngoại bắt nhập, không cho tôi liên lạc với bất cứ ai. Ai tình cờ đến thăm tôi đều bị công an theo dõi, bắt giữ, khám xét hành trang và tra hỏi. Đây là hoàn cảnh tôi bị lâm vào kể từ biến cố Huế ngày 24.5.1993.

Nhân Tuyên Cáo này, tôi xin ngỏ lời tri ân các Chính phủ,

Quốc hội các nước u, Á, Mỹ, Phi, Úc, Quốc hội u châu, Ban Đặc lãnh Nhân quyền (Human Rights Caucus), Ban Nhân quyền Lương viện Quốc hội Vương quốc Anh, các cơ quan Liên Hiệp Quốc, Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền, Tổng Liên Đoàn Lao động Hoa Kỳ AFL-CIO, các Tổ chức Nhân quyền và n Xá Quốc tế, các cơ quan truyền thông, hãng thông tấn, báo chí quốc tế đã ưu ái lên tiếng truyền thanh, hậu thuẫn cuộc tranh đấu cho tự do tôn giáo và nhân quyền mà GHPGVNTN phát khởi tại Việt Nam từ hơn một năm qua. Mặt khác, GHPGVNTN quốc nội và hải ngoại không bao giờ quên công đức của Cộng đồng Người Việt Hải ngoại qua các tổ chức tôn giáo, đảng phái, hiệp hội, báo chí khắp thế giới, đã tích cực và tự nguyện đóng góp mọi mặt hỗ trợ Phong trào Giải trừ Pháp nạn do GHPGVNTN và quần chúng Phật tử trong nước phát động.

Mong tất cả chư liệt vị tiếp tục cuộc hỗ trợ cho tới ngày dân tộc Việt Nam đạt được tự do tôn giáo, nhân quyền và dân chủ đích thực.

**Tỳ Kheo Thích Huyền Quang**

*Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN*

*(ký tên và đóng dấu)*

*Bản sao kính gửi:*

– Ông Võ Văn Kiệt, Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCNVN, Hà Nội, do Văn phòng II Viện Hóa Đạo đặt tại Hoa Kỳ chuyển đạt với thư kèm. Vì tất cả mọi cơ quan, văn phòng của Giáo hội trong nước đã bị phong tỏa triệt

đề; “Để kính trình việc”;

– Ông Tổng Thư ký LHQ, do Văn phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ chuyển đạt, “Để yêu cầu cứu xét và can thiệp hữu hiệu hơn”;

– Quý vị lãnh đạo các Chính phủ, các Quốc hội, các Tôn giáo, các Tổ chức Nhân quyền, n Xá Quốc tế, các Tổ chức Nghiệp đoàn và các Cơ quan truyền thông, hãng thông tấn, báo chí quốc tế, do Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế của GHPGVNTN đặt tại Paris chuyển đạt; “Để xin tiếp tục hỗ trợ”;

– Chư Liệt vị Giáo phẩm cao cấp, trung cấp lãnh đạo Giáo hội quốc nội và hải ngoại

“Để thay báo cáo và yêu cầu nghiên cứu, khai thác và tùy nghi làm việc”;

– Lưu chiếu tại Văn phòng Lưu vong Viện Hóa Đạo tại Quảng Ngãi

# TANG LỄ HÒA THƯỢNG THÍCH ĐÔN HẬU (VÀI MẢNH KIM CƯƠNG)

MAI TƯỜNG

## D I HUẤN

Trước lúc nhập Niết bàn, đức Thế Tôn nói kinh Di giáo, tiên liệu cả hàng nghìn năm sau nên lời dạy của Ngài vô cùng thậm thâm vi diệu. Mỗi lời mỗi ý chứa đựng biết bao tình lý, mỗi lần đọc chúng ta nhận cảm trọn vẹn lời di giáo tha thiết của Ngài.

Lời di huấn của Hòa thượng Đôn Hậu để lại cho Thất chúng đệ tử mà có lẽ cũng cho tất cả chúng ta. Đến Linh Mục không ai là không đọc lời Di Huấn này, kể cả những người không biết chữ cũng lắng tai nghe nhờ người khác đọc giúp. Điều đáng quan tâm là lời Di huấn này Hòa thượng viết từ năm 1988, bốn năm trước khi viên tịch, Ngài đã nhìn thấy rất rõ ràng những gì có thể xảy ra trong Tang lễ của Ngài và cần huấn thị lại cho minh bạch, và, cũng chính vì “Lời di huấn” này mà:

**VIỆC CỦA AI?**



Về lý thì việc của ai nấy lo, về tình thì chung vai gánh vác là điều đáng quý, nhưng cũng nên tùy việc, lời Di huấn của Hòa thượng thật rõ ràng. Tại sao lại có một ban lễ tang được áp đặt và công bố trên báo, trên đài để tạo nên một hiếu lầm chua chát cho người mới viên tịch! Trách gì môn đồ pháp quyến có thái độ cứng rắn với nhà nước, với Giáo hội này. Cũng phải thôi, đền nhà ai nấy sáng, nháy vào làm trái ý của Hòa thượng lúc sinh tiền. Và cũng vì vậy nên:

### **SẢN SÀNG TỰ THIÊU**

*“Đa tạ nhà nước đã thương tưởng ôn tui, cảm ơn Giáo hội đã niệm tình lo giúp. Nhưng xin các ngài đừng làm gì trái với LỜI DI HUẤN ‘của ôn tui’”*. Đó là lời phát biểu của thầy Trí Tụ. Hòa thượng Nhật Liên tuyệt thực, thầy Trí Tụ mua sẵn 20 lít xăng. Không khí căng thẳng suốt mấy ngày đầu của tang lễ cho đến ngày 26 tháng 3 âm lịch khi một ban tổ chức Tang lễ do Hòa thượng Mật Hiến làm trưởng ban thành hình không khí mới trở lại bình thường.

### **HẠT CHÂU NHỎ XUỐNG, NIỀM TIN KHOI NGUỒN**

Tự nhiên, trang trọng, xúc động tự tâm canng khi Hòa thượng Huyền Quang xuất hiện trước linh đài, trong thế quỳ thành kính, Hòa thượng nói qua nước mắt: *“Hòa thượng viên tịch GHPGVNTN đã mất một vị lãnh đạo tối thượng, một mất mát lớn lao của PGVN. Chúng con, người chết đã âm thầm lặng lẽ ra đi, người sống thì vào tù ra khám, có người phải bôn tẩu xa quê hương tìm đất dung thân, nhưng ai cũng nương vào Hòa thượng, trông cậy vào Hòa thượng để khôi phục lại Giáo hội... Giáo hội ta còn đó, tiềm*

*lực ta còn đó, tinh thần yêu nước thương dân của Giáo hội vẫn nguyên vẹn, nhưng hoàn cảnh nghiệt ngã chúng ta đã im lặng mười mấy năm qua. Nay Hòa thượng mất, khó khăn ai chung lo, gánh nặng ai khuân vác? Ngay cả việc con ra đây để viếng tang Hòa thượng cũng muôn ngàn trở ngại, nhưng, dù gian lao thử thách, chúng con vẫn quyết tâm, vẫn bền chí nối gót Hòa thượng, làm theo nguyện ước của Hòa thượng”.*

Lời tâm sự của Hòa thượng Huyền Quang nói với Giác linh Hòa thượng Đôn Hậu với những giọt nước mắt, nước mắt của cả con tim, của những con người thương dân tha thiết, mến đạo vô vàn. Các Ngài đang nói với nhau, đang truyền cho nhau hơi thở... Mấy trăm người chứng kiến, mấy trăm cõi lòng thổn thức, mấy trăm mạch sống được khơi nguồn.

Một vòng quanh Kim quan, từng bước, Hòa thượng Huyền Quang đến sát và gập mình cúi xuống hôn lên kim quan, tình thương tha thiết đạo tình bao la, buổi chiều đầu hạ oi bức, im lặng trang nghiêm, chỉ nghe tiếng nức nở ầm ục xúc động phát nhẹ chung quanh linh đài, cảm xúc đến lạnh người—cấp lãnh đạo, các Ngài đã khơi nguồn cho chúng con lẽ sống!

## **TRIỆU TRIỆU TẮM LÒNG**

Từ các công nhân Phật tử nhà máy Uông Bí, mỏ than Nông Sơn, các Phật tử Hải Phòng Hà Nội, Hà Nam Ninh vào đến Minh Hải, Kiên Giang, Sóc Trăng, Thốt Nốt, xe lớn xe nhỏ, lặn lội trong nắng gió, vượt núi băng đèo hàng ngàn cây số tìm về Linh Mục viếng tang Ôn. Cảm động làm sao, khi xuống xe, mồ hôi nhễ nhại, từ Đà Lạt về với mấy tạ lê ghim, từ Sài Gòn ra

với mấy thùng mì gói, từ Quảng Trị vào với mấy chục quả mít non, tất cả là cả tấm lòng, lòng thương kính đối với Ôn. Tăng Ni ở Huế, Phật tử ở Đà Nẵng, Thừa Thiên... Từng đoàn, từng làn sóng người đổ về Linh Mục, từng khuôn hội, từng huyện hội, các Tổ đình, y hậu vàng tươi dưới nắng, áo lam hiền dịu trang nghiêm, từng ánh mắt trao nhau, những búp sen tay chấp ngay trước ngực, câu A Di Đà Phật râm ran, tiếng máy phóng thanh nhẹ nhàng thanh thoát, các cơ quan đoàn thể tuần tự vào viếng tâng. Không kèm trống, không điệu văn, không chia buồn, không ca tụng, trống liễn treo la liệt, vòng hoa thiết trí khắp nơi, khói trầm lan tỏa, ngào ngạt hương hoa, khung cảnh oai nghi đượm nhuần văn hóa. Một lễ tang thấm tinh đạo vị, chan chứa tình người.

### **GIA ĐÌNH PHẬT TỬ THÂN THƯƠNG**

Ngay từ đầu, Gia đình Phật tử đã đảm nhận tiểu ban An ninh trật tự, một công việc đòi hỏi sự hy sinh chịu đựng, một kỹ thuật tổ chức điều hành khó nhọc mới hoàn thành được trách nhiệm. Tổ chức GDPT quả không hổ danh là “Hậu duệ của Giáo hội”. Khuôn viên chùa Linh Mục khá rộng, các em phải thay phiên canh gác suốt ngày, tuần tra suốt đêm, và đã phát hiện kịp thời vài tên đạo chích đột nhập lúc 2 giờ sáng, sau vài lời khuyến thiện rồi thả cho đi.

Đặc biệt, lễ phúng điệu của GDPT Việt Nam đã quy tụ non ngàn Huynh trưởng và đoàn sinh ngành Thiếu, hàng ngũ chính tề, xuất phát ở chùa Từ Ân, cách Linh Mục hơn 1km, vòng hoa khá độc đáo, kỹ thuật cũng như mỹ thuật rất công

phu có thể để được hàng năm mang dòng chữ *PHÁP ÂM THẤY CÒN MÃI* ở dưới ghi rõ dòng chữ *GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM*.

Nghe đâu, chỉ với danh hiệu này, ban tổ chức đã rất e ngại, vì tổ chức GDPT không có trong Hiến chương mới. Nhưng, một thực thể một thành phần nòng cốt trong mọi sinh hoạt của Phật Giáo Việt Nam suốt nửa thế kỷ qua, GDPT không kể công thì thôi chứ nào đã có tội gì với Tổ quốc, với Giáo hội? Có lẽ thấy rõ được điều này nên chư tôn đức và chính quyền tỉnh Thừa Thiên đã nhất trí xướng danh chính thức để GDPT đi viếng Tang Ôn.

### **XIN ĐỪNG VÌ SỰ TƯỚNG**

Mỗi ngày, có hàng chục trưởng liễn của các đơn vị Giáo hội, các chùa, các cơ quan, các Tổ đình phúng điệu, ban trần thiết khá mệt nhọc công sức để trao lên vừa có tính mỹ quan vừa đúng Tôn ti trật tự.

Trên cao, chính giữa Long vị trước Kim quan có bức nghi của Hội đồng lưỡng viện Tăng Thống và Hóa Đạo với bốn chữ *ĐẠO THỌ TÂY THUY* rất xứng hợp với ban linh đài uy nghi trang trọng, phía sau kim quan là di ảnh của cố đại lão Hòa thượng và trên tường là bức nghi bốn chữ *PHẬT TIỀN HIỆN TH N* của hội đồng trung ương GHPGVN mới, ban trần thiết cũng dẫn đo suy tính kỹ lưỡng trước khi treo lên. Thế mà, các ông cư sĩ có chức trong Giáo hội trung ương mới lằng xằng, khiếu nại, suy diễn, chỉ chỏ tứ tung làm nhiều người tác ý không tốt. Cũng may, Đại đức Trưởng ban trần thiết và Đại

đức Trí Tụ giữ vững lập trường mới không xảy ra những điều đáng tiếc. Cái bệnh danh tướng của chúng sanh sao mà nặng nề quá vậy! Cũng cần thành thật thêm đây một lời khuyên: “xin quý vị cư sĩ có chức ấy hãy nhớ câu ông bà ta dạy con cháu lúc mới lên ba là ‘ăn xem nôi, ngồi xem hương’ ai lại chen vào giành đi trước trong hàng ngũ chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức tăng trong lễ di quan, dù có chức gì chẳng nữa cũng là cư sĩ cũng Phật tử tại gia thôi, thưa quý vị”.

Hãy nhìn kỹ trong ảnh, trong phim để thấy hai bộ âu phục đen thui chen giữa hai hàng y hậu vàng rực mới thấy cái lỗ bịch của bệnh danh tướng này. Sớ di, kê hèn này ghi vào đây một chấm đen để tự răn đe mình và những người thân thích.

### **BIẾT LÀM GÌ HƠN**

7 giờ sáng ngày 30 tháng 3 Nhâm Thân. Ba câu biểu ngữ viết trên ván ép với nội dung “Chúng tôi tuyệt thực để thỉnh cầu nhà nước CHXHCNVN nên tôn trọng lời DI HUẤN của THẦY chúng tôi”, biểu ngữ không treo mà được dựng đứng trước linh đài và hai bên Kim quan, gần 30 Tăng Ni đã im lặng ngồi tuyệt thực tại chỗ.

Thì ra, buổi họp ngày 29 tháng 3 không giải quyết được gì, vì hai ý kiến mâu thuẫn: Phía môn đồ thì tuân hành tuyệt đối DI HUẤN của Hòa thượng Bổn sư. Phía nhà nước thì muốn đọc diếu văn tán dương người quá cố. Riêng Giáo hội Thừa Thiên thì đã đồng ý là không đọc tiểu sử của Hòa thượng nữa, nên môn đồ đã đánh lễ ghi ơn. Và đến 5 giờ chiều thì chư Tăng Ni đã dẹp biểu ngữ chấm dứt tuyệt thực vì nhà nước đã hứa không

đọc diếu văn mà chỉ xin 2 phút để cụ Nguyễn Hữu Thọ nói một vài câu cho trọn tình với Hòa thượng. Sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, có lẽ, một nhịp cầu cảm thông đã mở.

### **KHÔNG CHO CŨNG VẤN...**

14 giờ ngày 30 tháng 3 âm lịch. Trời vẫn còn nắng gay gắt, máy phóng thanh ai đã cất giấu tự bao giờ, ban tổ chức vắng bóng, nhưng môn đồ pháp quyến y hậu chính tề và mấy trăm Phật tử đã tụ trước linh đài. Hai hàng rào danh dự mỗi bên sáu hàng người đã tự động sắp xếp khi nghe tin Viện Hóa Đạo viếng tang dù ban tổ chức đã có thư văn chính thức không đồng ý. Tiểu ban tiếp tân đã hướng dẫn sáu phái đoàn của sáu chùa ở Sài Gòn đứng sẵn ở sân nhà hậu tổ cùng với Đại diện chư Tăng Ni các tỉnh sung vào với phái đoàn Viện Hóa Đạo. Hai chiếc lọng vàng do hai vị Tăng y hậu chính tề đứng chực sẵn ở cửa. Đúng 2 giờ 5 phút Hòa thượng Huyền Quang xuất hiện, không ai báo ai, không một hiệu lệnh hay khẩu hiệu, mọi người quỳ rạp xuống đất, chứng tỏ một niềm chí thành tôn kính tuyệt đối vào cấp lãnh đạo.

Trước linh đài và hai bên kim quan trên 30 Tầng Ni trong môn đồ quỳ xuống đánh lễ nghinh đón.

Hòa thượng Huyền Quang, nhân danh VIỆN HÓA ĐẠO đánh lễ trước kim quan và tâm sự, đại ý:—Đáng lẽ tang lễ này Viện Hóa Đạo phải đứng ra đảm trách, lo liệu chu đáo hơn, nhưng hoàn cảnh trở trêu, chúng con không lo được, xin Hòa thượng tha thứ.—Đã lo tang lễ không được mà muốn diếu tang người ta vẫn tìm cách cản trở, Viện Hóa Đạo xem sự cản trở

này là phi pháp, nên Viện Hóa Đạo vẫn cứ điếu tang.—Về phía chính quyền tại sao lại vẫn cứ muốn xen vào sinh hoạt nội bộ Phật giáo? Xen vào tang lễ làm trái Di Huấn của Hòa thượng. Năm 1981 đã nấn lên một Giáo hội mới để làm phân hóa và chia rẽ Phật giáo, làm cho tăng tín đồ điêu đứng không ít, đã công khai tiếm đoạt các cơ sở của GHPGVNTN, làm cho Giác linh Hòa thượng không được yên lòng trước khi viên tịch. Vì vậy, trước Giác linh Hòa thượng chúng con nguyện tiếp tục sự nghiệp của Ngài, tiếp tục lãnh đạo GHPGVNTN sinh hoạt như cũ. Hoàn cảnh có khó khăn, phương tiện có thiếu hụt, nhưng chúng con và Phật tử còn có niềm tin, còn có khối óc, Viện Hóa Đạo sẽ làm tròn sứ mệnh. Xin Giác linh Hòa thượng gia hộ và chứng minh.

Sau cùng, nhân danh VIỆN HÓA ĐẠO trao đến môn đồ pháp quyến số tiền mười triệu (10.000.000đ) để lo tang lễ thật chu đáo, sau đó thiếu bao nhiêu, Viện Hóa Đạo sẽ cung ứng đầy đủ.

### **MỘT TRANG SỬ MỚI, CHƯA BIẾT VIẾT GÌ**

Đại đức Hải Tạng, từ sau kim quan đi tới trang trọng với chiếc khay nhỏ phủ lụa vàng, quỳ xuống trình thưa: “*Khi bốn sư chúng con mới ngã bệnh, đã lo lắng cho tiền đồ của Giáo hội, dặn chúng con trao tận tay Hòa thượng chúc thư gửi Hội đồng Lương viện và ấn tín của VIỆN TẶNG THỐNG. Tuân lệnh Tôn sư, cơ duyên đã đến, chúng con kính mời Hòa thượng Nhật Liên đại diện môn đồ pháp quyến dâng lên Hòa thượng Phó Viện Trưởng VIỆN HÓA ĐẠO chúc thư và ấn tín này, để quý Ngài trong Hội đồng Lương*

viện tùy nghi xử liệu. Chúng con chỉ biết làm theo DI HUẤN của Tôn sư”.

Hòa thượng Huyền Quang quỳ xuống đánh lễ, mắt rơm rớm lệ, đưa tay nhận chúc thư và ấn tín đội lên đầu tỏ lòng tuân chỉ, nghẹn ngào chẳng nói được lời nào, với trọng trách thiêng liêng... Im lặng và im lặng—Đạo bốn vô ngôn—Phật giáo Việt Nam lật qua một trang sử mới, tặng tín đồ hãy viết vào đó những câu, những chữ bằng khối óc và con tim chân chính của mình.

### ĐIỂM HỘI TỤ

Tối ngày 30 tháng 3, lượng người về chùa Linh Mục càng lúc càng đông, người ta nối tiếp nhau vào lễ Ôn (sở dĩ chúng tôi nói người ta vì số người đến lễ Ôn không chỉ thuần túy là Phật tử mà gồm có nhiều thành phần kể cả những người khác tín ngưỡng mà kính mến Ôn hay những người đến thi hành bổn phận cũng bị cuốn hút vào khung cảnh trang nghiêm thành kính chung mà phát tâm lễ bái). Tối 30 tháng 3 quá đông vì hai lý do rõ rệt: Một là chỉ còn đêm cuối. Hai là sự xôn xao trong dư luận quần chúng chư Tăng Ni tuyệt thực suốt ngày và thái độ có thể tiến xa hơn. Có điều đặc biệt là đông đảo mà không ồn ào, không ai điều khiển mà vẫn trật tự.

Tình cờ, cái duyên đưa đẩy, có hai thanh niên đến bên thùng nước uống, gặp tôi, sáu mắt nhìn nhau, ánh đèn nê ông bắt dưới tàng cây đủ để chúng tôi thấy rõ mặt nhau, một thanh niên vừa múc nước uống, vừa triết lý: “Ba chúng ta đều là người yêu nước”. Tự nhiên tôi cũng đồng tình “Yêu nước nên đem nước



vào lòng, nhưng coi chừng, nếu nước có vi trùng thì phải lọc đã”. Thế là chúng tôi cùng cười và quen nhau, biết ra, hai chàng này là cán bộ của tỉnh lên làm nhiệm vụ, một anh nhận xét: “Tôi mới ở Bắc vào, được cử lên đây công tác, chưa thấy đám tang nào lớn như vậy, đông bào đi lễ đông mà trật tự, tốt quá, thấy mấy sư yên lặng tuyệt thực, tôi kính mến. Tôi chỉ thắc mắc là nhà nước đọc diếu văn, tiểu sử, ca ngợi công lao của Hòa thượng sao các sư lại từ chối cái vinh dự ấy nhỉ?”

Phật giáo vậy đó, tôi giải thích, vô tánh vô tướng, không cầu danh, không tranh lợi, không lợi dụng ai, mà cũng không muốn ai lợi dụng mình. Đọc kỹ lời Di Huấn của Hòa thượng sẽ thấy rõ, hơn thế, có lẽ bạn phải tìm đọc cái thư từ chức của Hòa thượng trước đây mấy năm mới nhận rõ thêm vài sự kiện.

Một ông bạn khác lên tiếng: “Chiều nay các sư đã ngưng tuyệt thực rồi, chỉ còn đêm nay và sáng mai, tôi ước mong đừng có gì đáng tiếc nữa cả”. Tôi tiếp: “Tôi cũng hy vọng như thế, miễn là cây muốn lặng thì gió nên ngừng. Còn việc ngưng tuyệt thực chính đó là cái triết lý Phật giáo, cái này sanh, cái kia sanh, cái này diệt cái kia diệt. Hòa thượng không muốn ai diếu, ai văn mà nhà nước cứ muốn có nên sinh chuyện. Nay nhà nước hứa không đọc diếu văn nữa thì các thầy dẹp biểu ngữ và ngưng tuyệt thực ngay, chỉ có thế, đơn giản như thế, sao chẳng chịu hiểu nhau!”

## **ĐÃ HIỂU NHAU ÍT NHIỀU RỒI ĐÓ**

Mới 3 giờ sáng mà người tới dự lễ NHẬP THÁP đã chật sân chùa. Đúng 6 giờ lễ được cử hành theo nghi thức Phật giáo thuần túy. Phái đoàn Chính quyền đến dự lễ cũng khá đông,

ban tổ chức đã khéo léo sắp xếp cho phái đoàn này ngồi ở hậu điện Quan m, khi nghinh kim quan Hòa thượng ngang qua thì phái đoàn đã đứng sẵn một hàng dài trên đường kim quan vào tháp. Do đó, ban lễ tang của nhà nước áp đặt đã im lặng và vắng bóng từ trước đến sau. Chỉ có khi nhập tháp cụ Nguyễn Hữu Thọ đã nói vài lời cho trọn chút thâm tình, lời của cụ Nguyễn Hữu Thọ chỉ gói trọn trong ý thương tiếc Hòa thượng trọn đời đã hy sinh cho Đạo pháp và Dân tộc. Ai nghe cũng nhận rõ sự tương kính và thủ tín với nhau nên lễ nhập tháp đã diễn ra trong không khí trang nghiêm, thắm thiết đạo vị. Điều đặc biệt mà tôi nhận cảm sâu lắng trong tâm hồn, đó là sự hiện diện của Hòa thượng Huyền Quang đi với Hòa thượng Nhật Liên dẫn đầu trong hàng ngũ Môn đồ Pháp phái. Hình ảnh này, rõ ràng, một nét đẹp, cái đẹp thanh cao, cái đẹp giải thoát, cái đẹp của vô ngã vị thanh, cái đẹp của Từ bi trí tuệ, cái đẹp của tùy duyên bất biến. Trên thượng phẩm sen vàng, xin Giác linh Hòa thượng cười nhìn chúng con và truyền thêm cho chúng con sức sống.

**Mai Tường**

# THƯ CỦA THƯỢNG TỌA THÍCH TUỆ SỸ

VIẾT TỪ TRẠI GIAM XUÂN PHƯỚC

**K**ính gửi: Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN Kính bạch Hòa Thượng,

Dưới sự kiểm soát và can thiệp trực tiếp vào các sinh hoạt nội bộ của Tăng già, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GH nhà nước) đang là công cụ đắc lực cho sách lược thống trị của những người Cộng sản Việt Nam. Sách lược đó đã từng được ông Nguyễn Văn Linh, nguyên Tổng Bí Thư Đảng Cộng sản Việt Nam vạch rõ. Phật Giáo Việt Nam là chỗ dựa cho những người Cộng sản Việt Nam làm cách mạng. Và đó cũng là sách lược mà Lênine đã chỉ thị: *“Đảng phải thông qua tôn giáo để tập hợp quần chúng.”*

Trước tình trạng vong thân đó, chúng con vô cùng hoan hỷ được biết Hòa Thượng thay mặt Hội Đồng Lương Viện quyết định triệu tập Đại Hội VIII Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất; kêu gọi toàn thể Tăng già và Phật tử hãy dâng hiến tâm tư và nguyện vọng của mình cho Đại hội VIII, bằng

các tham luận, khảo cứu, hội thảo, tọa đàm... Đó là những Phật sự cần thiết; là thuận duyên để Phật tử Việt Nam bằng tiếng nói trung thực của chính mình xác định vị trí của Phật giáo Việt Nam trong lòng dân tộc và Nhân loại.

Chúng con mặc dù đang sống dưới sự giam cầm khắc nghiệt, nhưng bất chấp mọi nguy hiểm trực tiếp đe dọa tính mệnh, cố vượt mọi chướng ngại, kính trình lên Hòa Thượng và Chư tôn Trưởng Lão Hội Đồng Lương Viện một số đề nghị sau đây, gọi là dâng cả tâm nguyện chí thành cho Đại Hội.

Đề nghị Đại Hội VIII sẽ tập trung thảo luận trên hai chủ đề chính:

1. *Pháp lý tồn tại của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong truyền thống dân tộc và trong cộng đồng thế giới.*

2. *Sứ mệnh hiện tại của Phật giáo Việt Nam trước sự sinh tồn và tiến bộ của dân tộc và trong nền văn minh dân chủ của nhân loại.*

Để chuẩn bị đầy đủ cơ sở dữ kiện cho Đại Hội, xin đề nghị bốn điểm mà toàn thể Tăng già và Phật tử có thể tham gia thảo luận trong quá trình chuẩn bị Đại Hội:

1. *Việc nhà nước chuẩn y và phong tặng các phẩm hàm Hòa Thượng và Thượng Tọa cho các Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni là một xúc phạm đối với Giáo chế của Đức Phật được truyền thừa trong Luật tạng. Việc làm đó còn bộc lộ ý đồ ràng vị ngọt của Danh và Lợi biến một số Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni biến chất phải trung thành với đảng Cộng sản Việt Nam hơn là lý tưởng phụng sự Chánh Pháp.*

2. *Luật điển Ba La Đề Mộc Xoa cấm các Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni*

tham gia các cơ cấu quyền lực ; nói theo ngôn ngữ hiện đại, đó là các cơ cấu lập pháp, hành pháp và tư pháp. Một số vị đang là đại biểu Quốc hội. Các vị ấy như thế đang tự mình làm môi giới nối dài cánh tay quyền lực lung lạc Giáo hội, khoa trương chính sách mị dân và củng cố chế độ độc tài đảng trị.

3. Nhà nước Cộng sản bằng cái gọi là Pháp chế Xã hội Chủ nghĩa đặt Giáo hội Phật giáo Việt Nam làm một thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Như thế, chỉ công nhận Giáo hội tồn tại như một hội đoàn thế tục ngang hàng với các hội đoàn khác dưới quyền lãnh đạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Về mặt pháp lý, Phật giáo Việt Nam đang bị đặt trở lại tình trạng pháp lý như Đạo dụ số 10 của chính quyền Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Phật tử Việt Nam đã hy sinh thân mình để đốt cháy Đạo dụ ấy. Đó là nỗi đau của dân tộc và đạo pháp.

4. Bằng lý tưởng Tịnh độ dân gian, bằng giáo lý Phật tính bình đẳng, Phật tử Việt Nam bằng tinh thần hy sinh vô úy, khẳng định mình bạch sứ mệnh của mình trong thời đại văn minh dân chủ; Giáo hội phải nêu cao ngọn đuốc từ bi và trí tuệ, lãnh đạo Phật tử tiến tới và xây dựng một xã hội an lạc, bình đẳng và nhân ái.

Cầu nguyện Đại hội thành tựu viên mãn.

Kính chúc Hòa Thượng và Chư Tôn Trưởng Lão Hội Đồng  
Lưỡng Viện Pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ.

Phật lịch 2537

Trại tù Xuân Phước ngày 15 tháng Giêng, 1994

**Tuệ Sỹ**

Kính bạch

# TƯỜNG TRÌNH VỀ CHUYỂN ĐI CHỮA BỆNH CỦA ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG HUYỀN QUANG

TUỆ SỸ

**K**ính gửi: Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hoá Đạo  
GHPGVNTN tại Thanh Minh Thiền Viện-TP/Hồ Chí  
Minh;

Kính bạch Hòa Thượng. Đầu tháng 01/2003, khối u trên má  
phải của Đại lão Hòa Thượng xử lý viện Tăng Thống  
GHPGVNTN bỗng mỗi ngày một lớn dần. Vì đang trong tình  
trạng bị quản thúc nên Hòa Thượng lờ đi.

Nhưng đến cuối tháng 01 đầu tháng 02/2003, khối u vẫn tiếp  
tục lớn lên, lại có tình trạng đỏ ửng, đau nhức; do vậy, ngày  
14/02/2003 Hòa Thượng đã được đưa đi khám ở bệnh viện  
Quảng Ngãi.

Sau khi khám, bệnh viện Quảng Ngãi cho biết sẽ đưa Hòa  
Thượng vào Thành phố Hồ Chí Minh để điều trị. Trong khi

chờ đợi, Hòa Thượng đã chữa thuốc Nam; không có hiệu quả. Ba ngày sau, được biết bệnh viện sẽ chuyển Hòa Thượng lên tuyến trên để điều trị, tức đi Hà Nội.

Sáng ngày 04/03/2003, Hòa Thượng được đưa đến chùa Quang Minh, Đà Nẵng, chờ tàu. Tại đây, chư Tăng Thừa Thiên–Huế, gồm có Hòa Thượng Thích Như Đạt, Hòa Thượng Thích Thiện Hạnh cùng nhiều vị Thượng tọa đã có mặt để tiễn chân. Đến 13 giờ, Hòa Thượng rời chùa, ra ga.

Trước đó, ngày 03/03/2003, con đang nhập thất, nhận được giấy của thị giả đưa vào. Ghi rằng “*Hòa Thượng từ Quảng Ngãi cần nói chuyện điện thoại với Thầy*”. Sau khi nối dây điện thoại xong, Hòa Thượng gọi vào, nói rằng “*Tôi đi Hà Nội, thầy đi với tôi nghe*”.

Con thưa:

- Dạ ôn kêu thì con đi.

Hòa Thượng dạy “*Ôn kêu thì đi nha, nhưng Thầy đi với tư cách Tổng Thư Ký Viện Hoá Đạo chứ không chỉ là thị giả đâu nghe*”.

Con đến Hà Nội trong ngày mồng 4.

Đến sáng ngày 05/03/2003, Hòa thượng mới đến Hà Nội. Ngài được đến khách sạn Cây Xoài đường Lê Duẩn–Hà Nội.

Khoảng 7 giờ sáng, con đến hầu Hòa Thượng, 9 giờ Hòa Thượng được đưa đến bệnh viện K.

Sau khi lập xong thủ tục nhập viện, Hòa thượng được bố trí cho một phòng riêng, tuy không tiện nghi cho lắm. Bác sĩ đến khám. Bác sĩ giám đốc bệnh viện đến thăm; ông nói, bệnh viện

xuống cấp, đang sửa chữa nên không được tiện nghi, hơi ồn ào; nhưng đây là phòng tốt nhất. Sau đó, bác sĩ phẫu thuật đến khám, rồi nói đợi hội chẩn xong sáng mai có thể tiến hành ca mổ.

Ngày 6/03/2003, lúc 9 giờ sáng, Hòa Thượng được giải phẫu. Thời gian giải phẫu khoảng 30 phút. Xong xuôi, Hòa thượng được đưa về phòng điều trị. Tình trạng sức khỏe của Hòa Thượng sau khi mổ, vẫn khỏe khoắn bình thường. Đến chiều, lúc 15 giờ, ông Phạm Thế Duyệt, Chủ tịch Mặt trận tổ quốc Việt Nam đến thăm. Ông nói: *“Sau khi bình phục xin mời Hòa Thượng đến thăm Mặt trận”*.

Hòa thượng nói, Ngài nhận lời với điều kiện là Chính phủ phải trả lời cho rằng, GHPGVNTN có tội gì với đất nước mà bị cấm hoạt động? Ông Phạm Thế Duyệt nói, mời Hòa Thượng đến rồi sẽ bàn.

Ngày 7/03/2003, Hòa Thượng Thanh Tú và các Thượng Tọa ở chùa Quán Sứ, đại diện Hội Đồng trị sự trung ương GHPGVN, tại Hà Nội đến thăm. Trước khi ra về, Hòa thượng Thanh Tú mời Đại Lão Hòa Thượng, sau khi xuất viện, đến chùa Quán Sứ nghỉ ngơi.

Đại Lão Hòa thượng được bác sĩ, y tá bệnh viện chăm sóc thuốc men trong các ngày kế tiếp. Bác sĩ cho biết đến ngày thứ tư, 12/03/2003 sẽ cắt chỉ. Khoảng ngày thứ 6 sau phẫu thuật, không còn thấy bác sĩ y tá chăm sóc y tế cho Hòa Thượng; coi như vết mổ đã lành. Nhưng đến thứ tư, 12/03/2003, bác sĩ lại cho biết ngày thứ năm 13/03/2003 mới cắt chỉ cho an toàn.



Chiều thứ tư 12/03, lúc 15 giờ, con xin phép Hòa Thượng về chùa nghỉ. Trên đường về nhận được điện thoại của thị giả báo cho biết có Đại diện phái đoàn Ủy Hội Châu Âu (*European Union, Delegation Of The European Commission To Vietnam*) tại Việt Nam, đến thăm Hòa Thượng. Con liền quay lại bệnh viện. Khi lên phòng, con đã thấy hai vị đại diện đang nói chuyện với Hòa thượng. Sau khi giới thiệu, con được biết đó là các ông Maurizio Caldarone, Bí thư thứ nhất, Trưởng phân ban chính trị–kinh tế–thương mại; và ông Jordi Carrasco–Munoz, cố vấn kinh tế.

Quý vị tiếp tục nói chuyện được chừng 5 phút nữa, thì cô y tá vào yêu cầu tất cả ra ngoài để cô chích thuốc. Thông dịch viên đề nghị để phái đoàn nói chuyện xong. Cô y tá đi ra. lát sau lại trở vào, thị giả yêu cầu cô ra ngoài đợi. lát sau, một bác sĩ có mang bảng tên bước vào, nói để cho bà làm nhiệm vụ. Thị giả cũng yêu cầu để Hòa thượng tiếp khách một lúc. Bà bước ra. Ngay sau đó, một người khoác áo bác sĩ, không có bảng tên, chen vào, kéo các vị kia ra.

Con đưa hai vị đại diện xuống lầu. Ở chỗ khuất, họ đề nghị ngày mai sẽ đến bệnh viện đón con đến trụ sở của Liên hiệp Châu u tại Việt Nam của họ để trao đổi. Sau vài phút, có ông Watson, bí thư thứ hai tòa Đại sứ Mỹ tại Hà Nội đến thăm Hòa thượng. Phòng điều hành trả lời không có Hòa Thượng ở đây; vị này gặp một tu sĩ tại sân bệnh viện; hỏi thăm. Tu sĩ này báo tin cho con hay, con đã xuống sân đưa ông lên thăm Hòa thượng. Sau khi chào hỏi được vài phút, có cô y tá vào đề nghị

khách đi về để cô làm nhiệm vụ. Ông Bí thư yêu cầu để Ông nói chuyện với Hòa thượng. Cô đi ra. Bên ngoài phòng có nhiều y tá và bác sĩ, có bảng tên và không có bảng tên, đòi vào phòng để mời vị khách ra về. Hai vị thị giả đã tìm mọi cách cản họ. Hòa thượng tiếp ông Bí thư khoảng 30 phút. Ông bí thư nói: “*Chính phủ Mỹ hy vọng trong một ngày rất gần Hòa thượng được trả tự do để có thể đi lại Sài Gòn thoải mái. Chính phủ Mỹ cũng hy vọng trong một ngày rất gần GHPGVNTN được sinh hoạt bình thường trở lại*”.

Ngày hôm sau, thứ năm, 13/03/2003 khoảng 9 giờ 20, hai ông Jordi Carrasco–Munoz và Maurizio Caldarone đã thân hành đi taxi đến đón con tại cổng bệnh viện và đưa về trụ sở Liên hiệp Châu u số 56 Lý Thái Tổ Hà Nội.

Tại đây, con được mời vào hội trường và được giới thiệu với các vị đại diện sau đây:

- *Frédéric Baron, Đại sứ, Trưởng phái đoàn*
- *Martin Allgaeuer, Bí thư thứ nhất, Lãnh sự Đại sứ quán Áo*
- *Jonathan Dunn, Bí thư thứ hai Đại sứ quán Anh*
- *Giovanni Favilli, Bí thư thứ hai Đại sứ quán Ý*
- *Irene Knoblen, Bí thư thứ hai Đại sứ quán Vương Quốc Hà Lan*
- *Helena Sangeland, Tham tán Đại sứ quán Thụy Điển*
- *Michèle Sauteraud, Tham tán thứ nhất Đại sứ quán Pháp*
- *Merja Sundberg, Tham tán Đại sứ quán Phần Lan*

Sau khi an tọa, ông Maurizio Caldarone báo cáo việc đi thăm Hòa thượng ngày hôm qua, bị cản trở bởi nhân viên bệnh viện, không cho nói chuyện. Hôm nay ông có mời Thượng tọa Tuệ

Sỹ, Tổng thư ký GHPGVNTN đến để thuyết minh về tình hình Phật giáo Việt Nam. Tiếp đó, ông Đại sứ Frédéric Baron, trưởng đoàn Liên hiệp Châu u tại Việt Nam, tuyên bố: “Đây là lần đầu tiên đại diện Liên hiệp Châu u tại Hà Nội, chính thức có cuộc họp với đại diện GHPGVNTN, Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, Tổng thư ký Viện Hóa Đạo”.

Rồi ông nhường lời cho con. Con trình bày 4 điểm chính sau đây:

1. Những thiệt hại về mặt văn hóa-xã hội mà P.G.V.N tại miền Bắc đã phải gánh chịu từ năm 1945–1975. Những thiệt hại to lớn ấy vẫn tiếp tục ảnh hưởng tại miền Nam từ 1975–1984.

2. Từ năm 1982, với mục đích sử dụng Phật giáo như một công cụ để bảo vệ Đảng, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ức chế mọi hoạt động của GHPGVNTN và thành lập Hội Phật giáo mới, liệt vào một trong các thành viên của Mặt trận tổ quốc. Chúng tôi coi đó là một tổ chức chính trị, không phải là tổ chức Phật giáo. Phật giáo Việt Nam cần có một tổ chức thuần túy để hướng dẫn tăng ni Phật tử sống và tu tập đúng theo giáo lý của đức Phật, không bị chi đạo bởi bất cứ đảng phái chính trị nào. Hẳn quý vị đã biết, tại Châu u, khi Nhà nước và tôn giáo kết hợp lại với nhau thì nhân dân phải chịu vô vàn thống khổ.

3. Qua trường hợp của Hòa thượng Thích Huyền Quang và Hòa thượng Thích Quảng Độ, chúng tôi Nhà nước hành xử tùy tiện, không dựa trên một nền tảng pháp luật nào. Điều này đã xúc phạm phẩm giá con người. Theo truyền thống của chúng tôi, người dân không bao giờ nói xấu chính phủ của mình với nước ngoài. Trong tinh thần dân

tộc tự quyết, chúng tôi không yêu cầu nước ngoài can thiệp vào công việc nội bộ của đất nước chúng tôi. Nhưng ở đây, khi phẩm giá con người bị xúc phạm thì không phải là vấn đề cá nhân hay nội bộ của một đất nước, mà là vấn đề chung của nhân loại; mọi dân tộc trên thế giới đều có bổn phận phải bảo vệ.

4. Để Phật giáo có thể nói lên tiếng nói trung thực, chúng tôi cần có tự do ngôn luận để giải thích những ngộ nhận và xuyên tạc đối với giáo lý của đạo Phật. Giáo lý Phật giáo không phải là một công cụ văn hóa để giải thích chủ nghĩa Marx.

Buổi họp kết thúc lúc 12 giờ trưa.

Sau đó, hai ông Maurizio Caldarone và Jordi Carrasco-Munoz đã đề nghị con đưa họ đến thăm Hòa thượng tại bệnh viện. Đến đây mới biết Hòa thượng đã về chùa Phụng Thánh. Con dẫn họ về Phụng Thánh và được Hòa thượng tiếp ở phòng khách của chùa.

Vị đại diện báo cáo với Hòa thượng, sáng nay, phái đoàn Liên hiệp Châu u tại Việt Nam đã có buổi họp với thượng tọa Tổng thư ký Viện Hóa Đạo GHPGVNTN ở trụ sở của Liên hiệp. Ông nói tiếp, Liên hiệp Châu u luôn luôn quan tâm đến tình trạng của GHPGVNTN và trường hợp của Hòa thượng. Liên hiệp Châu u đã và đang làm hết sức mình để giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất được sinh hoạt bình thường. Hôm nay, may mắn không bị cản trở bởi nhân viên y tế nên được nói chuyện thân mật với Hòa thượng, mong được tiếp tục chuyện dở dang hôm qua. Hòa Thượng cảm ơn Liên Hiệp Châu u đã tận tình giúp đỡ nhân dân Việt Nam trong lúc đất nước chúng

tôi đang nghèo khó, và Hòa Thượng đã trình bày những khó khăn mà Phật giáo Việt Nam đã trải qua gần 30 năm nay, và tình trạng giam giữ không lý do đối với chính Hòa Thượng trong 22 năm nay.

Buổi tiếp kết thúc lúc 13h30.

Ngày 12/03/2003, khoảng 10 giờ tối, Hòa Thượng Huyền Quang đã gọi điện thoại vào Huế yêu cầu Hòa Thượng Thiện Hạnh ra Hà Nội gấp.

Chiều 13/03/2003 Hòa thượng Thiện Hạnh cùng Thượng tọa Phước Viên đến Hà Nội lúc 15h30.

Tối đó tại chùa Kim Liên, đại lão Hòa Thượng đã chỉ định các vị sau đây, ngày mai hầu Hòa thượng đi đến Mặt trận: Hòa thượng Thích Thiện Hạnh, Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Phước Viên.

Về nội dung để nói trong buổi gặp có 3 điểm:

1. Vấn đề pháp lý về việc giam giữ và trả tự do của Hòa thượng Huyền Quang.

2. Vấn đề pháp lý về việc xử lý án phạt phụ đối với Hòa thượng Quảng Độ.

3. Vấn đề pháp lý về sự tồn tại và hoạt động của GHPGVNTN; phục hoạt GHPGVNTN; và một quy chế của Phật giáo, trong đó, Phật giáo không phải thành viên của Mặt trận.

Sáng ngày 14/03/2003, theo dự định thì lúc 9 giờ Hòa thượng được đưa sang thăm Mặt trận. Nhưng khi gần 9 giờ, từ chùa

Quán Sứ báo cho biết, Mặt trận chưa biết tin Hòa thượng sang thăm.

Hòa thượng cho thị giá liên hệ, được biết Mặt trận sẽ tiếp Hòa Thượng, nhưng ngay lúc nầy thì chuẩn bị không kịp vì ông chủ tịch đi viện khám bệnh chưa về. Khoảng 9 giờ 30 phút, có điện nói là từ Mặt trận gọi cho biết, ông chủ tịch đã về, đang chờ tiếp Hòa thượng.

Hòa thượng trả lời, bây giờ đã hết giờ đi thăm.

Đến 2 giờ chiều, cô cán bộ Mặt trận đến chùa Kim Liên nói, ông Chủ tịch báo đến mời Hòa thượng sang thăm; ông đang đợi. Xe đưa Hòa thượng đi. Trong khi gặp ông chủ tịch Mặt trận, Hòa thượng đã nêu những vấn đề mà Chính phủ đã đối xử với Phật giáo trong 30 năm qua. Ông chủ tịch hứa sẽ trình lên cấp trên để giải quyết. Chương trình những ngày tới, mọi việc sẽ được tiếp tục sau khi Hòa Thượng đi thăm Chính Phủ. Việc đi lại, Mặt Trận đã cho một chiếc xe túc trực đưa đón đại Lão Hòa Thượng.

*P/L-2546*

*Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2003.*

# SỰ BIẾN LƯƠNG SƠN

## TUỆ SỸ

Vào thượng tuần tháng 7, và trung tuần tháng 9 năm 2003 vừa qua, các vị lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) tại Việt Nam đã triệu tập hai phiên họp đặc biệt tại Nguyên Thiều, Bình Định, để đi đến quyết định tổ chức lễ Khai Mạc Đại Hội Bất Thường (ĐHBT) vào ngày 1/10/03. Mặc dù trong suốt thời gian trước ngày ĐH, CSVN đã tìm đủ cách ngăn cản, hãm dọa, ĐHBT vẫn được tiến hành đúng như dự định. Tuy nhiên, đến ngày 6/10, chính quyền CS địa phương đã yêu cầu được làm việc với Hòa Thượng Quảng Độ và Thầy Tuệ Sỹ. Trong buổi làm việc này, chính quyền CS tuyên bố việc tổ chức ĐHBT là “vi phạm pháp luật”, đồng thời thông báo thời hạn tạm trú tại Nguyên Thiều của HT Quảng Độ và Thầy Tuệ Sỹ đã hết hạn. Sáng ngày 8/10/03, cùng với HT Huyền Quang, HT Quảng Độ, và các Thầy Tuệ Sỹ, Thanh Huyền, Viên Định, Nguyễn Lý, Minh Hạnh, Đồng Thọ, Nguyễn Vương, lên xe rời tu viện, để về Sài Gòn, thì bị CS chặn lại không cho đi, với đủ lý do được CS ngụy tạo cực kỳ phi lý, cùng nhiều hành động do CS giật dây, hết như một lũ cướp rừng. Sau đó, trước sự phẫn nộ của trên 200 tăng ni và hơn 1,000 đồng bào Phật tử, CSVN đành phải giả vờ nhượng bộ để cho xe khởi hành vào lúc 3.30 chiều, để rồi 9.30 sáng hôm sau, tại Lương Sơn, một lực lượng công an CS vũ trang roi điện đã chặn bắt các thầy, tự tiện lục soát, tịch thu đồ đạc... Trong những ngày tiếp đó, CSVN điên cuồng gia tăng các biện pháp đàn áp GHPGVNTN như đưa HT Quảng Độ về quản thúc tại Thanh Minh Thiền Viện ở Sài Gòn, quản chế HT Thích Huyền Quang tại tu viện Nguyên Thiều, Bình Định, áp đặt lệnh quản chế 2 năm đối với Thầy Tuệ Sỹ, ban hành khẩu lệnh quản chế đối với Thượng Tọa Thích Thái Hòa,

bức bách Thượng Tọa Thích Phước An phải từ chức Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hoá GHPGVNTN mà ngài mới được suy cử. Ngoài ra, hàng ngàn công an CS cũng được lệnh tăng cường theo dõi tất cả các tu viện của GHPGVNTN đồng thời thực hiện hàng loạt biện pháp sách nhiễu, o ép, khủng bố các vị lãnh đạo GHPGVNTN...

Bấy giờ, Thầy Tuệ Sỹ đã tường thuật mọi diễn biến một cách rõ ràng và linh động, đồng thời phân tích các sự kiện chìm, nổi, một cách sắc bén qua bài tựa “**Sự Biến Lương Sơn**”

## SỰ BIẾN LƯƠNG SƠN

### TRÊN NỀN TẢNG TRANH CHẤP PHÁP LÝ

Sự biến Lương sơn là điểm cao của một chuỗi sự biến đang tạo thành khúc quanh mới của Phật giáo Việt nam nói chung, không phải chỉ là vấn đề tồn tại hay phục hoạt của Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất.

Các chi tiết trong bản tường thuật này cho thấy có sự tham gia xã hội trên một quy mô rộng lớn, để thấy tính chất nghiêm trọng của vấn đề. Thành phần tham gia chủ yếu là các cơ quan quyền lực Nhà Nước và các cơ chế phụ tùy. Đáng kể trong số đó:

- Bộ Công an, với sự huy động Công an các tỉnh thành như Thừa thiên-Huế, thành phố Hồ Chí Minh, và tỉnh Bình định.
- Bộ Ngoại giao, cố gắng đưa hình ảnh xấu trước dư luận thế giới về các hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất.



- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, trong đó chủ yếu là thành phố Hồ Chí Minh, Thừa thiên-Huế, Bình định.

- Ban Tôn giáo Chính phủ Trung ương và các tỉnh.

- Giáo hội Phật giáo Việt nam, với sự tham gia chưa từng thấy gồm cả hai bộ phận: Hội đồng Chứng minh và các Ban trị sự.

- Riêng tại Bình định, sự tham gia có thể nói là toàn diện: từ Chủ tịch tỉnh, cho đến xã, và Chính quyền địa phương đưa vào tham gia cả những thân nhân của Hòa thượng Huyền Quang, được xem như chiến dịch vận động tình cảm thuyết phục.

Trong bản tin mới đây dẫn lời tuyên bố của phát ngôn nhân bộ Ngoại giao Việt nam, đọc được trong mục Thông cáo báo chí trên trang Web của tòa Đại sứ Việt nam tại Mỹ, lặp lại quan điểm của Chính phủ Việt nam rằng, tại Việt nam chỉ tồn tại một Giáo hội Phật giáo duy nhất, mà nguyên tiếng trong bản tin nói trên gọi là Vietnam Buddhist Sangha, nghĩa là Tăng già Phật giáo (Phật tử) Việt nam. Bản tin dùng tiếng Phạn Sangha (Pali = Sanskrit) để chỉ cho một tổ chức chính trị đội lốt tôn giáo là một thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt nam, được lãnh đạo bởi một đảng chính trị đương quyền là đảng Cộng sản Việt nam; đó là một sự lạm dụng từ ngữ. Những người Phật tử chân chính, biết rõ ý nghĩa của từ ngữ này (Sangha = Tăng-già), không thể chấp nhận được cách dùng chữ lập lờ đánh lộn con đen đó.

Trong nhiều trường hợp khác, trong nhiều văn bản tiếng Anh chính thức của Nhà nước, tổ chức tôn giáo của đảng Cộng

sản Việt nam, được mệnh danh là Giáo hội Phật giáo Việt nam, được dịch thành tiếng Anh là Association of Buddhism of Vietnam, nghĩa là, chính thức được gọi là “Hiệp hội Phật giáo Việt nam”, cùng ý nghĩa như Association of Woman (tức Hội Phụ nữ), hay Association of Fine Arts of Ho Chi Minh City, (Hội Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh). Đây là những từ ngữ được các văn bản pháp định của Nhà nước Việt nam thừa nhận. Theo ý nghĩa đó, Việt nam thực sự không có tổ chức tôn giáo nào chính thức được gọi là Giáo hội của Phật giáo Việt nam, ngoại trừ Giáo hội Phật Giáo Việt nam Thống nhất tồn tại như một cơ cấu tôn giáo đúng nghĩa trước 1975, mà đến nay vấn đề hợp pháp của nó đang là điểm tranh luận và cũng là điểm thách thức mang tính pháp quy đối với Pháp luật của Nhà nước Việt nam.

Ngoài ra, tuyên bố của phát ngôn nhân bộ Ngoại giao còn vi phạm một điều được quy định bởi Hiến pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam: quyền được theo một tôn giáo. Không thể nói chỉ thừa nhận một tổ chức duy nhất, các tổ chức khác đều bất hợp pháp. Đảng Cộng sản Việt nam nếu thấy Phật giáo có thể là công cụ cho mục đích chính trị của mình, thì có thể tập hợp những người Phật tử sẵn sàng đem Phật giáo phục vụ cho đảng để lập thành một bộ phận chính trị đội lốt tôn giáo của đảng, Những người Phật tử khác, chỉ trung thành với lý tưởng đạo Phật, không muốn pha trộn Phật giáo với bất cứ ý thức hệ nào, cũng không chịu điều khiển bởi bất cứ đảng phái chính trị nào, trong điều kiện hợp pháp, có quyền đăng ký với Nhà Nước để lập hiệp hội tôn giáo theo quy chế

hiệp hội theo pháp định, hay lập thành Giáo hội theo tập quán truyền thống. Như Đạo dụ số 10 của Chính quyền Bảo hộ Pháp, được thừa nhận bởi Chính phủ Ngô Đình Diệm, trong đó quy định các tổ chức hiệp hội, và đặt các tổ chức Thiên chúa giáo ra ngoài Đạo dụ vì được thừa nhận là các tổ chức tôn giáo. Nhưng Phật giáo Việt nam phải bị chi phối bởi Đạo dụ này vì Chính quyền thực dân Pháp không coi Phật giáo Việt nam lúc bấy giờ là tôn giáo theo định nghĩa kinh điển. Đó là nguyên nhân sâu xa của cuộc vận động Phật giáo năm 1963 dẫn đến sự sụp đổ của chế độ Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Lời tuyên bố của phát ngôn viên Bộ Ngoại giao cũng gián tiếp khẳng định Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất là tổ chức bất hợp pháp. Nhưng, thế nào là bất hợp pháp? Nếu đó là một tổ chức, hay một hiệp hội, được thành lập chỉ sau ngày Cộng sản chiến thắng miền Nam mà chưa được thừa nhận theo bất cứ thủ tục pháp định nào, như thế có thể gọi là bất hợp pháp. Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất được thành lập trước khi nước Việt nam Cộng hòa sụp đổ, đã sở hữu hợp pháp rất nhiều cơ sở văn hoá, giáo dục, từ thiện, tôn giáo, trên toàn miền Nam. Hầu hết các cơ sở đó đã bị cưỡng chiếm bởi Nhà nước Cộng sản theo thủ tục hiến tặng dưới nhiều hình thức khác nhau nhưng được trang bị bởi nhận thức duy nhất có tính hăm dọa: tất cả đều là tàn dư của chế độ Mỹ Ngụy. Khi tiếp thu một chính quyền đã bị sụp đổ, chính quyền mới có quyền thừa nhận hay huỷ bỏ bất cứ tổ chức nào trước đó sinh hoạt trong hệ thống pháp chế của Hiến pháp của Nhà nước đã bị sụp đổ. Đối với Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất, chính quyền

mới, từ khi đang là chế độ Quân quản, cho đến thời hiệp thương Nam Bắc, thống nhất cả nước thành Nhà nước duy nhất gọi là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt nam; Nhà nước đó chưa hề có văn bản chính thức nào tuyên bố huỷ bỏ sự tồn tại của Giáo hội Phật Giáo Việt nam Thống nhất. Không những thế, năm 1977, Giáo hội này đã tổ chức Đại hội toàn quốc lần thứ 7. Toàn quốc ở đây, theo Hiến chương, chỉ giới hạn từ vĩ tuyến 17 cho đến toàn miền Nam. Thừa nhận Đại hội trên một quy mô toàn quốc như vậy, rõ ràng Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt nam mặc nhiên xác nhận, Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất là tổ chức hợp pháp, theo hệ thống pháp chế xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ. Đây là một tiền lệ chưa từng có, nên về sau Nhà nước tỏ ra không nhất quán và rất lúng túng khi phải có quan hệ với Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất.

Diễn hình trước hết về sự thừa nhận mặc nhiên này là công nhận phái đoàn đại biểu của Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất tham dự đại hội thành lập Giáo hội mới do Ban Bí thư Trung ương Đảng tổ chức tại Hội trường Giảng võ, Hà nội, được sự chỉ đạo trực tiếp của Ông Trần Quốc Hoàn, Ủy viên Tổ chức của Ban Bí thư trung ương Đảng. Đoàn đại biểu này do Thượng tọa Thích Thiện Siêu làm trưởng đoàn.

Khi Giáo hội mới được thành lập, gọi là Giáo hội Phật giáo Việt nam, các hệ phái khác như Giáo hội Cổ sơn môn, Giáo hội Theravada, Giáo hội Tăng già khát sĩ, vân vân, đều được quyền bảo lưu danh xưng. Giáo hội Thống nhất thì bị phớt lờ.

Nhưng nhân sự và cơ sở toàn bộ của Giáo hội mới thì hoàn toàn trung dụng của Giáo hội Việt nam Thống nhất. Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống, đã có văn thư phản đối gửi Hòa Thượng Thích Trí Thủ về việc chiếm dụng này.

Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất không bị giải thể, nhưng tồn tại nửa như hợp pháp, nửa như không hợp pháp. Có khi Nhà nước tuyên bố, Giáo hội Phật giáo Việt nam thống nhất không còn tồn tại kể từ khi được thay thế bằng Giáo hội mới. Nhưng cũng có khi Nhà Nước nói, Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất tồn tại như là một hệ phái trong sáu hệ phái thành lập Giáo hội mới. Lý luận cho điều này là, Hòa thượng Thích Trí Thủ nguyên là Viện Trưởng Viện Hoá Đạo, Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất đã gia nhập Giáo hội mới, thì Giáo hội Thống nhất không tồn tại biệt lập nữa, mà trở thành một trong các hệ phái thuộc Giáo hội mới. Một vị Trưởng lão (được yêu cầu giấu tên) trả lời cho đại diện Chính quyền Trung ương: Giả sử Ông Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Việt nam tự động gia nhập một đảng khác, vậy thì đảng Cộng sản lúc ấy có trở thành bộ phận của đảng mới không”  
 Hướng chi, Hòa Thượng Thích Trí Thủ gia nhập Giáo hội mới theo nhận thức riêng của Ngài, không hề được uỷ nhiệm của Hội đồng Luỡng viện của Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất. Cũng không có văn thư chính thức nào của Hội đồng Luỡng viện Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất cử phái đoàn đại biểu do Hòa Thượng Thiện Siêu dẫn đầu. Do tính cách mập mờ như vậy mà Nhà Nước tùy tiện phán đoán khi

cần phải có quan hệ với Giáo hội Phật giáo VN Thống nhất.

Điển hình thêm để thấy rõ ý nghĩa này, là sự kiện thầy Tuệ Sỹ thừa Ủy nhiệm Đại lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang đại diện Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất đến họp với Ủy hội Châu u tại trụ sở của Ủy hội ngay tại thủ đô Hà nội. Ông F. Baron, Đại diện Liên hiệp Châu u tuyên bố, đây là cuộc họp chính thức đầu tiên của Đại diện Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất với Phái đoàn Liên hiệp Châu u tại Hà nội. Sau đó, trả lời phỏng vấn của hãng thông tấn Reuter, Ông Đại sứ Châu u cho biết đã có xin phép Chính phủ Việt nam về cuộc họp này. Nhà Nước VN, trên phương diện ngoại giao, nếu không thừa nhận tính hợp pháp của Giáo hội Phật giáo VN Thống nhất thì tất phải có công hàm phản đối về việc Ủy hội Châu u đã vi phạm các nguyên tắc ngoại giao khi tổ chức hội họp chính thức với một tổ chức bất hợp pháp ngay tại thủ đô của mình.

Qua các trường hợp điển hình như trên, rõ ràng Nhà Nước Việt nam không dứt khoát về tính hợp pháp của Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất, mà hậu quả là thường xuyên dẫn đến xung đột giữa Giáo hội và Nhà Nước.

Thông thường, Nhà Nước tránh né xung đột bằng các thủ đoạn gián tiếp. Đại hội Bất thường của Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất tại tu viện Nguyên Thiều, tỉnh Bình Định, vừa qua cho thấy bản chất của vấn đề.

Ý tưởng về một Đại hội Bất thường của Giáo hội Thống nhất được gợi ý từ cuộc hội kiến giữa Thủ tướng Phan Văn Khải với Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, Xử lý Thường vụ

Viện Tăng Thống, GHPGVNTN. Trong cuộc hội kiến, hai vị lãnh đạo tối cao của Nhà nước và Giáo hội nhận định thực tế trên hai điểm.

Thủ tướng nói: trong quá khứ có quá nhiều sai lầm; nên nhìn vấn đề với tâm từ bi. Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang đáp ứng lời Thủ tướng rằng Ngài cũng sẽ nhìn vấn đề với tâm hỷ xả. Lời Thủ Tướng là điều được nhắc nhở rất nhiều từ khi có chủ trương sửa sai và đổi mới của đảng Cộng sản VN: hãy quên đi quá khứ để hướng về tương lai.

Điểm thứ hai, Thủ Tướng nói: các vị tự sắp xếp lại nội bộ Phật giáo. Tuy chưa cụ thể nói sắp xếp theo hướng nào, nhưng điều xác định rõ ràng là vị trí của Đại lão Hòa thượng trong toàn thể Phật giáo Việt nam được Thủ tướng khẳng định. Vị trí không chỉ đơn giản là Cao tăng của Phật giáo Việt nam. Ngài cũng không phải là thành viên của Hội Phật giáo thành viên của Mặt trận. Vị trí của Ngài rõ ràng cả thế giới đều biết, đó là lãnh đạo tối cao của Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất. Tất nhiên, lời Thủ Tướng không nên xem chỉ là xã giao, mà là đề nghị thực tiễn hành động trong cương vị của người lãnh đạo đất nước. Một cách mặc nhiên, Thủ Tướng đã xác nhận thêm sự tồn tại của Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất với lãnh đạo tối cao là Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang.

Đó là cơ sở pháp lý, có thể gọi là cơ sở bất thành văn, để Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất tiến hành Đại hội Bất thường, củng cố lại cơ cấu, tiến tới “sắp xếp lại nội bộ Phật giáo” như lời đề nghị của Thủ Tướng.

## NHỮNG CẢN TRỞ ĐẦU TIÊN

Trong khoảng thượng tuần tháng Bảy 2003, hai vị Hòa thượng lãnh đạo Giáo hội đã triệu tập một số thành viên của Giáo hội về tu viện Nguyên Thiều (Bình định) để tham khảo ý kiến. Từ cuộc họp thu hẹp này, ba vị Thượng tọa Thích Thái Hòa, Thích Phước Viên và Thích Hải Tạng được uỷ nhiệm đi tham vấn các vị Trưởng lão về hiện tình Giáo hội, và những việc cần làm. Đồng thời, Đại lão Hòa thượng Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống gửi Giáo chỉ đến Hòa Thượng Hộ Giác, Phó Viện Trưởng Viện Hóa đạo (Văn phòng II) kiêm Chủ tịch Hội đồng điều hành GHPGVNTN tại Hoa kỳ, tuỳ hoàn cảnh, triệu tập một Đại hội Bất thường tại hải ngoại.

Sau đó, vào khoảng trung tuần tháng Chín, hai Ngài Hòa thượng triệu tập phiên họp khác tại phương trượng tu viện Nguyên Thiều để nghe báo cáo của các thầy được uỷ nhiệm. Trong ba ngày họp, 16-19/9, 2003, sau khi nghe báo cáo về hiện tình Phật giáo Việt nam của các Thượng tọa được uỷ nhiệm (vắng Thượng tọa Hải Tạng), cùng với đề nghị của Chư tôn đức Trưởng lão, gồm các thư tuỳ hỷ tán thành và phiếu đề nghị các thành viên trong Hội đồng Luỡng viện, hội nghị đã lập danh sách Hội đồng Luỡng viện. Hội nghị cũng quyết định tổ chức lễ Khai mạc Đại hội Bất thường tại tu viện Nguyên Thiều vào ngày 1/10/2003 (*ngày 12 tháng 8, PL 2547*), như là tiền Đại hội của Đại hội Bất thường chính thức được tổ chức tại tu viện Quảng Đức, Úc-đại-lợi vào các ngày 10-12/10, 2003 (*tức 15-17 tháng 9, 2547*).



Ngay sau buổi họp đầu, Chính quyền tại các địa phương, sau khi nghe tin đồn không chính thức trong quần chúng, đã tìm cách ngăn cản các tôn đức được cho là sẽ tham gia Hội đồng Lương viện; ngăn cản bằng hăm dọa, bằng thuyết phục, nhưng không nêu ra được một cơ sở pháp lý nào để chứng minh sự tham gia này là phi pháp cần phải chặn đứng. Mặt khác, cản trở bằng cách hăm dọa các tài xế giao thông không được hợp đồng chở các thầy dự hội. Ngăn cản này cũng bằng thủ đoạn gián tiếp, vì không tìm ra bằng chứng phi pháp để ngăn cản bằng quyết định hợp pháp. Như vậy, quá trình vận động Đại hội một cách công khai được thừa nhận là hợp pháp; vì các Thầy vận động trong giới hạn quy định của luật pháp, và cũng tiến hành theo tập quán sinh hoạt Phật giáo theo truyền thống từ ngàn xưa. Hòa thượng Quảng Độ đã có văn thư gửi Thủ Tướng Phan Văn Khải phản đối những sự cản trở bất hợp pháp của các chính quyền địa phương. Thủ Tướng không có văn thư bác bỏ phản đối của Hòa thượng Quảng Độ. Theo quy định của luật pháp, *“công dân có quyền làm bất cứ điều gì mà luật pháp không cấm.”* Thư phản đối của Hòa Thượng Viện trưởng là văn kiện chính thức báo cáo Chính phủ những điều mà Giáo hội Thống nhất đang làm. Vì là việc làm mang tính truyền thống nên pháp luật (bất thành văn) không đòi hỏi phải đăng ký hay xin phép, cũng không cấm đoán, do đó các cơ quan chức năng Nhà Nước đã không chính thức ngăn cấm.

Sự ngăn cản bằng thủ đoạn gián tiếp của các Chính quyền địa phương, không theo một mệnh lệnh pháp luật nào cả, chúng tỏ một bộ phận trong Chính quyền vì từ lâu nay đã có quyền lợi

ràng buộc nào đó nên không muốn thấy có sự sinh hoạt chân chính của Phật giáo, như một tôn giáo truyền thống.

Ngày 1/10, 2003, Đại hội Bất thường được tiến hành như dự định. Đây là điểm tranh chấp gay gắt của vấn đề. Trước hết, về hình thức, đây có thể gọi là một Đại hội của một đoàn thể hay không? Hay chỉ là nghi thức tôn giáo theo tập quán? Chúng ta chưa cần tranh luận dài dòng. Điều đáng quan tâm là suốt quá trình chuẩn bị hành lễ, gọi là Đại hội hay một nghi lễ tôn giáo truyền thống như thế nào đó cũng được tùy theo các tiếp cận mang tính pháp lý, mà không hề có bất cứ sự cản trở hay cảnh cáo của các cơ quan có chức năng giám sát và thi hành pháp luật. Tất nhiên cảnh cáo bằng khẩu lệnh thì không có giá trị pháp luật. Dù vậy, ở đây không hề có bất cứ sự cảnh cáo nào.

Không thể nói cơ quan an ninh không biết có buổi lễ như vậy. Trước hết, chính Ông Phó ban Tôn giáo tỉnh Bình định đã có đề nghị với TT Minh Hạnh, thị giá trưởng của Hòa thượng Huyền Quang, cho cán bộ Ban Tôn giáo tỉnh vào quan sát buổi lễ. TT Minh Hạnh từ chối vì chưa có lệnh của Hòa thượng. Ban Tôn giáo tỉnh có nhiệm vụ giám sát các sinh hoạt Tôn giáo tỉnh, tất nhiên biết rõ các buổi hành lễ như thế có điều nào vi phạm luật pháp hay không. Nếu phát hiện có vi phạm, tất phải có nhiệm vụ thông báo cơ quan có chức năng thi hành pháp luật kịp thời ngăn cản, không để dẫn đến tình trạng gây xáo trộn, mất trật tự xã hội. Phát hiện tội phạm đang được chuẩn bị hay đang được thực hiện mà không tố giác, là vi phạm các điều 314 của bộ Luật Hình sự, Nhà Nước Cộng hòa Xã hội chủ

nghĩa Việt nam. Tất nhiên, vì không phát hiện được hành vi vi phạm nào nên Ban Tôn giáo tỉnh Bình định đã không có phản ứng ngăn cản kịp thời như luật quy định. Vì vậy buổi lễ, hay buổi Đại hội, tùy theo phán đoán pháp luật, được tiến hành êm đẹp; cơ quan chức năng không tiến hành lập biên bản vi phạm. Chỉ có điều, Ban Tôn giáo tỉnh muốn cử người đến quan sát mà không được chấp nhận, và Ban cũng im lặng không tỏ thái độ phản đối gì. Cả đến những ngày tiếp theo, cho đến khi tất cả các thầy rời khỏi Bình định, các cơ quan chức năng địa phương cũng không tiến hành lập biên bản vi phạm.

Nói tóm lại, ngay từ đầu, quan điểm của Chính quyền không rõ ràng về sự vụ, không có quyết định kịp thời. Chỉ sau khi biết được ý định của Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang là sẽ cùng với Hòa thượng Quảng Độ vào thành phố Hồ Chí Minh để khám răng và chữa cuống họng bị viêm, các cơ quan chức năng của Chính quyền Bình định mới nêu vấn đề về tính hợp pháp của buổi lễ vừa qua.

Rõ ràng, vấn đề không phải là Đại hội hợp hay không hợp pháp; mà vấn đề chính yếu là Hòa thượng Huyền Quang có được phép tự do di chuyển, nhất là di chuyển cùng với Hòa thượng Quảng Độ, hay không?

Chúng ta cần đặt một câu hỏi ở đây: tại sao Chính quyền e ngại việc Hòa Thượng Huyền Quang đi chung với Hòa thượng Quảng Độ?

Trong một dịp trước đó không lâu, Tỉnh Bình định đã dàn xếp để cho Xã Nhơn An là quê hương của Hòa thượng Huyền

Quang thánh Hòa thượng về thăm quê nhà, vì Hòa thượng rời xa quê quá lâu. Tại xã, không phải tỉnh cờ mà có sự hiện diện của cựu Chủ tịch tỉnh và cả đương kim Chủ tịch tỉnh. Cả hai ông Chủ tịch lấy tình nghĩa quê hương khuyên Hòa thượng nhiều điều, nhưng Hòa thượng nói, những điều ấy đã được đương kim Chủ tịch tỉnh đề cập nhiều lần, nay không có gì mới mà phải bàn luận. Riêng có một điều đáng nói, đó là ông Chủ tịch tỉnh đề nghị, nếu Hòa thượng cần đi thành phố Hồ Chí Minh trị bệnh thì Tỉnh sẽ giúp đỡ, nhưng không nên đi chung với Hòa thượng Quảng Độ.

Chính từ một sự e ngại nào đó, mà vào ngày 6/10, 2003, vào lúc 2 giờ chiều, Chính quyền địa phương gồm các ông Phó Chủ tịch Huyện (Tuy phước), Phó Chủ tịch Mặt trận Huyện, Phó Ban tôn giáo Huyện, cùng với Phó Ban Tôn giáo Tỉnh, đến tại tu viện Nguyên Thiều, yêu cầu làm việc với Hòa thượng Quảng Độ và thầy Tuệ Sỹ. Trong buổi làm việc, Hòa thượng Huyền Quang cũng hiện diện với tư cách chủ tu viện.

Ông Phó Chủ tịch Huyện nêu hai vấn đề. Thứ nhất, việc làm của các thầy vừa qua, ngày 1/10, 2003, là vi phạm pháp luật, vi phạm nghị định 26/CP của Chính phủ về sinh hoạt Tôn giáo. Thứ hai, thời hạn đăng ký tạm trú của hai thầy đã hết. Muốn gia hạn, hai Thầy nên vào thành phố, hay gọi điện thoại cũng được, xin giấy tạm vắng thì địa phương mới có yếu tố hợp pháp để gia hạn tạm trú. Về điểm thứ hai, Hòa thượng Quảng Độ trả lời, vì trong thời gian dài ở tù và bị quản thúc nên Ngài không biết rõ điều luật quy định ấy như thế nào. Vậy đề nghị các ông

viết cho ít chữ nói rõ vì sao Hoà thượng không được phép tạm trú để Hoà thượng có cơ sở hiểu rõ vấn đề và sẽ theo đó mà chấp hành. Các đại diện Chính quyền không chấp nhận đề nghị, và nhất quyết nói, hết hạn tạm trú thì phải đi. Hoà thượng vẫn kiên trì yêu cầu cho văn bản để thi hành, không thể ra lệnh bằng miệng. Tranh luận đến chỗ gay gắt, Hoà thượng Huyền Quang lên tiếng, nếu Hoà thượng Quảng Độ bị bắt buộc rời khỏi đây thì Ngài cũng sẽ đi theo luôn. Vì hai Ngài bị cách ly nhau trên 20 năm. Nay gặp nhau chưa được bao lâu, tâm sự những ngày gian khổ đã qua chưa hết, nên chưa muốn rời. Phó Ban Tôn giáo Tỉnh cảm thấy căng thẳng, bèn nói: chỉ hai thầy vì hết hạn tạm trú nên phải rời khỏi tu viện. Còn Ngài Huyền Quang thì Nhà Nước tạo mọi điều kiện thuận tiện để ở tại đây. Mặc dù được che đậy dưới lớp sơn ưu ái của Chính quyền, nhưng những lời ấy rõ ràng là mệnh lệnh cảnh cáo: Hoà thượng Huyền Quang không được phép tự ý rời tu viện Nguyên Thiều.

Về điểm thứ hai, thầy Tuệ Sỹ cho là buộc tội vô căn cứ. Phải tiến hành lập biên bản, rồi xét theo tình tiết trong biên bản mới có thể phán quyết là sự việc có vi phạm hay không. Nếu chỉ bằng lời nói suông, không có căn cứ hợp pháp, lời buộc tội như vậy mang tính hăm dọa của Chính quyền đối với công dân. Phó Ban Tôn giáo nói, *“các thầy phải về lại địa phương cư trú của mình; Chính quyền tại đó sẽ tiến hành lập biên bản”*. Thầy Tuệ Sỹ phản đối, cho rằng sự việc diễn ra tại tu viện Nguyên Thiều (Bình định), thì chính tu viện là hiện trường phạm pháp, phải lập biên bản tại đây. Phó Ban Tôn giáo nói, *“các thầy ở trong*

*thành phố, về trong đó để được lập biên bản. Vì pháp luật quy định như vậy, vì chính tôi đã tốt nghiệp trường luật nên biết rõ”. Thầy Tuệ Sỹ hỏi, “trường luật nào đã dạy ông như vậy: phạm pháp tại một địa phương này lại tiến hành lập biên bản tại một địa phương khác?” Phó Ban bỗng nhiên nổi giận, nói “Chính quyền sẽ lập biên bản” (không nói lập tại đâu). Rồi đứng dậy ra về.*

Đây không phải là chỗ tranh luận về kiến thức luật pháp. Nhưng rõ ràng Chính quyền địa phương tránh né vấn đề. Chỉ có thể buộc tội bằng miệng. Nhưng luật pháp đã quy định, không công dân nào được xem là có tội nếu chưa được tòa án phán quyết. Cán bộ Nhà Nước biết rõ điều đó. Do đó, cán bộ dùng mọi lý luận quanh co, nhiều khi dẫn đến chỗ phi lý, thiếu trình độ, cho thấy Chính quyền các cấp hoàn toàn bối rối trước vấn đề pháp lý tế nhị.

Như vậy, sự tồn tại hợp pháp của Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất, và như là hệ luận, tính hợp pháp của Đại hội Bất thường (nếu có thể gọi đó là Đại hội theo định nghĩa nào đó) vừa qua tại tu Viện Nguyên Thiều, còn là điểm nóng tranh luận; nhưng tính kế thừa truyền thống và thực tế sinh hoạt của Giáo hội Thống nhất là điều trở thành hiển nhiên. Các vị lãnh đạo Giáo hội Thống Nhất đã kinh nghiệm điều đó, kể từ Hoàng triều Khải Định, qua chế độ Cộng hòa của Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Cho nên các Ngài đã lãnh đạo Tăng Ni Phật tử Việt nam vượt qua những giai đoạn cực kỳ khó khăn, nguy hiểm của lịch sử dân tộc và đạo pháp.

Về tình hình Phật giáo miền Bắc kể từ 1954 đến 1975, chúng ta căn cứ theo hành xử của Ngài Pháp sư Trí Độ để biết. Năm 1975, tại lễ đài Chiến thắng được tổ chức tại thành phố Saigon, Phật tử miền Nam lần đầu tiên thấy xuất hiện vị Chủ tịch Hội Phật giáo Việt nam, tổ chức Phật giáo duy nhất ở miền Bắc. Ngài không xuất hiện trong chiếc tãng bào như thường lệ của các Hòa thượng, Thượng tọa; mà Ngài bận chiếc áo sơ mi cụt tay, như tất cả các vị lãnh đạo Đảng và Nhà Nước, và các cán bộ cao cấp khác, đọc diễn văn chào mừng chiến thắng. Điều đó xác nhận miền Bắc bấy giờ không tồn tại tổ chức Phật giáo như một tôn giáo. Ngài Pháp sư Trí Độ là Hội trưởng Hội Phật giáo, cũng giống như Hội trưởng các hội đoàn quần chúng khác. Có lẽ, chính không phân biệt cơ cấu tổ chức tôn giáo khác với các hội đoàn nhân dân khác, Đảng và Nhà Nước tiến hành áp đặt một tổ chức Phật giáo khác thay thế Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất như là thực thể xã hội đang tranh chấp tính hợp pháp tồn tại với nền pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đảng và Nhà Nước đã gặp phải sự chống đối quyết liệt của nhiều vị Thượng tọa trong Hội đồng Luỡng viện. Từ Đại hội 7 tại chùa Ấn Quang năm 1977, cho đến Đại hội Bất thường (thu hẹp) tại tu viện Nguyên Thiều, 25 năm đã trôi qua, mà sự thách thức tính hợp pháp của Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất vẫn nguyên vẹn, mặc dù pháp chế xã hội chủ nghĩa đã trải qua nhiều sửa sai, nhiều đổi mới.

Những nhà làm luật Việt nam hiện tại tất hiểu rõ ràng, tồn tại của một cộng đồng tôn giáo, dù lớn hay nhỏ, là một thực thể lịch sử và truyền thống vượt lên hạn chế của thời gian và địa lý.

Phật giáo Việt nam tuy mang nhiều sắc thái dân tộc cá biệt, nhưng vẫn là một bộ phận của Phật giáo thế giới. Do đó, không thể xử lý như các hội đoàn quần chúng nhân dân khác, vốn tập hợp một số người dù đông đến đâu, như Đảng Cộng sản Việt nam, cũng chỉ là thực thể xã hội tập hợp trong một giới hạn thời gian và không gian nhất định. Mập mờ giữa hai thực thể ấy chỉ dẫn đến bất ổn xã hội hơn là đoàn kết dân tộc. Vả lại, kể từ khi Nhà Nước để cho Hòa Thượng Huyền Quang thực hiện chuyển hành trình lịch sử từ Hà nội vào thành phố Hồ Chí Minh, cả nước và cả thế giới đã thấy rõ được tâm tư của tuyệt đại đa số Tăng Ni Phật tử Việt nam. Biến cố mới nhất ngay trước cổng tu viện Nguyên Thiều đã cảnh báo cho các nhà đương quyền đánh giá chính xác, rằng đại bộ phận Tăng Ni Phật tử Việt nam đang hướng về đâu, và thực sự ai đang lãnh đạo tinh thần Phật giáo Việt nam: tổ chức Phật giáo của Mặt trận Tổ quốc, hay Giáo hội Phật giáo VN Thống nhất? Che đậy một thực tế hiển nhiên, chứng tỏ sự bất lực của mình. Và từ chối một thực tế hiển nhiên cũng đồng nghĩa với tự huỷ. Nhưng làm thế nào để đánh giá đúng vấn đề, đó là điều kiện sinh tồn của chế độ.

### **CHUYỂN XE LỊCH SỬ**

Ngay tối hôm đó, sau khi Chính quyền địa phương đến tu viện Nguyên Thiều làm việc về vấn đề tạm trú, ông Trưởng ty Công an tỉnh Bình định gọi điện thoại hỏi thầy Minh Tuấn, Phó Trụ trì của tu viện, về việc gì đã xảy ra hồi chiều. Thầy Minh Tuấn trả lời: quản lý hộ khẩu là việc của Công an; sao các



ông không làm, lại để cho Ban Tôn giáo và Ủy ban làm” Hình như ông Trương ty cho rằng có sự nhầm lẫn. Ông hứa hẹn, Công an Tỉnh cố gắng tạo điều kiện để hai Thầy ở lại thăm Ông Ngài một cách thoải mái. Ông sẽ xem xét lại vấn đề.

Tuy vậy, sáng hôm sau, khoảng gần trưa, công an xã đến tu viện chuyển đạt giấy mời, yêu cầu Hòa thượng Quảng Độ ra trụ sở Ủy ban xã làm việc. 2 giờ chiều hôm đó Hòa thượng ra xã. Cùng lúc ấy, ông Thượng tá Công an tên Thanh, đặc trách an ninh tôn giáo các tỉnh phía Nam, Bộ Công an, từ thành phố ra thăm Hòa thượng Huyền Quang. Ông Thượng tá công an đề nghị Hòa thượng khoan đi Sai gon, vì Hòa thượng Trí Quảng sẽ ra thăm và bàn với Ngài về việc phiên dịch Đại tạng. Người ta đặt câu hỏi, nếu là Phật sự thuần túy như phiên dịch kinh điển, tại sao lại có sự kết hợp giữa Công an vốn là lực lượng vũ trang với Hòa thượng Trưởng ban Hoàng pháp của Giáo hội Trung ương?

Khoảng hơn 4 giờ chiều, Hòa thượng Quảng Độ trở về tu viện, cho biết Hòa thượng nhận thấy việc tạm trú ở Nguyên Thiều hơi phiền phức. Và lại, bây giờ cũng không có việc gì quan trọng, ngoài việc Hòa thượng muốn nghỉ lại đây một thời gian để tĩnh dưỡng trong không khí trong lành, bù lại một thời gian bị quản thúc trong bốn vách tường của Thanh minh Thiển viện. Vì vậy, Hòa thượng đã báo cho xã biết, ngày kia, 8/10/2003, Hòa thượng sẽ vào lại thành phố. Hòa thượng đã gọi thầy Nguyên Lý mang xe ra đón, cả hai Ngài cùng đi chung.

Chiều hôm sau, cháu gọi Hòa thượng Huyền Quang bằng bác

ruột từ quê lên thăm, cùng đi với ông Bí thư xã. Anh cho biết, chính quyền xã báo anh hãy lên chùa khuyên Bác đừng đi Saigon. Xã còn cho biết, Chủ tịch Tỉnh cũng đến thăm Hòa thượng vào chiều hôm đó. Nhưng hôm ấy không có Chủ tịch Tỉnh lên chùa như xã báo. Hòa thượng cũng không ra gặp cháu, vì Ngài hơi mệt.

Một loạt các sự kiện trên không phải là ngẫu nhiên trùng hợp, hay tự nguyện của mỗi người với tình cảm thân thiết khác nhau dành cho Hòa thượng Huyền Quang. Rất dễ thấy rằng Chính quyền đang tìm mọi biện pháp, mọi thủ đoạn quanh co để cách ly hai Hòa thượng. Như vậy có thâm ý gì?

Sáng hôm sau, ngày 8/10, 2003, vào lúc 4:50, hai Hòa thượng cùng các thầy Tuệ Sỹ, Thanh Huyền, Viên Định, Nguyễn Lý, Minh Hạnh, Đồng Thọ và Nguyễn Vương, lên xe rời tu viện. Xe vừa ra khỏi cổng, bắt đầu lên dốc, gặp ngay một hàng đá tảng chắn ngang. Ai đó, vào lúc giữa đêm, đã thực hiện kế hoạch đắp mô. Nhưng tài xế đã khéo léo lách qua được. Khi xe bắt đầu xuống dốc, một chiếc xe ngược chiều đón ngay đầu. Tài xế xe chùa cố giữ tay phải. Phía sau có thầy lên tiếng bảo tài xế lách qua phía trái mà tránh. Nhưng tài xế nói, không thể được, mà phải chạy đúng luật, và vẫn giữ xe phía tay phải. Cho đến khi, hai xe gần đụng đầu nhau, tài xế bắt buộc phải ngừng xe. Mọi người trên xe bấy giờ biết rõ ý đồ của chiếc xe ngược chiều. Ngay lúc đó, một tốp thanh niên từ hai bên lề đường đợi sẵn, mà trước đó mọi người cứ tưởng là công nhân xây dựng đi làm sớm, bấy giờ tràn ra chặn đầu xe chùa. Lập tức có lệnh bên

trong xe bảo các thầy hãy đóng chặt các cửa lại, để phòng có thể bị hành hung. Đám thanh niên xã bắt đầu đập vào đầu xe và la ó: Các thầy hãy trở lại chùa! Các thầy hãy trở lại chùa!

Số người bao vây xe bắt đầu tăng. Phần lớn phụ nữ và một ít người già. Một phụ nữ trẻ đập tay vào các cửa la lớn: *“Các thầy hãy ở lại với chúng con. Đây là đất nước mình, quê hương mình, các thầy chớ bỏ đi! Các thầy hãy ở lại xây dựng chùa!”* Có lẽ cô này tưởng các thầy vượt biên chắc? Mọi người trong xe im lặng, quan sát, và chờ xem sự gì sẽ xảy ra nữa.

Diệp khúc ấy lặp lại nhiều lần. Cho đến khi trời hừng sáng, số thanh niên có vẻ được tăng cường. Họ bắt đầu bao vây xe. Một vài thanh niên tiến hành xả bánh xe. Tài xế mở cửa xe, thò đầu ra la lối. Rất may, ngay lúc đó, hình như thầy Minh Tuấn trong tu viện hay tin được nên đến kịp thời. Khiến đám thanh niên này không dám tiếp tục xả bánh xe.

Một vài người đàn ông lớn tuổi áp sát cửa xe, nói to vào: *“Thầy Huyền Quang ở lại! Thầy Huyền Quang ở lại!”* Trong xe có thầy thò đầu ra hỏi: *“Ông gọi thầy Huyền Quang ở lại. Trong xe này ai là Huyền Quang, ông chỉ xem.”* Ông ấy nhìn khắp xe, rồi trả lời: *“Không biết.”* Mọi người cười ồ cả lên. Có vị hỏi: *“Ông gọi Thầy Huyền Quang ở lại, mà không biết mặt thầy Huyền Quang, như vậy nghĩa là sao?”* Ông ấy lại trả lời: *“Người ta bảo tôi nói vậy đó.”*

Ngay lúc đó, có tiếng người nhận là Chủ tịch xã Phước hiệp, huyện Tuy Phước, nơi đang xảy ra sự cố. Ông cho biết, vừa hay tin có sự việc cản trở giao thông tại dốc Lò, tháp Bánh ít, gây

mất trật tự, nên ông đến đây quan sát sự việc, và tiến hành lập biên bản. Ông yêu cầu bà con xã phát biểu ý kiến. Có vài người lên tiếng, nội dung không khác nhau bao nhiêu. Điểm chính được nói nhiều là, nghe nói Ngài Huyền Quang đang dự định dịch bộ kinh Đại tạng, kinh rất hay, vô cùng quý giá, nên bà con xã kéo đến đây mời ngài ở lại chùa dịch kinh, chớ bỏ vô Saigon. Có người đề nghị ngài Huyền Quang hãy ở lại xã với Phật tử trong xã để xây dựng chùa. Khoảng bốn năm người phát biểu. Đại ý giống nhau như vậy. Tất cả đều muốn Ngài Huyền Quang hãy ở lại, chớ đi vô Saigon.

Sau đó xã tiến hành lập biên bản. Nội dung ghi sự cố tắc nghẽn giao thông, do xe số 53M 4539 (tức xe chở quý thầy), phạm lỗi, có bà con làm chứng. Trên xe có hai ông Đặng Phúc Tuệ tức Thích Quảng Độ và Phạm Văn Thương tức Thích Tuệ Sỹ, vì hết hạn tạm trú nên xã yêu cầu phải trở vào thành phố Hồ Chí Minh. Còn Hòa thượng Huyền Quang, thường trú tại tu viện Nguyên Thiều, đề nghị trở lại chùa. Sau đó, yêu cầu bà con ký tên. Không rõ có bao nhiêu người ký.

Trời càng sáng rõ, các chú trong tu viện bắt đầu xuất hiện. Tài xế nhận thấy biên bản cố tình bóp méo sự thật, anh sợ sẽ phải gặp rắc rối khi trở về thành phố, do đó đề nghị thầy Minh Tuấn chụp hình hai xe và hiện trường để làm bằng. Thầy Minh Tuấn vội cho người trở vào tu viện lấy máy chụp hình. Thầy bắt đầu chụp hình chi tiết toàn bộ hiện trường, cùng quang cảnh quanh hiện trường.

Một lát sau, nhiều học tăng hay tin xe Hòa thượng bị chặn đã

bỏ lớp đến ngay hiện trường. Cho đến hơn 9:00, số học tăng đến hiện trường rất đông. Một số chú chất vấn xã trưởng, và đã có tranh luận nhỏ xảy ra về việc làm sai trái, thiên lệch của chính quyền xã với biên bản không trung thực và tập hợp dân xã với ý đồ không tốt.

Khoảng 9:00, Phó Ban Tôn giáo Tỉnh đến, tự động mở cửa xe, lên ngồi chỗ tài xế, nói chuyện với Hòa thượng: “Sao kỳ vậy! Hòa thượng hẹn với ông Chủ tịch, chiều nay 2:00 gặp ông Chủ tịch. Sao bây giờ Hòa thượng lại bỏ đi” Hòa thượng hỏi lại, “Có hẹn à”, Ngài không nhớ. Phó ban cho biết, có giấy mời của ông Chủ tịch, và chiều hôm qua ông đã đọc cho Hòa thượng nghe rồi. Bây giờ ông vẫn giữ trong túi đây. Nếu Hòa thượng cần nghe lại, ông sẽ đọc cho Hòa thượng nghe. Nói đoạn, Phó ban thò tay vào túi, định móc giấy mời ra. Hòa thượng bảo, thôi khỏi cần đọc. Nếu thật sự Ngài có hẹn, thì bây giờ xin lỗi ông Chủ tịch. Để Ngài đi vô thành phố HCM chữa bệnh xong, sẽ ra lại, và sẽ gặp ông Chủ tịch cũng được.

Ngay lúc đó, khoảng gần 10 giờ, cảnh sát giao thông đến, đề nghị Phó ban tránh đi chỗ khác để cán bộ giao thông làm việc. Ông Thiếu tá Cảnh sát giao thông tiến hành quan sát, tịch thu tất cả giấy tờ xe và dẫn tài xế đi làm việc. lát sau, quay trở lại hiện trường, ông Thiếu tá quy lỗi cho xe chùa vi phạm giao thông gây tắc nghẽn, buộc tài xế phải lùi trở lại, vào đậu trong chùa để chờ xử lý. Rõ ràng, ngoài ý đồ muốn xóa dấu vết hiện trường để dễ dàng buộc tội xe chùa phạm lỗi, còn có ý đồ khác sâu sắc hơn nhiều, đó là dựa vào sự cố giao thông để bắt Hòa

thượng Huyền Quang phải trở về tu viện, điều mà dân xã từ khuya đến giờ không làm được. Lập tức, các chú đứng chặn ngay sau xe, không cho xe thối lui. Họ lên tiếng phản đối, cảnh sát giao thông xử không đúng. Bị phản ứng, Thiếu tá dẫn thuộc hạ cảnh sát vội vàng rút lui.

Một vài thầy trụ trì ở các chùa gần đó, hay tin bèn vội đến hiện trường. Nhận thấy sự việc có thể nghiêm trọng, các thầy bèn phân công về thông báo các chùa khác hay. Nhưng khi họ ra khỏi hiện trường, lực lượng an ninh đã bố trí chốt hai đầu. Một đầu ở ngã ba cầu Bà Di, và một ở ngã ba Phước hiệp. Từ đó cho đến chiều, không có thầy Trụ trì nào ở các chùa gần đó được phép tiếp cận hiện trường.

Khoảng giữa trưa, số Tăng Ni tụ tập đến hiện trường càng lúc càng đông. Có trên 200 Tăng Ni. Cùng với khoảng trên 500 đồng bào, sau giờ làm việc, kéo về hiện trường càng đông. Cảnh sát giao thông tăng cường kiểm soát, nhưng chỉ dàn hàng một khoảng cách xa chiếc xe chùa trên trăm thước. Tăng Ni đứng bao quanh xe. Thỉnh thoảng từng nhóm thanh niên không rõ nguồn gốc, cũng không xác định được ý định của họ, xuất hiện và tiến về phía xe chùa. Nhưng mỗi lần như vậy, các học tăng báo động, làm thành rào chắn ngay trước xe, để phòng có sự hành hung nào đó. Tuy nhiên, vẫn không có xáo trộn đáng kể xảy ra. Duy có một sự xô xát nhỏ: Vào khoảng gần giữa trưa, nhận thấy số Tăng Ni và đồng bào tụ tập tại hiện trường càng lúc càng đông, và sự việc càng trở nên căng thẳng, thầy Minh Tuấn bèn mang camera ra quay phim thu hình. Một

thanh niên tiến đến giựt máy, tức thì bị các chú đứng gần đó xô ra. Hiện trường có dấu hiệu náo loạn. Nhưng các thầy đã ngăn cản kịp thời, nên không khí lắng dịu trở lại.

Hòa thượng Quảng Độ bị lên cơn ho, kéo một thời gian khá dài. Do đó, Hòa thượng phải uống thuốc chặn. Có thể do phản ứng thuốc, Hòa thượng bắt đầu bị choáng. Các thầy trong xe ngồi dồn lại để trống chỗ cho Hòa thượng nằm nghỉ giây lát, cho qua cơn ho và choáng. Tình trạng sức khỏe của Hòa thượng rất đáng quan ngại. Vì trong xe thiếu không khí; bên ngoài trời càng về trưa càng trở nên nóng bức.

Càng về trưa, số đồng bào và Phật tử tụ tập càng đông, phần lớn phía sau xe, nối dài qua phía sau dốc, nên ngồi trong xe không quan sát hết được. Tình trạng ách tắc kéo dài cho đến hơn 2 giờ chiều, có ông Chủ tịch huyện đến, yêu cầu thương lượng. Các học tăng liền đứng chắn ngay trước xe, không cho ông tiến vào. Ông phải lớn tiếng, đề nghị được gặp Hòa thượng Huyền Quang. Thầy Minh Tuấn được yêu cầu hướng dẫn ông Chủ tịch huyện đến bên xe nói chuyện với Hòa thượng.

Ông Chủ tịch đề cập mấy vấn đề:

- Buổi lễ vừa rồi tại tu viện Nguyên Thiều đã vi phạm nghị định 26/CP; yêu cầu các thầy dừng lặp lại nữa.

- Hòa thượng Huyền Quang đã hẹn gặp ông Chủ tịch tỉnh vào lúc 2 giờ chiều nay. Bây giờ đã hơn 2 giờ mà Hòa thượng không đi gặp; ông Chủ tịch Tỉnh đang đợi Hòa thượng.

- Đồng bào Phật tử xã Phước hiệp được biết Hòa thượng đang dự

*định dịch bộ kinh Đại tạng rất quý giá; nên đồng bào mời Hòa thượng ở lại dịch kinh để đồng bào được nhờ.*

Hòa thượng Huyền Quang trả lời, Hòa thượng nhờ xin lỗi ông Chủ tịch Tỉnh vì quên hẹn. Hòa thượng đi vào Saigon chữa bệnh xong, khi ra lại Ngài sẽ đích thân đến xin lỗi sau. Bây giờ Ngài đã mệt, đề nghị ông Chủ tịch huyện làm việc với Thầy Tuệ Sỹ.

Thầy Tuệ Sỹ hỏi ông Chủ tịch: Nãy giờ ông nhắc đến rất nhiều bộ kinh Đại tạng rất quý giá; vậy ông có thể cho biết, kinh đó nói gì không? Ông Chủ tịch trả lời, ông không biết. Nhưng đồng bào Phật tử chắc có người biết. Thầy Tuệ Sỹ nói, theo sự quan sát các thầy từ sáng đến nay, dân làng ở đây chắc chắn không ai biết kinh Đại tạng là kinh gì. Ngay các thầy tu hành lâu năm, cũng có vị còn chưa biết đó là kinh gì. Vậy, ai đã dàn cảnh vụ đón xe này với cớ là dân xã mời Hòa thượng ở lại dịch kinh? Thêm nữa, những người đón xe từ khuya, chưa ai một lần chứng tỏ vào thăm tu viện, họ cũng không biết Thầy Huyền Quang là ai. Trong số những người đón đường, có người ra đời sau khi Hòa thượng rời tu viện đã lâu, từ đó chưa một lần về thăm. Từ ngày Hòa thượng về lại, cũng chưa ai đến tu viện viếng thăm. Làm sao họ biết Hòa thượng là ai? Việc Hòa thượng đi trị bệnh, hay đi thăm viếng các nơi là chuyện thường, rồi Ngài sẽ về lại. Vậy, ai đã kích động đồng bào, phao tin Hòa thượng bỏ tu viện đi luôn, rồi tập hợp họ đến đây để đón đường. Chúng tôi không phải là những người khờ dại, để không biết rõ ai đứng sau vụ dàn cảnh đón đường này. Các ông



chớ có lấy bàn tay mà che mặt trời.

Về việc ông Chủ tịch tỉnh mời Hòa thượng; lời mời của ông Chủ tịch không phải là mệnh lệnh của pháp luật; nó chỉ mang tính chất đề nghị gặp dân để tham khảo. Nếu nhận thấy việc gặp ông Chủ tịch Tỉnh không đóng góp ích lợi gì, Hòa thượng có quyền từ chối. Ông (Chủ tịch huyện) không được phép đồng hoá lời mời ấy với lệnh gọi của pháp luật để hăm dọa Hòa thượng. Ông Chủ tịch huyện ngắt lời, rằng ông không có ý nói như vậy.

Thầy Tuệ Sỹ tiếp: “Tôi có thể xác nhận rằng Hòa thượng không nhận được giấy mời của Chủ tịch tỉnh. Chỉ mới sáng nay thôi, ông Phó Ban Tôn giáo Tỉnh mới đến hiện trường này để nhắc Hòa thượng về thư mời của Chủ tịch Tỉnh. Để làm bằng chứng, ông Phó Ban nói ông còn giữ thư mời trong túi đây, Hòa thượng có cần xem lại không? Thư mời mà không giao cho người nhận. Cho đến lúc sự cố xảy ra, mới nói là người đưa thư đang giữ trong túi của mình. Ông Chủ tịch Huyện nên về trình lại với Ông Chủ tịch Tỉnh, rằng Hòa thượng không nhận được giấy mời. Các ông nghĩ, có thể Hòa thượng Huyền Quang tuổi tác đã quá cao, nên dần cảnh qua mặt Hòa thượng, với lý do Hòa thượng chúng tôi lẩm cẩm, khi nhớ khi quên, nên không nhớ đã được ông Chủ tịch Tỉnh mời, phải không? Thư mời của Chủ tịch gọi Hòa thượng chiều hôm qua, mà sáng nay lại vẫn còn nằm trong túi ông Phó Ban Tôn giáo, nên chúng tôi có quyền xem đó là thư mời giả mạo. Tuy nhiên, Hòa thượng cũng gọi lời xin lỗi ông Chủ tịch Tỉnh về việc sai hẹn này. Sau khi đi chữa bệnh xong trở về, Ngài sẽ thân hành đến xin lỗi ông Chủ tịch Tỉnh sau.”

Chủ tịch Huyện hứa sẽ trình bày lại chi tiết với Chủ tịch Tỉnh, để chờ giải quyết.

Hơn một giờ sau, Chủ tịch Huyện trở lại, chuyển lời Chủ tịch Tỉnh, rằng rất lấy làm tiếc không được gặp Hòa thượng chiều nay để bàn một việc rất quan trọng (!). Hòa thượng cần vào thành phố Hồ Chí Minh chữa bệnh, Ngài có thể tự do đi lại thoải mái. Khi nào chữa bệnh xong, trở về tu viện, ông Chủ tịch mong có dịp gặp lại. Ông Chủ tịch Tỉnh đã ra lệnh cho các cơ quan địa phương giải tỏa ách tắc để xe Hòa thượng ra đi không trở ngại.

Khoảng 3:30 chiều, tài xế xe chùa nhận lại đầy đủ các giấy tờ. Các biên bản vi phạm coi như hủy bỏ. Xe bắt đầu chuyển bánh. Tăng Ni đề nghị được tiễn hai Hòa Thượng và các thầy ra đến quốc lộ. Tài xế được đề nghị cho xe chạy chậm. Trên 200 Tăng Ni, và trên một ngàn đồng bào Phật tử đã đi bộ theo xe, tiễn ra đến ngã ba Quốc lộ. Xe thực sự bắt đầu mở vận tốc bình thường vào lúc 4:00.

## **ĐỒN BIÊN PHÒNG LƯƠNG SƠN**

7:30 tối, ngày 8/10, 2003, phái đoàn ghé lại chùa Linh sơn, thị trấn Vạn giã, huyện Vạn ninh, nghỉ qua đêm. Tối đó, mấy bác ở gần chùa phát hiện có người lạ rình rập trong khuôn viên chùa, lập tức đến chặn lại, cho là quân trộm cắp gì đây, định bắt giao cho an ninh xóm. Hai người vội xuất trình giấy. Họ là cán bộ công an tỉnh Bình định.

Sáng hôm sau, gần 7 giờ, xe lại tiếp tục lên đường trở về thành

phố. Khoảng 9:30, xe đi đến trạm Lương sơn. Đột nhiên, một toán công an đồng phục, trang bị roi điện, dàn hàng ngang giữa đường, chặn xe các thầy lại, hướng dẫn đưa vào sân đồn Công an Biên phòng Lương sơn.

Tất cả những người trong xe được lệnh xuống xe để công an tiến hành khám xét xe. Sau khi mọi người xuống xe, lập tức mỗi người được dẫn đi cách ly một nơi. Tôi được dẫn đến một phòng riêng, buộc nghe lệnh bắt giữ và khám xét. Tôi hỏi: “*Bắt giữ tôi vì lý do gì.*” Cán bộ trả lời: “*Lát nữa qua bên kia sẽ có cán bộ giải thích cho biết lý do bị bắt giữ. Ở đây trước hết tiến hành thủ tục khám xét, xét người và xét vật dụng cá nhân.*” Khám xét người, không phát hiện tang vật gì. Các vật dụng khác của tôi gồm có: 1 xác tay, 1 sổ địa chỉ và một sổ danh thiếp. Tất cả được thu giữ, lập biên bản tạm giữ, ghi là “tang vật.” Tôi yêu cầu trao cho tôi giữ một biên bản, nhưng cán bộ không đáp ứng. Sau đó, áp giải tôi đưa lên xe.

Ngay lúc đó, tôi thấy hai CA diu Hòa thượng Quảng Độ ra xe. Họ đẩy Ngài lên xe. Nhưng Ngài chống đối; tì tay vào khung xe, không chịu bước vào. Rất đông cán bộ công an tụ tập, khoảng gần 20 người. Hai cán bộ trẻ thường phục cặp sát Hòa thượng, một người quặt tay Ngài xuống, và những người khác đẩy Ngài lên xe. Xe chở Ngài đi mất.

Lát sau, người ta dẫn thầy Thanh Huyền đến, đưa lên cùng một xe với tôi. Kèm theo chúng tôi có 4 công an thường phục, kể cả tài xế. Xe chở chúng tôi bắt đầu khởi hành. Tôi hỏi những người dẫn độ tôi: “*Các ông bắt giữ tôi vì lý do gì?*” Không

ai trả lời. Tôi và thầy Thanh Huyền lặp lại câu hỏi nhiều lần, cũng không được trả lời. Thầy Thanh Huyền nói, “Các ông bắt người vô cớ, không cho biết lý do, mà chỉ dựa vào bạo lực. Cái chế độ mà các ông gọi là dân chủ, tự do chỉ là sự giả dối, dùng vũ lực ức hiếp dân.” Các cán bộ vẫn im lặng. Tôi và thầy Thanh Huyền liền đó tuyên bố, “Để phản đối hành vi phi pháp này, kể từ giờ phút này, chúng tôi tuyệt thực.”

Mấy giờ sau, chúng tôi biết chắc xe chạy về Saigon.

Khoảng 4:00 chiều, xe ngừng tại bộ chỉ huy Công an quận Gò Vấp. Tôi được đưa riêng lên phòng hội. Ngồi chờ đến gần 6:00, phó đội an ninh quận và một CA từ Sở CA thành phố HCM đến làm việc. Tôi được yêu cầu báo cáo những việc tôi đã làm trong chuyến đi Bình định. Tôi nêu câu hỏi tiên quyết, nếu không giải quyết xong, tôi sẽ không trả lời bất cứ yêu cầu nào khác: “Bắt tôi vào đây vì lý do gì?” “Cán bộ CA trả lời: “không hề có lệnh bắt”. “Vậy, tại sao tôi được đưa vào đây?” Cán bộ không trả lời được. Từ đó cho đến hơn 9 giờ tối, tôi ngồi im không nói một lời. Đến khoảng 9:30, phó đội an ninh đến, đề nghị tôi sang trụ sở Ủy ban Nhân dân quận làm việc, sau đó tôi sẽ được đưa về chùa nghỉ. Tôi trả lời, tôi sẽ không đi bất cứ đâu, không rời khỏi nơi đây, trừ khi câu hỏi của tôi được trả lời chính xác: Bắt tôi vào đây vì lý do gì? Cho tôi xem lệnh bắt. Phó đội trả lời: Tôi không bị bắt, cũng không có lệnh bắt. “Các anh đừng xem tôi như con nít. Không bị bắt, sao tôi được đưa vào ngồi đây? Không có lệnh bắt, sao tôi được công an dẫn độ từ Khánh hòa về đây?”

Phó đội không trả lời được, bỏ đi một lúc lâu. Sau đó trở lại, báo cho biết, vì tôi không chịu sang trụ sở của Ủy ban, nên Ủy ban sẽ đến ngay tại đây làm việc.

Khoảng 10:30 tối, đến gặp tôi tại phòng hội của CA gồm có: Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Phó Viện kiểm sát nhân dân quận, Chủ tịch Mặt trận quận, Phó Ban Tôn giáo quận, và đại diện công an quận, cùng với nhiều người khác nữa, tôi không nhớ hết.

Chủ tịch Quận đề nghị tôi tường thuật chuyển đi Bình định vừa rồi. Điều kiện tiên quyết của tôi nêu ra, trước khi tôi có thể trả lời các câu hỏi. Tôi cần phải xác định tình trạng công dân của mình: phạm tội hay không phạm tội. Vậy, tôi đã bị bắt đưa vào đây vì lý do gì? Cho tôi xem lệnh bắt giữ, hoặc giấy gọi của Chính quyền đến đây làm việc.

Chủ tịch Quận trả lời, tôi không bị bắt. *“Vậy, làm sao tôi có thể vào ngồi tại đây? Tôi là công dân thường, không thể đường đột xông vào cơ quan CA để ngồi chơi được”* Bà Phó Chủ tịch trả lời: Công an Khánh hòa đưa tôi vào đây hồi chiều. Bây giờ họ trở về ngoài đó, nên chưa rõ lý do tôi được đưa vào đây. Vô lý, CA chuyển giao phải có giấy tờ. Và lại, nếu họ quên giao lệnh bắt, Quận phải hỏi họ, hoặc đưa tôi ra đó trở lại để làm việc, nếu họ quên giao lệnh bắt. Bà Phó hứa sẽ đưa tôi trở ra Khánh hòa để làm sáng tỏ vấn đề.

*“Vậy, cho tới khi vấn đề chưa được sáng tỏ, đề nghị quý vị đừng hỏi tôi bất cứ câu hỏi nào. Tôi nhất định không trả lời. Tôi cũng báo cho các vị biết, tôi đã hỏi những người dẫn độ tôi, bắt tôi vì lý do gì.”*

*Nhưng không có ai trả lời nên tôi tuyên bố tuyệt thực, nhịn cả ăn và uống từ sáng đến nay. Cán bộ chuyển giao mà không báo lại lại cơ quan tiếp nhận rõ tình trạng người bị bắt, đó là việc làm thiếu trách nhiệm. Chuyển giao một con người chứ không phải chuyển giao một khúc gỗ. Bây giờ tôi xác định với các vị, tôi vẫn tuyệt thực cho đến khi nào Chính quyền trả lời rõ tôi bị bắt giữ vì lý do gì.”*

Chủ tịch Quận đồng ý lập biên bản, chờ nghiên cứu lại vấn đề. Trong thời gian chờ đợi, Chủ tịch Mặt trận đề nghị, vì tôi nhịn ăn đã từ sáng, nay ông mời tôi một bữa cơm chay. Tôi từ chối. Ông Chủ tịch Mặt trận đề nghị lập thêm biên bản, ghi lại lời mời của Chủ tịch Mặt trận và sự từ chối của tôi.

Các biên bản lập xong, các quan chức của Quận rời phòng họp ra về.

Công an quận có vẻ lúng túng, không biết xử lý tôi bằng cách nào. Ban đầu, có người đề nghị mang đến cho tôi một ghế bố để tôi nghỉ luôn tại phòng hội này. Nhưng sau đó, khoảng hơn 1 giờ sáng, cán bộ đến yêu cầu tôi nghe lệnh tạm giữ 12 hai tiếng, từ 22:00 ngày 9/10, 2003, đến 10:00 ngày 10/10, 2003. Lý do: không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ. Tôi hỏi lại: “Hỏi chiều đến giờ các ông yêu cầu tôi những gì mà báo tôi không chấp hành? Tuy nhiên, tôi biết đây chỉ kiếm một cái cơ gì đó để tôi được ở lại cơ quan CA quận. Cơ quan CA quận chứ đâu phải là nhà trọ?” Cho nên, tôi cũng không thắc mắc gì thêm.

Hôm sau, ngày 10/10, 2003, khoảng 8:00, cán bộ y tế đến khám sức khoẻ. Tôi vẫn tiếp tục tuyệt thực. Đến lúc 10:00, hết hạn tạm giữ, cán bộ gọi tôi lên phòng hội ngồi chơi. Tôi ngồi

chơi đó, trò chuyện phiếm với các cán bộ có nhiệm vụ canh gác, cho đến 22:30, lại nhận thêm lệnh tạm giữ, lý do như ngày qua. Tôi lại hỏi: “Suốt ngày nay, có ai hỏi tôi câu nào đâu?” Nhưng tôi biết cũng phải tìm một lý do vu vơ nào đó để có thể giữ tôi lại trong nhà giam.

Sáng 11/10. 2003, lúc gần 8 giờ, cán bộ y tế lại vào khám. Sau đó, cán bộ CA gọi tôi đi làm việc. Tôi từ chối, sẽ không đi đâu nữa. Nằm đây tuyệt thực và chờ trả lời thỏa đáng. Tôi đề nghị lập biên bản, nêu các câu hỏi của tôi:

Chặn bắt tôi giữa đường mà không nêu rõ lý do; cũng không báo cho thân nhân tôi biết tôi đang ở đâu để họ khỏi phải nghi ngờ tôi mất tích hay bị thủ tiêu. Hành vi như vậy phải được xem là bắt cóc. Tôi sẽ kiện những người đã bắt cóc tôi.

Tịch thu vật dụng cá nhân của tôi, nói là tang vật, nhưng không nêu rõ bằng chứng phạm pháp; lại không giao tôi biên bản tạm giữ. Hành vi như vậy đồng nghĩa với tội ăn cướp.

Quận giam giữ tôi hai hôm nay mà không có lý do chính đáng, như vậy giam giữ trái phép.

Nếu không giải quyết ba yêu cầu này của tôi, tôi sẽ không chấp hành bất cứ mệnh lệnh nào.

Cán bộ tiến hành lập biên bản. Nhưng chỉ ghi hai điều: yêu cầu trả lời lý do tôi bị bắt giữ, và đề nghị thông báo cho thân nhân tôi biết nơi tôi đang bị tạm giữ. Tuy biên bản không trung thực, nhưng trung hay không trung thì cũng chỉ có cán bộ đọc với cán bộ, khi cần thì họ tiêu huỷ đi; người dân ai biết” Cho

nên, tôi chẳng cần bắt buộc sửa đổi cho chính xác những gì tôi đã nêu. Tôi chấp nhận ký.

Đến chiều, tôi đột nhiên bị ối mưa. Có lẽ do mất nước quá nhiều, và dịch vị tiết quá nhiều, gây rối loạn tiêu hóa. Bác sĩ vội đến khám và truyền dịch ngay. Nhưng chỉ một lát thôi, có lệnh di chuyển tôi rời đi chỗ khác. Tôi từ chối, không đi đâu cả. Cán bộ nói, để anh em chúng tôi đưa thầy về chùa.

*“Các ông chó có nói gạt, như đã gạt tôi một lần đưa về đây rồi. Bây giờ tôi không đi đâu hết.”* Cán bộ nói, *“Nếu thầy không đi, anh em chúng tôi sẽ dìu thầy đi.”*—*“Vậy các anh cứ dùng vũ lực mà cưỡng bức. Còn tôi, nhất quyết tôi không đi đâu cả.”*

Lập tức cán bộ được lệnh khiêng tôi ra xe. Hai cán bộ khiêng tôi ra đặt vào xe, rồi chở đi. Lát sau, xe dừng trong sân trường Nguyễn Thượng Hiền, gần chùa Già lam. Tôi vẫn không chịu bước xuống. Cán bộ lại được lệnh ẵm tôi xuống xe, bế thẳng vào phòng hội. Tại đó, tôi thấy hiện diện một số đông đồng bào, khoảng trên dưới 30 người.

Tôi và thầy Thanh Huyền được đưa vào ngôi ghế bị cáo (?). Khi Chủ tọa đoàn đến, tôi nhận thấy hơn 10 người, nhưng chỉ nhận diện được vài người. Ông Chủ tịch Quận tuyên bố lý do có buổi họp nhân dân hôm nay, và giới thiệu Trưởng Công an phường I quận Gò Vấp đọc cáo trạng. Phần thứ nhất dành cho tôi, và phần thứ hai dành cho thầy Thanh Huyền. Riêng về phần tôi, ghi nhận 4 tội danh, nếu tôi còn nhớ rõ:

Tổ chức Đại hội VIII của GHPGVNTN tại Mỹ.—Không rõ trong số người tham dự, có mấy người biết Đại hội VIII là Đại



hội gì.

Soạn thảo văn bản gọi các Đại sứ Châu u, nói xấu Nhà Nước.–Không ai rõ nói xấu chuyện gì, và nói đúng hay sai.

Lợi dụng ra Hà nội thăm bệnh Hòa thượng Huyền Quang, đến họp với Liên hiệp Châu u nói xấu Nhà Nước.

Cùng với Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ hội họp trái phép tại tu viện Nguyên Thiều Bình định, âm mưu thành lập tổ chức bất hợp pháp.

Rất tiếc, tôi chỉ nghe một lần mà không được tự mình đọc cáo trạng, nên không chắc những điều trên đây đúng nguyên văn, nguyên ý. Nhưng không phải tại tôi cố tình xuyên tạc, mà các vị quan chức cai trị dân không làm đúng theo pháp luật.

Tiếp theo, Chủ tịch Quận đọc quyết định xử phạt quản chế hành chánh 24 tháng do Phó chủ tịch Ủy Ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ký thay Chủ tịch thành phố HCM. Tôi và thầy Thanh Huyền, mỗi người nhận được một bản.

Phần tiếp theo, phát biểu của đồng bào. Khởi tường thuật dài dòng, ai cũng biết những người được mời phát biểu sẽ nói gì. Vì đó là quy luật được thực hiện từ những cuộc đấu tố kinh hoàng trong thời kỳ cải cách ruộng đất ở miền Bắc. May mắn, chúng tôi được xử nhẹ hơn. Đồng bào phát biểu: “*Dảng và Nước xử phạt như vậy vừa nhân đạo, vừa nhân quyền.*” Bình mới, nhưng rượu cũ, chung cất trên nửa thế kỷ. Cho nên có hương vị đặc thù.

Phát biểu xong, cán bộ lôi lẹ tôi ra khỏi phòng. Các thầy Ban

Đại diện Phật giáo quận Gò Vấp đến chào tôi mà chưa kịp nói hết lời. Tôi được đẩy tiếp lên xe, và chở về trả lại nhà chùa.

Theo quy định, chúng tôi được phép có 10 ngày để khiếu nại lên Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố HCM.

Cho đến nay, tôi chưa khiếu nại gì. Nhưng chắc chắn tôi sẽ hỏi cho ra lẽ trước dư luận của loài người có lương tri, biết phải trái, về lý do bắt giữ tôi rồi đột nhiên đưa ra xử trước tòa án quần chúng mà không hề có biên bản vi phạm, cũng không hề có thẩm vấn, hay bất cứ hình thức nào mà luật tố tụng hình sự quy định phải tiến hành trước khi xét xử. Tôi chỉ biết mình đang được xét xử khi nghe Trường CA phường đọc cáo trạng.

Nói tóm lại, tự nhiên một nhóm người ở đâu đó coi thường pháp luật, coi thường đạo lý con người, chặn bắt tôi giữa đường như bắt cóc, rồi bỗng nhiên tống tôi vào nhà giam chẳng viện được lý do gì, rồi lại đột nhiên khiêng tôi từ nhà giam, mà chẳng cho biết sẽ khiêng đi đâu, lại đưa ra trước công đường để nghe luận tội. Thực tế, ai đang luận tội ai? Tôi hỏi Ông Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố. Chúng tôi đang sống trong một xã hội nào đây, xã hội loài người giữa thế kỷ 21 chẳng, thưa Ông Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân thành phố?

Tôi không khiếu nại hay kháng cáo. Thầy Thanh Huyền có gửi thư đến chất vấn ông Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố. Chuyện chất vấn như một trò đùa, không phải là chuyện pháp luật mà nơi đó liên hệ đến sinh mạng và phẩm giá của con người.

Chuyện như thế này. Ngày hôm đó, các thầy trong chùa Già lam phát hiện Quyết định số 4312/QĐ-UB buộc tội ông Phạm Văn Thương tức Thích Tuệ Sỹ đã có hành vi lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích Nhà nước, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân quy định tại điều 258 Chương 20 Bộ Luật hình sự Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam, do đó, quyết định xử phạt ông Lê Quang Thiện 24 tháng quản chế hành chánh. Thì ra, thầy Tuệ Sỹ gây tội mà thầy Thanh Huyền phải gánh chịu hình phạt.

Hôm sau, thầy Thanh Huyền được mời lên quận để làm việc, nội dung là *“Để đối chiếu vật dụng bị tạm giữ”*. Nhưng khi đến Quận, có lẽ Quận đã phát hiện chỗ sai lầm khôi hài này nên ra lệnh Thanh Huyền phải giao bản chính của Quyết định (Quyết định số 4312/QĐ-UB). Thanh Huyền không chịu và đề nghị *“Tôi sẵn sàng giao lại bản QĐ 4312/QĐ-UB nhưng phải trong bối cảnh như ngày hôm qua—trước đông đảo cử tọa chứng kiến—và phải nói rõ lý do thu hồi Quyết định đó”*. Sau khi dùng biện pháp dọa nạt không có hiệu quả, Chủ tịch Phường đổi sang giọng thuyết phục. Cũng không có hiệu quả, nên cuối cùng Chủ tịch Quận thân hành đến xin lỗi và xin tha hồi lại quyết định số 4312. Thầy Thanh Huyền thật tình xúc động trước thái độ xin lỗi thành khẩn (?) của Chủ tịch Quận, nên vui vẻ trả lại cái quyết định 4312 xử phạt người mà như trò đùa ấy. Sau đó thầy được trao cho quyết định khác, mang số 4314/QĐ-UB. Thành ra, một mình thầy Thanh Huyền bị xử phạt bằng hai Quyết định cùng lúc, cùng một người ký: Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố HCM, và ký cùng trong một ngày: 11/10, 2003.

Chuyện này lại càng rắc rối cho Thanh Huyền. Vì Quyết định số 4312 không có lệnh thu hồi, nên vẫn còn hiệu lực. Trong khi đó lại phải nhận thêm quyết định mới. Cả hai đều có hiệu lực, buộc người bị xử phạt phải chấp hành. Thanh Huyền viết thư hỏi Ông Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố, thầy phải chấp hành theo quyết định nào? Ông Chủ tịch im lặng. Sao Ông Chủ tịch lại làm ngơ trước một sự kiện như vậy? Tuy là lỗi hành chánh nhỏ thôi, nhưng danh dự con người thì quá lớn. Ông Chủ tịch sợ gì mà né tránh, không dám trả lời? Theo đạo lý, và cả theo pháp luật, Ông Chủ tịch phải trả lời, vì lỗi lầm chính mình vi phạm. Sao ông sẵn sàng buộc tội người khác, tội rất lớn vì xâm phạm lợi ích của Nhà Nước, mà không cần điều tra, trong khi giấu kín lỗi nhỏ của mình? Tôi có nên đặt vấn đề lương tâm và tự trọng của một con người chân chính với Ông Chủ tịch thành phố ở đây hay không?

### **NHỮNG NGHI VẤN**

Chuyện sai lầm của hai Quyết định chỉ là vấn đề hình thức. Không thể dựa vào một vài lỗi lầm hành chánh nhỏ mà liên hệ đến cả danh dự và phẩm giá của con người. Những người biết sử dụng vi tính đều hiểu rõ lý do kỹ thuật dẫn đến sự sai lầm như vậy. Nhưng cũng từ lỗi kỹ thuật của vi tính đó mà người ta có thể hiểu thêm được tầm mức quan trọng và ý nghĩa của sự việc.

Rõ ràng, cả hai quyết định dành cho hai người được soạn thảo với một nội dung văn bản như nhau; đồng nhất với nhau từ dấu chấm phẩy. Bởi vì đây là một bản án tiền chế, người ta soạn

án lệnh đồng nhất chung cho cả hai người mặc dù không có tội danh giống nhau, và không có bằng chứng vi phạm giống nhau. Với một nội dung án lệnh soạn sẵn cho hai người, chỉ cần thay tên người bị xử phạt. Do đó, khi điền tên trong án lệnh tiền chế, người thư ký vô tình chỉ thay tên người bị phạt mà không thay tên người bị đề nghị xử phạt.

Tại sao lại có quyết định tiền chế như vậy, nếu không phải là giải pháp tình thế, mà tục ngữ ta nói là “*cả vú lấp miệng em?*” Không thể nói Chính quyền không tuân thủ pháp luật, quyết định tùy tiện. Nhưng trong những cái xấu, người ta bị bắt buộc phải chọn tình thế ít xấu nhất. Tình thế như thế nào mà bị bắt buộc phải chọn lựa bất đắc dĩ như vậy? Có thể Nhà nước dựa trên các nguồn tin tình báo nào đó, mà nguồn tin hoàn toàn không đúng sự thật. Để rồi dựa trên đó để đánh giá sự việc một cách sai lầm, dẫn đến hàng loạt sai lầm đáng tiếc.

Ở đây, chúng tôi đúc kết lại những sự vụ cốt lõi, để từ đó cho thấy có thể có những nghi vấn nào, chung quanh cái gọi là “*Sự biến Lương sơn?*”

**1- Vận động toàn dân của Tỉnh Bình định.** Ngay từ đầu, Tỉnh đã vận động các tầng lớp nhân dân trong cả hai phạm vi riêng và tư, để Hòa thượng Huyền Quang không đi chung với Hòa thượng Quảng Độ vào Saigon. Trên cao, đích thân ông Chủ tịch vận động, và lôi cuốn cả ông cựu Chủ tịch tỉnh cùng vận động.

Kế đến là Ban Tôn giáo tỉnh. Ban hứa hẹn sẽ tập họp người cần thiết để dịch kinh Đại tạng cho Hòa thượng. Tôi biết chắc,

Ban Tôn giáo tỉnh chẳng có chút khả năng và uy tín nào để tập hợp. Chỉ là hứa hẹn suông, như miếng mồi để nhử Hòa thượng. Làm sao qua mắt những người chuyên môn trong sự nghiệp nghiên cứu, phiên dịch và trước tác kinh điển Phật hàng mấy chục năm trường? Ban Tôn giáo cũng hứa hẹn sẽ giúp Hòa thượng Huyền Quang xây dựng tại Nguyên Thiều thành một trường Đại học Phật giáo. Điều này thì rõ ràng vượt quá khả năng của Ban Tôn giáo tỉnh rồi. Đại học Phật giáo không phải là lớp huấn luyện thầy cúng, mà Ban Trị sự Phật giáo Tỉnh và Ban Tôn giáo Tỉnh bàn luận như chuyện đùa, làm sao qua mắt những người chuyên môn đã từng giảng dạy và phụ trách chương trình giảng huấn của hầu như tất cả các trường Đại học và Cao đẳng Phật giáo toàn miền Nam trước đây?

Cho đến dưới cùng là vận dụng tình cảm gia đình, cho nên đích thân Bí thư xã dẫn cháu của Hòa thượng Huyền Quang lên chùa, khuyên Bác đừng đi Sài Gòn.

Giải pháp xấu nhất phải thực hiện, là vận động dân xã cản trở, với chiêu bài, Phật tử muốn Hòa thượng Huyền Quang ở lại để xây dựng chùa. Nhưng vận động này phản tác dụng, dẫn đến tình trạng tồi tệ ngoài mong muốn.

Chính quyền nên rút ra đây một bài học đáng giá, tuy chưa có sự vụ gì đáng tiếc xảy ra, không phải nó không thể xảy ra. Nhưng đã không thể xảy ra vì các thầy không cho phép, chứ không phải do an ninh của Chính quyền đã làm việc có hiệu quả.

Có thể nói, Chính quyền Bình định đã không từ bỏ bất cứ biện pháp nào, với mục đích duy nhất là không để Hòa thượng Huyền Quang vào Saigon chung với Hòa thượng Quảng Độ.

Tất nhiên, không cần phải đi chung, hai Ngài vẫn có thể thảo luận chi tiết riêng tư với nhau hàng loạt sự việc. Vậy, sự cản trở này có mục đích gì? Trước hết, phải chăng Nhà Nước muốn cách ly hai Hòa thượng, cô lập Hòa thượng Huyền Quang để dễ bề lung lạc? Nhưng điều có thể hơn cả là, dựa trên nguồn tin tình báo sai lầm, Nhà Nước đánh giá sẽ có một vận động to lớn nào đó khi hai Hòa thượng sát cạnh nhau, mà vận động này có thể đe dọa sụp đổ chế độ. Vì vậy, bằng mọi biện pháp, bất chấp dù là giải pháp tồi tệ nhất.

**2- Công tác của Giáo hội Mặt Trận.** Ngay từ hôm Hòa thượng Quảng Độ đến Bình định, hẳn không phải là tình cờ mà một phái đoàn của Giáo hội Mặt trận (Giáo hội Phật giáo Việt nam) cũng đến Bình định, do Hòa thượng Thanh Tứ dẫn đầu, cùng đi theo có ông Vụ Phó Vụ Phật giáo, Ban Tôn giáo Trung ương của Chính phủ. Những ngày tiếp theo, đến Bình định thăm viếng Hòa thượng Huyền Quang lại có phái đoàn Ban trị sự Phật giáo Thừa thiên-Huế do Hòa thượng Dân biểu Thích Chơn Thiện dẫn đầu, và phái đoàn Ban trị sự Thành hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh do Hòa thượng Thích Trí Quảng dẫn đầu. Trừ HT Thanh Tứ có đề nghị rõ, mời Hòa thượng Huyền Quang ra Hà nội thăm, hai phái đoàn kia chỉ thuận tụy thăm hỏi. Thực chất các phái đoàn này chỉ làm binh phong Phật giáo để cho Chính quyền núp phía sau mở cuộc vận động.

Đó là cuộc vận động bất đắc dĩ. Vì chính những cơ quan có nhiệm vụ vận động trước đó đã kết án “*bọn phản động Lê Đình Nhân*” tức Thích Huyền Quang, nay đột nhiên xưng tụng Hòa thượng lên hàng cao tăng nhất nước. Trực tiếp vận động là Bộ Công an, và Ban Tôn giáo Trung ương của Chính phủ. Về hình thức, người ta muốn Hòa thượng Huyền Quang làm tâm điểm hội tụ để thống nhất hai Giáo hội. Hòa thượng được trao trách nhiệm này, với chức vụ xứng đáng, tất nhiên do Nhà Nước phong tặng. Cao nhất là Pháp chủ, hay chức danh tương trợ. Tại sao Nhà Nước cần sự hợp nhất đến như vậy, để phải đưa một người tù sau hơn 21 năm chưa có lệnh phóng thích lên hàng cao tăng nhất nước, được Thủ Tướng long trọng tiếp đón với nghi thức mà chưa vị nào trong Giáo hội Phật giáo Việt nam (của Mặt Trận) được vinh dự?

**3- Điều phối của Bộ Công an.** Trước đây, đại diện của Bộ Công an, đặc trách an ninh tôn giáo các tỉnh phía nam, có đến gặp tôi tại chùa Già lam. Ông cán bộ yêu cầu tôi có những đề nghị cụ thể gì liên hệ đến Phật giáo cứ đề nghị thẳng với ông. Tôi trả lời, vấn đề Phật giáo nếu có, đó là những vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội, tất phải thuộc phạm vi giải quyết của Bộ Chính trị hay Phủ Thủ Tướng. Bộ Công an chỉ phụ trách an ninh, làm sao tôi có thể báo cáo những vấn đề như vậy được? Tôi muốn nói, tôi không thể là chỉ điểm viên của Công an, dù là Công an cấp Bộ. Thế nhưng, qua câu chuyện, chúng ta có thể biết được vai trò của Công an trong sự giám sát sinh hoạt của Phật giáo.

Trong sinh hoạt vừa qua của Giáo hội Thống nhất, thoạt đầu,



Công an các tỉnh thành có vài cản trở, nhưng chỉ tới một giới hạn nào đó thì ngưng. Suốt trong các ngày hội họp, hành lễ, không ai thấy bóng dáng công an lai vãng. Nhiều vị cho rằng tính hợp pháp của Giáo hội Thống nhất như vậy đã được Nhà Nước mặc nhiên công nhận. Nếu không, chẳng bao giờ lực lượng công an để yên cho các thầy lui tới tự do như vậy.

Cho đến khi xảy ra sự cố giao thông trước cổng tu viện Nguyên Thiều, lực lượng công an chính quy cũng không xuất hiện. Duy chỉ Cảnh sát giao thông đến làm nhiệm vụ phân xử luật lệ đi đường, mà lại xử một cách ngang chướng khiến bị Tăng Ni và quần chúng phản đối đành phải lảng đi mất.

Kể từ sự việc tại đồn công an biên phòng Lương sơn, người ta mới thấy Bộ Công an thực sự tham gia và điều phối. Điều phối công an Bình định bám sát theo xe các thầy vào đến chùa Linh sơn, Khánh hòa. Rồi thông báo công an đồn biên phòng Lương sơn biết để chặn bắt. Sau đó ra lệnh công an quận Gò Vấp có nhiệm vụ giam giữ. Những sự việc như vậy quá đơn giản với nghiệp vụ chuyên môn của cơ quan an ninh cấp Bộ. Nhưng thực tế đã cho thấy Bộ điều phối một cách vụng về. Tất nhiên không thể làm khác đi được, vì phản ứng bất ngờ, ngoài tiên liệu.

Bắt giữ người trái phép, không nêu rõ lý do. Lại giam giữ nhiều ngày mà không thông báo cho thân nhân biết. Các hành vi này có thể dẫn đến tội bắt cóc. Cán bộ Bộ Công an biết rõ điều đó.

Vật dụng của công dân, dùng vũ lực uy hiếp để khám xét

không có lý do; tạm giữ mà không cấp biên lai hay bất cứ giấy tờ gì tương tự cho sở hữu chủ. Các hành vi này có thể dẫn đến tội cưỡng đoạt tài sản. Mặt khác, vật dụng hằng ngày của tôi, vô cớ tạm giữ, ghi là “tang vật,” tức tang chứng phạm pháp. Đó là hành vi lợi dụng chức quyền xâm phạm danh dự công nhân. Cho đến bây giờ, không thấy cơ quan an ninh tạm giữ của tôi thông báo vật dụng tôi đang ở đâu. Tôi không cố tình kết buộc cán bộ lợi dụng chức quyền chiếm dụng tài sản của tôi.

Bộ Công an có chức năng thi hành mệnh lệnh pháp luật, hiểu rất rõ các yếu tố dẫn đến tội phạm. Nhưng vẫn cố tình vi phạm, không hẳn là khinh thường dân. Nhưng trong tình thế thảng thốt, ngoài tiên liệu, chưa kịp suy nghĩ cách làm nào hay hơn, nên đành phải chọn giải pháp tình thế quá xấu. Phải chăng công an đã thụ động trong sự vụ này?

**4- Giải pháp cho Ủy ban Nhân dân thành phố HCM.** Chặn bắt cóc người giữa đường, giam giữ người trái phép; Chính quyền muốn thả những người này càng sớm càng tốt. Nhưng khổ nỗi, các vị này khăng khăng đòi giải thích lý do bắt giữ và giam giữ, nếu không, cương quyết ở lại nhà tù. Dùng vũ lực áp tải kẻ ngoan cố trở về chùa, không phải là điều không làm được. Nhưng có lẽ Nhà Nước muốn tìm một giải pháp đẹp mặt hơn, nên cần đến Ủy ban Nhân dân thành phố HCM, với quyết định quản chế hành chánh.

Chắc chắn vì không được chuẩn bị trước để đối phó sự việc, và cũng vì xem đây chỉ là biện pháp chữa cháy tạm thời, nên các vị quan chức Ủy ban chỉ thi hành mang tính hình thức, và

cũng vì vậy mà gây nên những lỗi lầm có tính hình thức tai hại.

Bình thường, có lẽ ông Phó Chủ tịch không dám nhắm mắt ký bừa bất cứ giấy tờ gì mà trợ lý mang đến. Nhiều quan chức rất thận trọng chữ ký mà còn phải ra tòa. Ông Phó Chủ tịch khi ký các quyết định quản chế hành chính này một cách thiếu suy nghĩ, đã có thể phản ánh đúng mức tầm quan trọng của sự vụ. Nội dung quyết định không là vấn đề quan trọng, mà còn vấn đề khác quan trọng, cấp thiết hơn, buộc ông phải ký không cần đắn đo. Tất nhiên, ông biết rõ quyết định này không chỉ như sự vụ lệnh, mà nó mang tính pháp luật, có hiệu lực như án lệnh để có thể tước bớt quyền hạn của công dân, và trong chừng mức nó cũng ghi một vài điểm xấu trên phẩm giá con người của những người nhận quyết định. Thái độ cầu thả của ông Phó Chủ tịch, tôi không muốn kết án là quan liêu, hách dịch, xem thường phẩm giá của công dân khác, mà thông cảm cho ông vì bị bắt buộc làm một việc ngoài ý muốn. Bởi vì, trong một chế độ dân chủ thực sự, khi ký một bản văn mang tính pháp luật cưỡng chế mà bất cần như vậy, chắc chắn sự nghiệp chính trị của ông Phó leo lên đến đây là hết.

Vậy, đằng sau ông Phó chủ tịch là lệnh của ai, lớn hơn ông Phó, để rồi dù ông có sai lầm đến cỡ nào, vẫn được bảo vệ, và có thể còn được thưởng công vì với chữ ký bất cần đã mang lại danh dự phần nào cho Chính quyền?

**5- Bộ Ngoại giao.** Bộ Ngoại giao bị bắt buộc phải trả lời trước dư luận quốc tế về sự vụ được xem là đàn áp. Ông phát ngôn viên đã có bài học thuộc lòng sẵn, với công thức đã được chuẩn hóa.

Mỗi khi có sự cố bất thường, ông mang bài học ấy đọc lại cho cả thế giới nghe, để mọi người thư giãn vì những lời tuyên bố ngây ngô: Hai Hòa thượng cất giữ tài liệu có tính chất bí mật quốc gia. Bằng chứng do khám xét xe. Không ai khờ dại để có thể tin những lời tuyên bố bịa đặt một cách sượng như vậy. Nhà nước thiếu gì lý do để bắt giữ người, mà luật pháp cho phép tạm giữ trong ba ngày. Nhân viên kiểm soát có thể nhầm lẫn vì sự cố gì đó. Luật pháp nước nào cũng có khi nhầm lẫn. Vậy thì cần gì phải bịa ra lý do xúc phạm nhân phẩm hai vị Hòa thượng? Ông phát ngôn của Bộ Ngoại giao nhất định phải biết, bộ luật Hình sự của Nhà nước Việt nam xã hội chủ nghĩa quy định (điều 80, mục c), thu thập bí mật Nhà Nước như thế nào để dẫn đến trường hợp hội đủ yếu tố tội phạm gián điệp, phạt tù từ 12 đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Hai Hòa thượng chỉ mới trong giai đoạn thu thập, để cất giấu. Đó là ngụ ý trong tuyên bố của Bộ Ngoại giao. Bộ không dứt khoát ngụ ý có tiến hành thêm nữa để hội đủ yếu tố cấu thành tội phạm gián điệp hay không. Nhưng vu khống người khác với hành vi liên hệ đến tội phạm nghiêm trọng như vậy, không phải là chuyện đùa. Không thể mang phẩm giá con người của hai vị Hòa thượng, mà hết thảy tăng ni Phật tử trong và ngoài nước kính trọng, để bôi bác trước dư luận thế giới. Ai sẽ xử phạt Bộ Ngoại giao về tội vu khống mang tầm ảnh hưởng thế giới này, để bắt buộc Bộ này phải bồi thường danh dự đích đáng?

**6- Trách nhiệm cuối cùng.** Qua diễn biến của sự việc, các cơ quan quyền lực Chính quyền đều cho thấy tình trạng bị động của họ. Vì vậy mà gây ra hết sai lầm này đến nhầm lẫn khác.

Nhằm lẫn nào cũng rất tai hại, lan đến cả quy mô thế giới. Vậy, đằng sau tất cả các cơ quan Nhà nước bị động này, tất phải có một cơ quan quyền lực cao hơn tất cả để chi phối. Ngoại trừ Phủ Thủ Tướng, hay chính Ban Bí thư Trung ương Đảng, còn cơ quan nào đủ uy quyền để điều động ngân ấy Bộ, Ban ngành” Vậy thì, chính xác, Đảng Cộng sản Việt nam muốn gì, khi đặt Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất thành một thế lực đối đầu đáng sợ như vậy? Gần ba thập kỷ nay, Nhà Nước đã sử dụng tối đa bạo lực chuyên chính vô sản để triệt hạ Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất; toàn bộ cơ sở của Giáo hội bị chiếm dụng; các vị lãnh đạo, người thì chết trong tù, người thì bị tù đầy ròn rã. Giáo hội ấy nếu còn tồn tại, còn bao nhiêu khả năng để đe dọa sinh mạng tồn tại của Đảng Cộng sản Việt nam mà phải vận dụng các sách lược tương chừng như đối đầu với kẻ thù nào đó vô cùng nguy hiểm? Không những thế, Giáo hội ấy được nhiều cán bộ cao cấp của Nhà Nước tuyên bố là không còn tồn tại, hoặc không hợp pháp để tồn tại. Nhà nước sợ gì một tổ chức bất hợp pháp, để phải vận dụng ngân ấy Bộ, ban ngành, đối phó với một chuyến xe khách? Tất phải có nguyên nhân sâu xa của vấn đề. Rất nhiều người hiểu rõ nguyên nhân sâu xa ấy.

# NGƯỜI XUẤT GIA ĐỨNG TRƯỚC VƯƠNG QUYỀN

THÍCH NHƯ ĐIỂN

**B**à La Môn Giáo là một Đạo giáo có xuất xứ từ Ấn Độ và Đạo này đã tồn tại ở đó cho đến ngày nay cũng đã trên dưới 5.000 năm lịch sử. Họ phân chia giai cấp để trị vì thiên hạ, mà giai cấp đầu tiên là giai cấp Bà La Môn gồm các Giáo Sĩ; rồi đến Sát Đế Lợi gồm những Vua, Chúa quý Tộc; kế tiếp là Phê Xá gồm những thương nhân; Thủ Đà La là hạng nô tỳ và cuối cùng là hạng cùng đinh. Những người có quyền bính trong tay như Bà La Môn hay Giáo Sĩ, họ dựa theo Thánh Kinh Vệ Đà để hành xử trong cuộc sống hằng ngày. Nghĩa là từ khi sinh ra cho đến khi lớn khôn, học hành, thi cử, ra làm việc nước và giai đoạn sau đó là thời kỳ họ lánh tục ở độ tuổi từ 40 trở lên và họ trở thành những vị Sa Môn Sống không gia đình, chuyên tu khổ hạnh để tìm ra chân lý.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện tại Ấn Độ cách đây 2.643 năm về trước. Ngài sinh ra nơi chốn Vương quyền, cũng có gia đình, sau đó mới xuất gia và suốt nhiều năm tu luyện đã trở thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngài chủ

trương rằng: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và ai tu thì cũng có thể chứng được quả vị giải thoát này, bất kể là nam hay nữ, người giàu hay kẻ nghèo, kẻ làm tôi tớ hay người hạ tiện bình dân. Giáo lý của Đức Phật lấy Tứ Diệu Đế làm căn bản và Từ Bi cũng như Trí Tuệ là hai phương pháp đi vào đời để cứu khổ độ mê, không phân biệt loài người hay muôn vạn sinh linh trên thế gian này. Người tu theo Phật cũng có kẻ tại gia và người xuất gia. Sau khi xuất gia, đôi khi bên Đạo Phật cũng gọi là Sa Môn, nhưng phải gọi là Sa Môn Thích Tử để phân biệt với Sa Môn của Bà La Môn hay Sa Môn của ngoại đạo. Chữ Sa Môn có nghĩa là bậc ly dục, rời khỏi những cám dỗ của thế gian, sống đời độc cước nhàn cảnh. Tuy nhiên theo cố Hòa Thượng Thích Thánh Nghiêm, người Đài Loan thì Ngài khuyên chúng ta, những người xuất gia theo Phật Giáo nên dùng chữ Tỳ Kheo hay Tỳ Kheo Ni như luật Phật chế thì hay hơn là dùng chữ Sa Môn.

Cũng từ chữ Sa Môn này mà trong Trường Bộ Kinh (Digha Nikaya) chúng ta thấy phần thứ 2, có Kinh Sa Môn quả (Sàmannaphala Sutta) do cố Hòa Thượng Thích Minh Châu, Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh dịch ra Việt ngữ rất rõ ràng, minh bạch. Kinh này có 102 đoạn do chính Đức Phật đối đáp với Vua A Xà Thế (Ajàtasatta) con của Hoàng hậu Videhi, là vua của nước Ma Kiệt Đà (Magadha). Trong Kinh này từ đoạn thứ nhất cho đến đoạn thứ 34, Vua A Xà Thế đã hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa Môn với những vị Bà La Môn có thể lực đương thời, và cuối cùng thì nhà Vua không công nhận cũng không bác bỏ những lời của các vị Bà La Môn

này đã giải thích, mà Ông từ chỗ ngồi đứng dậy và lui về. Đến đoạn thứ 34 nhà vua hỏi Đức Phật rằng: Vậy nên bạch Thế Tôn, con cũng hỏi Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, cũng như các công nghệ chức nghiệp như: Điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, cung thuật sư, quân kỳ binh, nguyên soái, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác. Chúng hưởng được kết quả thiết thực hiện tại công nghệ chức nghiệp của chúng. Chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc hạnh phúc. Chúng dâng các vật cúng dường cho Sa Môn, Bà La Môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, họ hưởng phước báo an lạc, thác sanh lên cõi Trời. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa Môn chăng?

- Đại Vương có thể được. Nay Đại Vương, ta sẽ hỏi Đại Vương về vấn đề này. Đại Vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại Vương.

Đại Vương nghĩ sao? Nếu Đại Vương có một người nô bộc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt (của Đại Vương). Người ấy nghĩ: *“Thật hy hữu thay! Thật kỳ diệu thay! Quả vị thác sanh của các công đức, quả dị thực của các công đức.*



*Đức vua Ajàtasatta, con của bà Videhi của nước Magadha, là người, tôi đây là người. Vị vua Ajàtasatta con bà Videhi, của nước Magadha, sống tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không khác gì vị thiên thần, còn tôi là người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt (của Vua). Vậy ta hãy làm các công đức như Vua kia, ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình xuất gia tu đạo?." Và người nô lệ ấy, một thời khác, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, sống chế ngự lời nói, sống chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh. Nếu những người của Đại Vương đến tâu với Đại Vương. "Đại Vương có biết chăng? Có người nô bộc của Đại Vương, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt (của Đại Vương). Tâu Đại Vương, người ấy đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống trong an tịnh." Nay Đại Vương, Đại Vương có nói như sau chăng: "Người ấy hãy lại với ta, hãy làm lại người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái chú ý từng nét mặt?"*

Đoạn thứ 36- nhà Vua trả lời: Bạch Thế Tôn, không như vậy. Trái lại chúng con kính lễ người ấy, đứng dậy trước người ấy, mời người ấy ngồi xuống ghế, cúng dường người ấy các dụng

cụ như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, thuốc men trị bệnh và chúng con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp.

- Nay Đại Vương, Đại Vương nghĩ thế nào? Nếu quả như vậy, thì đó có phải chăng là kết quả thiết thực hiện tại hạnh Sa Môn?

- Bạch Thế Tôn, như vậy chính là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa Môn.

- Nay Đại Vương. Đó là kết quả thiết thực hiện tại thứ nhất của hạnh Sa Môn mà ta đã trình bày.

Hai đoạn đối đáp trên đây giữa Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Vua A Xà Thế đang trị vì xứ Ma Kiệt Đà lúc bấy giờ, là một bằng chứng thiết thực nhất và có giá trị lâu dài trên 2.500 năm lịch sử rồi. Đọc đoạn đối đáp trên chúng ta có thể nghĩ rằng: Đạo Phật là Đạo không có giai cấp, miễn là ai tu theo chánh đạo, thì người ấy có thể thành đạo quả, dầu cho là kẻ ăn người ở đi nữa. Trái lại, khi đã thành tựu hạnh của một vị Sa Môn rồi thì ngay cả vua chúa cũng kính lễ người ấy, dùng mọi phương tiện đang có để cúng dường và bảo vệ người xuất gia kia đúng theo pháp luật của nhà Vua.

Từ đoạn kinh văn thứ 37 đến đoạn thứ 98, Đức Phật đã nói về những phương pháp tu tập của các bậc Giác Ngộ, trên từ các bậc Chánh Biến Tri, dưới cho đến Trời, Người, nếu gìn giữ giới luật, môi trường sống, không hại lòng từ bi cũng như đối với việc quan quyền, chính trị v.v... không tranh chấp hơn thua,

không xem bói toán ma thuật, không bàn luận về chuyện nhật thực, nguyệt thực, không chuyên làm mai mối, cưới gả, không làm Thầy thuốc chữa bệnh, mà sống đúng oai nghi, gìn giữ giới luật với ba y và một bình bát. Người ấy như đã trả được nợ cũ, hết bệnh, khỏi tù tội, khỏi làm nô lệ, thoát khỏi những hiểm nguy rình rập và đi sâu vào Thiền định để xa lìa tâm và tứ, bên trong tinh lặng, sống rõ biết vô thường, có thể hóa hiện các phép thần thông và chứng được cả túc mạng minh, ngay cả lậu tận trí. Cuối cùng vị ấy có thể đồng dạy tuyên bố rằng: Sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa. Đây chính là sự chứng quả của một bậc A La Hán.

Đoạn thứ 99 thì Vua A Xà Thế đã xin quy y Tam Bảo, gồm Phật, Pháp và Tăng. Vua đã sám hối tội lỗi vì đã giam cha (Vua Tần Bà Sa La) vào ngục thất. Chính nhà vua đã thấy được tội ấy, nên việc thú tội kia đúng với chánh pháp và Đức Phật đã ghi nhận tội ấy của Đại Vương. Đoạn thứ 100, 101 và 102 Đức Phật đã nói lời kết và khuyên dạy các vị Tỳ Kheo hiện diện cũng như vua A Xà Thế đã chứng được pháp nhãn thanh tịnh, không trần cấu, không ô uế.

Kinh Phật Bản Hạnh trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Đức Phật có thuật lại câu chuyện của Vua Ba Tư Nặc và Vô Nã như sau:

Một hôm Vua Ba Tư Nặc cùng đoàn tùy tùng gồm cả gươm đao, giáo mác với vó ngựa chinh nhân, áo y phủ đầy bụi bặm và nhà vua đã đến trước Đức Thế Tôn. Đức Phật từ tốn hỏi:

- Bệ Hạ đi đâu mà xem ra vội vàng cùng đoàn tùy tùng như vậy?

- Bạch Đức Thế Tôn! Thế Ngài không hay biết gì hay sao? Trong nước chúng ta có một tên sát nhân vĩ đại, đã giết hết cả 999 người và nay chúng con đang truy nã người ấy.

Đức Phật từ tốn hỏi lại nhà vua rằng :

- Nếu người ấy nay đã hối cải ăn năn và trở thành một vị Sa Môn tuân thủ giới luật thì nhà Vua nghĩ sao?

- Nếu được như vậy thì Trẫm sẽ cung kính lễ bái, cúng dường cũng như cung cấp, bảo hộ.

Đức Phật liền cho thị giả dẫn vua và đoàn tùy tùng đến dưới gốc cây, nơi Vô Nã đang tĩnh tọa và hào quang chiếu sáng khắp chung quanh, Vua chẳng nói gì, cúi đầu đánh lễ và trở về lại vị trí nơi Đức Phật Tĩnh tọa và thưa rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Vị Tỳ Kheo nào mà hào quang sáng chói đang tọa thiền ở dưới gốc cây đằng kia.

- Đức Phật từ tốn trả lời rằng:

- Đó chính là người Đại Vương muốn tìm.

Vua Ba Tư Nặc và cả Đoàn tùy tùng lại một lần nữa đến trước vị Tỳ Kheo Vô Nã để đánh lễ và sám hối.

Cách đó chừng 300 năm sau, cũng tại xứ Ấn Độ này, có một Ông vua khi chưa thâm hiểu Phật Pháp thì người dân gọi là bạo chúa Asoka, nhưng sau khi nhà Vua đã hiểu Phật Pháp cũng như quy y Tam Bảo Rồi thì Ông được gọi là Asoka Pháp. Có

nghĩa là Ông Vua luôn luôn lấy Phật Pháp để hành trì và bảo hộ muôn dân. Nhiều khi nhà vua cung kính chư Tăng quá độ, nên đi đâu hay gặp bất cứ vị Tăng sĩ nào cũng đánh lễ, nên nhiều vị Đại thần không bằng lòng, trong đó có Da xá. Da Xá bảo rằng: Vua là trên hết, tại sao lúc nào Bệ Hạ cũng đánh lễ Tăng Ni? Đức Vua không trả lời và một hôm Vua ra lệnh như thế này:

Ngày mai tất cả các Khanh trong triều đình hãy mang vào cho Trẫm một cái đầu con vật như: Đầu heo, đầu bò, đầu gà, đầu cá v.v... riêng Da Xá thì hãy mang đến cho Trẫm một cái đầu người. Ai nghe cũng lạnh cả tứ chi, nhưng nếu không làm theo mệnh lệnh của Vua thì khó mà toàn mạng.

Ngày mai ấy đã đến và mọi người đều mang những đầu con vật vào cung Vua, đoạn Vua ra lệnh rằng: Tất cả các Khanh hãy mang tất cả những cái đầu đang có được ra ngoài chợ bán cho ta. Các quan vâng lệnh và cuối cùng thì ai cũng đã bán xong và trở về cung bằng tay không. Riêng Da Xá cái đầu kia đem bán đã không có ai mua, mà còn bị khinh tởm nữa. Đức Vua không dừng lại ở đó, mà ngày thứ hai và thứ ba vẫn lệnh cho Da Xá đem cái đầu người ấy ra chợ bán. Ác nghiệt thay! Đầu người càng để lâu càng hôi thối, chẳng ai dám lại gần, nên lại phải mang về cung vua và xin chịu tội.

Đức Vua A Dục phán rằng:

Người hãy xem: Cái đầu người khi còn sống thì còn được trọng vọng, nhưng khi chết đi rồi thì còn thua cả đầu của súc vật nữa, đem cho cũng chẳng ai thèm chú ý đừng nói chuyện

bán. Còn ở đây ta kính lễ các vị xuất gia sống đời tịnh hạnh, đem cái đầu này của Trẫm đánh lễ chư Tăng Ni còn có thêm phước đức nữa. Vậy kể từ nay các khanh không được ngăn cản ta thực hiện việc này. Da Xá và mọi người sám hối lỗi lầm của mình và Đức Vua A Dục từ đó về sau chuyên làm những việc thiện lương mà sử sách đã ghi lại rất nhiều, bằng chứng là những cây trụ đá của Vua A Dục ngày nay vẫn còn sừng sững trên khắp miền đất nước của Ấn Độ, và câu chuyện này được ghi lại trong quyển “Truyện cổ Phật Giáo” như đã kể ở trên. Chúng ta hãy lấy ba bài học bên trên về việc Vua Chúa Đánh Lễ Chư Tăng để chiêm nghiệm và đó là điều đã có thật trong lịch sử.

Đạo Phật được truyền đến Trung Hoa chính thức vào đời Hán Minh Đế, khoảng đầu thế kỷ thứ nhất dương lịch. Lúc bấy giờ Nho Học và Lão Trang đã thịnh hành ở đây cũng trên mấy ngàn năm, không thua kém văn hóa của Ấn Độ là mấy, nhưng Nho Gia thì xem Vua như Thiên Tử và quần thần trăm họ phải quỳ lạy, bái phục, tung hô vạn tuế v.v.. Lúc ban đầu chư Tăng Ấn Độ đến Kinh Đô Lạc Dương như Ngài Ma Đằng và Ngài Trúc Pháp Lan ở chùa Bạch Mã để dịch Kinh Tứ Thập Nhị Chương, chắc cũng không khỏi bối ngỡ với văn hóa của người đương thời. Mãi đến thời Đông Tấn (316-420) vào năm 340 có quan Phụ chánh Dũ Bạng, đã thay mặt Thánh Đế hạ chiếu chỉ ra lệnh cho các Sa Môn phải chí kính đối với Vương giả, song gặp phải sự phản đối kịch liệt của Thượng thư Lệnh Hà Sung và các Đại Thần khác, nên việc này đình chỉ lại. Đến Triều Vua An Đế, Hoàn Huyền tự phong Thái Úy, chuyên

đoán triều chính, hạ lệnh sa thái những phần tử xấu trong hàng ngũ Tăng Ni, tức là việc thanh lọc Tăng Ni. Liền ngay sau đó buộc những người xuất gia phải kính bái vua chúa như tất cả mọi người dân khác trong nước. Thư ấy gửi cho 8 cơ quan của triều đình và cả Ngài Huệ Viễn ở Lô Sơn nữa. Hoàn Huyền khơi lại sự cố Dũ Bãng ngày xưa, cho rằng Dũ Bãng có lý, nhưng chưa luận được hết lẽ, thế nên Hoàn Huyền Mới lập luận lại cho có lý như sau:

*“Phàm sự hóa đạo của Phật, tuy bao la đến mênh mông, mở rộng ra đến ngoài vòng thấy nghe, song lấy việc Kính làm gốc, nơi đây có khác gì. Có khác chẳng qua nơi mục đích, chứ nào phải Cung Kính chẳng cần mà phải bỏ đi! Lão Tử sắp Vương hầu đồng với ba loại (tức Đất, Trời và Đạo) mà kính trọng (Vương Hầu) như thế đều do nơi (Vương Hầu) ban cho sự sống, khai thông mệnh vận (cho toàn dân), chứ đâu phải vì Thánh nhân (tức các Vương Hầu) ở trên địa vị ấy mà được so ngang cùng hai Nghi (tức Đất và Trời) đâu!. Chính vì đức lớn của Trời Đất là sinh, mà làm thông lẽ sinh ấy, sắp xếp vạn vật đâu vào đó (mọi việc này) đều do nơi quân vương. (Kính là) tôn kính cái thần khí của Vua, và (lẽ là) lẽ cái chỗ thực sự to lớn ấy, chứ nào phải chỉ là tôn trọng qua lại, cho có nghĩa với quân vương mà thôi đâu! Sa Môn sở dĩ cứ thế mà sống còn, thì cũng do mỗi ngày thọ dụng lấy sự sắp xếp đâu đó mệnh vận của mình (nơi quân vương). Thì có lẽ đâu đã thọ ân đức của người mà lại bỏ qua chẳng màng lễ người, đã hưởng ân huệ của người mà lại gạt đi, chẳng biết kính người được sao! Như thế, với lý đã không sao chấp nhận được rồi, mà với tình cũng chẳng cách nào thông nổi”* (dựa theo phân dịch của TT Thích Nhất Chân trong bài: Người xuất gia đối trước

Vương quyền).

Sau đó Ngài Huệ Viễn (334-416 ) đã viết: Sa Môn Bất Kính Vương Giả (gọi tắt là Sa Môn Luận) không chấp nhận việc Sa Môn phải kính lễ Vua Chúa. Trong đó có đoạn như sau để trả lời cho Hoàn Huyền:

*“Những gì trong Kinh Phật nói, thường phân làm hai khoa: Một là ở trong thế tục mà hoàng giáo, hai là xuất gia tu đạo. Ở trong thế tục thì cái lễ với bề trên, cái kính với tôn thân, cái nghĩa của trung hiếu, Kinh văn đều có nói đến; ba giáo huấn ấy Thánh Điển dạy rất rõ. Sự giáo huấn ấy đồng với luật chế của Vua, là điều phải làm, dường như hoàn toàn khế hợp với nhau. Về phương diện này hoàn toàn nói cho các Đàn Việt (các Phật tử tại gia), lý lẽ không hề có gì khác (với mọi người khác là phải kính lễ Vua). Song còn người xuất gia vốn như người khách bên ngoài thế gian này, hành tích không dính bám vào bất cứ gì. Giáo Pháp mà họ tuân theo là thấu rõ bao tai họa lụy phiền cũng do nơi có thân, thế nên chẳng cầu giữ thân này là nhằm để dứt diệt họa hoạn; biết rành đời đời phải sinh, sinh là do nơi thuận theo lẽ biến hóa (của đất trời), thế nên không thuận theo lẽ hóa ấy là cốt để cầu được tông yếu. Cầu tông như thế không thể do thuận hóa mà có được. Thế nên (người xuất gia) không coi trọng sự ban ân cho được sống hanh thông khoái lạc, diệt các họa hoạn không do nơi bám giữ thân này mà thành được. Thế nên (người xuất gia) chẳng quý các lợi lạc được sống ấm no đầy đủ. Lý này hoàn toàn ngược lại với thế tục. Đạo và thế tục phản ngược với nhau là vậy!”* (tiếp tục trích như bên trên).

Đến năm 403 Hoàn Huyền soạn ngôi xưng đế và đã đặc biệt



hạ chiếu chỉ chấp thuận chính thức cho Sa Môn không cần phải lễ kính Vương giả. Từ đó về sau hầu như các triều đại khác như: Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đều căn cứ vào luận "Sa Môn Bất Kính Vương Giả" của Ngài Huệ Viễn để đối đãi với Tăng đồ của Trung Quốc, nhưng điều thiết yếu ở đây phải minh định rằng: Phật Giáo tại Trung Hoa sở dĩ được phát triển qua mấy ngàn năm lịch sử là nhờ tư tưởng Huyền Học của Lão Trang về Vô Vi. Tinh thần này tương ứng với lý Bát Nhã về Tánh Không của Phật Giáo, nên mặc dầu Đạo Phật Trung Hoa nằm trong xã hội Khổng Giáo được ưu tiên, nhưng nếu không có Lão Trang thì Phật Giáo cũng khó mà phát triển trên quê hương có hơn 5.000 năm văn hiến này.

Từ Ấn Độ, qua Trung Hoa rồi sang đến Việt Nam của chúng ta trải qua nhiều thời gian và không gian, nên cũng có nhiều biến đổi không ít. Sự thay hình đổi dạng ấy là nhờ Phật Giáo biết kết hợp với văn hóa, phong tục tập quán của nước nhà, nên chúng ta mới có 400 năm lịch sử oai hùng của Triều Lý (1010-1224) và Triều Trần(1225-1400), để ngày nay nhìn lại khoảng thời gian này mà những ai là Phật tử phải vô cùng hãnh diện. Vì Vua thương dân như con đẻ (Trần Thánh Tông) hay bỏ ngôi báu để đi xuất gia như: Lý Huệ Tông, Trần Nhân Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ v.v...

Đến đời Nhà Hậu Lê (1428-1789 ) rồi Nhà Mạc và Trịnh Nguyễn phân tranh ( 1774-1775) các Vua Chúa cũng còn có tâm với Tam Bảo. Đặc biệt là Chúa Nguyễn Phúc Chu ( 1675-1725 ) đã thọ Bồ Tát Giới với Ngài Thạch Liêm Thích Đại Sán

tại Giới đàn ở Phú Xuân và được ban Pháp Danh là Hưng Long. Thông thường trong những triều đại ở Việt Nam mà Phật Giáo nắm giữ vai trò cố vấn cho Vua hay Chúa thì chư Tăng hay khuyên Vua hay Chúa thọ Bồ Tát Giới tại gia trước khi đăng quang lên ngôi Thiên Chúa hay được phong vương. Điều này rõ ràng là các vị Vua sẽ làm lợi lạc cho nhân dân, trong đó kể cả chư Tăng Ni đang hành đạo trong nước Đại Việt của chúng ta. Nếu người xuất gia có làm một điều gì thì họ luôn hướng về Từ Bi và Trí Tuệ qua việc phát Bồ Đề Tâm để hành Bồ Tát Hạnh. Nếu không là như vậy, không phải là tinh thần của Phật Giáo Đại Thừa.

Vào ngày 4 tháng 5 năm 2019 vừa qua tại Thái Lan, Vua Rama Đệ Thập lên ngôi Hoàng Đế cũng đã để lại một sự kiện có liên quan đến Phật Giáo và nhất là việc làm lễ Quán Đảnh cũng như cúng dường chư Tăng trong cung điện Hoàng Gia Thái Lan, là một điều đặc biệt nên đề cập đến để đời sau có người tìm lại sử liệu ngày xưa, có được nhân duyên để nghiên cứu về một đất nước có truyền thống theo Phật Giáo Nam Tông, nhưng cũng đã có sự hiện hữu của Bà La Môn Giáo trong Đại Lễ này. Lễ Thánh tẩy thân tâm hay lễ Quán Đảnh phát nguồn từ Ấn Độ và sau đó là Phật Giáo. Có lẽ Thái Lan nằm gần Ấn Độ, nên cũng không phải là không ảnh hưởng ít nhiều tục lệ này khi Vua Chúa lên ngôi. Vì người Ấn Độ theo Tôn Giáo Bà La Môn luôn dùng nước sông Hằng để gội rửa thân đơ và họ quan niệm rằng sông Hằng là con sông thiêng, nếu ai tắm gội được trong dòng sông này thì mọi tội lỗi đều xả bỏ, dứt sạch.

Trong lễ Đăng quang của Vua Rama Đệ Thập, đầu tiên là một vị Giáo Sĩ của Bà La Môn quỳ xuống trước Vua dâng lên bình nước sạch được múc từ nhiều con sông trong nước Thái Lan, đoạn nhà Vua lấy hai tay hứng nước và xoa lên đầu mình. Kế tiếp một trong nhiều vị Sư Trưởng Lão mang một bình nước xối lên sau lưng của Đức Vua, sau đó vị Trưởng Lão nẩy đi đến trước mặt Vua (không quỳ) đưa bình nước lên và nhà Vua đưa hai tay ra để đỡ lấy nước được rót ra từ bình của vị Trưởng Lão nọ. Kế đến là Hoàng Tộc cả nam lẫn nữ, đặc biệt chỉ có những người lớn tuổi mới được vinh dự nầy. Nhà Vua mặc đồ màu trắng, giống như hình thức của một Cư Sĩ tại gia. Sau khi làm lễ Thánh tẩy rồi Vua và Hoàng hậu được di chuyển về chùa Phật Ngọc để dự lễ đăng quang. Trong lễ đăng quang nầy, có 80 vị Sư được xếp ngồi bên trái từ ngoài hướng vào và Hoàng tộc cũng như những người quan trọng được mời, ngồi chứng kiến ở gian giữa. Khi nhà Vua bước lên Điện Phật để lễ bái cầu nguyện thì tất cả Hoàng tộc và các vị Đại thần đều phải đứng lên nghinh tiếp Vua, trong khi đó chư Tăng vẫn ngồi. Điều nầy chứng tỏ rằng Vương quyền vẫn nằm dưới ánh sáng của Phật Pháp, chư Tăng nắm giữ vị trí làm Thầy như Ngài Huệ Viễn bên Trung Hoa thuộc Phật Giáo Đại Thừa đã tuyên bố rằng: “Người xuất gia vốn như khách bên ngoài thế gian nầy...” Rõ ràng là như vậy. Người xuất gia không bận bịu với thế trần tứ phức, không bị trói buộc bởi thế quyền, muốn đi đâu thì đi, muốn ở đâu thì ở, luôn sống với một cuộc đời “độc cư nhàn cảnh” là vậy.

Khi Vua và Hoàng Hậu ngồi đối diện với cận thần và Hoàng

tộc, thì một vị Trưởng Lão tiến ra phía trước đốt đèn để cầu nguyện và sau khi chư Tăng hiện diện tụng xong bài Kinh bằng tiếng Pali ngắn gọn, thì cây đèn cây ấy được tắt và vị Trưởng Lão kia trở về lại vị trí cũ để ngồi. Những người hầu cận lần lượt mang lễ vật cúng dường lên chư Tăng, nhà Vua đích thân rời ngai vàng đi xuống cúng dường cho 8 vị Trưởng Lão đại biểu, trong khi các Ngài vẫn ngồi để nhận lễ vật và sau đó những vị còn lại tiến đến trước Vua để Vua cúng dường lên chư Tăng.

Ngày hôm sau, 5 tháng 5 năm 2019 nhà Vua được Thủ tướng và các vị cận thần cũng như Công Chúa đương triều đứng chờ phía trước một đồ hình gồm tám góc, giống như Bát Chánh Đạo và từ đây những bảo vật của Hoàng Gia tượng trưng cho uy quyền của một bậc quân vương được các cận thần dâng lên như: Vương miện, kiếm, quạt, đôi hia nạm ngọc v.v... Giờ này Rama Đệ Thập mới chính thức là một nhà Vua thực sự và đã được những thanh niên lực lưỡng thay nhau khiêng kiệu đi bộ đến ba ngôi chùa trong Hoàng Thành, để nhà Vua lễ bái nguyện cầu trong vòng 7 cây số. Tại những ngôi chùa này Vua Rama Đệ Thập của Thái Lan chính thức tuyên bố với thần dân là: *“Trẫm dùng uy quyền để trị nước theo chính nghĩa, cũng như bảo hộ Phật Giáo và thần dân của Trẫm”*. Tuy bên Nam truyền không quảng bá tinh thần Lục Độ Vạn Hạnh như Bắc truyền gồm: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ, nhưng bên Nam truyền cũng đã áp dụng ba trong sáu điều này. Đó là: Bố thí, Trì giới và Thiền định. Đây là ba điều căn bản của Phật Giáo Nam truyền. Ngày nay khi Phật Giáo Nam

truyền được truyền sang Âu Mỹ, nhưng ở đây có phân đảo ngược lại là: Thiên Định đi đầu, sau đó mới đến Trì giới và Bồ thí.

Nhìn chung một lễ đăng quang như vậy của thế kỷ thứ 21 này đã gọi lại cho chúng ta thấy được ảnh hưởng của Đạo Phật thật là không nhỏ với dân chúng Thái Lan. Họ ở cách nước Việt Nam của chúng ta chẳng bao xa, nhưng tinh thần đạo đức của họ vẫn còn giữ lại hầu như nguyên vẹn, và Phật Giáo chính là một chất liệu dưỡng sinh cho hơn 70 triệu người dân Thái, dưới sự trị vì của Đức Vua Rama Đệ Thập này. Chúng ta cũng nên góp lời cầu nguyện cho đất nước ấy luôn mãi bình yên để Phật Giáo được phát triển và từ đó dân chúng sẽ được sống thái bình, như trong hai lần đệ nhất (1914-1918) và đệ nhị (1939-1945) thế chiến vừa qua, trong khi Á Âu đều bị đổ nát qua nhiều lần ranh lửa đạn của chiến tranh và hận thù, nhưng Thái Lan vẫn an bình, không bị chiến tranh chi phối và vì thế người dân Thái không bị kéo vào quỹ đạo của hận thù, cấu xé lẫn nhau. Nhìn người lại nghĩ đến ta mà có cái gì đó thẹn lòng khó nói. Nguyên là sau khi người Cộng sản xâm chiếm miền Nam Việt Nam vào năm 1975, sau đó họ đã lập ra một Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam gồm đa phần những người thân cận với họ để cố tình dẹp bỏ một Giáo Hội truyền thống do dân lập từ năm 1964. Đó là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Ngày nay tại trụ sở Quốc Hội có rất nhiều chư Tăng và chư Ni làm Đại Biểu. Như vậy Phật Giáo Việt Nam trong hiện tại đã làm sai lời Phật dạy rồi. Nghĩa là người xuất gia phải đứng trên thế quyền; chứ không được đứng trong thế quyền để hành hoạt

như là một Dân Biểu làm đại diện cho dân. Nhìn Quốc Hội Thái Lan đâu có vị Sư nào có chức danh Dân Biểu, Nghị Sĩ nhưng họ vẫn được Vua Chúa và Hoàng Tộc bảo hộ. Cho nên chúng tôi nghĩ rằng: Những vị Tăng Sĩ Việt Nam đang có mặt trong Quốc Hội hay bất cứ trong cơ quan nào của nhà nước, của chính phủ thì hãy nên trở lại chùa, thực hiện nhiệm vụ của người tu hành. Đó là mỗ sớm chuông chiều, công phu kinh kệ, thiền định trau dồi nội tâm, giới đức chứ không nên bước vào chốn hồng trần như vậy. Có như thế thì Phật Giáo mới xứng đáng là một Tôn Giáo lãnh đạo tinh thần cho cả nước, bèn ngược lại Phật Giáo chỉ là một con thoi, một đòn bẩy để người Cộng sản Việt Nam sử dụng, thì trước sau gì Phật Giáo Việt Nam của chúng ta cũng sẽ bị thế tục hóa, Tăng Sĩ chỉ là những người thừa sự của chính quyền đương thời và không còn giữ đúng vị trí của mình là một chúng Trung Tôn đứng giữa cuộc đời mà không bị đời chi phối nữa.

Ngày 1 tháng 5 năm 2019 vừa qua tại Nhật Bản, Vua Reiwa (Lệnh Hòa) đã lên kế vị ngai vàng của Vua cha là Heisei (Bình Thành). Ông này là con của Vua Showa (Chiêu Hòa) và Vua Showa là con của Vua Taisho (Đại Chánh). Vua Đại Chánh là con của Vua Meiji (Minh Trị). Từ năm 1868 đến nay gần 200 năm lịch sử qua 5 đời Vua như thế, nước Nhật đã trở thành một trong những cường quốc của thế giới, đều nhờ vào cách cai trị sáng suốt của năm Ông Vua này. Mặc dầu sau Đệ nhị thế chiến (1945) hay nói đúng hơn là sau khi người Mỹ thả hai quả bom nguyên tử xuống hai thành phố Hiroshima và Nagasaki vào tháng 8 năm 1945 thì Thiên Hoàng Showa đầu hàng vô

điều kiện, nước Nhật sau đó đã trở thành nước quân chủ lập hiến, nghĩa là Vua vẫn còn đó, nhưng Quốc Hội mới là những cơ quan quyết định mọi vấn đề của dân, còn Vua chỉ có tính cách tượng trưng cho nền quân chủ mà thôi. Tuy Nhật Bản đa phần người dân theo Phật Giáo, nhưng Vua Chúa thì theo Thần Đạo. Đạo ấy là Đạo của Thiên Tử, nó cũng giống như Anh Giáo của nữ Hoàng Anh trong hiện tại vậy. Tuy họ không có thực quyền, nhưng ảnh hưởng tinh thần của những Ông Vua Nhật Bản, Thái Lan, Na Uy, Thụy Điển, Đan Mạch, Bỉ hay nữ Hoàng Hòa Lan, Anh Quốc v.v... dân chúng vẫn luôn ngưỡng mộ, và khi nào quốc gia lâm nguy, sơn hà xã tắc động loạn là luôn có sự hiện diện của họ để làm vai trò trung gian giải quyết những mâu thuẫn nội tại, nhằm làm an lòng quốc dân trăm họ. Tất cả đều là nhờ vào Đạo cả.

Cách đây chừng hơn 10 năm (2008) vua Wangchuck của Bhutan thoái vị, truyền ngôi lại cho Thái Tử và sau đó đám cưới của Thái Tử cũng được thực hành theo nghi lễ Phật Giáo thuộc Kim Cang Thừa. Lễ đăng quang của nhà Vua trẻ này cũng vậy. Tất cả đều có sự hiện diện của chư Tăng, vì thế nên nước Bhutan được mệnh danh là một nước có chỉ số hạnh phúc cao nhất trên thế giới, mặc dầu họ không giàu có tiền bạc như các nước Âu Mỹ, nhưng họ giàu về việc tôn trọng môi sinh, môi trường sống của người dân không bị nhiễm ô như nhiều nơi trên thế giới ngày nay. Tất cả đều được ảnh hưởng bởi tinh thần đạo đức của Phật Giáo. Thế giới phải ngưỡng mộ và bái phục đất nước này. Phật Giáo tại đây đóng một vai trò rất quan trọng trong quần chúng, giống hệt như Phật Giáo Tây

Tạng và hy vọng rằng Phật Giáo Tây Tạng dưới sự diu dắt của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 cũng như vị Thủ Tướng Cựu Sĩ đương thời, một mai đây họ sẽ giành lại được độc lập và tự chủ, trở về lại quê hương để sinh sống, nơi không còn sự hiện diện của người Trung Quốc nữa.

Tôi viết bài này chỉ những mong người xuất gia hãy hành xử đúng cương vị của mình, như từ xưa trong luật định đã có, đối với Vương quyền hay thế quyền, để hình ảnh của người xuất gia không bị các thế lực chính trị làm nhiễm ô, mà trái lại người xuất gia không có gì là của riêng mình hết, ngoại trừ ba y và một bình bát, hãy đứng lên trên thế quyền để hình ảnh của người xuất gia được tồn tại dài lâu hơn trong thế gian này và loài người sẽ không đồng hóa kẻ tu hành như là những người thế gian không khác. Vì đã xuất gia được rồi, thì công đức không nhỏ và hãy là một ruộng phước để người Phật Tử gieo trồng vào.

*Viết xong tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover vào lúc 16:00 ngày 7 tháng 5 năm 2019.*

**Thích Như Điển**



# LỊCH SỬ HÀNH HOẠT CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

THÍCH NGUYỄN SIÊU

**N**am Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật  
Kính bạch chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, chư  
Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni,  
Kính thưa chư vị Thiện Hữu Tri Thức, quý Đồng Hương  
Phật tử,  
Kính thưa quý liệt vị,

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập  
vào ngày 04 tháng 01 năm 1964. Trong Lời Mở Đầu của Hiến  
Chương đã viết:

“Công bố lý tưởng hòa bình của giáo lý đức Phật, hai tông  
phái Phật giáo (Bắc tông và Nam tông) tại Việt Nam thực hiện  
nguyện vọng thống nhất, thật sự đã là hoài bão từ lâu để phục  
vụ nhân loại và dân tộc: đó là lập trường thuần nhất của  
GHPGVNTN.

GHPGVNTN không đặt sự tồn tại của mình nơi nguyên vị cá biệt mà đặt sự tồn tại trong sự tồn tại của nhân loại và dân tộc.

Quan niệm thống nhất Phật giáo Việt Nam để thực hiện theo chủ trương điều hợp, nghĩa là giáo lý, giới luật và nếp sống của hai tông phái cũng như của hai giới Tăng sĩ và cư sĩ chẳng những được tôn trọng mà còn phải nỗ lực phát triển trong sự kết hợp có chỉ đạo. Đó chính là sắc thái đặc biệt của nền Phật giáo Thống Nhất tại Việt Nam.”

Độc Lời Mở Đầu của Hiến Chương là quá đủ cho chúng ta thấy sự hiện hữu của GHPGVNTN trên quê hương đã mang sứ mạng, trọng trách như thế nào trong công cuộc xiển dương Phật pháp, phụng sự chúng sinh, an bình quốc gia, xã tắc. Từ những mục tiêu, lý tưởng ấy GHPGVNTN luôn dẫn thân trong mọi hoàn cảnh để tạo dựng, thiết lập một vũ trụ quan, nhân sinh quan Phật giáo, ngô hầu lấy trí tuệ làm sự nghiệp, lấy Từ Bi làm lẽ sống cho nhân quần, xã hội. Những mục tiêu, lý tưởng, hành động ấy sẽ được trình bày trong những tiết mục sau:

## **I. DẪN NHẬP:**

Hai Nghìn Năm Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam

Trong bài “*Bằng Đôi Chân Của Mình Mời Người Hãy Đi Lên*” của Hòa Thượng Thích Đức Nhuận, vào đề Hòa Thượng viết:

*“Là người Việt Nam thì dù ở nơi đâu, sống trong hoàn cảnh nào cũng đều mong muốn góp phần mình vào việc làm tốt đẹp cho quê hương. Là người Phật tử Việt Nam thì dù ở nơi đâu, sống trong hoàn*

*cánh nào cũng chẳng thể nào quên được mình là một thành viên của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.”*

Một minh thị trong ý thức lịch sử, Phật giáo Việt Nam đã có mặt trong dòng lịch sử đó, đã thăng trầm thành bại, nổi trôi theo vận nước ngót 2000 năm qua. Nước nhà được hưng thịnh, dân sinh được ấm no thì Phật giáo cũng được an bình hành hoạt; bằng ngược lại Phật giáo cũng không tránh khỏi cảnh đầu rơi, máu đổ. Từ những thực trạng ấy cho đến hôm nay, những thức giả, những nhà nghiên cứu hai dòng lịch sử Phật giáo Việt Nam và dân tộc Việt Nam đã nói: “Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành với dân tộc Việt Nam.” Để chứng minh điều này, chúng ta cần có cái nhìn thấu suốt dòng lịch sử 2000 năm trước khi GHPGVNTN ra đời. Sự ra đời của GHPGVNTN là điều tất yếu phải có vì tinh thần truyền đăng tục diệm, vì tiếp nối con đường hoàng pháp của chư vị Lịch Đại Tổ Sư, vì yếu tính thích nghi với thời đại, để Phật giáo không bị tụt hậu, luôn đồng hành với nền văn minh tiến bộ của nhân loại, luôn tranh đấu để phát huy mọi đức tính tự tôn làm phương châm dẫn khởi trong quê hương, dân tộc.

Trong Bạch Thư về quá trình xây dựng Giáo Hội và Đòi Tự Do Dân Chủ của GHPGVNTN, Hòa Thượng Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, đã viết:

*“Đạo Phật đã hiện hữu trong dòng sinh mệnh của dân tộc Việt Nam gần 2000 năm, biết bao nhiêu thăng trầm cùng vận nước. Thời kỳ Lý, Trần vẻ vang giữ nước, dựng đạo, rồi suy vi nối liền ba thế kỷ nhiều nhưng thời Trịnh Nguyễn phân tranh và lệ thuộc Tây*

*Phương, nhất là thời kỳ đất nước lâm vào cảnh chiến tranh ý thức hệ quốc gia và cộng sản của hai miền Nam Bắc đã làm suy nhược sinh thể của dân tộc và Phật giáo không ít. Nhưng, nhờ vào tinh thần khai phóng, khoan dung, với khả năng chuyển hóa phi thường, Phật giáo Việt Nam vẫn trường tồn và phát triển vững vàng.” - (Uu Đàm Lướt Bão, Tr. 505–Viện Triết Lý Việt Nam Triết Học Thế Giới, xuất bản 1998–Nguyên Siêu)*

***a. Phật giáo đồng hành trong công cuộc dựng nước và giữ nước:***

Khi triều đại nhà Lê mới lập nghiệp, Vua Lê Đại Hành hỏi vận nước như thế nào. Thiền Sư Pháp Thuận trả lời:

*Quốc tộ như đằng lạc  
Nam thiên lý thái bình  
Vô vi cư điện các  
Xứ xứ tức đao binh  
(Thiền Uyển Tập Anh)*

Dịch:

*Vận nước như dây quấn  
Trời Nam mở thái bình  
Đạo đức ngự cung điện  
Xứ xứ hết đao binh  
(Việt Nam Phật giáo Sử Luận, Lá Bối xuất bản, 1974, tr. 146–  
Nguyễn Lang)*

***b. Phật giáo đồng hành qua thi ca văn học:***

Nói lên sự gắn bó, bất phân ly giữa Phật giáo và dân tộc Việt Nam trên suốt dòng lịch sử, bài thơ Tinh Sông Nghĩa Biển của

Trụ Vũ đã viết:

“Việt Nam và Phật giáo  
 Phật giáo và Việt Nam  
 Ngàn năm xương thịt kết liền  
 Tình sông nghĩa biển, mối duyên mặn nồng...  
 Trang sử Việt Nam yêu dấu  
 Thơm ướp hương trầm  
 Nghe trong tim Lý, Lê, Trần  
 Có năm cánh đạo nở bừng nguy nga...”

Một thi hào Nguyễn Du với Truyện Kiều. Ôn Như Hầu với Cung Oán Ngâm Khúc... đều mang sắc thái văn học Phật giáo, nội hàm một tinh thần giáo lý Phật pháp.

**c. Phật giáo đồng hành qua nền văn hóa hiếu thảo trong tục ngữ ca dao:**

“Ngó lên trời cao thấy cặp cu đang đá  
 Nhìn ra ngoài biển thấy cặp cá đang đua  
 Anh về lập miếu thờ vua  
 Lập trang thờ Mẹ, lập chùa thờ Cha.”  
 “Lên non mới biết non cao  
 Nuôi con mới biết công lao mẫu từ”

Hay:

“Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi  
 Già gạo cho trắng để nuôi Mẹ già  
 Mẹ già ở túp lều tranh  
 Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con”

Phật giáo đã đồng hành trong nhiều lãnh vực giáo dục, văn

hóa học thuật, kể cả tinh thần tu chứng trở thành các bậc Tổ đức Thiền Sư, được ghi lại trong Thiền Uyển Tập Anh.

Một đôi nét tiêu biểu qua lịch sử, qua đời sống sinh hoạt trung thực của Phật giáo Việt Nam trong dòng sinh mệnh dân tộc. Từ đó, chúng ta có một cái nhìn thấu suốt sự ra đời của GHPGVNTN trên dòng lịch sử 2000 năm qua.

## II. BỐI CẢNH LỊCH SỬ 1963

Nguyên nhân khởi đầu từ bức Công Điện của Đồng Lý Văn Phòng phủ Tổng Thống ra lệnh cấm treo cờ Phật giáo quốc tế nhân ngày Đại lễ Phật Đản năm 1963. Từ đó tạo thành pháp nạn cho Phật giáo Việt Nam. Dù phải hy sinh đến thân mạng, Phật giáo Việt Nam vẫn biểu tỏ tinh thần đại hùng để bảo vệ lá cờ Phật giáo trong mọi hoàn cảnh. Sự triệt hạ cờ Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm là biểu hiện không tôn trọng tinh thần tự do tín ngưỡng và bình đẳng tôn giáo, mà Phật giáo đã có mặt trên quê hương Việt Nam ngót 2000 năm.

Máu đã đổ nơi đài phát thanh Huế, cuộc đàn áp Phật giáo được dàn dựng quy mô của chính quyền đã đẩy Phật giáo vào thế phải tự vệ. Một bản Tuyên Ngôn của Tăng Tín Đồ Phật Giáo Việt Nam và năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo được gửi đến phủ Tổng Thống. Năm nguyện vọng như sau:

Yêu cầu chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thu hồi vinh viễn Công Điện triệt hạ giáo kỳ của Phật giáo.

Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một chế độ công bằng đặc biệt như các Hội Truyền giáo Thiên chúa đã được ghi trong Dự

số 10.

Yêu cầu chính phủ chấm dứt tình trạng bắt bớ khủng bố Tăng Tín đồ Phật giáo.

Yêu cầu Tăng Tín đồ Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo.

Yêu cầu chính phủ đền bồi một cách xứng đáng, cho những người bị giết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền bồi đúng mức.

*Dại diện ký tên, Phật lịch 2507, Huế*

*Ngày 10 tháng 05 năm 1963*

**Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam**

Ký Tên, Hòa Thượng Tường Vân

**Ban Tổng Trị Sự Giáo Hội T.G.T.P**

Ký Tên, Thích Mật Nguyên

**Ban Trị Sự Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam Tại Trung Phần**

Ký Tên, Thích Trí Quang

**Ban Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Thừa Thiên**

Ký Tên, Thích Mật Hiển

**Ban Trị Sự Tổng Hội Phật Giáo Thừa Thiên**

Ký Tên, Thích Thiện Siêu

*(Phật Giáo Tranh Đấu, in lần thứ Năm, nhà xuất bản Hưng Đạo, USA, tr. 30. Quốc Oai biên soạn)*

Phật giáo Việt Nam thời nào cũng có Bồ Tát Thánh Tăng, phát nguyện vào đời để hộ quốc an dân. Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật giáo được thỉnh cử để điều hành công việc giải trừ

pháp nạn. Bồ Tát Thích Quảng Đức đã vị pháp thiêu thân, đốt lên ngọn lửa Từ Bi và lưu lại trái tim bất diệt cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn. Chư vị Tăng Ni Phật tử đã hy hiến thân mạng cho đại cuộc, như là một ý thức minh nhiên, một trách nhiệm phải hoàn tất từ dòng máu của bản thể Tăng già Việt Nam linh thiêng, mẫu nhiệm.

Bối cảnh lịch sử 1963, kể từ lúc 15:00 giờ ngày 06 tháng 05 đến ngày 01 tháng 11 năm 1963, đã diễn ra không biết bao nhiêu thế lực trù dập trên thân người, chết chóc, đọa đầy, đau thương, túi nhục. Những nhân chứng sống của lịch sử đã kể lại nỗi kinh hoàng hứng chịu mà lịch sử Phật giáo Việt Nam chưa bao giờ bị đàn áp khốc liệt như pháp nạn 1963. Chùa chiền nhuộm màu tang tóc, Tăng Ni bị thảm sát, Phật tử mất tích... Tất cả những sự kiện thực đó là chứng tích lịch sử, bài học sống cho dân tộc và nhân loại.

Bài học khoan dung, tha thứ. Bài học xá kỷ, vị tha.

Bài học hy sinh thân mạng để bảo vệ chính nghĩa cao thượng.

Bài học tôi luyện tâm tư thanh lương, trong sáng, tươi mát mà ngồi trong lửa vẫn không thấy nóng.

Học tất cả những tinh túy của loài người.

Học tinh thần hy sinh bản thân để cho người được sống...

Tất cả những bài học đó đã tiềm ẩn trong dòng máu của Việt tộc, của buổi bình minh Phật giáo Việt Nam mà tinh thần Từ Bi-ban vui cứu khổ được trân quý như một bảo vật đem kính dâng, hiến tặng cho người. Lòng Từ Bi đó không có nhân ngã,



bỉ thử mà thân thù bình đẳng. Chúng ta phải mở rộng tấm lòng để học hạnh vô úy, đức khiêm cung, tâm tự nguyện hy hiến thân mạng để bảo vệ cho đạo pháp trường tồn, cho dân sinh được tự do hạnh phúc. Và học cái tinh thần tu chứng như ngọn lửa Từ Bi, trái tim bất diệt của Bồ Tát Thích Quảng Đức. Chúng ta hãy lắng đọng tâm tư, giữ lòng thanh tịnh mà nghe tâm huyết của Bồ Tát Quảng Đức viết gửi lại cho Tăng Tín đồ Phật giáo Việt Nam, cho nhân loại trên thế giới, cho dân tộc Việt Nam, cho chính quyền Ngô Đình Diệm:

*“Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau:*

*Mong ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận 5 nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản Tuyên Ngôn.*

*Nhờ ơn Phật Từ Bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt...*

*Câu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc. Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái, từ bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở...”*

Đọc lời nguyện Tâm Huyết của Bồ Tát, chúng ta chỉ thấy lòng Từ Bi được trang trải đến cho tất cả, lòng Từ Bi đó không những chỉ cầu mong Phật pháp được trường tồn, nhân dân được an lạc, mà chẳng có khinh trọng bên nào, dù người đó là nguyên nhân, là động cơ đưa mình đến cái chết. Đây chính là

chất liệu, tiềm năng để un đúc cho GHPGVNTN ra đời. Vì sự hiện thân của GHPGVNTN là tiếp nối con đường của Bồ Tát đã hành hoạt, là kết tinh của ngọn lửa Từ Bi và trái tim bất diệt để dệt thành dòng lịch sử Phật giáo Việt Nam tươi sáng muôn đời.

### III. ĐẦU NĂM 1964, GHPGVNTN RA ĐỜI

*“Hiến Chương của GHPGVNTN:*

– *Chương thứ I, Điều 1: Tổ chức thống nhất của hai tông phái tại Việt Nam, lấy danh hiệu là “Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất” viết tắt là “GHPGVNTN”.*

– *Chương thứ II, Điều 4: GHPGVNTN điều hợp hai tông phái Phật giáo tại Việt Nam để phục vụ nhân loại và dân tộc bằng cách hoằng dương chánh pháp.*

– *Chương thứ III, Điều 5: Thành lập của GHPGVNTN gồm hết thầy Tăng sĩ và cư sĩ thuộc Bắc và Nam tông, chấp thuận bản Hiến Chương này.”*

Sứ mạng của GHPGVNTN là công bố lý tưởng hòa bình, mang nếp sống hòa bình đến cho con người. Cuộc sống có hòa bình thì con người mới có được giá trị sống ý nghĩa và cao quý, bằng ngược lại chỉ có khổ đau. Do vậy, GHPGVNTN là hiện thân của hòa bình qua những nội dung Thông điệp Phật Đản, Đức Đệ Nhất Tăng Thống Thích Tịnh Khiết luôn kêu gọi các phe lâm chiến trên toàn lãnh thổ Việt Nam hãy chấm dứt bom đạn để bớt đi máu và nước mắt của dân tộc, hãy tiết kiệm xương thịt của dân tộc này, vì trải qua bao nhiêu thời cuộc,

chúng ta đã chứng kiến bao nhiêu cuộc di tán. Con dân bồng bế nhau đi.

Trải qua những cuộc chiến ấy GHPGVNTN đã hòa mình cùng dân tộc, luôn đi đầu để khởi xướng con đường hòa bình, chống lại các thế lực chủ xướng chiến tranh. Do vậy mà Giáo Hội luôn bị kết án và trù dập dù ở bất cứ chế độ nào. Chính vì không đồng tình với các thế lực gây hấn chiến tranh mà Hòa Thượng Thiện Minh trong thời đệ nhị Cộng Hòa đã suýt chết trong cuộc ám sát bằng lựu đạn. Đến chế độ cộng sản, cũng vì tinh thần khí khái, không khuất phục trước bạo lực, cường quyền của chế độ để giữ vững lập trường của GHPGVNTN bằng khả năng bản thân để biểu hiện khả tính công lý hòa bình cho quê hương, dân tộc. Với tinh thần bất khuất ấy, Hòa Thượng đã chấp nhận cái chết trong ngục tù cộng sản. Đó chính là ý thức Thiện Minh, người khai phóng cho công lý, hòa bình, dân chủ.

Hóa thân GHPGVNTN trong thập niên 60 là để tiếp nối và phát huy nền văn hóa Phật giáo Luy Lôu. Con đường cách mạng nhân bản của triều đại nhà Lý, cũng như các triều đại khác, chống quân Nguyên, đuổi quân Mông, thắng quân, xua quân Thanh ra khỏi đất nước để giành lại nền tự chủ độc lập nước nhà.

GHPGVNTN tiếp tục thắp sáng ngọn đèn nhà Thiên qua tinh thần tu chứng của Bồ Tát Thích Quảng Đức, cùng chư Thánh tử đạo vị pháp thiêu thân để xiển dương nền đạo học của Vạn Hạnh Thiền Sư, Khuông Việt Thiền Sư, Hương Hải

Thiền Sư hay Huyền Quang, Pháp Loa Tôn giả...

Các triều đại vàng son của Phật giáo đã xuất hiện bao nhiêu bậc kỳ túc, Tổ Sư nhà Thiền, Quốc sư danh Tăng thạc đức, tạo dựng một hành trạng độ sinh lẫy lừng trên dòng lịch sử 2000 năm qua. Kể từ thời Thiền Tổ Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương, Mâu Bác thì đến nay, GHPGVNTN đã có 4 đời Tăng Thống:

*Đức Đệ Nhất Tăng Thống, Trưởng Lão HT Thích Tịnh Khiết*

*Đức Đệ Nhị Tăng Thống, Trưởng Lão HT Thích Giác Nhiên*

*Đức Đệ Tam Tăng Thống, Trưởng Lão HT Thích Đôn Hậu*

*Đức Đệ Tứ Tăng Thống, Trưởng Lão HT Thích Huyền Quang*

Bốn đời Tăng Thống của GHPGVNTN đã mang đức tính Đại Hùng, Đại Lực để vào đời phá đổ mọi thế lực vô minh, manh động của thời đại, san bằng những thành trì ngăn cách, bất công, chủ nghĩa để xây dựng cho Đạo cho Đời một nếp sống thuần hậu, nhân bản theo truyền thống Phật Việt và Tộc Việt.

Bốn đời Tăng Thống đã xây dựng cho con người một đời sống đạo hạnh, đức độ, lễ nghĩa mà phần đông con dân Việt đã hướng thân lập mệnh trên đời sống Đạo đó. Nhờ vậy, mà người dân đã giữ gìn được giếng mối đạo đức, luân thường, phong tục tập quán của Tổ Tiên, Ông Bà, nòi giống.

GHPGVNTN công bố lý tưởng hòa bình trong giáo lý của đức Phật để cho nhân loại và dân tộc thấy được khả tính Từ Bi, tôn trọng sự sống, quý chuộng tình thương để thăng hoa đời sống bình an, hạnh phúc. Đồng thời GHPGVNTN luôn mang hoài bão để phục vụ nhân loại và dân tộc qua các lãnh vực: xây

dựng đời sống tinh thần qua giáo pháp Tam Vô lậu học: Giới, Định, Tuệ để tạo cho con người có phương châm thánh thiện. Mục đích rõ ràng mà không bị lầm đường lạc hướng.

Xây dựng đời sống vật chất của cái thành thật, biết tôn trọng của tư hữu, không xâm lấn bất cứ của ai theo tinh thần giới pháp đã thọ. Quả thật đây là tinh thần phục vụ đúng ý nghĩa giáo pháp của đức Phật giảng dạy.

GHPGVNTN phục vụ cho xã hội người qua các lãnh vực:

### **1- Giáo Dục:**

– Mở Đại học Vạn Hạnh cho sinh viên, các vị thức giả học đời cũng như học đạo để nghiên cứu hai nền văn học thế gian và xuất thế gian–phổ thông và nội điển. Hệ thống giáo dục này đã tạo nên bao lớp người tri thức thời ấy. Một dân tộc có trình độ dân trí cao thì nước nhà sẽ được phồn vinh, giàu đẹp.

– Mở hệ thống trường Trung Tiểu Học Bồ Đề xây dựng thế hệ người từ khi còn non trẻ để thế hệ này thấy được, học được tinh tự quê hương dân tộc một cách khách quan, lành mạnh. Học và thấy đúng nghĩa hai chữ Việt Nam.

– Mở Viện Cao Đẳng Chuyên Khoa Phật Học Huệ Nghiêm ở Sài Gòn, Hải Đức ở Nha Trang để đào tạo tăng tài hoàng dương Phật pháp, phiên dịch Đại Tạng, giảng dạy giáo lý đức Phật.

– Mở hệ thống Phật Học Viện từ Sơ Đẳng đến Trung Đẳng cho Tăng Ni sinh theo học Phật pháp, ngõ hầu làm rường cột nơi chốn nhà Thiên, làm các bậc Thầy mô phạm cho hàng cư sĩ

Phật tử, để Phật pháp được xiển dương, xã hội được an hòa, lợi lạc.

### **2- Từ Thiện Xã Hội:**

– Thành lập các Cô Nhi Viện nuôi dưỡng trẻ mồ côi, khuyết tật mang yêu thương đến các em thiếu may mắn để các em được trưởng thành trong yêu thương đùm bọc như phong tục tập quán Việt Nam:

*“Nhiều điều phủ lấy giá gương*

*Người trong một nước phải thương nhau cùng”*

*“Bầu ơi thương lấy bí cùng*

*Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”*

Hay:

*“Thấy người tàn tật thì thương*

*Thấy người hoạn nạn lại càng thương hơn”*

### **3- Kinh Tế Tài Chánh:**

– Mở hãng xì dầu lá Bồ Đề, dấm Con Mèo, Hương Giải Thoát... để có phương tiện nuôi dưỡng Tăng Ni sinh theo đuổi lý tưởng xuất trần, ngõ hầu giảm bớt gánh nặng cho hàng Phật tử hộ trì Tam Bảo. Đồng thời cũng biểu tỏ cho tinh thần tự túc, tự cường–tay làm hàm nhai bởi chính mình.

– Mở tiệm phát hành kinh sách, Phật cụ v.v... phục vụ nhu cầu hoàng pháp, kiến thiết... GHPGVNTN luôn hiện hữu trên nhiều lãnh vực nhằm phụng sự tha nhân trong lý tưởng, hoài bão, lập trường... như trong Lời Mở Đầu của Hiến Chương đã viết.

Tóm lại GHPGVNTN đã hành hoạt qua các phạm trù:

Lý Tưởng: xây dựng nền hòa bình để đem lại phúc lợi phụng sự nhân loại và dân tộc.

Mục Tiêu: thăng hoa đời sống tinh thần và an sinh xã hội.

Hành Động: dẫn đạo qua các lãnh vực hoàng pháp, văn hóa giáo dục, từ thiện xã hội, kinh tế tài chánh.

Kêu gọi tinh thần bình đẳng tôn giáo để cùng có một niềm tin thánh thiện làm điểm tựa tâm linh thuần khiết và góp phần xây dựng nền hòa bình cho quê hương Việt Nam và các quốc gia trên thế giới.

#### IV. ĐẤU TRANH CHO ĐỘC LẬP TỰ CHỦ

GHPGVNTN ra đời từ ngày 04 tháng 01, 1964 đến nay 2016, trải qua bao nhiêu thể chế, thăng trầm, thành bại, cho dù trải qua nhiều nổi gian truân, bá quyền, tham vọng, độc tài... GHPGVNTN vẫn giữ bản thể của một tôn giáo dân tộc có tuổi thọ 2000 năm, đứng về phía dân tộc quê hương, để nói tiếng nói của quê hương dân tộc. Nhìn rõ vị trí của mình vững vàng trên con đường Trung Đạo, không thái quá cũng không bất cập của buổi giao thời giữa hai thế kỷ 20–21, thấy rõ vị trí của mình trong mọi tình huống. Chính vì vậy mà sau biến cố 1975, khi đất nước rơi vào cảnh trạng đau thương, tan tác, từ thôn quê đến thị thành, từ người già đến thế hệ trẻ bị đánh bật ra khỏi nếp sống an bình, bị mất tất cả mọi quyền tự do căn bản, nhân phẩm. GHPGVNTN đã đại diện cho các tầng lớp người dân, đấu tranh đòi hỏi quyền làm người, đòi hỏi quyền tự chủ, độc

lập nước nhà. Do đó, nhân sự của GHPGVNTN đã bị áp bức tù đày, lao lý, đày ải từ trại giam này đến trại giam khác, cùng chịu chung số phận với mọi thành phần quần chúng bị giam giữ, đói khát, bệnh hoạn trong cơ thể ốm yếu gây mòn chỉ còn da bọc xương, những chết chóc được chôn vùi hời hợt trong những nấm mộ hoang sơ, hiu hắt, hương tàn nhang lạnh.

GHPGVNTN đã ý thức được bốn phận, trách nhiệm của người con dân nước Việt, cùng góp phần giữ gìn đất nước của tiền nhân đã dày công xây dựng, bao công sức của các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần... đã nằm xuống bảo vệ quê hương, cho dù đó là một hải đảo nhỏ, một nhánh sông, một ngọn đồi, một dãy núi. Tất cả là của dân tộc Việt Nam, không ai có quyền làm mất đi tấc đất tấc vàng mồ hôi nước mắt của Cha Ông.

GHPGVNTN luôn đồng hành với dân tộc, đấu tranh, cảnh tỉnh những thế lực tham vọng, bá quyền nhằm đáp ứng nguyện vọng chung của quê hương đất nước thái hòa, dân tộc phồn vinh thịnh trị. Chính vì những đấu tranh cho quyền lợi của dân tộc, mà thời nào các nhân sự của GHPGVNTN cũng bị đàn áp, vào tù ra khám, bị khảo tra bức hại, phải hy sinh thân mạng. Vậy mà vẫn có những người phê bình, đặt vấn đề sao Giáo Hội không lo tu hành, yên phận tụng kinh gõ mõ. Thưa rằng, GHPGVNTN mang lý tưởng hòa bình, mang hoài bão phụng sự nhân loại và dân tộc, đòi hỏi bình đẳng tôn giáo, xây dựng nền hòa bình công chính cho tất cả và trong tất cả những yếu tính trên: “GHPGVNTN không đặt sự tồn tại của mình nơi nguyên vị cá biệt mà đặt sự tồn tại trong sự tồn tại của nhân



loại và dân tộc.” Vì sự sống còn của con dân nước Việt, vì sự sinh tồn của Giáo Hội, đạo giáo mà có những Thánh tử đạo như Bồ Tát Thích Quảng Đức, của chư Tôn Đức Tăng Ni, của Phật tử GDPT, của nữ sinh Phật tử Quách Thị Trang trong pháp nạn 1963, của Hòa Thượng Thiện Minh, Hòa Thượng Trí Thủ, Hòa Thượng Thanh Trí, Hòa Thượng Thiện Giải... của 12 Tăng Ni chùa Dược Sư Cần Thơ và nhiều Phật tử khác nữa sau năm 1975. Họ là những chiến sĩ vô danh góp phần viết nên dòng lịch sử dân tộc hào hùng.

## V. KẾT LUẬN

Nói đến lịch sử hành hoạt của GHPGVNTN là nói đến sứ mạng thừa tiếp dòng lịch sử 2000 năm qua của chư vị Lịch Đại Tổ Sư truyền nhiệm. Thừa tiếp để hành hoạt thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh trong tinh thần phụng sự tuy có lúc thành công, nhưng cũng có lúc nội bộ bị khủng hoảng. Cụ thể như sự ban hành Giáo Chỉ số 9, phủ nhận 4 Giáo Hội Thống Nhất ở Hải Ngoại. Đây là một quyết định sai lầm của người lãnh đạo, sự sai lầm này đã làm suy yếu tiềm năng của Giáo Hội trong nước. Tuy nhiên, chính nghĩa tồn tại nên bốn GHPGVNTN Hoa Kỳ, GHPGVNTN u Châu, GHPGVNTN Úc Đại Lợi–Tân Tây Lan và GHPGVNTN Gia Nã Đại đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách để ngày càng lớn mạnh trong tinh thần tương kính, tương thuận để tiến tới sự thành lập Văn phòng Điều Hợp Liên Châu, cùng tổ chức các Phật sự hàng năm: An Cư Kiết Hạ, Đại Lễ Phật Đản chung, các Khóa Tu Học Phật Pháp của các Châu Lục, ngày Về Nguồn–Hiệp Kỳ

Lịch Đại Tổ Sư đã được hanh thông, thành tựu viên mãn. Sự thành tựu này là nhờ khả tính thương yêu, tôn trọng, hiểu biết để cùng chia sẻ Phật sự của các Giáo Hội với nhau. Về mặt từ thiện xã hội, GHPGVNTN đã tích cực cứu trợ những nạn nhân thiên tai bão lụt, sóng thần, động đất ở các quốc gia Nam Dương, Nhật Bản, Phi Luật Tân, Ấn Độ, Việt Nam... trong tinh thần tục ngữ ca dao Việt Nam: “Miếng khi đói bằng gói khi no” hay “Lá lành đùm lá rách”. Tuy vào lúc đó các Giáo Hội cũng đang gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn không quên bổn phận, trách nhiệm cứu khổ của mình.

Nhìn chung, lịch sử hành hoạt của GHPGVNTN có lúc trong sáng, tốt đẹp, có lúc nhạt nhòa khốn khó, nhưng rồi cũng qua đi như lời của nhà thơ Vũ Hoàng Chương:

*“Trang sử Việt cũng là trang sử Phật*

*Trái bao độ hưng suy có nguy mà chẳng mất.”*

GHPGVNTN sinh ra trên lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam, một quê hương khiêm tốn trên bản đồ thế giới, nhưng cho đến hôm nay GHPGVNTN không những có mặt trên quê hương nơi chôn nhau cắt rốn mà đã hóa thân hiện hữu khắp năm châu bốn biển. Đây là điều kỳ diệu, Phật pháp nhiệm mầu.

Kính bạch chư Đại Tăng,

Kính thưa hội chúng,

Sơ lược vài nét lịch sử hành hoạt của GHPGVNTN nhân ngày Về Nguồn–Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần thứ 10 này, như là một cảm niệm để nhớ ơn và đền ơn trong muôn một kính dâng lên các bậc kỳ túc, thánh Tăng đã vì con đường hoàng dương

Phật pháp, an sinh xã hội mà vui lòng phụng hiến thân mình  
cho đạo pháp trường tồn, nhân dân an lạc.

Thành kính đánh lễ Đại Tăng và trân trọng kính cảm ơn toàn  
thể quý Phật tử.

*Ottawa, ngày 08 tháng 10 năm 2016*

*Tu Viện Phổ Đà Sơn*

*Thích Nguyên Siêu*

# GHPGVNTN: 40 NĂM HÀNH HOẠT

HUYỀN KIM QUANG

**S**uốt bốn mươi năm qua, khi đề cập đến sinh hoạt của Phật Giáo Việt nam, chúng ta không thể không nói đến GHPGVNTN. Bởi vì trong bốn thập niên đó, GHPGVNTN đã đóng góp xứng đáng công sức của mình cho sự nghiệp hoàng dương Chánh Pháp và phát triển đất nước. Chính vì vậy mà GHPGVNTN đã nghiêm nhiên trở thành là một thực thể xã hội trong cộng đồng dân tộc Việt nam. Do đó, trải qua gần ba thập kỷ, mặc dù đảng cộng sản Việt nam đã sử dụng biết bao phương lược để tàn hại Giáo Hội, vẫn không làm sao có thể tiêu diệt được. GHPGVNTN vẫn tồn tại với bi nguyện và hùng lực của truyền thống lịch sử Phật giáo Việt nam. Để có cái nhìn quán triệt hơn về GHPGVNTN chúng ta cần lược qua bối cảnh lịch sử hình thành và những cuộc vận động của Giáo Hội từ bốn thập kỷ nay.

## **BỐI CẢNH LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ Ý NGHĨA THỐNG NHẤT**

Vào đầu thế kỷ 20, khi phong trào chấn hưng Phật giáo

Trung Hoa do ngài đại sư Thái Hư chủ xướng mang lại những thành tựu lớn lao, đã làm cho giới Tăng sĩ và Cư sĩ Phật giáo Việt nam ý thức được tầm mức trọng đại của việc chấn hưng Phật giáo cho sứ mệnh truyền bá Chánh pháp trước thời đại. Đồng thời khi những nhà tri thức của dân tộc và Phật giáo nhận thức rằng muốn giải thoát đất nước ra khỏi sự thống trị của thực dân Pháp thì điều tiên quyết cần phải làm là nâng cao trình độ dân trí. Bởi vì khi dân trí được nâng cao thì thực dân Pháp không thể áp đặt chính sách ngu dân, mị dân để đô hộ đất nước ta nữa. Phong trào Duy Tân rồi Đông Du với trường Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời trong mục đích ấy. Các nhà tri thức dân tộc và Phật giáo còn ý thức được sâu sắc hơn nữa về nhu cầu cấp thiết phục hưng nền Phật giáo quốc dân để góp phần vào công cuộc bẻ gãy xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp. Phật giáo Việt nam là lực lượng nòng cốt của dân tộc. Nếu vực dậy được tiềm lực của Phật giáo Việt nam qua công cuộc chấn hưng thì cũng tức là tạo dựng được sức mạnh hùng hậu nhất của dân tộc để không những giành lại độc lập cho tổ quốc mà còn góp phần hữu hiệu vào việc xây dựng và phát triển đất nước.

Chính trong chiều hướng ấy, phong trào chấn hưng Phật giáo Việt nam đã hưng phát một cách toàn diện ở khắp ba miền Trung-Nam-Bắc. Các tổ chức Phật giáo, Tăng già cũng như cư sĩ, được hình thành. Các trường Phật học được khai mở. Sách vở báo chí Phật giáo được phát hành và phổ biến rộng rãi. Sinh hoạt Phật giáo trong quần chúng có chiều mạnh mẽ và mang ý nghĩa thấm đượm Chánh Pháp hơn. Trình độ kiến thức và

phẩm hạnh của hàng ngũ Tăng già và cư sĩ ngày càng sung mãn hơn. Cũng chính trong hoàn cảnh lớn mạnh của Phật giáo đó, một nhu cầu cấp thiết đã xuất hiện. Đó là nhu cầu kết hợp các tổ chức Phật giáo đương thời lại để cùng nhau thực hiện mục đích hoàng dương Chính pháp cho kiến hiệu hơn. Đây có thể nói là khởi đầu của công cuộc thống nhất Phật giáo Việt nam trong giai đoạn cận đại. Nhưng thật ra, sự kiện thống nhất Phật giáo đã hiện hữu trên đất nước ta từ những ngày đầu dựng nước của triều đại nhà Đinh, lúc vua Đinh Tiên Hoàng phong cho ngài Khuông Việt làm Tăng Thống đầu tiên của tổ chức Phật giáo Việt nam thời ấy. Theo sử gia Lê Mạnh Thát thì qua sự kiện này cho thấy một Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã có mặt.<sup>8</sup> Nhưng vì trải qua nhiều biến động thăng trầm, cộng thêm những chướng duyên của đất nước và Phật giáo Việt nam, cho nên một tổ chức GHPGVNTN đã không hiện hữu thường trực trong dòng lịch sử. Giờ đây tâm nguyện thống nhất ấy đã trở thành hiện thực trong kỳ Đại Hội Phật giáo toàn quốc vào năm 1951 tại chùa Từ Đàm, thành phố Huế. Sáu tập đoàn Tăng già và Cư sĩ Phật giáo của ba miền Trung-Nam-Bắc đã ngồi lại với nhau trong một cơ cấu tổ chức duy nhất, gọi là Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam. Từ đây, những sinh hoạt Phật giáo không còn mang tính đơn lẻ giới hạn trong các địa phương nữa mà đã mang tính đồng bộ mở rộng ra trên toàn lãnh thổ đất nước Việt. Lịch sử Phật giáo Việt nam đã bắt

---

<sup>8</sup> Lê Mạnh Thát, Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam tập 2, nhà xuất bản Thành phố Hồ chí Minh, 2001, trang 419

đầu bước qua một trang sử mới. Nhưng trang sử mới này sẽ là trang sử vừa bi hùng dũng lược, vừa đau thương tủi nhục, có cả máu xương và nước mắt của biết bao Tăng, Ni và đồng bào Phật tử đổ xuống cho tự do, dân chủ và nhân quyền của dân tộc và sự sống còn của Phật giáo Việt Nam!

Thật vậy, vào những năm giữa thập niên 1950 của thế kỷ trước, khi chế độ Đệ nhất Cộng hòa của nhà Ngô lên nắm chính quyền tại miền Nam, và chủ nghĩa cộng sản đặt sự thống trị lên miền Bắc, thì cả hai chế độ này đều thực thi chính sách triệt hạ Phật giáo. Tại miền Bắc, chủ nghĩa cộng sản xem tôn giáo là thuốc phiện của dân, là kẻ thù của giai cấp lãnh đạo mới, chỉ chấp nhận cho sự tồn tại của một thứ tôn giáo là cánh tay nối dài của đảng đến quần chúng, để đảng dựa vào tôn giáo mà kiểm soát và khống chế toàn dân. Cho nên Phật giáo có còn tồn tại thì cũng chỉ là cái vỏ khô cằn bề ngoài mà đã trống rỗng bên trong cốt lõi! Tại miền Nam, chế độ Đệ nhất Cộng hòa của nhà Ngô thì dựa vào đạo Dụ số 10 của thực dân Pháp để đặt Phật giáo và các tôn giáo khác, trừ Thiên chúa giáo, vào vị thế của một hiệp hội thấp bé không hơn không kém. Cho nên, mọi quyền sinh hoạt công cộng rộng lớn của một tôn giáo đều bị giới hạn. Đỉnh cao của việc áp đặt đạo Dụ số 10 cho Phật giáo là việc chính phủ ra lệnh cấm treo cờ Phật giáo vào dịp Đại lễ Phật đản Phật lịch 2507, tức năm dương lịch 1963.

Nhằm vận động xóa bỏ đạo Dụ số 10 bất công cho các tôn giáo và đòi hỏi quyền tự do và bình đẳng sinh hoạt cho Phật giáo, các tổ chức và hệ phái Phật giáo đương thời đã cùng ngồi

lại với nhau trong Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo. Sau khi chế độ nhà Ngô sụp đổ vào ngày 1 tháng 11 năm 1963, các tổ chức và hệ phái Phật giáo đã nhận thức được tính cách trọng đại và cần thiết của việc kết hợp lại với nhau để cùng phát triển nền đạo Pháp giải thoát và giác ngộ làm lợi ích cho mọi người. Cho nên, 11 hệ phái, tông phái Phật giáo, bao gồm Nam và Bắc tông, đã tổ chức Đại hội Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam tại chùa Xá Lợi, Sài Gòn, trong 5 ngày mà bắt đầu là từ ngày 31 tháng 12 năm 1963 để thông qua bản Hiến Chương và thành lập GHPGVNTN.

Ý nghĩa thống nhất đã được minh thị trong Lời Mở Đầu của bản Hiến Chương của GHPGVNTN:

*“Quan niệm thống nhất Phật giáo Việt nam được thể hiện theo chủ trương điều hợp, nghĩa là giáo lý, giới luật và nếp sống của các tông phái, cũng như của hai giới Tăng sĩ và Cư sĩ, chẳng những được tôn trọng mà còn phải nỗ lực phát triển trong sự kết hợp có chỉ đạo.”<sup>9</sup>*

Điều này có nghĩa là các hệ phái, tông phái khi tham gia vào tổ chức Thống Nhất thì không những nét đặc thù của hệ phái, tông phái mình được bảo vệ mà còn nhờ sự trợ duyên của Thống Nhất nên sẽ được phát huy thêm ra. Như vậy, thống nhất không phải là xóa bỏ cái cũ để tạo dựng cái mới, mà là các hệ phái, tông phái nguyện kết chặt mối tương quan tương

---

<sup>9</sup> Xem Lời Mở Đầu của Hiến Chương của GHPGVNTN, bản tu chính ngày 12 tháng 12 năm 1973 trong Đại Hội GHPGVNTN kỳ V. Đọc Đạo Phật Và Dòng Sứ Việt, Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới, 1996, trang 460-461.



duyên trong mọi công tác Phật sự để cùng nhau phát triển nền Phật giáo Việt nam. Trong tinh thần đó, thống nhất đem lại nhiều ích lợi thiết thực cho toàn thể cộng đồng Phật giáo Việt nam. Bởi vì, thống nhất tạo ra một sức mạnh đoàn kết lớn lao mà mỗi hệ phái, tông phái riêng rẽ không thể có được. Thống nhất còn tránh được những phân hóa do dị biệt mà không có điều hợp để hóa giải. Thống nhất còn vạch ra những phương thức hành động chung để đạt đến cứu cánh tối hậu trong sứ mệnh hoằng dương Phật pháp.

Lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo thế giới, hai tông phái lớn nhất của Phật giáo là Nam và Bắc tông đã ngồi chung với nhau trong một tổ chức, cùng trợ duyên nhau trong công cuộc hoằng dương Chánh pháp và cứu khổ sinh dân. Đây có thể nói là một sự kiện đặc thù của nền thống nhất Phật giáo Việt nam.

Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo thế giới hai giới Tăng sĩ và Cư sĩ cùng thực hiện sứ mệnh của Phật giáo trong một cơ cấu tổ chức có chỉ đạo. Điều này nói lên ý nghĩa sâu sắc trong nhận thức của người con Phật đối với hiện tình Việt nam và thế giới, vì trước bối cảnh xã hội nhân loại hiện nay, vai trò hộ pháp của người cư sĩ vô cùng quan trọng và kiến hiệu. Cho nên, việc giới Cư sĩ cùng được gánh vác trọng trách hỗ trợ Tam bảo, xiển dương Chánh pháp, xây dựng xã hội tự do, dân chủ và an lạc trong tổ chức Thống Nhất là điều thích đáng.

Thống nhất còn mang trong nó ý nghĩa lịch sử trọng đại, bởi vì toàn thể Tăng, Ni và Phật tử Việt nam cùng nỗ lực và thể

nguyện đứng lên tự gánh vác lấy sứ mệnh thiêng liêng đối với dân tộc và đạo pháp mà không bị lệ thuộc bởi bất cứ thế lực nào. Cho nên cơ chế của GHPGVNTN hoàn toàn mang tính độc lập đối với mọi khuynh hướng, mọi thế lực thế quyền. Như vậy, GHPGVNTN thật sự là tổ chức của Tăng, Ni và Phật tử Việt nam, hay nói cách khác là Giáo Hội Dân Lập. Cũng qua đó, lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt nam, ngôi vị Tăng thống đã do chính Tăng, Ni và Phật tử Việt nam suy tôn. Điều này nói lên ý thức cao độ của toàn thể Tăng, Ni và Phật tử Việt nam về vai trò độc lập nhằm tách rời sinh hoạt tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng ra khỏi ảnh hưởng của các thế lực thế quyền. Bởi vì các thế lực thế quyền chỉ có tính cách giai đoạn còn tôn giáo là nhu cầu trường cửu của con người. Nếu để thế quyền ảnh hưởng đến tôn giáo thì sẽ làm cho tôn giáo biến chất, cục bộ, quá khích, hoặc bị thế tục hóa không còn giữ được bản chất thanh khiết làm mẫu mực đạo đức giải thoát cho con người nữa. Nếu để tôn giáo ảnh hưởng đến thế quyền thì thế quyền có thể trở thành công cụ của tôn giáo chỉ để phục vụ cho một thứ tôn giáo với tham vọng thế tục và như vậy sẽ không có chính sách bình đẳng tôn giáo trong xã hội.

### **BA CUỘC VẬN ĐỘNG CỦA GHPGVNTN**

Thừa tiếp truyền thống cao đẹp hai ngàn năm của Phật giáo Việt nam là hóa thân mình vào trong dòng sinh mệnh của dân tộc, cho nên, GHPGVNTN cũng đã tự nêu cao bản thể của mình đối với dân tộc và nhân loại như trong Lời Mở Đầu của bản Hiến Chương của Giáo Hội đã có ghi:

*“Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất không đặt sự tồn tại nơi nguyên vị cá biệt mà đặt sự tồn tại ấy trong sự tồn tại của nhân loại và dân tộc.”<sup>10</sup>*

Như vậy rõ ràng là GHPGVNTN thệ nguyện rằng quyết không vì sự tồn tại của bản thân Giáo Hội mà hy sinh sự tồn tại của dân tộc và nhân loại. Điều đó cũng có nghĩa rằng Giáo Hội xem sự tồn tại của dân tộc và nhân loại chính là sự tồn tại của bản thân Giáo Hội. Bởi vì, có dân tộc và nhân loại mới có Giáo Hội. Cùng trong ý nghĩa đó, khi dân tộc và nhân loại bị khổ nạn thì Giáo Hội cũng bị khổ nạn. Giáo Hội không thể bàng quan tọa thị trước những điều linh và thống khổ của dân tộc và nhân loại. Chính vì vậy, suốt chiều dài lịch sử có mặt trên đất nước Việt nam, Phật giáo đã đứng chung hàng ngũ với đại khối dân tộc để cùng chia sẻ sự hưng vong và nổi vinh nhục. Do đó Phật giáo đã hóa thân trong dòng sinh mệnh của dân tộc và trở thành mạch sống ngầm xuyên suốt từ thời dựng nước đến nay. Đây chính là lý do cốt lõi nhất để GHPGVNTN xứng đáng là Giáo Hội Truyền Thống, là Giáo Hội truyền thừa một cách chính thống bản thệ và hành xử thi chung duy nhất của Phật giáo Việt nam.

Để nhận thức chân xác GHPGVNTN đã thi thiết bản thệ và hành xử của truyền thống Phật giáo Việt nam như thế nào trong suốt bốn mươi năm qua, chúng ta có thể điểm qua ba

---

<sup>10</sup> Xem Lời Mở Đầu của Hiến Chương của GHPGVNTN, bản tu chính ngày 12 tháng 12 năm 1973. Đọc Đạo Phật Và Dòng Sứ Việt, Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới, 1996, trang 460-461.

cuộc vận động chính yếu của Giáo Hội. Đó là cuộc vận động cho quyền bình đẳng tôn giáo dưới chế độ Đệ nhất Cộng hòa, cuộc vận động cho nền hòa bình của dân tộc dưới chế độ Đệ nhị Cộng hòa, và cuộc vận động cho nhân quyền và phục hoạt GHPGVNTN dưới chế độ toàn trị cộng sản.

## **CUỘC VẬN ĐỘNG CHO QUYỀN BÌNH ĐẲNG TÔN GIÁO**

Khi lên nắm chính quyền và thiết lập nền Đệ nhất Cộng hòa tại miền Nam vào giữa thập niên năm mươi của thế kỷ trước, chế độ của ông Ngô Đình Diệm đã làm hai việc như là nền tảng cơ bản để đưa đến sự kiện chà đạp quyền bình đẳng tôn giáo trong những năm ông cầm quyền.

Việc thứ nhất là mặc nhiên công nhận đạo Dụ số 10 đã được ông Bảo Đại ký ban hành vào ngày 6 tháng 8 năm 1950, vốn chỉ công nhận sự hiện hữu duy nhất của Thiên Chúa giáo như là một tôn giáo và liệt tất cả các tổ chức tôn giáo khác vào hàng những hiệp hội phải chịu sự chế tài khắt khe của chính quyền các cấp. Cụ thể như điều 44 trong Dụ số 10 quy định rằng:

*“Chế độ đặc biệt cho các Hội Truyền giáo Thiên Chúa giáo và Gia tô và các Hoa kiều lý sự Hội sẽ ấn định sau.”<sup>11</sup>*

Việc thứ hai là đưa vào trong phần Mở Đầu của Hiến Pháp Việt Nam năm 1956 một đoạn văn thể hiện sự thiên vị đối với Thiên Chúa Giáo như sau:

---

<sup>11</sup> “Tuyển tập, 1963-2003 Bốn Mươi Năm Nhìn Lại, Giao Điểm 2003, trang 524.”

*“Ý thức rằng nước ta ở trên con đường giao thông và di dân quốc tế, dân tộc ta sẵn sàng tiếp nhận các trào lưu tư tưởng tiến bộ để hoàn thành sứ mệnh trước Đấng Tạo Hóa và trước nhân loại là xây dựng một nền văn minh nhân bản và phát triển con người toàn diện...”<sup>12</sup>*

Đối với một dân tộc mà số lượng tín đồ Thiên Chúa giáo mới chỉ được sáu, bảy phần trăm trên tổng số dân, còn phần đông trên ba phần tư dân số là theo đạo Phật mà ghi trong Hiến Pháp vinh danh Đấng Tạo Hóa như vậy, thì quả thật là thiên vị đạo Thiên chúa một cách rõ rệt, bởi vì chế độ đã không quan tâm đến đại khối dân tộc đang suy nghĩ điều gì, đang ước mong điều gì, hay đặt niềm tin tôn giáo ở đâu!

Đó là nền tảng pháp lý tối cao mà dựa vào nó chế độ Đệ nhất Cộng hòa của ông Ngô Đình Diệm đã thực thi những chính sách bất công đối với các tôn giáo khác Thiên Chúa giáo, đặc biệt là đối với Phật giáo. Chính sách không công bình đối với Phật giáo đã đạt đến thời điểm khủng hoảng cao độ khi mà công điện số 9195 cấm treo cờ Phật giáo ở những nơi công cộng của Phủ Tổng Thống đánh ra Huế cho các cấp chính quyền thi hành vào dịp Đại lễ Phật Đản Phật lịch 2507, dương lịch 1963.

Là một tôn giáo lớn của dân tộc mà bị liệt vào hàng các hiệp hội, bị chi phối bởi những luật lệ sinh hoạt khắc khe của chế độ thiên vị Thiên Chúa Giáo, cho nên Phật giáo phải đứng lên để đòi quyền bình đẳng tôn giáo. Do vậy, một trong năm nguyện

---

<sup>12</sup> Vũ Văn Mẫu sáu Tháng Pháp Nạn 63,

<http://www.giaodiem.com/doithoaiII/vvmau-phatgiao63.htm>

vọng của Phật giáo là:

*“Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các Giáo hội truyền giáo Thiên Chúa đã được ghi trong đạo Dụ số 10.”*<sup>13</sup>

Đây là đòi hỏi hợp tình hợp lý. Hợp lý vì trong thời đại văn minh này mọi cá nhân, mọi tôn giáo phải được đối xử bình đẳng trên trường quốc tế và ở mỗi quốc gia, theo đúng tinh thần của bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc đã công bố vào ngày 12 tháng 12 năm 1948. Hợp tình vì Phật giáo là một tôn giáo lớn có chiều dài lịch sử hiện hữu ngót hai ngàn năm, đã đóng góp công đức xứng đáng trong việc dựng nước và giữ nước thì phải được đối xử bình đẳng như mọi tôn giáo khác.

Hơn nữa, chế độ Đệ nhất Cộng hòa của ông Ngô Đình Diệm một mặt thì hô hào xây dựng đất nước Việt nam theo thể chế tự do cộng hòa, mặt khác thì thực hiện chính sách độc tôn lãnh tụ, độc quyền lãnh đạo qua đảng chính trị là Cần lao, vùi dập tinh thần dân chủ của người dân, triệt hạ các chính đảng khác, mà sự tuân tiết của nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, một lãnh tụ của Quốc Dân Đảng, vào ngày 7 tháng 7 năm 1963 để phản đối chính quyền, là một chứng cứ rõ rệt. Người viết còn nhớ những năm khi chế độ Đệ nhất Cộng hòa còn tồn tại, trong các trường học, thường bắt học sinh ca bài “Ngô Tổng thống muôn năm” để suy tôn lãnh tụ Ngô Đình Diệm, giống như ở ngoài Bắc đảng cộng sản buộc dân phải suy tôn Hồ Chí

---

<sup>13</sup> Thích Đức Nhuận, Đạo Phật và Dòng Sứ Việt, Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới xuất bản, 1996, trang 465.

Minh. Vì vậy, để góp phần vào việc nâng cao trình độ dân trí đối với những vấn đề như tự do, dân chủ và nhân quyền, làm cho toàn dân ý thức, bày tỏ thái độ và đóng góp tích cực cho công cuộc kiến tạo nền tự do, dân chủ và nhân quyền thật sự chú không phải chỉ nói suông, Phật giáo đã thệ nguyện hy sinh đi trước. Nhưng cũng phải minh định một cách khẳng quyết rằng trong công cuộc vận động này Phật giáo hoàn toàn không có chủ trương lật đổ chính quyền của ông Ngô Đình Diệm và cương quyết hành xử theo phương cách bất bạo động. Điều này đã được ghi rõ trong Bản Phụ Đính cho Bản Tuyên Ngôn của Phật Giáo Việt Nam, như sau:

*“1) Đối Với Chính Phủ: Chúng tôi không chủ trương lật đổ, chúng tôi chỉ có cái nguyện vọng “cải thiện chính sách”<sup>14</sup>*

Trong đoạn 4 của Bản Phụ Đính cũng ghi rằng:

*“4) Phương Pháp Tranh Đấu Mà Chúng Tôi Áp Dụng. Phương pháp ấy là “bất bạo động”. Chúng tôi ý thức chúng tôi đang ở trong hoàn cảnh mà chính trị và quân sự cực kỳ phức tạp. Chúng tôi, hơn thế nữa, phải thể hiện tư tưởng của Phật giáo ngay trong công cuộc tranh đấu của chúng tôi.”<sup>15</sup>*

Trong cuộc vận động này, Phật giáo cũng không nhằm chống lại Thiên chúa giáo:

*“Lẽ thứ nhất, dẫu cho từ ngày đạo Dụ số 10 ra đời đến bây giờ, sự thiên vị đạo Thiên chúa đã công khai, nhưng chúng tôi tranh đấu là*

---

<sup>14</sup> Thích Đức Nhuận, Đạo Phật Và Dòng Sứ Việt, Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới, 1996, trang 460-461.

<sup>15</sup> Sách đã dẫn, trang 463.

*tranh đấu cho lý tưởng công bình (và vì thế mà động cậ đến đạo Thiên chúa) chứ không phải tranh đấu với tư cách một tôn giáo chống với một tôn giáo.”<sup>16</sup>*

Vận động để chính phủ nhìn thấy rõ rằng chính phủ cần phải cải thiện chính sách đối với Phật giáo nói riêng và các tôn giáo khác nói chung, mà cụ thể là bãi bỏ đạo Dụ số 10 vốn đã bị ảnh hưởng bởi chính sách nô dịch hóa của thực dân Pháp và các nhà truyền giáo Thiên chúa, để đối xử một cách bình đẳng với tất cả các tôn giáo. Chính quyền hãy để cho các tôn giáo tự do hành đạo. Các tôn giáo tùy theo uy tín được xây dựng trên việc truyền bá chân chính mà phát triển được hay không. Chính quyền không thể nhúng tay vào công việc của các tôn giáo. Các tôn giáo cũng không nên dựa vào thế lực của chính quyền để bành trướng tôn giáo của mình và lấn áp các tôn giáo khác. Vì làm như vậy chính là con đường đưa đến tự diệt. Như lời vua A Dục, một vị vua Phật tử ở Ấn Độ, kêu gọi mọi tôn giáo phải khoan dung và tương trợ lẫn nhau để cùng phát huy bản sắc đặc thù của mình và góp phần vào việc dẫn đạo nhân sinh.

Chính vì thế, cuộc vận động cho quyền bình đẳng tôn giáo của GHPGVNTN cũng là cuộc vận động cho tự do, dân chủ và nhân quyền đích thực của toàn dân ở giai đoạn sơ kỳ mà đất nước đang hội nhập vào thế giới văn minh, tự do, dân chủ và nhân quyền của nhân loại. Trong cuộc vận động này mặc dù trên danh nghĩa không phải là GHPGVNTN, vì lúc ấy Giáo

---

<sup>16</sup> Sách đã dẫn, trang 461.



Hội chưa ra đời, nhưng thực chất thì toàn bộ các hệ phái, tông phái tham gia vào cuộc vận động cũng chính là các hệ phái, các tông phái sau này hình thành GHPGVNTN. Cho nên, xem cuộc vận động này như là cuộc vận động của tiền thân GHPGVNTN thì cũng không phải là không có sở cứ.

## **CUỘC VẬN ĐỘNG CHO NỀN HÒA BÌNH CỦA DÂN TỘC**

Vào những năm đầu của thập niên 60 và 70 của thế kỷ trước, cuộc chiến tranh tại Việt nam càng trở nên khốc liệt. Hàng nửa triệu binh sĩ Hoa Kỳ đã được đổ vào Việt nam. Các nước đồng minh của Việt nam Cộng hòa trong vùng Đông Nam châu Á như Nam Hàn, Mã Lai, Phi Luật Tân, Úc Đại Lợi, v.v... đều gửi quân tham chiến. Ở miền Bắc, Liên Xô và Trung Cộng cùng với các nước trong khối cộng sản quốc tế cũng đưa quân, viện trợ vũ khí đạn dược để yểm trợ hậu cần miền Bắc và cho quân đội viễn chinh Bắc Việt xâm lăng miền Nam. Hàng ngày trên các hệ thống thông tin báo chí của hai bên lâm chiến đều rêu rao về những chiến công hiển hách của mình bằng sự hy sinh tánh mạng của biết bao tuổi trẻ thanh niên! Nhưng không thấy bên nào quan tâm đến sự chết chóc, tù đày và khổ nạn vì chiến tranh của hàng triệu đồng bào vô tội. Trong thời điểm ấy, tại Việt nam, hầu như không nhà nào là chẳng có con em ở trong hàng ngũ quân đội. Trong số những người trai trẻ ra đi ấy, có bao nhiêu người được may mắn trở về bình an?

Cả một đất nước, từ ái Nam Quan ở tuyến đầu phía bắc đến mũi Cà Mau ở tận miền cực nam, ngập tràn trong khói lửa, hận

thù, thương vong, mất mát, điêu linh và thống khổ! Tuổi trẻ lớn lên không còn tương lai, vì tương lai đang bị chiến tranh hủy diệt! Nền kinh tế của đất nước thì hoàn toàn bị lệ thuộc vào khối tiền viện trợ của các thế lực quốc tế, hoặc là tư bản, hoặc là cộng sản, những thế lực đang chi phối cuộc chiến tranh lạnh đến hồi cao độ. Thành ra Việt nam thời ấy là một đất nước đổ nát và trống rỗng! Đây là hệ quả tất yếu của mọi cuộc chiến tranh.

Trong tình cảnh ấy, toàn dân Việt nam, ở hai miền Bắc và Nam, cần gì? Câu trả lời đã có sẵn mà ai cũng đều biết rõ, đó là hòa bình. Một nền hòa bình thật sự từ trong tâm thức con người ra đến sinh hoạt cộng đồng xã hội, chứ không phải là hòa bình trên bàn hội nghị, trên loa phóng thanh, trên các hệ thống tuyên truyền của đảng, của nhà nước, trên đầu môi chót lưỡi của những lãnh tụ, của những chính khách sa-lông.

Phật giáo với trí tuệ và từ bi sáng ngời trên hai mươi lăm thế kỷ ắt phải thấy tính cách trọng đại và sự cấp thiết của một nền hòa bình như vậy cho dân tộc Việt nam. Cho nên, GHPGVNTN đã khởi xướng cuộc vận động cho hòa bình nhằm chấm dứt chiến tranh. Phật giáo nhìn thời cuộc và thực trạng đất nước như thế nào bằng trí tuệ và từ bi của mình để quyết định vận động cho hòa bình? Xin hãy lắng nghe một đoạn trong Thông Điệp Ý Thức Về Nguồn của Viện Tăng Thống GHPGVNTN nhân dịp Tết Tân Hợi năm 1971 như sau:

*“Dân tộc Việt Nam ta, trong hơn 20 năm chiến tranh, từng chịu*

nhiều khổ cực, biết bao nhân lực, sức lực đã hủy diệt mà nguyên nhân chính: Chỉ vì mỗi phía đã phục vụ cho một ý hệ, chủ thuyết và quyền lợi khác nhau, rồi tự coi đó là phục vụ cho tổ quốc, nhưng kỳ thật chỉ biết quyền lợi riêng tư ích kỷ, cố tình tạo mâu thuẫn để có cơ tàn hại lẫn nhau. Đó là một bi thảm của lịch sử dân tộc thời đại.”<sup>17</sup>

Hoặc trong một đoạn khác của cùng bức Thông Điệp đã viết như sau:

“Quả tình chúng ta đã đánh mất niềm tin và tình thương yêu bao bọc lẫn nhau.

*Quả tình chúng ta đã xa rời nguồn gốc Tổ Tiên.*

*Quả tình đã có những người nghĩ, nói và làm theo những biên kiến, thiên kiến không mấy trong sáng, thậm chí hành xử theo những chỉ thị của ngoại nhân, vô tình đưa dân tộc vào con đường phiêu lưu hủy diệt nhưng lại cố đĩnh ninh rằng mình đang thi hành sứ mệnh cứu dân cứu nước.*

*Hỏi đến bao giờ chúng ta mới thực tỉnh thức?”<sup>18</sup>*

Nhận định rằng chiến tranh Việt nam là cuộc xung đột võ trang giữa hai ý hệ tư bản và cộng sản quốc tế. Toàn dân Việt nam chỉ là nạn nhân đau thương gánh chịu sự tang tóc này. Tất cả mọi chủ thuyết, mọi ý hệ nếu không tôn trọng sự sống và quyền làm người, nếu xem con người chỉ là công cụ sẵn sàng hy

---

<sup>17</sup> Nguyên Tường, Từ Thông điệp Ý Thức Về Nguồn 1971 đến Tuyên cáo 2 năm 1993 của GHPGVNTN, tạp chí Chân Nguyên số 22 tháng 4 năm 1994, trang 26.

<sup>18</sup> Sách đã dẫn trên, trang 27, 28.

sinh cho sự tồn tại và bành trướng của chủ thuyết hay ý hệ mình, thì chủ thuyết ấy, ý hệ ấy là những biên kiến, những thiên kiến cục bộ, sai lầm mà dân tộc cần phải xa lánh. Chủ thuyết hay ý hệ không thể nhân danh bất cứ điều gì để gieo rắc hận thù, chiến tranh và đổ nát. Bởi lẽ hận thù, chiến tranh và đổ nát là sự hủy diệt của dân tộc và nhân loại. GHPGVNTN cũng nhận định rằng chính vì có một số người Việt nam đã đánh mất nguồn cội của mình để chạy theo ngoại bang, chạy theo các chủ thuyết, các ý hệ, không thật sự nhận thức rằng mình là người Việt nam được nuôi dưỡng trong chất liệu truyền thống văn hóa Việt nam, cho nên, nhẫn tâm gây ra bao nhiêu tang thương cho dân tộc. Để chấm dứt tình trạng chiến tranh bi thảm, người Việt cần tỉnh thức quay về lại nguồn cội của mình, nhìn nhau cởi mở, thương yêu tha thứ, hóa giải mọi thù hận, tranh chấp, và vô minh trong tâm thức. Có như vậy thì đất nước mới mong xây dựng được một nền hòa bình thật sự, một nền hòa bình không phải là thành tựu chiến thắng của bất cứ phe lâm chiến nào mà là thành tựu của ý lực đoàn kết chân chính của toàn thể dân tộc.

*“Cầu mong tinh thần Tỉnh Thức sẽ bừng sáng nơi tâm hồn mọi người để Ý Thức Về Nguồn trở về với dân tộc thuần chính, xóa đi những hận thù – những hận thù không bao giờ do chúng ta chủ trương, mà chính ý hệ, chủ thuyết và thể lực vật chất vô minh đã thúc đẩy, chỉ huy.*

*Chúng ta hãy nhìn nhau với sự cảm thông và tình thương yêu chân thật.*

*Sự cảm thông và tình thương yêu khi đã được thể hiện nơi mọi người thì công cuộc hóa giải ý hệ, hóa giải hận thù, hóa giải chiến tranh, hóa giải nếp sống sẽ là những ngọn đuốc thấp sáng cho Tổ quốc Việt nam, mang lại nguồn phúc lợi chung cho dân tộc và hòa bình cho xứ sở...”<sup>19</sup>*

Có người nói rằng vì công cuộc vận động hòa bình của Phật giáo đã làm giảm nhuệ khí chiến đấu của quân dân miền Nam, vô tình tiếp tay cho cộng sản miền Bắc đánh chiếm miền Nam.

Quan niệm này hoàn toàn không có sở cứ vững chắc và sai sự thật. Trước hết, cuộc vận động hòa bình cho dân tộc của GHPGVNTN không phải chỉ nhắm vào chính quyền miền Nam mà nhắm đến tất cả các phe lâm chiến tại Việt nam. Thứ hai, khi cuộc vận động hòa bình đã có ảnh hưởng lớn trên chính trường quốc tế thì phe lâm chiến bị thất bại nặng nề nhất chính là những người chủ trương bạo lực, giải quyết cuộc tranh chấp bằng võ lực, là những người có dã tâm xâm lược và bành trướng thế lực của ý hệ, của chủ nghĩa. Bởi vì, những người này bị cuộc vận động hòa bình, tinh thần hòa bình, ý thức hòa bình, thái độ hòa bình của toàn dân Việt nam và nhân loại yêu chuộng hòa bình trên thế giới chống đối, lên án. Những kẻ ấy là ai? Chính là những người cộng sản tại Việt nam và chủ nghĩa cộng sản quốc tế. Chỉ có người cộng sản mới chủ trương bạo lực, đấu tranh giai cấp, giải quyết tranh chấp bằng võ lực, mới có dã tâm xâm lược miền Nam, còn người miền Nam chỉ là

---

<sup>19</sup> Sách đã dẫn trên, trang 28.

những kẻ bị buộc phải chiến đấu để tự vệ, để bảo vệ đất nước. Bằng chứng cụ thể là cho đến hôm nay, đảng cộng sản Việt nam vẫn còn sợ hãi về cái mà họ gọi là “diễn biến hòa bình”. Thêm nữa, ông Đỗ Trung Hiếu, một đảng viên cộng sản, từng lãnh nhiệm vụ “kiến trúc sư” của đảng đối với việc hình thành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam năm 1981, đã viết trong bài Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam kể lại chuyện đảng cộng sản Việt Nam sợ hãi và bị cuộc vận động hòa bình của Phật giáo làm thất bại đã tâm xâm lược của họ như thế nào, xin trích một đoạn như sau:

*“Năm 1965 Mỹ đổ quân trắng trợn xâm lược miền Nam Việt Nam, MTGPMN đẩy mạnh phong trào chiến tranh cách mạng chống Mỹ xâm lược, Thượng tọa Thích Trí Quang nêu khẩu hiệu “cầu nguyện hòa bình” làm hạn chế cuộc chiến tranh chống Mỹ của ta.”<sup>20</sup>*

Cũng có người cho rằng, GHPGVNTN đứng ở lập trường thân bên này hay thân bên kia. Những người cộng sản thì bảo rằng GHPGVNTN là tay sai của “Mỹ-Ngụy”. Ngược lại, những người quốc gia thì cho rằng GHPGVNTN là “cộng sản”. Căn cứ trên hai quan niệm này thì người khách quan và sáng suốt có thể thấy ngay rằng GHPGVNTN không theo phe nào cả, cho nên, đã bị cả hai bên chụp mũ, vu khống. Tại sao GHPGVNTN lại không theo phe nào? Xin hãy đọc một đoạn trong cuốn Người Xuất Gia của Hòa thượng Thích Trí Quang

---

<sup>20</sup> Đỗ Trung Hiếu, Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam, tạp chí Quê Mẹ số 133, 1995, trang 20.

viết về lập trường người xuất gia không tham dự vào thế sự:

“Người xuất gia là sở hữu của Chánh pháp, là sứ giả của Phật đà. Người xuất gia phải để trọn vẹn tư tưởng năng lực của mình vào sự thực hiện Chánh pháp và hướng dẫn sự thực hiện ấy. Do đó, người xuất gia không thể thương ai ghét ai, thiên vị bên này bỏ rơi bên khác. Người xuất gia thoát ly một cách hoàn toàn, ra ngoài sự chi phối phi Chánh pháp của cá nhân, của đảng phái, của chủ nghĩa, của chính mình. Không tham dự thế sự như vậy không có nghĩa là không hoạt động gì cả và bỏ rơi quần chúng. Chữ trung lập vô nghĩa trong trường hợp này. Mục đích không tham dự thế sự thật là rõ rệt: để thực hiện Chánh pháp cho quần chúng mà không để mình và quần chúng xuôi theo thế sự lầm lỗi, vô thường.”<sup>21</sup>

Cần lưu ý rằng trong đoạn văn vừa trích, Hòa thượng Thích Trí Quang đã minh định là Phật giáo không những không theo phe nào mà còn không chủ trương “trung lập”. Bởi vì, trung lập trong ý hướng đối kháng chính trị với các phe khác là một thái độ phi Chánh pháp mà người xuất gia không thể thực hiện. GHPGVNTN không theo phe này phe kia còn vì lập trường dân tộc trung kiên suốt chiều dài lịch sử có mặt của Phật giáo trên đất nước Việt. GHPGVNTN không thể làm ngơ trước cảnh dân tộc đang chìm đắm trong chiến tranh thù hận mà không nỗ lực vận động để đem lại hòa bình. Phật giáo chỉ đứng chung hàng ngũ với đại khối dân tộc, vì dân tộc là thực thể trường cửu, còn các phe phái, chủ nghĩa, chế độ chính trị chỉ có

---

<sup>21</sup> Thích Trí Quang, Người Xuất Gia, Phú Lâm Na Tùng thư, 2003, trang 70, 71.

tính cách nhất thời, đôi khi là những thế lực phản dân tộc, bách hại sinh dân. Đây chính là ý nghĩa truyền thừa chính thống truyền thống lịch sử hai ngàn năm của Phật Giáo Việt nam.

Chính vì thế, vào ngày 22 tháng 01 năm 1975, Hòa thượng Thích Trí Thủ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN đã ra Thông tư số 150 yêu cầu các thành viên của Giáo Hội không tham gia bất cứ tổ chức chính trị nào:

*“Để tránh mọi ngộ nhận có thể có đối với lập trường và đường hướng cố hữu của Giáo Hội, Viện Hóa Đạo kính yêu cầu quý vị hãy thận trọng, không nên tham gia bất cứ tổ chức nào ngoài tổ chức của Giáo Hội, nhất là những tổ chức có tính cách chính trị. Trong trường hợp vị nào đã tham gia những tổ chức như thế thì hãy tự nguyện chấp trì nghiêm chỉnh tinh thần Thông tư này.”<sup>22</sup>*

## **CUỘC VẬN ĐỘNG CHO NHÂN QUYỀN VÀ PHỤC HOẠT GHPGVNTN**

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, chính quyền cộng sản chiếm trọn miền Nam và đặt sự thống trị lên toàn đất nước. Cuộc chiến kết thúc, nhưng nền hòa bình thật sự đúng nghĩa mà nhân dân Việt nam mong muốn thì vẫn chưa hiện thực. Nhà nước cộng sản Việt nam vẫn tiếp tục áp dụng chính sách thù nghịch với chính người dân của mình, bằng chứng cụ thể là hàng trăm ngàn quân cán chính thuộc chế độ miền Nam đã bị đẩy vào các

---

<sup>22</sup> Phật Giáo Việt Nam Biến Cố và Tư Liệu, Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN-HK-VPII-VHĐ, 1996, trang 85.



trại tù khổ sai tập thể trên khắp đất nước. Hàng triệu người dân Việt không thể chấp nhận một chế độ xem dân như kẻ thù, cho nên, đã không ngần ngại đến sự sống chết, ra đi tìm đường tự do. Trong số những người ra đi ấy có biết bao nhiêu người đã bỏ mình trong rừng sâu, dưới biển cả. Các chính sách sai lầm liên tục với những khẩu hiệu “cải cách ruộng đất”, “đánh tư sản mại bán”, “hợp tác xã nông nghiệp”, “quốc hữu hóa nền công-thương-nông nghiệp”, “kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Bao nhiêu kế hoạch kinh tế đưa ra đều bị thất bại từ giai đoạn này đến giai đoạn khác mà kẻ phải gánh chịu tất cả những hệ quả khốn khó nhất chính là toàn thể dân tộc.

Trên bình diện tôn giáo, đảng cộng sản Việt nam đã ép buộc các tôn giáo hoặc là làm công cụ tay sai để đảng vói dài cách tay kiểm soát những sinh hoạt của người dân, hoặc là chọn con đường giữ vững truyền thống độc lập của một tôn giáo vượt ra ngoài chi phối của đảng chính trị thì bị trấn áp, phân hóa, tiêu diệt. GHPGVNTN là một điển hình cụ thể nhất từ gần ba mươi năm qua. Ngay từ những ngày đầu xâm chiếm miền Nam, đảng cộng sản Việt nam đã chiếm dụng tất cả mọi cơ sở văn hóa, giáo dục, từ thiện xã hội của GHPGVNTN. Viện Đại học Vạn Hạnh, toàn bộ hệ thống trung tiểu học Bồ Đề trên toàn miền Nam, các cô ký nhi viện trên khắp đất nước, tất cả đều bị đảng cộng sản Việt nam chiếm dụng. Nhiều chùa, Phật học đường, Niệm Phật đường đã bị chiếm dùng làm nơi cư trú cho bộ đội, cho cán bộ, làm nhà kho, thậm chí làm nơi nuôi gia súc. Sự bức hại đến mức không thể chịu đựng được nữa, cho nên,

ngày 02 tháng 11 năm 1975, 12 Tăng Ni tại Thiền viện Dược Sư tỉnh Cần Thơ đã tự thiêu để phản đối.<sup>23</sup> Trong một Kháng thư của Viện Hóa Đạo gửi cho ông Thủ tướng Phạm Văn Đồng vào ngày 09 tháng 02 năm 1977, Hòa thượng Thích Trí Thủ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo đã liệt kê danh sách 19 Tăng sĩ trên khắp các tỉnh miền Nam đã bị chính quyền cộng sản bắt giữ mà không có lý do chính đáng.<sup>24</sup> Trong Thông tư ngày 25 tháng 4 năm 1977, Viện Hóa Đạo đã thông báo đến toàn thể Phật giáo đồ về việc đảng cộng sản Việt nam đã bắt giam trái phép các vị thành viên trong Hội đồng Viện Hóa Đạo, như Thượng tọa Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Thích Thuyền Ấn, Thích Thông Bửu, Thích Thông Huệ, Thích Thanh Thế.<sup>25</sup> Tình trạng đàn áp GHPGVNTN và chà đạp nhân quyền của đảng cộng sản Việt nam ngày càng gia tăng khốc liệt, vì vậy Viện Hóa Đạo đã phải công bố Lời Kêu Gọi Bảo Vệ Nhân Quyền, vào ngày 09 tháng 06 năm 1977. Trong đó ngoài việc trình bày về những vụ vi phạm trắng trợn của đảng cộng sản Việt nam đối với quyền tự do tôn giáo và quyền làm người, còn nói lên nguyện vọng thiết tha của toàn thể Tăng, Ni và Phật tử:

*“Thật ra chúng tôi muốn gì? Chúng tôi không muốn những quyền hành chính trị. Mục đích của chúng tôi không phải là lật đổ chính*

---

<sup>23</sup> Phật Giáo Việt Nam Biến Cố và Tư Liệu, Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN-HK-VPII-VHĐ, 1996, trang 89.

<sup>24</sup> Sách đã dẫn trên, trang 96-97.

<sup>25</sup> Sách đã dẫn trên, trang 102.

*quyền. Chúng tôi cũng không chủ trương bóc lột chính quyền. Chúng tôi chỉ muốn sống với tất cả giá trị của con người để có thể tham gia trong công tác xây dựng xứ sở. Trong lịch sử Việt nam đã có những giai đoạn dân chúng sống ôn hòa với những tư tưởng chính kiến sai biệt. Chúng tôi chỉ đòi hỏi sự ôn hòa. Chúng tôi chỉ đòi hỏi quyền tham dự trong công tác xây dựng quốc gia, xây dựng đời sống con người không phải như những bộ máy mà là những khối óc, những con tim.”<sup>26</sup>*

Mặc dầu, GHPGVNTN đã bày tỏ thiện chí và thái độ ôn hòa cũng như đã nêu rõ lập trường phi chính trị của Giáo Hội, đảng cộng sản Việt nam vẫn một mực thẳng tay triệt hạ Giáo Hội và bắt đầu chuẩn bị cho việc vận động để thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (GHPGVN). Trong suốt quá trình từ vận động, bố trí nhân sự, soạn thảo Hiến chương, tổ chức Đại Hội của GHPGVN, đảng cộng sản Việt nam đã dàn dựng, sắp đặt, tài trợ và chỉ đạo tất cả. Điều này đã được ông Đỗ Trung Hiếu, một đảng viên lâu năm, làm việc trong ban tôn giáo thành phố Sài Gòn, được đảng chỉ định làm “kiến trúc sư” cho tòa nhà GHPGVN này, đã nói rõ:

*“Cuộc thống nhất Phật giáo lần này, bên ngoài do các Hòa thượng gánh vác, nhưng bên trong bàn tay Đảng Cộng sản Việt Nam xuyên suốt quá trình thống nhất để nắm và biến Phật giáo Việt Nam trở thành một tổ chức bù nhìn của Đảng.”<sup>27</sup>*

---

<sup>26</sup> Sách đã dẫn trên, trang 103-109.

<sup>27</sup> Đỗ Trung Hiếu, Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam, tạp chí Quê Mẹ, số 133, năm 1995, trang 15.

Tại sao, trước đó, ngay sau năm 1975, các vị lãnh đạo GHPGVNTN đã đề xuất việc thống nhất Phật giáo cả nước với các vị lãnh đạo trong Hội Phật Giáo Thống Nhất Việt Nam (HPGTNVN) tại miền Bắc và xin phép chính quyền trung ương để thực hiện việc này, nhưng cả chính quyền lẫn HPGTNVN đều đã từ chối?<sup>28</sup> Cũng như sau này, gần đây vào tháng 4 năm 2003, sau khi được Thủ tướng nhà nước cộng sản Việt Nam tiếp kiến, Hòa thượng Thích Huyền Quang đã thực hiện một chuyến tham quan các ngôi chùa và thăm viếng chư Tăng, Ni và Phật tử từ thành phố Huế vào đến Sài Gòn. Trong chuyến đi này, Hòa thượng đã đem hết tấm lòng chân thành của ngài để mong muốn có được sự ngồi lại giữa những vị lãnh đạo Phật giáo trong nước để lo công việc Phật sự hầu phát triển nền Phật giáo Việt nam. Nhưng kết cuộc vẫn không có hồi báo gì cụ thể. Lẽ tất nhiên ai cũng biết rằng những vị lãnh đạo trong GHPGVN đâu có thể tự ý quyết định một vấn đề trọng đại mà không có sự cố vấn và chỉ đạo của đảng cộng sản Việt nam. Nhưng tại sao đảng cộng sản Việt nam lại không để cho Phật giáo tự giải quyết việc nội bộ của Phật giáo?

Lý do đã được ba ông đảng viên cao cấp là Nguyễn Văn Hiếu, Xuân Thủy và Phan Văn Khải trả lời. Người thứ nhất là ông Nguyễn Văn Hiếu, Bộ trưởng Văn Hóa đã trả lời với Hòa thượng Thích Đôn Hậu nhân khi Hòa thượng thay mặt

---

<sup>28</sup> Xin đọc Tâm Thư của Hòa thượng Thích Huyền Quang, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, viết tại Quảng Ngãi ngày 24 tháng 9 năm 1992, tạp chí Chân Nguyên số 18-19, năm 1993, trang 31.

GHPGVNTN đến để xin phép nhà nước cho phép Phật giáo đứng ra vận động thống nhất. Ông Hiếu trả lời:

*“Thống nhất Phật giáo thì tốt, nhưng thống nhất với Phật giáo cách mạng, chứ thống nhất làm gì với Phật giáo phản động!”*<sup>29</sup>

Người thứ hai là ông Xuân Thủy, Bí thư trung ương đảng, Trưởng ban dân vận và Mặt trận trung ương, nói với ông Đỗ Trung Hiếu vào năm 1979:

*“Quan trọng là Đảng không bao giờ lãnh đạo được GHPGVNTN, mà ngược lại GHPGVNTN trở thành một tổ chức tôn giáo rộng lớn có đông đảo quần chúng, là một tổ chức áp lực chính trị thường trực với Đảng và chính phủ Việt Nam.”*<sup>30</sup>

Người thứ ba là ông Phan Văn Khải, Thủ tướng đương nhiệm của Nhà nước cộng sản Việt nam. Khi tiếp kiến Hòa thượng Thích Huyền Quang tại Hà Nội vào đầu tháng 4 năm 2003, ông Phan Văn Khải đã khẳng định rằng chỉ cần một GHPGVN là đủ rồi.

Đảng cộng sản Việt nam xem GHPGVNTN là một tổ chức “phản động”. Từ ngữ “phản động” mà người cộng sản thường dùng để buộc tội cho người dân mang ý nghĩa vô cùng hàm hồ và cưỡng ép. “Phản động” tức là có hành động phản đối, không đồng tình, hay nói dễ hiểu hơn là hành động không tán đồng,

---

<sup>29</sup> Hòa thượng Thích Huyền Quang, Đơn Xin Cứu Xét Nhiều Việc, Phật Giáo Việt Nam Biến Cố Và Tư Liệu, Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN-HK-VPII-VHD, 1996, trang 128.

<sup>30</sup> Xin xem bài viết của Thượng tọa Thích Phước Viên, Vài Lời Về Nhóm Giao Điểm, đăng trong web: <http://www.queme.net/ubcv.ibib>.

không đồng ý, mà hành động ở đây bao gồm cả hành động của thân, miệng và ý. Việc không đồng ý qua một ý nghĩ, một lời nói, một hành động của người khác, của phe nhóm khác, của chính đảng khác, hay của chính quyền là điều tự nhiên không có gì mới lạ, lại càng không có gì để phải kết án, hay buộc tội, khi hành động đó được thể hiện một cách ôn hòa, bất bạo động. Ở trên thế gian này việc không đồng ý với quan điểm, với lời nói và hành động của kẻ khác là việc bình thường. Đảng không thể bắt mọi người dân đều phải răm rắp nghe theo, tin theo và làm theo đảng. Cứ thử tưởng tượng một xã hội, một đất nước như vậy thì còn gì là dân chủ, tự do, nhân quyền, sáng tạo và phát triển? “Phản động” mà ông Nguyễn Văn Hiếu muốn nói ở đây cũng mang cùng ý nghĩa như vậy, tức là vì GHPGVNTN là một tổ chức tôn giáo có cơ cấu tổ chức rộng lớn và quần chúng đông đảo, nhưng không chịu nghe theo, tin theo đảng, để cho đảng lãnh đạo, không chịu làm bù nhìn của đảng, để cho đảng dựa vào đó mà nắm lấy lực lượng quần chúng. Cho nên đảng buộc tội là “phản động”, rồi đảng tự nghĩ rằng đó là “tổ chức áp lực chính trị thường trực với Đảng và chính phủ Việt Nam”. Cái mà ông Xuân Thúy gọi là “áp lực chính trị” thực chất là gì? Đó là sự hành hoạt của GHPGVNTN mà điển hình là qua các cuộc vận động cho quyền bình đẳng tôn giáo, cho nền hòa bình của dân tộc, cho nhân quyền là những việc làm mà đảng cho là gây áp lực lên cơ chế đảng và chính quyền. Tại sao những việc làm của GHPGVNTN lại gây “áp lực chính trị”? Thực sự thì GHPGVNTN chỉ hoạt động thuần túy tôn giáo, chỉ chuyên tâm hoằng dương Chánh pháp

để cứu khổ sinh dân. Trong hạnh nguyện cứu khổ sinh dân thì cả truyền thống hai ngàn năm Phật giáo Việt nam chứ không chỉ GHPGVNTN đều vì những lúc dân tộc điêu linh, thống khổ, bị bức hại, bị chà đạp quyền sống và quyền làm người mà thế nguyện đứng ra để vận động giải cứu. Chỉ vì đảng cấm đoán không cho Giáo Hội hoạt động, bắt bớ, tù tội nhân sự, chiếm dụng cơ sở của Giáo Hội, cho nên, Giáo Hội phải lên tiếng đòi hỏi. Không thể nói hành động đòi hỏi những gì mình vốn có mà bị cướp mất là gây “áp lực chính trị”. Nếu đảng muốn tránh những hành động tương tự thì tại sao không trả lại những gì thuộc GHPGVNTN cho GHPGVNTN? Chính vì muốn có một tổ chức Phật giáo không gây “áp lực chính trị” cho nên đảng đã cho thành lập GHPGVN theo mô hình “tháp lật ngược và ở trong Mặt trận tổ quốc Việt nam.”<sup>31</sup> Tháp lật ngược tức là một tổ chức chỉ có nhân sự ở các cấp từ quận huyện trở lên mà không có cơ cấu tổ chức điều hành ở hạ tầng cơ sở thôn, ấp, phường, làng. Hay nói cách khác là một tổ chức không có quần chúng. Tổ chức Phật giáo mà không có quần chúng vậy giáo hóa cho ai, cứu khổ cho ai?

Đây là lý do thật sự để trả lời tại sao suốt mấy thập niên qua và cho đến giờ phút này, đảng cộng sản Việt nam vẫn thực hiện một chính sách thù nghịch đối với GHPGVNTN. Vì thế cho nên, những vị Giáo phẩm trung kiên của Giáo Hội như Đức Tăng Thống Thích Huyền Quang, Hòa thượng Thích Quảng

---

<sup>31</sup> Đỗ Trung Hiếu, Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam, Quê Mẹ, số 133, năm 1995, trang 17.

Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, Đệ Nhất Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo và chư vị lãnh đạo khác trong Hội Đồng Lương Viện cho đến giờ này vẫn còn bị tù tội, bị quản chế, bị “xử lý” hành chánh, bị gây khó khăn đủ mọi mặt và GHPGVNTN vẫn không được phép sinh hoạt bình thường.

Khi thành lập GHPGVN vào năm 1981, đảng cộng sản Việt nam muốn gom hết tất cả các tổ chức Phật giáo cả nước, đặc biệt là GHPGVNTN vào trong một hiệp hội dưới sự điều hợp của Mặt trận tổ quốc và Ban tôn giáo chính phủ, để qua đó đảng có thể vừa khống chế được Phật giáo vừa nối dài cánh tay của mình đến mọi tầng lớp dân chúng. Nhưng đảng cộng sản Việt nam đã phạm phải hai sai lầm hết sức nặng nề mà từ đó làm hỏng toàn bộ kế hoạch. Sai lầm thứ nhất chính là đảng đã xen vào việc nội bộ của Phật giáo với ý đồ thao túng, chỉ đạo theo chủ trương và chính sách của đảng. Nếu đảng thật tâm muốn giúp đỡ cho Phật giáo, tạo điều kiện cho Phật giáo thống nhất để hoằng dương Phật pháp, cứu khổ quần sanh, góp phần vào việc xây dựng và phát triển đất nước, thì đảng phải để cho chính quý vị lãnh đạo Phật giáo tự đứng ra lo công việc thống nhất này. Như vậy việc thống nhất Phật giáo mới có thể thành tựu viên mãn.

Sai lầm thứ hai là đảng chỉ cho phép GHPGVN được hình thành trong vai trò và tư cách pháp nhân của một hiệp hội. Một hiệp hội thì mục đích, cơ cấu tổ chức, nhân sự, chương trình hành động, tài sản, tư cách pháp nhân và pháp lý đều



chịu sự chỉ đạo và kiểm soát chặt chẽ của đảng qua Mặt trận tổ quốc, Ban tôn giáo và các ban ngành thuộc các cấp chính quyền. Phật giáo không thể chấp nhận mình đóng vai trò và tư cách pháp nhân pháp lý như một hiệp hội, bởi vì, Phật giáo là một tôn giáo. Một tôn giáo, nhất là Phật giáo có chiều dài lịch sử hiện hữu trên hai ngàn năm tại đất nước này, thì về mặt mục đích đã có truyền thừa từ thời đức Phật xuống các bậc tiền bối tổ sư đến nay, không có chế độ chính quyền nào có thẩm quyền để quyết định là mục đích này được phép hay không được phép thực hiện, về mặt nhân sự thì 80 phần trăm dân số Việt nam là Phật giáo, như vậy làm sao lên danh sách theo điều kiện của một hiệp hội, về mặt tài sản thì của mười phương thiện tín cúng dường làm sao kê khai cho đầy đủ để báo cáo, về mặt phẩm trật giới hạnh Tăng già thì chính quyền không thể quyết định được, về mặt đạo đức tâm linh tu chứng thì vượt ra ngoài ảnh hưởng chi phối của thế tục làm sao các cấp chính quyền có thể xen vào.<sup>32</sup>

Chính sự sai lầm của đảng trong ý đồ thao túng nội bộ của Phật giáo và chỉ cho phép GHPGVN được thành lập trong tư cách một hiệp hội này đã dẫn đến hai hệ quả nghiêm trọng. Thứ nhất, là việc GHPGVNTN không tham gia, không cử đại diện tham gia vào GHPGVN. Điều này đã được Hòa thượng Thích Đôn Hậu nói rõ trong thư từ nhiệm của ngài gửi cho Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Pháp chủ GHPGVN vào ngày

---

<sup>32</sup> Chữ của ông Đỗ Trung Hiếu trong Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam, Quê Mẹ số 133, trang 21.

8 tháng 2 năm 1982,<sup>33</sup> cũng như trong Tâm thư ngày 24 tháng 9 năm 1992, Hòa thượng Thích Huyền Quang đã xác nhận:

“Và, như vậy không có nghĩa là GHPGVNTN chúng ta không có thiện chí đối với sự nghiệp thống nhất Phật giáo cả nước. Mà chính vì nhà nước đã loại bỏ chúng ta ngay từ đầu, đã lên án Giáo hội của chúng ta là phản động. Còn có một số vị Giáo phẩm của chúng ta tham gia vào Giáo hội nhà nước là do được mời với tư cách cá nhân mà thôi. Và một số vị tự ý nhân danh trưởng đoàn đại biểu GHPGVNTN, đọc tham luận trong kỳ Đại hội I chỉ là do sự lạm xưng. Vì GHPGVNTN không có một cuộc họp nào, một văn bản nào để cử đại diện tham gia vào Giáo hội nhà nước cả.”<sup>34</sup>

Thứ hai là việc đảng dựng lên GHPGVN với vai trò của một hiệp hội thì điều này cũng dẫn đến hai hệ quả: Một là đảng làm cho GHPGVN không còn giữ được bản chất thuần túy cao cả của một tôn giáo có truyền thống lịch sử lâu dài, đảng làm mất giá trị và hiệu năng chủ yếu của Phật giáo là hoàng dương Chánh pháp, cứu khổ quần sanh. Hai là chính vì vậy, GHPGVN đã không còn là chỗ dựa vững chắc cho đảng, không còn đóng tốt vai trò là cánh tay nối dài của đảng đến quần chúng, bởi vì một GHPGVN biến chất, suy đồi, mất đạo

---

<sup>33</sup> Xem thư từ nhiệm của Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Phật Giáo Việt Nam Biến Cố Và Tư Liệu, Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN hải ngoại/Hoa-Kỳ, 1996 trang 110-111

<sup>34</sup> Tâm Thư của Hòa thượng Thích Huyền Quang, Chân Nguyên số 18-19, năm 1993, trang 32.

phong thì bị Tăng, Ni và quần chúng Phật tử xa lánh, không tín nhiệm nữa. Xin đơn cử một việc, đó là việc các Giới đàn truyền thọ giới pháp cho những vị xuất gia như Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma na, lại có mặt các vị chức sắc của chính quyền không những tham dự mà còn ngồi đó như để “chứng minh”. Những chức sắc ấy là người thế tục, danh nghĩa Phật tử còn không có thì có tư cách gì để ngồi “chứng minh” trong các Giới đàn truyền thọ giới pháp ấy. Làm như vậy không những phá hỏng sự trang nghiêm thanh tịnh của Giới đàn, xâm phạm quy tắc giới luật đưa đến việc không đắc giới cho các giới tử thọ giới mà còn khiến cho Tăng, Ni và đồng bào Phật tử bất tín nhiệm GHPGVN. Như trường hợp của Giới đàn tại chùa Phổ Quang do GHPGVN tổ chức ngày 3 tháng 12 năm 2003 bỗng dưng biến thành cuộc meeting phản đối Nghị quyết 427 của Hạ viện Hoa kỳ và Nghị quyết của Nghị viện Âu châu.<sup>35</sup> Những điều này chỉ làm cho GHPGVN mất uy tín, mất trang nghiêm, mất đạo phong đối với Tăng, Ni và quần chúng Phật tử. Làm như vậy đảng sẽ có lợi là làm hủ hóa, thế tục hóa, biến chất hóa GHPGVN nói riêng và Phật giáo Việt nam nói chung. Đây là chính sách triệt hạ Phật giáo của đảng. Vì nếu đảng có chút thiện chí muốn xây dựng nền Phật giáo vững mạnh có thực chất thì đảng phải ngay từ đầu không lập ra GHPGVN mà để cho GHPGVNTN tự do sinh hoạt, tự do phát huy bản sắc đặc thù của Phật giáo Việt nam.

---

<sup>35</sup> Xem Thông cáo Báo chí của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế ngày 10 tháng 12 năm 2003, Web: <http://www.queme.net/ubcv.ibib>.

Thực ra đảng cộng sản Việt nam phải thấy rằng một tổ chức GHPGVNTN có quần chúng, có cơ cấu tổ chức từ trung ương đến hạ tầng cơ sở thôn ấp, phường xã, có nề nếp giới luật tinh nghiêm, có chương trình giáo dục đầy đủ, có sinh hoạt văn hóa đa dạng, có kế hoạch hoàng pháp sâu rộng trong xã hội sẽ mang lại cho đất nước, cho dân tộc biết bao nhiêu ích lợi lớn lao. Lúc đó đảng bớt đi lo sợ vì khủng hoảng xã hội, vì đạo đức suy vi, nhân tâm thác loạn. Đó chính là tâm nguyện của GHPGVNTN mà cũng là ước nguyện của toàn thể dân tộc Việt nam. Đây cũng là lý do tại sao các vị lãnh đạo của GHPGVNTN vẫn kiên trì vận động cho sự phục hoạt của Giáo Hội. Vì GHPGVN đã không đóng đúng vai trò và chức năng mà truyền thống hai ngàn năm Phật giáo Việt nam đã thể hiện. Cho nên GHPGVNTN phải quyết tâm bảo vệ truyền thống cao quý ấy.

Suốt hai mươi mấy năm qua, kể từ khi được thành lập đến nay, GHPGVN đã làm được điều gì? Để trả lời cho câu hỏi này, xin trích một đoạn trong bài viết của Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, nhan đề “Đạo Pháp Dân Tộc Chủ Nghĩa Xã Hội Biến Thái Của Phật Giáo Việt Nam Hiện Tại”:

*“Từ ngày thành lập đến nay, Giáo hội thành viên Mặt trận đó đã làm những gì? Làm nhiều lắm, vì chùa chiền đồ sộ thêm lên. Như lời Hòa thượng Thanh Từ phát biểu mới đây trong buổi lễ khai giảng của trường Phật học trung cấp tỉnh Bình Định. Hòa thượng nói: ‘Phật giáo thời Lý rất mạnh. Nhưng không bằng nay. Vì nay cơ sở của ta to lớn hơn.’ Ấy là, theo như lời Hòa thượng nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong bài phát biểu: nhờ chính sách của Đảng. Đó là sự*

thực không thể chối cãi. Nhưng cần nói cho rõ thêm, Việt nam chúng ta bây giờ tiến bộ hơn thời Hồng Bàng gấp vạn lần. Thời Lý, nước Việt nam chỉ từ Thanh Hóa trở ra Bắc, chỉ hơn 1/3 lãnh thổ hiện nay. Như vậy thì cơ sở hiện nay nhất định phải to lớn rồi. Nhưng cái to hơn ấy của lịch sử bốn ngàn năm văn hiến lại chưa bằng một phần nhỏ của Thái lan chỉ hơn 8 thế kỷ định cư. Và cũng nhờ chính sách của Đảng, nếu chính sách đó trước sau như một, nghĩa là như Phật giáo miền Bắc trước 1975, thì không biết ngày nay các Hòa thượng khi xuất hiện trước công chúng sẽ khoát Tăng bào, hay cũng chỉ bận áo sơ mi cán bộ như Pháp sư Trí Độ trước đây? Trên toàn miền Bắc, cho đến 1975, có trên dưới 300 ‘ông sư, bà vài.’ Đến 1996, theo báo cáo của Bộ Nội Vụ của Trần Tu, ‘Hiện nay Phật giáo ở miền Bắc có khoảng 3000 Tăng Ni, tín đồ phần đông là ông già bà già là chủ yếu (nguyên văn). Số cao Tăng tiêu biểu hầu hết đã già yếu không còn khả năng hoạt động. Số Tăng Ni trẻ trình độ văn hóa cũng như lý luận về Phật giáo thấp, không đủ sức làm nhiệm vụ tranh thủ Phật giáo miền Nam và hoạt động quốc tế.’ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam phục vụ cho cái gì, theo báo cáo đó đã quá rõ.

“Ngoài cơ sở ‘to lớn hơn thời Lý’ ra, còn thêm được những gì để vượt hơn Phật giáo miền Nam trước 1975? Nói về báo và tạp chí, được mấy phần trăm? Chỉ một tờ Giác Ngộ duy nhất cho cả nước. Cũng là tờ báo hoàng pháp. Nhưng cũng thường xuyên ca ngợi vinh quang của Đảng, và giúp Nhà nước phổ biến kế hoạch sinh đẻ, tuyên truyền đường lối của Đảng chống NATO...

Ngoài tờ Giác Ngộ ra, với ba cơ sở giáo dục cao cấp, tương đương đại học, nhưng đã có công trình gì đáng kể?

*Vậy thì, qua hơn hai mươi năm hoạt động, trong tư cách là một bộ phận của đảng, GHPGVN đã làm thêm được gì cho văn hóa Phật giáo Việt nam so với những gì GHPGVNTN đã làm trước 1975?"*

Các Tăng sĩ trẻ sau khi học tại các trường Phật học ra rồi không thấy GHPGVN phân phối công tác đi hoằng pháp ở các tỉnh, các miền quê trên cả nước, để hướng dẫn Phật tử tu học, để xây dựng hình tượng trang nghiêm của truyền thống Phật giáo Việt nam. Cho nên các Tăng sĩ này tụ về các thành phố lớn sống trong các ngôi chùa lớn chỉ để hưởng thụ vật chất mà không biết làm việc gì có lợi ích cho đạo pháp và dân tộc để đền đáp tứ ân. Vậy thì có số lượng Tăng, Ni đông đảo để làm gì?<sup>36</sup>

Như vậy, từ thi chung suốt mấy thập niên qua, những vị lãnh đạo của GHPGVNTN kiên trì và quyết tâm vận động cho nhân quyền và phục hoạt Giáo Hội với một mục đích duy nhất đó là giữ vững lập trường trung trinh của truyền thống lịch sử hai ngàn năm Phật giáo Việt nam. Qua truyền thống đó Phật giáo Việt nam lúc nào cũng đặt mình trong sự tồn tại của dân tộc, do đó, phải vượt lên trên tính cách giai đoạn của các ý hệ, chủ nghĩa, chế độ chính trị, phải đứng vững trên lập trường siêu thoát, cứu khổ và giải nghiệp cho mình và cho người chứ không phải quy lụy, tạo khổ và kết nghiệp. Cho nên, GHPGVNTN không phải chống cộng, hay chống cá nhân những người cộng sản như một số người quan niệm.

---

<sup>36</sup> “Đọc thêm bài Nghi Về Phật Giáo Việt Nam của Vinh Hảo trong các web: <http://www.hoadam.net>, <http://www.phapvan.ca>, <http://www.vientangthong.net>.”

GHPGVNTN chỉ vận động để đảng và chính quyền cộng sản Việt nam thấy rõ chính sách sai lầm của họ đối với dân tộc và Phật giáo mà sớm cải thiện. Giáo Hội chỉ muốn chuyển hóa cái xấu ác trở thành cái tốt đẹp. Vì vậy, nơi nào, lúc nào còn có điều xấu ác, có bất công, có độc tài, có áp bức, thì nơi đó, lúc đó GHPGVNTN còn vận động để mang lại sự chuyển hóa. Cho nên trong Thông Điệp xuân Giáp Thân năm nay 2004 của Viện Tăng Thống, đức Đệ tứ Tăng thống Thích Huyền Quang đã dạy:

*“Phật pháp hiện tiền nơi thế gian nhằm mục đích tịnh hóa thế gian và giải phóng nhân loại ra khỏi tư kỷ, trầm luân, cho nên Phật pháp không giới hạn trong việc thuyết giảng mà thôi. Bản hoài của đức Thế Tôn là đạo Bồ tát: Quán nỗi khổ đau của đồng loại và chúng sinh để nảy sinh sự đồng tình cứu khổ và ban phát sự hòa lạc, làm nên vô lượng tâm giải thoát. Đó là con đường và chí nguyện của Bồ tát, của lịch đại tổ sư thực hiện trên dải đất Việt nam hai nghìn năm qua, mà nay chúng ta nối tiếp sự nghiệp ấy để trang nghiêm Giáo hội và trang nghiêm quốc độ.”*

Vậy mà có người còn nghi rằng GHPGVNTN tranh đấu để giành lấy chính quyền. Xin hãy tịnh tâm nhìn lại lịch sử Phật giáo Việt nam có bao giờ Phật giáo tranh đấu để chiếm lĩnh chính quyền? Ngay như thời kỳ dựng nước của các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần các vị thiền sư sau khi xả thân phò tá việc an định quốc dân thì trở lại đời sống bình dị an bản thủ đạo, cho đến nay, GHPGVNTN suốt trên 40 năm hành hoạt chưa hề nghĩ đến việc tranh đoạt quyền hành chức tước với ai. Những người suy nghĩ rằng Phật giáo tranh đấu để giành lấy

chính quyền là họ hoàn toàn không hiểu gì về giáo lý của đạo Phật, về mục đích tối hậu mà người con Phật từ xuất gia đến tại gia nhắm đến. Thiền sư Vạn Hạnh đời Lý chẳng đã có nói rõ đấy sao:

*“Thân như điện ảnh hữu hoàn vô  
Vạn một xuân vinh thu hựu khô  
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy  
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.”*

Sứ gia Lê Mạnh Thát dịch như sau:

*“Thân như bóng chớp có rồi không  
Cây cỏ xuân tươi thu não nùng  
Theo vận thịnh suy không hãi sợ  
Thịnh suy đầu cỏ tựa phơi sương.”<sup>37</sup>*

Đối với những người con Phật thì các pháp vô thường như vậy, cơ nghiệp chính trị như giọt sương mai trên đầu ngọn cỏ, có rồi liền không, lấy gì chắc thật, có gì trường cửu, an lạc mà tham đắm? Đảng cộng sản Việt nam bây giờ có đem cơ đồ bá nghiệp của họ đến dâng cho quý Hòa thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ thì quý ngài cũng khăng khải khước từ, bởi vì đó không phải là mục tiêu tối hậu của người xuất gia hướng đến.

Có người còn đổ lỗi cho Phật giáo hải ngoại. Họ nói rằng do Phật giáo hải ngoại đấu tranh mà quý Hòa thượng trong nước

---

<sup>37</sup> Lê Mạnh Thát, Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam tập 2, nhà xuất bản thành phố Hồ chí Minh 2001, trang 525.



không ngừng bị tù tội, bị quản chế, GHPGVNTN không ngừng bị pháp nạn.

Nói như vậy thì những năm trước ở cuối thập niên 70 và đầu thập niên 80 khi quý thầy chưa ra hải ngoại đông, chưa có nhiều tổ chức Phật giáo để đấu tranh, phong trào vận động cho nhân quyền và giải trừ pháp nạn chưa có, nhưng tại sao trong nước chế độ cộng sản cũng vẫn đàn áp, tiêu diệt GHPGVNTN khốc liệt, quý Hòa thượng lãnh đạo GHPGVNTN cũng đã bị tù tội, từ những năm 1977? Thật ra đây chỉ là luận điệu tuyên truyền của đảng cộng sản Việt nam nhằm chặn đứng sức mạnh vận động giải trừ pháp nạn của các tổ chức Phật giáo hải ngoại. Ngược lại cũng do công cuộc vận động giải trừ pháp nạn của các tổ chức Phật giáo và đồng hương hải ngoại lên đến những cơ quan quyền lực quốc tế về nhân quyền, các chính phủ, các quốc hội, các chính khách có uy tín tại các quốc gia tự do dân chủ, nhờ áp lực và can thiệp của họ mà đảng cộng sản Việt nam đã không thể thẳng tay dùng bạo lực để tiêu diệt GHPGVNTN. Điển hình là các bản án tử hình của Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ và Thích Trí Siêu nhờ cuộc vận động của Phật giáo đồ hải ngoại lên các cơ quan quốc tế can thiệp mà đã được giảm xuống còn 20 năm. Hoặc gần đây do áp lực quốc tế, đặc biệt là Liên Hiệp Châu Âu, bởi cuộc vận động của Phật giáo hải ngoại, mà ông Thủ tướng Nhà nước cộng sản Việt nam đã phải tiếp kiến Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang nhân chuyến chữa bệnh của ngài tại Hà Nội vào đầu tháng 4 năm 2003.

Để trả lời cho câu hỏi tại sao cuộc vận động cho nhân quyền và phục hoạt GHPGVNTN tại hải ngoại lại làm khó khăn cho Giáo Hội trong nước, những người không đồng tình với cuộc vận động giải thích rằng, bởi vì vận động để kêu gọi quốc tế can thiệp tức là tạo cơ hội cho các thế lực ngoại bang chống chính quyền cộng sản Việt nam đánh phá, can thiệp vào chuyện nội bộ của Việt nam. Thật ra lời giải thích này hoàn toàn không hợp lý. Tại sao? Nếu Nhà nước cộng sản Việt nam sợ các thế lực ngoại bang can thiệp vào chuyện nội bộ hay đánh phá thì vì lý do gì cũng chính Nhà nước cộng sản Việt nam quy lụy bang giao, cầu xin họ vào Việt nam để giao thiệp, để làm ăn buôn bán? Nhà nước cộng sản Việt nam không sợ các thế lực ngoại bang ấy ở ngay trong lòng đất nước mình để can thiệp vào chuyện nội bộ, để đánh phá dễ dàng hơn sao?

Có người cho rằng quý Hòa thượng lãnh đạo GHPGVNTN là sân si, là tự ái cá nhân, nên mới chống đối nhà nước, đòi tự do, nhân quyền, tu hành gì mà không nhẫn nhục, chuyện quá khứ đã qua rồi thì hãy buông xả đi còn cố chấp làm gì, hãy nhìn về tương lai. Trong bài viết nhan đề “Thầy Quảng Độ, Bồ Tát Vô Úy”, Hòa thượng Thích Nhất Hạnh đã trả lời như sau:

“Có một vị xuất gia không có được đức vô úy của thầy lại cho thầy là đại, tại sao cứ lớn tiếng đòi nhân quyền, tại sao cứ lên tiếng chống độc tài áp bức, tại sao cứ phải đấu tranh cho sự tồn tại của GHPGVNTN để rồi chuốc họa vào thân? Phải chăng thầy lên tiếng bởi thầy sân si? Họ nói: tu hành thì phải nhẫn nhục, lấy trứng mà chọi đá ích gì! Tại sao không lấy mũ ni che tai cho khỏe? Thầy Quảng Độ đã trả lời họ trong bài thơ Sân Si

như sau:

“Có một số tăng ni  
Bảo là tôi sân si  
Tu hành chẳng nhẫn nhục  
Không hỷ xả từ bi  
Luật vô thường là thế  
Có thịnh thì có suy  
Nay gặp thời mạt pháp  
Đạo tất phải suy vi  
Đó chính là chân lý  
Buồn phiền mà làm chi  
Chùa tượng thuộc hình tướng  
Phật Pháp vốn vô vi  
Ai phá mặc họ phá  
Phật Pháp có hề gì  
Tu hành nên nhẫn nhục  
Trừng chọi đá ích chi?  
Không gì hơn sự sống  
Hãy sống với mũ ni  
Xin cúi đầu phục mệnh  
Lạy đức Phật từ bi  
Sự sống quý như thế  
Mà sao còn vô tri  
Từ nay con vui sống  
Dù sống chẳng ra gì  
Miễn như mọi người khác  
Khỏi mang tiếng sân si.

Một số lớn trong chúng ta là người hèn nhát. Chúng ta không có được cái tuệ giác và cái vô úy của thầy Quảng Độ. Lịch sử sẽ phê phán chúng ta như thế nào? Bằng đức vô úy lớn lao của thầy, thầy Quảng Độ đã cứu chuộc được cho tất cả chúng ta. Có thầy Quảng Độ ta mới dám ngửa mặt lên nhìn người và mới nhìn thẳng vào con mắt của con cháu chúng ta. Thầy Quảng Độ là vị Bồ tát có khả năng cứu chuộc được cho tất cả chúng ta, là *redempteur*, gột sạch được cho thế hệ ta cái tội hèn nhát không dám lên tiếng trước bạo lực, áp bức và độc tài. Tôi không bao giờ dám nghĩ là thầy Quảng Độ *sân si*. Tôi nghiêng mình trước tuệ giác và đức vô úy của thầy. Cũng may là lịch sử hiện đại còn có thầy Quảng Độ và một số các thầy và các đạo hữu khác, hữu danh hay vô danh, có tầm vóc của những vị Bồ tát. Tôi rất hãnh diện vì sự có mặt của họ. Tôi không nghĩ rằng thầy Quảng Độ là trụng chọi với đá. Tôi thấy thầy là kim cương. Đá không thể nào làm tổn hại được kim cương. Thầy là kim cương bất hoại dù hình hài thầy còn hay không còn hiển hiện.”

## THAY LỜI KẾT

Suốt bốn mươi năm qua, GHPGVNTN không ngừng vận động cho quyền bình đẳng tôn giáo, cho hòa bình dân tộc, cho nhân quyền và phục hoạt Giáo Hội. Con đường trước mặt mà Giáo Hội đang đi tới vẫn còn nhiều chướng duyên và bất trắc. Có người vì quan tâm đến Giáo Hội và tiền đồ của Phật giáo Việt nam đã than thở rằng tại sao Giáo Hội từ thời này đến thời khác cứ phải chịu nhiều khổ lụy? Tại sao chúng ta không tìm một phương thức nào toàn vẹn để bảo toàn thực lực của Phật giáo Việt nam?

Nỗi lo lắng của những người có lòng với Giáo Hội ấy thật đáng trân quý và nhận định mà những vị kia đưa ra không phải là không đáng để cho Tăng, Ni và Phật tử Việt nam cần trọng suy tư.

Tuy nhiên, có điều là chúng ta cũng nên đặt lại một cách nghiêm túc câu hỏi này: rằng GHPGVNTN không quản ngại khó nhọc để vận động từ trước đến nay như vậy là mong muốn điều gì? Có phải Giáo Hội muốn tìm một thế đứng để an phận thủ thường cho riêng mình giữa cộng đồng dân tộc?

Chắc chắn là không! GHPGVNTN không muốn điều gì cho riêng mình cả. Nếu có điều gì ước nguyện mà Giáo Hội mong muốn đạt thành đó chính là ước nguyện chung của đại khối dân tộc. Mà ước nguyện chung của đại khối dân tộc là gì? Đó là tự do, dân chủ, công lý, hòa bình, nhân quyền, và thịnh vượng mà trong đó có phần đóng góp xứng đáng của GHPGVNTN cho đất nước và dân tộc, như truyền thống lịch sử hai ngàn năm Phật giáo Việt nam đã làm. Nhưng bốn mươi năm qua đất nước và dân tộc có được bao nhiêu những điều ấy? Câu trả lời đã được lịch sử minh thị quá rõ ràng: những điều mà đất nước và dân tộc có được thì quá ít so với những gì bị mất mát, bị tước đoạt. Vậy thì, khi mà đất nước và dân tộc không có tự do, dân chủ, công lý, hòa bình, nhân quyền và thịnh vượng, Phật giáo nói chung và GHPGVNTN nói riêng có thể không quan tâm đến được sao, có thể riêng tìm cho mình một chỗ đứng để an phận thủ thường hay sao? Tại sao chúng ta không nhận thấy rằng chính vì không đặt sự tồn tại của mình ra ngoài sự tồn tại

của dân tộc mà Phật giáo Việt nam đã được dân tộc thương yêu, đùm bọc, và trân quý suốt hai mươi thế kỷ nay?

Có thể sẽ có người trả lời rằng tại sao không được? Tại sao chúng ta cứ phải ở cái thế đối đầu. Thay vì đối đầu tại sao chúng ta không biết uyển chuyển để bảo tồn thực lực hầu phát triển Phật giáo? Vậy xin hỏi rằng uyển chuyển bằng cách nào? Quý Hòa thượng khi tham gia vào GHPGVN năm 1981 chắc cũng mang tâm nguyện uyển chuyển như vậy để mong phát triển Phật giáo Việt nam. Nhưng suốt hai thập niên qua quý Hòa thượng đó và GHPGVN của quý ngài đã làm được gì để phát triển Phật giáo? Điều này đã nói rõ ở trên, không cần nhắc lại. Có điều là từ khi quý Hòa thượng được bầu vào quốc hội nhà nước cộng sản Việt nam cho đến nay, có lần nào quý Hòa thượng lên tiếng chính thức với tư cách là một vị đại diện của dân, đại diện của Phật giáo để nói với đảng cộng sản Việt nam rằng xin đảng đừng nhúng tay vào việc nội bộ của Phật giáo nữa để cho Phật giáo tự giải quyết việc của mình? Không những không phát triển được Phật giáo mà còn vô tình làm công cụ cho đảng cộng sản phân hóa, hủ hóa, thế tục hóa, và tiêu diệt Phật giáo nữa. Sau hơn hai mươi năm đem thân lịch nghiệm qua một giai đoạn lịch sử đen tối và tủi nhục của Phật giáo Việt nam, giờ này, quý Hòa thượng, chư Tăng, Ni tham gia vào GHPGVN ắt phải thức tỉnh ra rằng vấn đề không phải ở trong nội bộ Phật giáo mà vấn đề là ở ngay nơi đảng cộng sản Việt nam. Trong Thông điệp xuân Giáp Thân năm nay, đức Tăng Thống Thích Huyền Quang đã viết:

“Sau cuộc gặp gỡ này, tôi về thăm Huế và các tỉnh ở phía Nam cho đến Mỹ tho. Đi đến đâu tôi cũng thấy nhơn tâm, cơ sở của Tăng Tín đồ Phật giáo vẫn còn nguyên, vẫn một lòng một dạ sắc son với GHPGVNTN, tuy âm thầm chưa công khai bộc lộ. Tôi cũng đến thăm các vị giáo phẩm cao cấp của Giáo hội ta ngày xưa, mà nay đang là những cán bộ trong Giáo hội hiện tại. Đạo tình của chư vị vẫn còn nguyên, không mang tâm hay thái độ phân biệt. Đâu đâu cũng hỏi tôi: ‘Chừng nào thì Giáo hội ta sinh hoạt trở lại sau mấy mươi năm vắng bóng?’”

Câu hỏi trên đúng ra phải đặt cho đảng cộng sản Việt Nam chứ không phải cho Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, vì suốt mấy mươi năm qua Hòa thượng cũng đã kiên trì không lay chuyển gờ của đảng cộng sản Việt nam để tìm câu trả lời, mà mãi đến hôm nay ngài vẫn không thấy họ hồi ứng. Điều mà ngài hằng ngày thâm cảm cách phản ứng của đảng cộng sản chính là tình trạng cuộc sống như tù tội không có án lệnh của ngài, của Hòa thượng Thích Quảng Độ cùng một số vị giáo phẩm khác trong Hội Đồng Lương Viện.

Cho nên, quý vị lãnh đạo GHPGVN và những ai đau lòng trước cảnh nổi da xáo thịt, hay quan tâm đến vận mệnh của Phật giáo Việt nam thì xin hãy đem dũng lực của người con Phật mà đặt vấn nạn ấy lên đảng cộng sản Việt nam. Đòi hỏi họ rằng nếu các ông còn tôn trọng hiến pháp mà do chính các ông soạn ra, trong đó nói rằng “*tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng*”, thì các ông đừng nhúng tay vào việc nội bộ của Phật giáo nữa, để cho Phật giáo tự giải quyết chuyện của

Phật giáo. Nếu các ông còn nghĩ đến dân tộc và đất nước thì hãy để cho Phật giáo phát huy hết bản sắc thù thắng của mình, mà suốt hai ngàn năm qua là chỗ nương tựa cho công cuộc dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước, là mạch sống ngầm trong lòng đất mẹ Việt nam. Đảng cộng sản Việt nam phải ý thức một cách sáng suốt rằng một nền Phật giáo như vậy tuyệt đối không thể là một nền Phật giáo bị chỉ đạo, bị uốn nắn theo một chiều của bất cứ ý hệ, chủ nghĩa, hay thế lực chính trị nào. Đó phải là nền Phật giáo dân lập, truyền thống và mang đầy đủ các đức tính giải thoát và giác ngộ của đạo Phật. GHPGVNTN chính là nền Phật giáo ấy.

*Tâm Huy Huỳnh Kim Quang*





***Liên Lạc Lotus Media***

Hoa Kỳ | Tâm Thường Định

916.607.4066 | tamthuongdinh@gmail.com

Việt Nam | NGUYỄN KHÔNG

0903660911 | nguyengkonglm@gmail.com